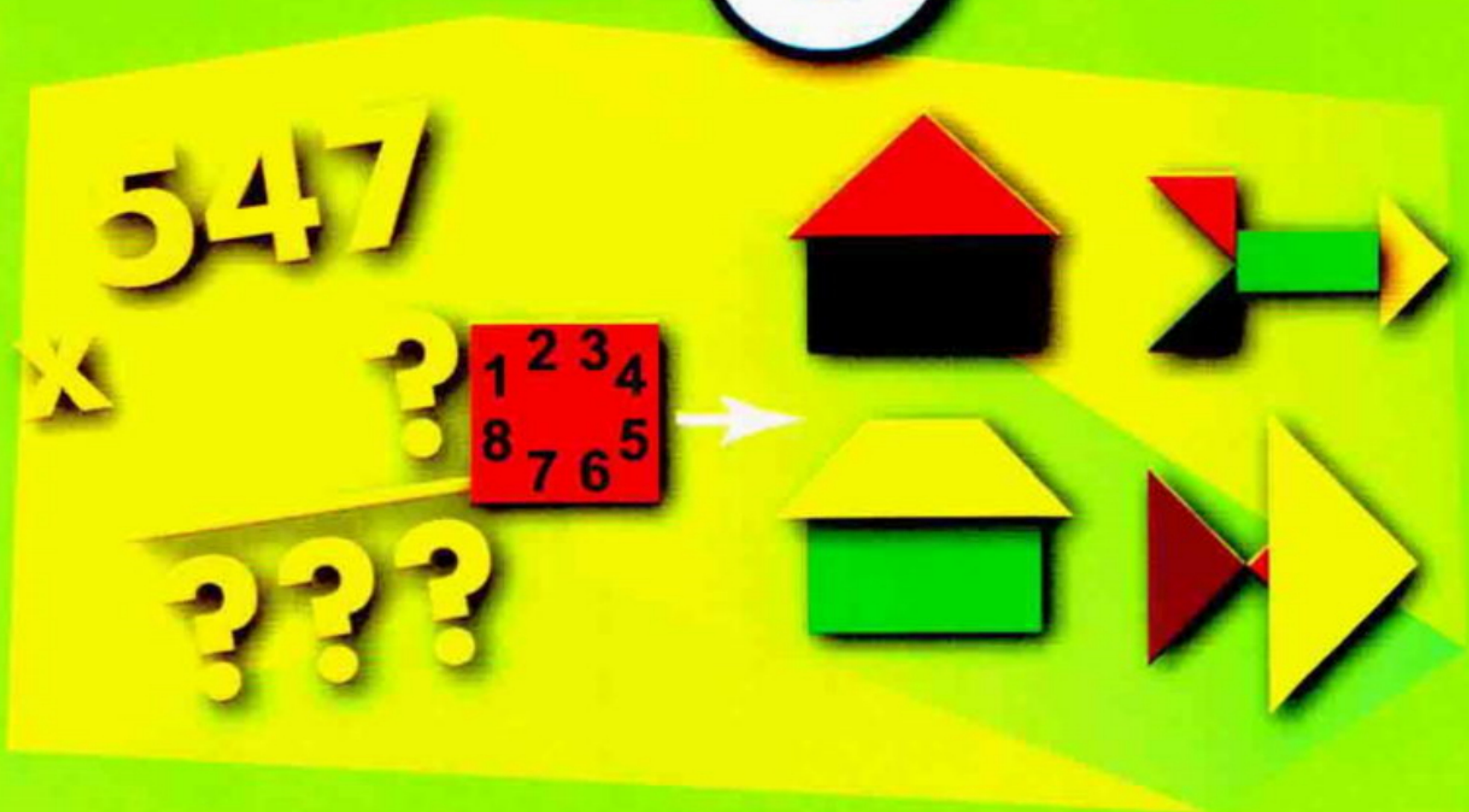


NGUYỄN ÁNG

TOÁN

BỒI DƯỠNG HỌC SINH

LỚP 3



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếp theo cuốn "Toán bồi dưỡng học sinh lớp 2", chúng tôi biên soạn cuốn "Toán bồi dưỡng học sinh lớp 3" theo nội dung môn Toán lớp 3.

Cuốn sách gồm hai phần :

Phần một : Các đề toán.

§1. Một số bài toán về số và chữ số.

§2. Một số bài toán về các phép tính.

§3. Một số bài toán về đại lượng và đo đại lượng.

§4. Một số bài toán về yếu tố hình học.

§5. Giải toán có lời văn.

§6. Một số đề toán tự kiểm tra.

Phần hai : Hướng dẫn - Đáp số

Phần Hướng dẫn - Đáp số gồm những gợi ý, hướng dẫn, đôi chỗ có phân tích, giải thích theo các hướng giải khác nhau nhằm giúp các em học sinh có thể tự giải quyết các vướng mắc khó khăn và phát triển năng lực học tập khi giải toán.

Chúng tôi mong muốn các em học sinh lớp 3 có thể tự đọc, cố gắng giải được các bài toán từ đơn giản đến phức tạp hoặc có thể tìm ra các cách giải khác hay hơn, làm phong phú thêm nội dung các bài toán ; mong các thầy cô giáo, các bậc cha mẹ học sinh coi cuốn sách như là một tài liệu tham khảo bổ ích nhằm giúp con em mình có thể học tốt môn Toán mà các em ưa thích.

Khi biên soạn, chúng tôi cố gắng sắp xếp hệ thống các bài toán theo từng tuyến kiến thức với nội dung và cách giải phù hợp, hấp dẫn với học sinh lớp 3. Song, cuốn sách không tránh khỏi còn có những thiếu sót. Chúng tôi mong được sự đóng góp ý kiến của các em học sinh, các bậc cha mẹ học sinh, các thầy giáo, cô giáo để cuốn sách ngày càng được hoàn thiện hơn.

Mọi ý kiến góp ý xin gửi về Công ti CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 187B Giảng Võ, Hà Nội.

TÁC GIẢ

CÁC ĐỀ TOÁN

§1. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ SỐ VÀ CHỮ SỐ

I. ĐỌC, VIẾT SỐ, CẤU TẠO, PHÂN TÍCH SỐ

1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị

Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị

2. Viết (theo mẫu):

Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
					32415	Ba mươi hai nghìn bốn trăm mười lăm

CÁC ĐỀ TOÁN

§1. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ SỐ VÀ CHỮ SỐ

I. ĐỌC, VIẾT SỐ, CẤU TẠO, PHÂN TÍCH SỐ

1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị

Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị

2. Viết (theo mẫu):

Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
					32415	Ba mươi hai nghìn bốn trăm mười lăm

3. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

– Số 20002 đọc là "Hai nghìn hai" ☐

– Số 20002 đọc là "Hai nghìn linh hai" ☐

– Số 20002 đọc là "Hai mươi nghìn không trăm linh hai" ☐

4. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Số "Năm nghìn năm trăm linh năm" viết là :

A. 50005005

B. 5000505

C. 55005

D. 5505.

5. a) Viết các số sau đây dưới dạng tổng các chục và đơn vị :

11 ; 35 ; 90 ; 99 ; $\overline{ab}$ (là số có hai chữ số với a khác 0 là chữ số chỉ chục, b là chữ số chỉ đơn vị).

b) Viết các số sau dưới dạng tổng các trăm, chục và đơn vị :

365 ; 705 ; 999 ; $\overline{abc}$ (là số có ba chữ số với a khác 0 là chữ số chỉ trăm, b là chữ số chỉ chục, c là chữ số chỉ đơn vị).

6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) $756 = 700 + 50 + \dots$

$$= 100 \times 7 + 10 \times \dots + 6$$

b) $862 = 100 \times \dots + 10 \times \dots + 2$

c) $\overline{abc} = 100 \times a + 10 \times b + \dots$

$$= \overline{a00} + \dots$$

7. Viết số gồm :

a) 5 chục và 5 đơn vị ; 6 chục và 0 đơn vị ;

3 nghìn và 3 đơn vị ; a chục và b đơn vị.

(a, b là chữ số ; a khác 0)

b) 5 trăm 5 chục và 5 đơn vị ; 6 trăm 1 chục và 3 đơn vị ;

60 nghìn 6 trăm và 6 đơn vị ; a trăm b chục và c đơn vị.

(a, b, c là chữ số ; a khác 0)

8. Viết tất cả các số có hai chữ số trong từng trường hợp sau :

a) Chữ số hàng đơn vị của số đó là 3.

b) Chữ số hàng chục của số đó là 7.

9. Viết tất cả các số có các chữ số giống nhau trong từng trường hợp sau :
 - a) Số đó có hai chữ số.
 - b) Số đó có ba chữ số.
 - c) Số đó có hai chữ số và lớn hơn 25.
 - d) Số đó có ba chữ số và bé hơn 521.
10. Từ hai chữ số 3 và 7, viết tất cả các số có hai chữ số.
Cũng hỏi như vậy với hai chữ số 5 và 0.
11. Từ ba chữ số 3, 4, 5 viết tất cả các số có ba chữ số khác nhau (mỗi chữ số không lặp lại). Có bao nhiêu số như thế ?
Cũng hỏi như vậy với ba chữ số 3, 0, 5.
12. Viết tất cả các số có hai chữ số đều là chữ số lẻ (số lẻ được hiểu là số chia cho 2 có dư là 1). Có bao nhiêu số như thế ?
Cũng hỏi như vậy đối với số có hai chữ số đều là chữ số chẵn (số chẵn được hiểu là số chia hết cho 2).
13. Từ năm chữ số : 1, 0, 1, 0, 1. Hãy viết tất cả các số có năm chữ số mà mỗi số có đủ mặt năm chữ số đã cho.
14. Từ ba chữ số 4, 1, 5 hãy viết tất cả các số có hai chữ số (mỗi chữ số có thể lặp lại). Có bao nhiêu số như thế ?
15. Tìm chữ số x, biết rằng từ ba chữ số x, 1, 5 ta chỉ có thể lập được 6 số có hai chữ số (mỗi chữ số có thể lặp lại).
16. Số 540 thay đổi thế nào nếu :
 - a) Xoá bỏ chữ số 0 ?
 - b) Xoá bỏ chữ số 5 ?
 - c) Thay chữ số 4 bởi chữ số 8 ?
 - d) Đổi chỗ chữ số 4 và chữ số 0 cho nhau ?
17. Số 45 thay đổi thế nào nếu :
 - a) Viết thêm chữ số 0 vào bên phải số đó ?
 - b) Viết thêm chữ số 2 vào bên trái số đó ?
 - c) Viết xen chữ số 0 vào giữa hai số 4 và 5 ?
18. Các chữ số a, b, c của số $\overline{abc}$ có điều kiện gì nếu :
 - a) Giá trị số đó không thay đổi khi đọc số đó từ trái sang phải hay ngược lại ?
 - b) Giá trị số đó không thay đổi khi thay chữ số a bởi chữ số b, chữ số b bởi chữ số c, chữ số c bởi chữ số a ?

II. THỨ TỰ, SO SÁNH SỐ

19. Nối $\textcircled{x}$ với số thích hợp (theo mẫu) :

$$3957 < \textcircled{x} < 9537$$

5397

3795

7539

9573

20. Nối mỗi số thích hợp với $\textcircled{x}$ hoặc $\textcircled{y}$:

$$\textcircled{x} < 3142 < \textcircled{y}$$

2413

4123

1432

3412

21. Cho các số vừa lớn hơn 1000 vừa bé hơn 2000. Tìm số lớn nhất và số bé nhất trong các số đã cho.

22. Tìm x , biết :

- a) x là số liền sau số 99.
- b) x là số liền trước số 999.
- c) x là số có ba chữ số bé hơn 105.
- d) x là số có hai chữ số lớn hơn 95.

23. Tìm chữ số x trong từng trường hợp sau :

- a) $35 < \overline{3x} < 37$
- b) $\overline{5x5} > 584$
- c) $214 < \overline{x14} < 514$.

24. Viết số bé nhất hoặc lớn nhất trong từng trường hợp sau :

- a) Số đó có hai chữ số.
- b) Số đó có ba chữ số.
- c) Số đó có ba chữ số *lẻ* khác nhau.
- d) Số đó có ba chữ số *chẵn* khác nhau.

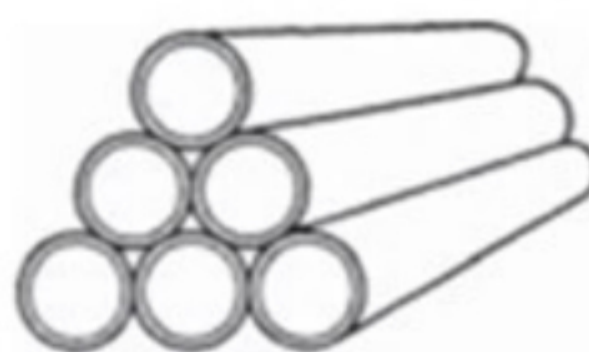
25. a) Từ ba chữ số 5, 0, 7 lập tất cả các số có ba chữ số khác nhau, rồi viết các số lập được đó theo thứ tự tăng dần. Số lớn nhất là số nào ? Số bé nhất là số nào ?
- b) Từ ba chữ số a, b, c (với $0 < a < b < c$) lập tất cả các số có ba chữ số khác nhau, rồi viết các số lập được theo thứ tự tăng dần. Số lớn nhất là số nào ? Số bé nhất là số nào ?
26. Viết tất cả các số có hai chữ số theo thứ tự tăng dần, biết tổng hai chữ số của nó bằng 10.
27. Tìm số x bé nhất hoặc lớn nhất trong từng trường hợp sau :
- a) $x < 1000$
- b) $x > 99$
- c) $35 < x < 505$
28. So sánh hai số m và n biết :
- a) m là số lớn nhất có hai chữ số, n là số bé nhất có ba chữ số.
- b) $m = 100 \times 3 + 10 \times 7 + 5$ và $n = 375$.
- c) m là số liền sau số 99, n là số liền trước số 100.
29. Có 9 chữ số viết liền nhau 120317495. Giữ nguyên thứ tự các chữ số, em hãy xoá đi 6 chữ số để được số có ba chữ số :
- Lớn nhất, số đó là số nào ?
- Bé nhất, số đó là số nào ?
30. Tìm x , biết x là số có ba chữ số và : $15 < x < 105$.
31. Tìm y , biết y là số có bốn chữ số và : $y + 1000 < 2004$.

III. DÃY SỐ VÀ MỘT SỐ BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN DÃY SỐ

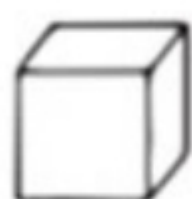
32. Viết thêm ba số nữa vào mỗi dãy số sau :
- a) Dãy các số *chẵn* : 0, 2, 4, 6, 8, 10, 12, ...
- b) Dãy các số *lẻ* : 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13, ...
- c) Dãy các số tròn chục : 10, 20, 30, 40, ...
33. Hãy nêu "Quy luật" viết các số trong dãy số sau rồi viết tiếp ba số nữa :
- a) 1, 4, 7, 10, ... b) 45, 40, 35, 30, ... c) 1, 2, 4, 8, 16, ...

34. Cho dãy số : 2, 4, 6, 8, 10, 12,... Hỏi :
- Số hạng thứ 20 là số nào ?
 - Số 93 có ở trong dãy số trên không ? Vì sao ?
35. Cho dãy số : 1, 2, 3, 4, 5,..., 59, 60. Trong đó :
- Có bao nhiêu số *chẵn* ?
 - Có bao nhiêu số *lẻ* ?
 - Có bao nhiêu số tận cùng là 5 ?
36. Có bao nhiêu số :
- Có một chữ số ?
 - Có hai chữ số ?
 - Có ba chữ số ?
37. Có bao nhiêu số *chẵn* có :
- Một chữ số ?
 - Hai chữ số ?
 - Ba chữ số ?
- Cũng hỏi như vậy với số *lẻ*.
38. Có bao nhiêu số :
- Gồm hai chữ số và có tận cùng là 1 ?
 - Gồm ba chữ số và có tận cùng là 2 ?
 - Gồm ba chữ số trong đó chỉ có một chữ số 5 ?
39. Bạn An viết dãy số : 1, 0, 0, 1, 0, 0, 1, 0, 0, 1,... (Bắt đầu là số 1, tiếp đến 2 số 0 rồi lại đến số 1,...). Hỏi :
- Số hạng thứ 31 là số 1 hay số 0 ?
 - Khi viết đến số hạng thứ 100 thì ta đã viết bao nhiêu số 1, bao nhiêu số 0 ?
40. Để đánh số trang một cuốn sách dày 150 trang ta cần dùng bao nhiêu chữ số ?
41. Một quãng đường AB dài 102km. Ở A có cột mốc ghi số 0km là cột mốc thứ nhất và cứ sau 1km lại có một cột mốc lần lượt ghi 1km, 2km... đến B có cột mốc ghi số 102km. Hỏi có bao nhiêu cột mốc trên quãng đường AB ? Cột mốc chính giữa quãng đường AB là cột mốc thứ mấy và ghi số nào ?
42. Trong một trò chơi, học sinh lớp 3A xếp thành một vòng tròn. Các bạn xếp xen kẽ : bắt đầu là 1 bạn nam, 1 bạn nữ rồi đến 1 bạn nam, 1 bạn nữ, cuối cùng là 1 bạn nữ.
- Tất cả có 20 bạn nam. Hỏi lớp 3A có bao nhiêu bạn ?

43. Người ta xếp các ống nước như hình vẽ :
(hàng thứ nhất trên cùng có 1 ống, hàng thứ hai có 2 ống, hàng thứ ba có 3 ống...)



- a) Nếu xếp như vậy đến hàng dưới cùng có 5 ống thì đã xếp được tất cả bao nhiêu ống ?
b) Nếu có 21 ống nước được xếp như vậy thì xếp được mấy hàng và hàng dưới cùng có bao nhiêu ống nước ?
44. Có các hộp nhựa được xếp lần lượt như các hình sau :



Hình A



Hình B



Hình C

Nếu xếp như vậy đến hình D thì ở các hình A, B, C, D đã xếp được tất cả bao nhiêu hộp nhựa ?

45. Vẽ số chấm tròn thích hợp vào ô trống :

○	○ ○	○ ○ ○ ○		○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	
---	--------	------------	--	--	--

IV. TÌM SỐ THEO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ CÁC CHỮ SỐ CỦA NÓ

46. Tìm số có hai chữ số biết tổng các chữ số của nó bằng 14.
47. Tìm số có hai chữ số biết hiệu hai chữ số của nó bằng 5.
48. Tìm số có hai chữ số biết tích hai chữ số của nó bằng 12.
49. Tìm số có hai chữ số biết thương hai chữ số của nó bằng 3.
50. Tìm số có ba chữ số biết tổng các chữ số của nó bằng 3.
51. Tìm số có ba chữ số, biết chữ số hàng trăm gấp đôi chữ số hàng chục, chữ số hàng chục gấp ba lần chữ số hàng đơn vị.

52. Tìm số có hai hoặc ba chữ số, biết tích các chữ số của nó bằng 6 và số đó bé hơn 146.
53. Tìm số có hai chữ số, biết hai chữ số của nó hơn kém nhau 2 đơn vị và gấp kém nhau 2 lần.
54. Tìm số có ba chữ số, biết chữ số hàng trăm và hàng đơn vị gấp kém nhau 4 lần và chữ số hàng chục hơn chữ số hàng trăm là 8.
55. Tìm số có hai chữ số lớn hơn 85, biết rằng số viết bởi hai chữ số của số phải tìm theo thứ tự ngược lại bằng số phải tìm.
56. Tìm số có ba chữ số, biết rằng số đó không đổi khi đọc các chữ số theo thứ tự ngược lại và chữ số 6 ở hàng chục bằng tổng hai chữ số còn lại.
57. Tìm số có hai chữ số, biết rằng khi viết thêm chữ số 2 vào bên trái số đó ta được số mới gấp 9 lần số đã cho.
58. Tìm số có ba chữ số, biết rằng khi xoá bỏ chữ số 7 ở hàng đơn vị, ta được số mới kém số phải tìm là 331.
59. Viết thêm chữ số 3 vào bên phải một số, ta được số mới hơn số phải tìm 273 đơn vị. Tìm số đó.
60. Từ ba chữ số 2, 3, 8 ta lập được một số có ba chữ số khác nhau là A. Từ hai chữ số 2, 8 ta lập được một số có hai chữ số khác nhau là B. Tìm số A và B biết hiệu giữa A và B là 750.
61. Một số gồm ba chữ số có tổng các chữ số là 25. Tìm số đó, biết rằng khi đổi chỗ chữ số hàng trăm và hàng chục cho nhau thì số đó không đổi.
62. Tìm số *chẵn* có ba chữ số, biết rằng chữ số hàng trăm gấp 2 lần chữ số hàng đơn vị và bằng $\frac{1}{2}$ chữ số hàng chục.
63. Tìm số có ba chữ số, biết rằng số hợp bởi chữ số hàng trăm và chữ số hàng chục hơn số hợp bởi chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị là 11, hơn nữa biết chữ số hàng đơn vị lớn hơn 6.
64. Tìm số có ba chữ số và số có hai chữ số, biết tổng của hai số đó là 110.
65. Tìm số có ba chữ số và số có hai chữ số, biết hiệu của hai số đó là 989.

§2. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ BỐN PHÉP TÍNH

I. PHÉP CỘNG

66. Điền chữ số còn thiếu vào dấu hỏi (?) :

$$\begin{array}{r} \text{a) } \quad ?5 \\ + \quad 47 \\ \hline \quad 6? \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b) } \quad ?6 \\ + \quad ?? \\ \hline \quad 31 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c) } \quad ?79 \\ + \quad 4?5 \\ \hline \quad 85? \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d) } \quad 65? \\ + \quad 1?4 \\ \hline \quad ?10 \end{array}$$

67. a) An nghĩ một số. Biết rằng số lớn nhất có hai chữ số kém số đó là 65. Tìm số An đã nghĩ.

b) Bình nghĩ một số. Biết rằng số đó lớn hơn số lớn nhất có ba chữ số là 1. Tìm số Bình đã nghĩ.

68. Từ ba chữ số 5, 2, 3 An lập tất cả các số có hai chữ số khác nhau, rồi tính tổng các số vừa lập đó. Em hãy giúp An tính nhanh tổng đó.

69. Từ ba chữ số a, b, c khác 0 và khác nhau. Em hãy lập tất cả các số có hai chữ số khác nhau, rồi tính tổng các số vừa lập đó. Biết $a + b + c = 10$.

70. Bạn An cho biết tổng của $\overline{abc}$ và $\overline{mnp}$ là 579. Em có thể nói ngay kết quả tổng của $\overline{anp}$ và $\overline{mbc}$, cũng như tổng của $\overline{mbp}$ và $\overline{anc}$ được không ? Tổng đó là bao nhiêu ?

71. Không cần tính kết quả cụ thể, em cho biết hai tổng sau có bằng nhau không ? Vì sao ?

$$A = 123 + 456 + 78 + 90$$

$$B = 498 + 76 + 153 + 20$$

72. Tổng hai số thay đổi như thế nào trong từng trường hợp sau :

a) Mỗi số hạng cùng tăng thêm 35 đơn vị ?

b) Số hạng này tăng thêm 30 đơn vị, số hạng kia giảm đi 30 đơn vị ?

c) Mỗi số hạng cùng gấp lên 2 lần (hoặc cùng giảm đi 2 lần) ?

73. a) Trường hợp nào tổng của hai số bằng một trong hai số hạng của nó ?

b) Hai số nào có tổng bằng số bé nhất khác 0 ?

c) Hai số khác 0 nào có tổng bé nhất ?

74. a) Chữ số hàng đơn vị của hai số như thế nào, biết rằng tổng của hai số đó có chữ số hàng đơn vị là 0 (biết phép cộng không có nhớ sang hàng chục) ? Cũng hỏi như vậy với chữ số hàng đơn vị của tổng là 5.
b) Hai số có chữ số hàng đơn vị giống nhau thì tổng của hai số đó có chữ số hàng đơn vị là chữ số nào ?
75. Tìm x :
a) $x - 452 = 77 + 48$
b) $x + 58 = 64 + 58$
c) $x - 1 - 2 - 3 - 4 = 0$
76. Tìm tổng x :
a) $x = 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10$.
b) $x = 2 + 4 + 6 + 8 + 10 + 12 + 14 + 16 + 18 + 20$.
c) $x = 1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19$.
77. Tìm y :
a) $y + 17 < 5 + 17$ b) $y + 17 < 22$ c) $19 < y + 17 < 22$
78. Tính bằng cách thuận tiện nhất :
a) $38 + 42 + 46 + 50 + 54 + 58 + 62$.
b) $11 + 137 + 72 + 63 + 128 + 89$.
79. Điền dấu ($>$, $=$, $<$) vào ô trống :
a) $41 + x \square 42 + x$ b) $x + 115 \square 115$ c) $x \square x + 0$
80. Lan nghĩ ra một số có hai chữ số. Nếu cộng số đó với 52, được bao nhiêu cộng thêm 48 thì được một số có tổng các chữ số bằng 19. Tìm số Lan đã nghĩ.

II. PHÉP TRỪ

81. Điền chữ số còn thiếu vào dấu hỏi (?) :

$$\begin{array}{r} \text{a) } \quad ?5 \\ - \quad 47 \\ \hline \quad 3? \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b) } \quad ?7 \\ - \quad ?? \\ \hline \quad 80 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c) } \quad ?79 \\ - \quad 4?5 \\ \hline \quad 28? \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d) } \quad 65? \\ - \quad 1?4 \\ \hline \quad ?60 \end{array}$$

82. a) Bình nghĩ ra một số. Biết rằng số lớn nhất có hai chữ số hơn số đó là 65. Tìm số Bình đã nghĩ.
b) An nghĩ ra một số. Biết rằng số đó bé hơn số bé nhất có ba chữ số là 15. Tìm số An đã nghĩ.
83. Từ ba chữ số 5, 2, 3 An lập được số lớn nhất và số bé nhất có mặt đủ ba chữ số đó, rồi tính hiệu hai số vừa lập được. Hiệu đó là bao nhiêu ?
84. Tìm hiệu của $\overline{ab}$ và $\overline{ba}$ biết $a - b = 3$.
85. Hiệu hai số thay đổi như thế nào trong từng trường hợp sau :
a) Số bị trừ và số trừ cùng tăng thêm (hoặc giảm đi) 30 đơn vị ?
b) Số bị trừ và số trừ cùng gấp lên 2 lần ?
c) Số bị trừ và số trừ cùng giảm đi 3 lần ?
d) Số bị trừ tăng thêm 5 đơn vị và số trừ giảm đi 5 đơn vị ?
86. Biết hiệu của hai số $\overline{ab}$ và $\overline{cd}$ là 18, em cho biết :
a) Hiệu của hai số $\overline{lab}$ và $\overline{lcd}$ là bao nhiêu ?
b) Hiệu của hai số $\overline{ab0}$ và $\overline{cd0}$ là bao nhiêu ?
87. Hiện tại em học lớp 1, còn anh học lớp 6. Hỏi sau 5 năm nữa anh học hơn em mấy lớp, biết rằng mỗi năm mỗi người đều được lên lớp ?
88. a) Trường hợp nào hiệu của hai số bằng số bị trừ ? Cho ví dụ.
b) Trường hợp nào hiệu của hai số bằng số trừ ? Cho ví dụ.
c) Tìm hai số gồm ba chữ số có hiệu lớn nhất ?
89. a) Trường hợp nào hiệu của hai số có tận cùng bằng 0 ? Cho ví dụ.
b) Hiệu hai số là một số có tận cùng là 5 thì hai số đó tận cùng là chữ số nào ? (Biết phép trừ không có nhớ sang hàng chục).
90. Nếu chữ số hàng đơn vị của số trừ lớn hơn chữ số hàng đơn vị của số bị trừ là 8 thì hiệu có tận cùng là chữ số nào ?
91. Tìm x :
a) $x + 175 = 1482 - 1225$
b) $x - 850 = 1000 - 850$
c) $999 - x = 999 - 921$

101. Lấy ba chữ số 5, 2, 1 làm chữ số hàng chục và lấy hai chữ số 4, 6 làm chữ số hàng đơn vị. Hỏi có bao nhiêu số có hai chữ số như vậy ?
102. Tích hai số thay đổi như thế nào trong từng trường hợp sau :
- Mỗi thừa số cùng gấp lên 2 lần ?
 - Thừa số này gấp lên 3 lần và thừa số kia giảm đi 3 lần ?
 - Giữ nguyên thừa số thứ nhất và thừa số thứ hai tăng thêm 3 đơn vị ?
103. Tích của hai số là 75. Bạn A viết thêm chữ số 0 vào bên phải thừa số thứ nhất và giữ nguyên thừa số thứ hai rồi nhân hai số với nhau. Hỏi tích mới là bao nhiêu ?
104. Khi nhân số $\overline{lab}$ với 7, bạn An quên mất chữ số 1 ở hàng trăm. Hỏi tích bị giảm đi bao nhiêu đơn vị ?
105. Bình nhân một số với 3 thì được 375. Hỏi nhân số đó với 6 thì được bao nhiêu ?
106. a) Trường hợp nào tích của hai số bằng 0 ?
 b) Hai số nào có tích bằng mỗi thừa số của nó ?
 c) Hai số khác 0 nào có tích bằng một trong hai thừa số của nó ?
107. a) Tích của hai số giống nhau có tận cùng là chữ số nào ?
 b) Tích của một số với 2 có tận cùng là chữ số nào ?
 c) Tích của một số với 5 có tận cùng là chữ số nào ?
108. Tìm x :
- $x : 5 = 27 \times 5$
 - $x \times 7 = 36 \times 7$
 - $x \times 132 = 312 \times (5 - 3 - 2)$
109. Tìm x :
- $x \times 2 < 7$
 - $x \times 3 < 7 \times 3$
 - $4 < x \times 2 < 10$
110. Tính bằng cách thuận tiện nhất :
- $16 \times 8 + 16 \times 2$
 - $16 \times 7 + 14 \times 2$
 - $8 \times 12 - 96$
111. Điền dấu (>, =, <) vào ô trống :
- $13 \times x \square 12 \times x$ (x khác 0)
 - $215 \times 3 \square 215 + 215 + 215 + 215$
 - $m \times n \square m - n$ (n khác 0 và m lớn hơn hoặc bằng n)

101. Lấy ba chữ số 5, 2, 1 làm chữ số hàng chục và lấy hai chữ số 4, 6 làm chữ số hàng đơn vị. Hỏi có bao nhiêu số có hai chữ số như vậy ?
102. Tích hai số thay đổi như thế nào trong từng trường hợp sau :
- Mỗi thừa số cùng gấp lên 2 lần ?
 - Thừa số này gấp lên 3 lần và thừa số kia giảm đi 3 lần ?
 - Giữ nguyên thừa số thứ nhất và thừa số thứ hai tăng thêm 3 đơn vị ?
103. Tích của hai số là 75. Bạn A viết thêm chữ số 0 vào bên phải thừa số thứ nhất và giữ nguyên thừa số thứ hai rồi nhân hai số với nhau. Hỏi tích mới là bao nhiêu ?
104. Khi nhân số $\overline{lab}$ với 7, bạn An quên mất chữ số 1 ở hàng trăm. Hỏi tích bị giảm đi bao nhiêu đơn vị ?
105. Bình nhân một số với 3 thì được 375. Hỏi nhân số đó với 6 thì được bao nhiêu ?
106. a) Trường hợp nào tích của hai số bằng 0 ?
b) Hai số nào có tích bằng mỗi thừa số của nó ?
c) Hai số khác 0 nào có tích bằng một trong hai thừa số của nó ?
107. a) Tích của hai số giống nhau có tận cùng là chữ số nào ?
b) Tích của một số với 2 có tận cùng là chữ số nào ?
c) Tích của một số với 5 có tận cùng là chữ số nào ?
108. Tìm x :
- $x : 5 = 27 \times 5$
 - $x \times 7 = 36 \times 7$
 - $x \times 132 = 312 \times (5 - 3 - 2)$
109. Tìm x :
- $x \times 2 < 7$
 - $x \times 3 < 7 \times 3$
 - $4 < x \times 2 < 10$
110. Tính bằng cách thuận tiện nhất :
- $16 \times 8 + 16 \times 2$
 - $16 \times 7 + 14 \times 2$
 - $8 \times 12 - 96$
111. Điền dấu (>, =, <) vào ô trống :
- $13 \times x \square 12 \times x$ (x khác 0)
 - $215 \times 3 \square 215 + 215 + 215 + 215$
 - $m \times n \square m - n$ (n khác 0 và m lớn hơn hoặc bằng n)

IV. PHÉP CHIA

- 112.** a) An nghĩ một số. Biết rằng số đó gấp lên 3 lần thì bằng số lớn nhất có hai chữ số. Tìm số An đã nghĩ.
b) Bình nghĩ một số. Biết rằng tích của số đó với số lớn nhất có một chữ số là 999. Tìm số Bình đã nghĩ.
- 113.** Điền chữ số còn thiếu vào dấu hỏi (?) :
- a) ??? : 5 = 73 b) 75 : ?? = 3
c) 60? : 4 = 1?1 d) ?19 : 3 = 17?
- 114.** Thương của hai số thay đổi như thế nào trong từng trường hợp sau :
- a) Số bị chia giảm đi (hoặc gấp lên) 2 lần và số chia giữ nguyên ?
b) Số bị chia giữ nguyên và số chia giảm đi (hoặc gấp lên) 2 lần ?
c) Số bị chia và số chia cùng gấp lên (hoặc giảm đi) 2 lần ?
- 115.** Lớp 3A ngồi đủ 9 bàn học, mỗi bàn 4 chỗ ngồi. Bây giờ cần thay bàn 2 chỗ ngồi thì phải kê vào lớp đó bao nhiêu bàn 2 chỗ ngồi như vậy để đủ chỗ ngồi học cho cả lớp ?
- 116.** Cô giáo có 5 gói kẹo, mỗi gói 24 chiếc. Cô chia đều cho các cháu ở lớp mẫu giáo, mỗi cháu được 5 chiếc kẹo. Hỏi lớp đó có bao nhiêu cháu ?
- 117.** Có một sợi dây dài 150cm. Bạn Mai cắt thành các đoạn bằng nhau, mỗi đoạn 10cm. Hỏi :
- a) Có bao nhiêu đoạn như vậy ?
b) Phải cần đến bao nhiêu nhát cắt ?
- 118.** Gia đình bạn Bình có 3 người thì bình quân mỗi người thu nhập được 250 nghìn đồng một tháng. Nếu gia đình bạn Bình thêm ba người nữa mà tổng thu nhập không thay đổi thì bình quân mỗi người thu nhập được bao nhiêu nghìn đồng một tháng ?
- 119.** Bạn An chia một số cho 12 thì được thương là 5. Hỏi chia số đó cho 2 thì được thương là bao nhiêu ?
- 120.** Bạn An đem số bi mình có chia cho một số em thì mỗi em được 3 hòn bi. Bạn Bình đem số bi mình có chia cho cùng số em đó thì mỗi em được 6 hòn bi. Hỏi số bi của Bình gấp mấy lần số bi của An ?

121. a) Trường hợp nào thì thương của hai số luôn luôn bằng 0 ? Cho ví dụ.
 b) Trường hợp nào thì thương của hai số khác 0 và bằng số bị chia ? Cho ví dụ.
 c) Trường hợp nào thì thương của hai số luôn luôn bằng 1 ? Cho ví dụ.
122. a) Biết 16 chia cho x được 4. Hỏi 64 chia cho x được mấy ? 80 chia cho x được mấy ?
 b) Nếu số a chia cho 5 được thương là 15, số c chia cho 15 được thương là 5 thì tổng $(a + c)$ chia cho 2 được thương là bao nhiêu ?
123. Trên một bãi cỏ, bạn Hoa đếm được 16 chân trâu và 24 chân bò. Hỏi trên bãi cỏ đó cả trâu và bò có bao nhiêu con ?
124. Tìm x :
 a) $x \times 5 = 125 \times 5$ b) $x : 7 = 63 : 7$ c) $64 : x = 64 : 2$
125. Tìm y :
 a) $y : 2 < 3$ b) $6 : y > 6 : 2$ c) $y : 7 < 14 : 7$
126. Tính bằng cách thuận tiện nhất :
 a) $100 + 100 : 4 - 50 : 2$
 b) $(6 \times 8 - 48) : (10 + 11 + 12 + 13 + 14 + 15)$
127. Điền dấu $>$, $=$, $<$ vào ô trống (x khác 0) :
 a) $63 : x \square 56 : x$ b) $x : 7 \square x : 6$ c) $125 : x \square 125$

V. PHÉP CHIA HẾT, PHÉP CHIA CÓ DƯ

128. Điền số thích hợp vào chỗ chấm trong các câu sau :
- a) Có $15 = 3 \times 5$, ta nói 15 chia hết cho... và 15 chia hết cho...
 Hoặc * 15 chia cho 3 được thương là ... và có dư là ...
 * 15 chia cho 5 được thương là ... và có dư là ...
- b) Có $17 = 3 \times 5 + 2$ ($2 < 3$, $2 < 5$), ta nói :
 * 17 chia cho 3 được thương là ... và có dư là ...
 * 17 chia cho 5 được thương là ... và có dư là ...

129. a) Nếu có $a = b \times c$ thì em có thể nói được gì về phép chia a cho b , và phép chia a cho c ? (b và c khác 0).
- b) Nếu có $a = b \times c + r$ (với $r < b$) thì em có thể nói gì về phép chia a cho b ? (b khác 0).
130. Tìm số dư trong các phép chia sau : $15 : 2$; $15 : 4$; $15 : 5$; $35 : 2$; $35 : 4$; $35 : 5$. Các phép chia nào có cùng số dư ?
131. Tìm số dư lớn nhất trong mỗi phép chia số a cho 5 ; chia số b cho 10 ; chia số c cho 17.
132. Điền số còn thiếu vào dấu hỏi (?) :
- a) $?? : 6 = 7$ (dư 3)
- b) $85 : ? = 9$ (dư 4)
- c) $5? : ? = ??$ (dư 4)
133. Tìm chữ số tận cùng của x , biết :
- a) x chia hết cho 2
- b) x chia hết cho 5
- c) x chia cho 2 có dư là 1
134. Khối lớp 3 có 169 bạn được chia vào các lớp 3A, 3B, 3C, 3D, 3E sao cho mỗi lớp có nhiều hơn 32 bạn. Hỏi mỗi lớp có bao nhiêu bạn, biết rằng lớp 3A có ít bạn hơn mỗi lớp còn lại ?
135. Người ta cần xe ô tô có 40 chỗ ngồi để chở 195 người đi dự hội nghị. Hỏi ít nhất phải điều mấy xe ô tô cùng loại đó để chở hết số người đi dự hội nghị.
136. Tìm x :
- a) $x : 4 = 22$ (dư 3)
- b) $64 : x = 9$ (dư 1)

V'. QUAN HỆ GIỮA CÁC PHÉP TÍNH. MỘT SỐ BÀI TOÁN PHỐI HỢP BỐN PHÉP TÍNH

137. Tổng của 2 số hơn số hạng thứ nhất là 15. Tìm số hạng thứ hai.
138. Tổng của một số với 26 lớn hơn 26 là 45 đơn vị. Tìm hiệu của số đó với 26.
139. Trong một phép trừ, số bị trừ hơn hiệu là 15. Tìm số trừ của phép trừ đó.

140. Trong một phép trừ, tổng của số trừ với hiệu bằng 60. Tìm số bị trừ của phép trừ đó.
141. Tích của hai số gấp 5 lần thừa số thứ nhất. Tìm thừa số thứ hai.
142. Tích của hai số là 75 và gấp 5 lần thừa số thứ hai. Hỏi tích đó gấp mấy lần thừa số thứ nhất ?
143. a) Trong một phép chia, số bị chia gấp 7 lần số chia. Tìm thương của phép chia đó.
b) Trong một phép chia, tích của số chia và số thương là 75. Tìm số bị chia của phép chia đó.
144. a) Gấp đôi một nửa của 48 được bao nhiêu ?
b) Lấy một nửa của 12 đôi đũa thì được mấy chiếc đũa ?
145. Trong một phép trừ, tổng của số bị trừ, số trừ và hiệu là 100. Tìm số bị trừ.
146. Trong một phép chia có dư, lấy số bị chia trừ đi tích của số chia và số thương ta được 5 đơn vị. Tìm số dư trong phép chia đó.
147. Tìm thương của hai số biết thương đó gấp 2 lần số bé nhưng chỉ bằng nửa số lớn.
148. Tìm thương của hai số khác 0, biết hiệu của hai số bằng 0.
149. Tìm ba số, biết số thứ nhất gấp 3 lần số thứ hai, số thứ hai bé hơn số thứ ba là 5 và tổng cả ba số là 55.
150. An nghĩ một số, biết rằng tổng số đó với 829 là số có ba chữ số giống nhau. Tìm số An nghĩ.
151. Tìm hai số có hai chữ số, biết rằng thương của hai số là 4 và tổng của số bé với 4 là một số tròn chục.
152. Tích của hai số là 645. Tìm thừa số thứ nhất, biết rằng thêm 5 đơn vị vào thừa số thứ hai thì tích mới sẽ là 860.
153. Một số gồm ba chữ số 2, 3, 4 nhưng chưa biết thứ tự các chữ số đó.
Nếu xóa đi một chữ số thì số đó giảm đi 380 đơn vị. Tìm chữ số bị xóa và cho biết chữ số bị xóa ở trong số nào ?
154. Một số gồm ba chữ số 1, 3, 5 nhưng chưa biết thứ tự các chữ số đó.
Nếu xóa đi một chữ số thì ta được số mới bằng thương của số cũ chia cho 9.
Hỏi chữ số đã xóa là chữ số nào ? Ở trong số nào ?

155. Tổng hai số là 64. Nếu lấy số lớn chia cho số bé thì được thương là 5 và dư là 4. Tìm hiệu hai số đó.
156. Hiệu của hai số là 8. Nếu lấy số lớn chia cho số bé thì được thương là 1 và còn dư. Tìm số dư đó.
157. Hai số có hiệu là 95. Nếu xoá bỏ chữ số 5 ở tận cùng của số lớn thì ta được số bé. Tìm tổng hai số đó.
158. Tổng hai số là 92. Nếu xoá bỏ chữ số tận cùng bên trái của số hạng thứ nhất ta được số hạng thứ hai. Tìm hiệu hai số đó.
159. Khi lấy một số lớn hơn 0 chia cho 5 ta được số dư gấp 3 lần số thương. Tìm số bị chia trong phép chia đó.
160. a) Trường hợp nào tổng của hai số bằng hiệu của chúng ? Cho ví dụ.
b) Hai số nào có tích bằng 0 và có hiệu (hoặc tổng) bằng 15 ?
c) Trường hợp nào tích của hai số bằng 0 và thương của chúng cũng bằng 0 ? Cho ví dụ.
161. An nghĩ một số. Nếu gấp số đó lên 3 lần rồi cộng với 15 thì được 90. Tìm số An đã nghĩ.
162. Bình nghĩ một số. Nếu số đó trừ đi 12, được bao nhiêu đem chia cho 5 thì có kết quả là 6. Tìm số Bình đã nghĩ.
163. Tính giá trị của biểu thức :
- a) $25 + 75 : 5$ b) $60 - 40 : 4$ c) $5 + 15 \times 2 : 2$
164. Tính bằng cách thuận tiện nhất :
- a) $37 \times 18 - 9 \times 74 + 100$
b) $15 \times 2 + 15 \times 3 - 15 \times 5$
c) $52 + 37 + 48 + 63$
165. Thêm dấu ngoặc đơn vào dãy tính sau để được kết quả là 22 :
- $$3 + 8 \times 4 - 2$$
166. Kết quả dãy tính sau tận cùng là chữ số nào ?
- a) $2 \times 3 \times 4 \times 5$ b) $5 \times 6 + 9 \times 10$ c) $9 \times 9 + 7 \times 7$
167. So sánh A và B : (không tính kết quả cụ thể)
- a) $A = \overline{abc} + \overline{mn} + 352$ $B = \overline{3bc} + \overline{5n} + \overline{am2}$
b) $A = a \times (b + 1)$ $B = b \times (a + 1)$ (với $a > b$)
c) $A = 28 \times 5 \times 30$ $B = 29 \times 5 \times 29$

§3. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ ĐẠI LƯỢNG VÀ ĐO ĐẠI LƯỢNG

173. Nối mỗi câu với số đo độ dài thích hợp :

Chiều dài một gang tay

12m

Chiều dài bảng đen ở lớp

20cm

Chiều cao cột cờ trường em

105km

Chiều dài quãng đường giữa hai tỉnh

40dm

174. Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

a) $1\text{m} = \dots \text{dm}$

$1\text{km} = \dots \text{m}$

$1\text{dm} = \dots \text{cm}$

$1\text{m} = \dots \text{cm}$

$1\text{km} = \dots \text{hm}$

$1\text{dam} = \dots \text{m}$

$1\text{m} = \dots \text{mm}$

$1\text{hm} = \dots \text{dam}$

$1\text{hm} = \dots \text{m}$

b) $4\text{dam} = \dots \text{m}$

$3\text{km} = \dots \text{m}$

$6\text{hm} = \dots \text{dam}$

$2\text{hm} = \dots \text{m}$

$5\text{m} = \dots \text{cm}$

$2\text{km} = \dots \text{hm}$

$2\text{m} = \dots \text{mm}$

$4\text{dm} = \dots \text{cm}$

$5\text{m} = \dots \text{dm}$

175. Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

$2\text{m } 5\text{dm} = \dots \text{dm}$

$2\text{km } 500\text{m} = \dots \text{m}$

$2\text{m } 5\text{cm} = \dots \text{cm}$

$2\text{km } 50\text{m} = \dots \text{m}$

$2\text{m } 5\text{mm} = \dots \text{mm}$

$2\text{km } 5\text{m} = \dots \text{m}$

176. $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

$10\text{m } 3\text{cm} \dots 10\text{m}$

$10\text{m } 3\text{cm} \dots 103\text{dm}$

$10\text{m } 3\text{cm} \dots 1003\text{cm}$

§3. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ ĐẠI LƯỢNG VÀ ĐO ĐẠI LƯỢNG

173. Nối mỗi câu với số đo độ dài thích hợp :

Chiều dài một gang tay

12m

Chiều dài bảng đen ở lớp

20cm

Chiều cao cột cờ trường em

105km

Chiều dài quãng đường giữa hai tỉnh

40dm

174. Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

a) $1\text{m} = \dots \text{dm}$

$1\text{km} = \dots \text{m}$

$1\text{dm} = \dots \text{cm}$

$1\text{m} = \dots \text{cm}$

$1\text{km} = \dots \text{hm}$

$1\text{dam} = \dots \text{m}$

$1\text{m} = \dots \text{mm}$

$1\text{hm} = \dots \text{dam}$

$1\text{hm} = \dots \text{m}$

b) $4\text{dam} = \dots \text{m}$

$3\text{km} = \dots \text{m}$

$6\text{hm} = \dots \text{dam}$

$2\text{hm} = \dots \text{m}$

$5\text{m} = \dots \text{cm}$

$2\text{km} = \dots \text{hm}$

$2\text{m} = \dots \text{mm}$

$4\text{dm} = \dots \text{cm}$

$5\text{m} = \dots \text{dm}$

175. Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

$2\text{m } 5\text{dm} = \dots \text{dm}$

$2\text{km } 500\text{m} = \dots \text{m}$

$2\text{m } 5\text{cm} = \dots \text{cm}$

$2\text{km } 50\text{m} = \dots \text{m}$

$2\text{m } 5\text{mm} = \dots \text{mm}$

$2\text{km } 5\text{m} = \dots \text{m}$

176. $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

$10\text{m } 3\text{cm} \dots 10\text{m}$

$10\text{m } 3\text{cm} \dots 103\text{dm}$

$10\text{m } 3\text{cm} \dots 1003\text{cm}$

177. Tính :

a) $17\text{km} + 23\text{km}$

$1300\text{m} - 150\text{m}$

$2\text{m } 3\text{dm} + 4\text{m } 2\text{dm}$

b) $12\text{km} \times 3$

$600\text{mm} : 4$

$30\text{km} + 20\text{km} - 10\text{km}$.

178. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng : $4\text{m } 5\text{cm} = \dots \text{cm}$.

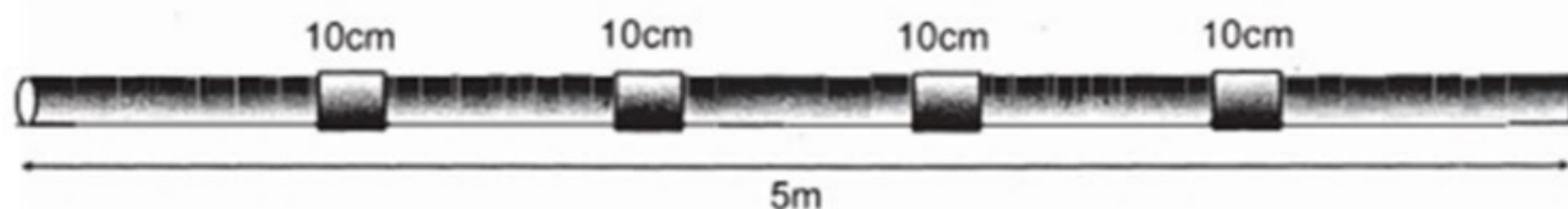
A. 45cm

B. 450cm

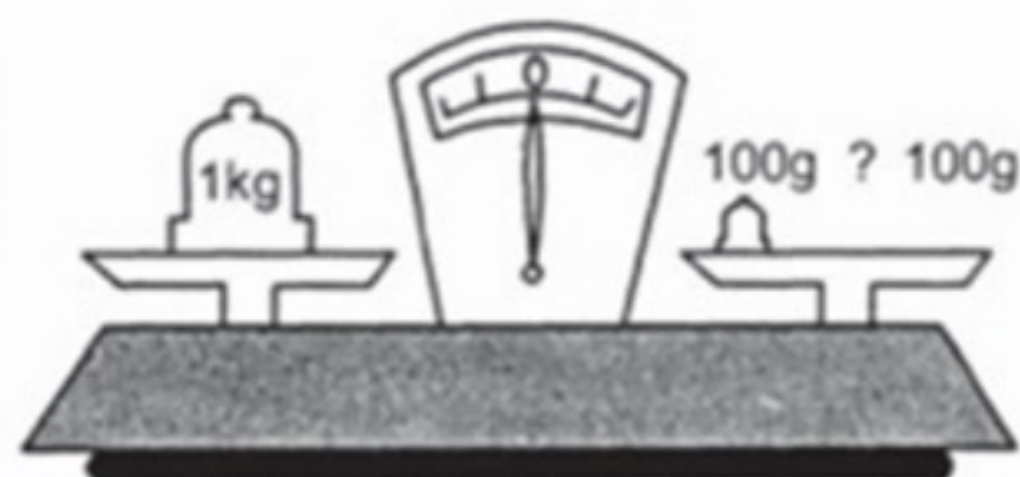
C. 405cm

D. 4005cm.

179. Có 5 đoạn ống nhựa dài bằng nhau được ghép nối với nhau thành một ống nhựa dài 5m. Hỏi chiều dài mỗi đoạn ống nhựa là bao nhiêu xăng-ti-mét ? Biết rằng cứ hai đoạn ống nhựa liền nhau khi ghép nối phải hụt mất một đoạn dài 10cm (hình vẽ).



180. Em xem hình bên rồi trả lời câu hỏi : Phải để lên một bên đĩa cân bao nhiêu quả cân 100g để cân được thăng bằng ?



181. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng : $1\text{kg } 52\text{g} = \dots \text{g}$.

A. 152g

B. 1520g

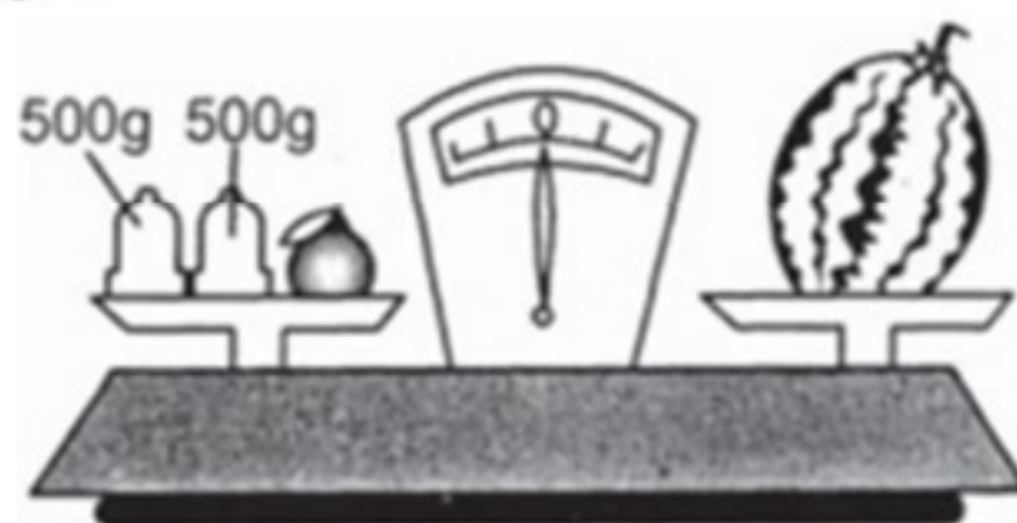
C. 1052g

D. 1502g.

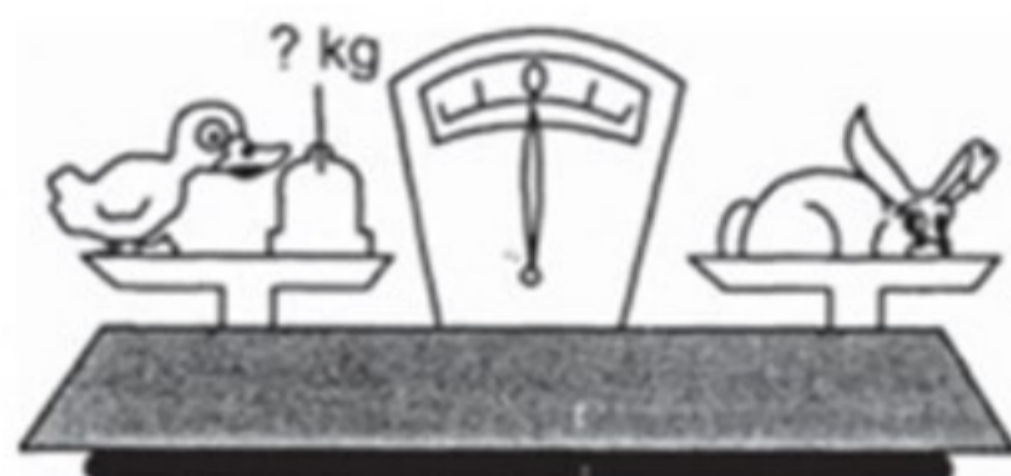
182. Biết rằng ở hình A, hình B cân thăng bằng. Hỏi ở hình C phải đặt thêm quả cân mấy ki-lô-gam để cân thăng bằng ?



Hình A



Hình B

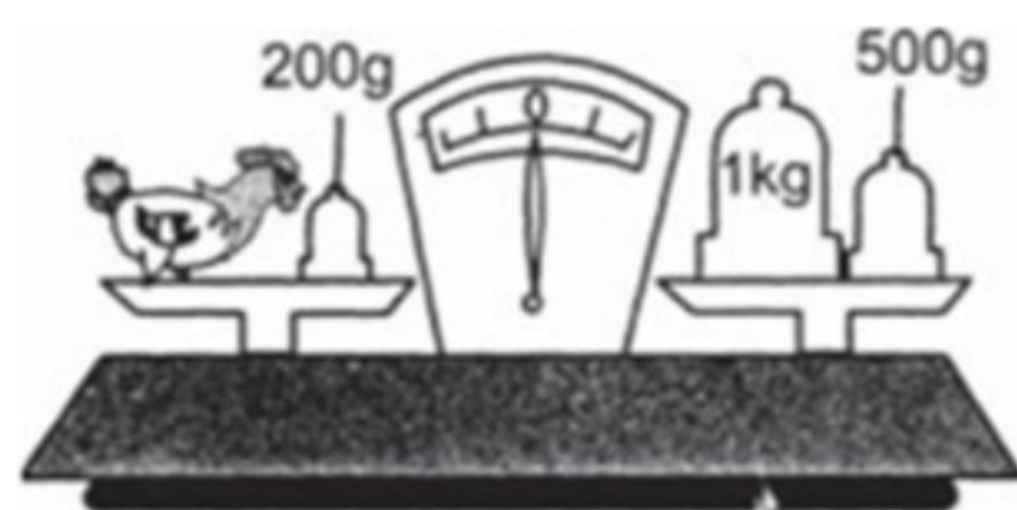


Hình C

183. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

Con gà cân nặng là :

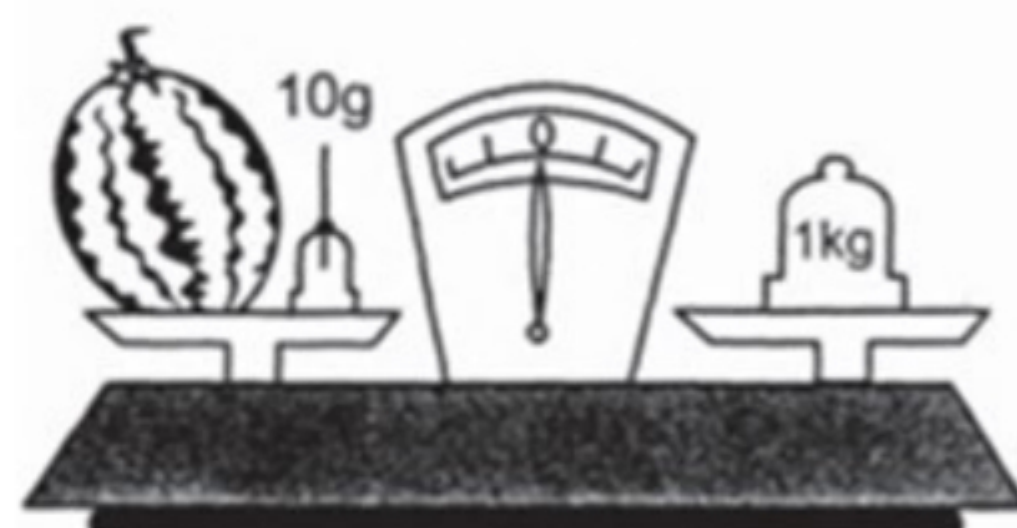
- A. 1700g
- B. 1500g
- C. 1300g
- D. 1200g.



184. Cái hộp cân nặng bao nhiêu gam ?



185. Quả dưa cân nặng bao nhiêu gam ?



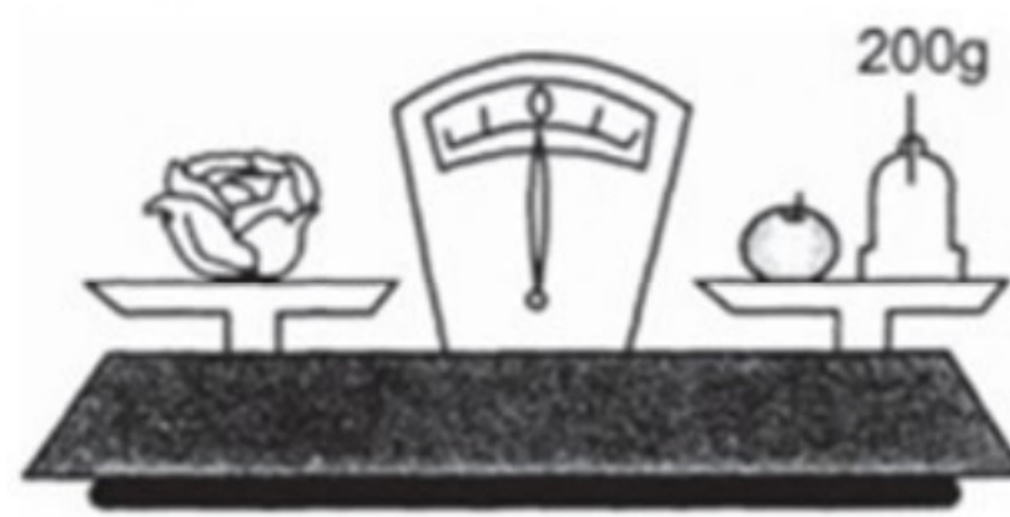
186. Bằng cái cân đĩa và các quả cân : 10g, 15g, 25g và 50g, em làm thế nào để có thể cân được gói muối 40g ?

(Nêu được càng nhiều cách cân càng tốt).

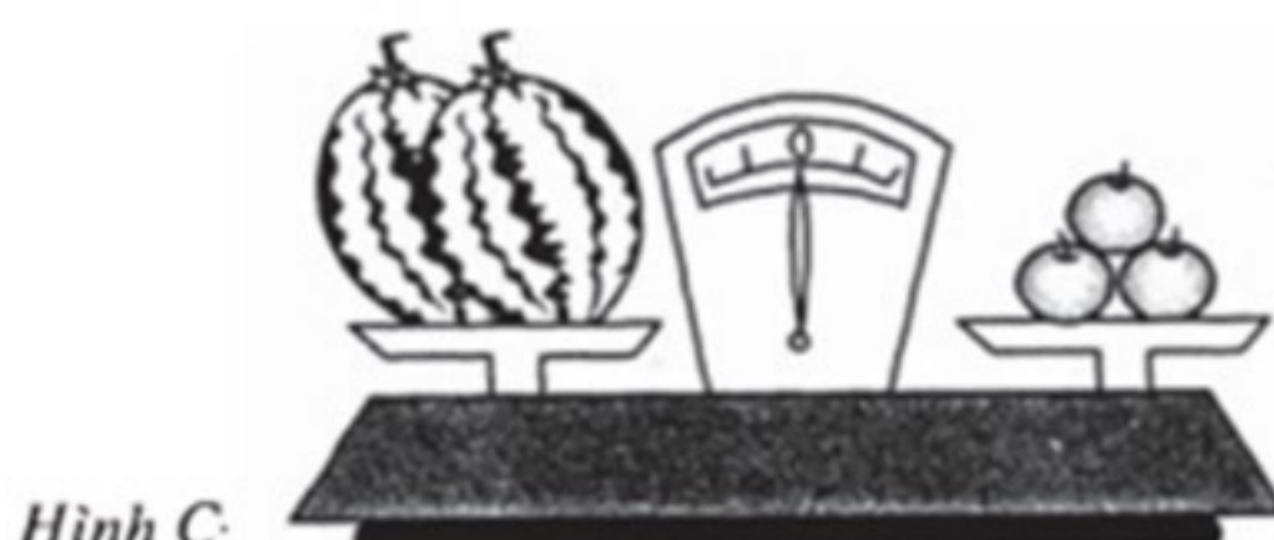
187. Em hãy quan sát cân ở hình A, B, C rồi tìm cách tính xem quả dưa, quả bưởi, bắp cải mỗi loại cân nặng bao nhiêu gam.



Hình A



Hình B



Hình C

188. Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B



C



D



E



G

189. Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B



C



D



E



G

190. Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B



C



D



E



G

191. Nối đồng hồ với số chỉ giờ của đồng hồ đó (theo mẫu) :



3 giờ 27 phút

8 giờ kém 5 phút

12 giờ rưỡi

1 giờ kém 16 phút

7 giờ 55 phút

9 giờ kém 10 phút

5 giờ kém 23 phút

10 giờ 9 phút

8 giờ 50 phút

9 giờ 19 phút



E



G



H



192. Nối hai cách đọc giờ chỉ cùng một thời gian (theo mẫu) :

3 giờ 45 phút	8 giờ 55 phút
9 giờ kém 5 phút	4 giờ kém 15 phút
7 giờ kém 7 phút	6 giờ 53 phút
8 giờ 48 phút	9 giờ kém 12 phút
2 giờ 30 phút chiều	8 giờ tối
20 giờ	14 giờ 30 phút

193. Em đi học lúc 7 giờ và đến trường lúc 7 giờ 20 phút. Hỏi em đã đi hết bao nhiêu phút ?

194. Một tiết học bắt đầu lúc 8 giờ và đến 9 giờ kém 20 phút thì xong tiết học đó. Hỏi thời gian tiết học đó là bao nhiêu phút ?

195. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) Khoảng thời gian từ 8 giờ kém 10 phút đến 8 giờ 10 phút là :

A. 10 phút ☐

B. 20 phút ☐

b) Khoảng thời gian từ 8 giờ 15 phút đến 9 giờ kém 15 phút là :

A. 15 phút ☐

B. 30 phút ☐

196. Vào buổi chiều, hai đồng hồ nào chỉ cùng thời gian ?



A



B



C



D



E



G

197. Nối hai đồng hồ chỉ cùng thời gian (vào buổi chiều hoặc tối) :



A

1



2



3



4



5



6



D



B



E



C



G

198. Nối tháng với số ngày tương ứng của tháng đó (theo mẫu) :

Tháng 1
Tháng 3
Tháng 5
Tháng 7
Tháng 9
Tháng 11

28 hoặc
29 ngày

30 ngày

31 ngày

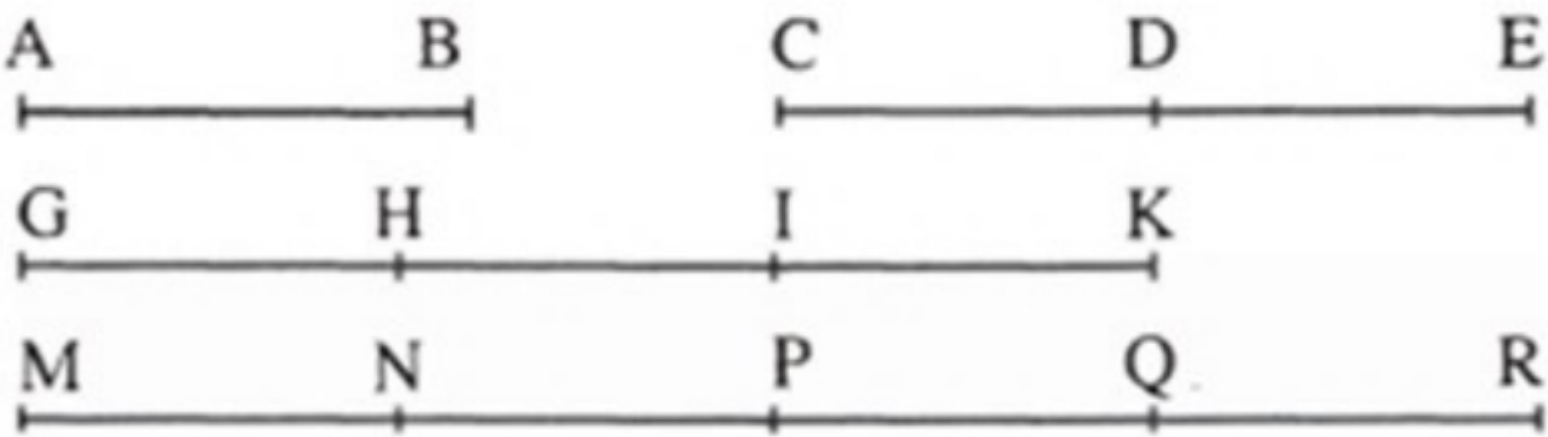
Tháng 2
Tháng 4
Tháng 6
Tháng 8
Tháng 10
Tháng 12

199. Thứ năm tuần này là ngày 25 tháng 3. Hỏi thứ năm tuần sau là ngày nào ?
200. Thứ sáu tuần sau là ngày 3 tháng 4. Hỏi thứ sáu tuần này là ngày nào ?
201. Tháng Hai của một năm nào đó có 5 ngày chủ nhật. Hãy cho biết các ngày chủ nhật trong tháng Hai của năm đó là các ngày nào.
202. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :
- Ngày 30 tháng 7 là chủ nhật thì ngày 2 tháng 8 năm đó là :
- A. Thứ hai B. Thứ ba C. Thứ tư D. Thứ năm.

§4. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ YẾU TỐ HÌNH HỌC

I. NHẬN DẠNG, PHÂN TÍCH TỔNG HỢP HÌNH, ĐẾM HÌNH

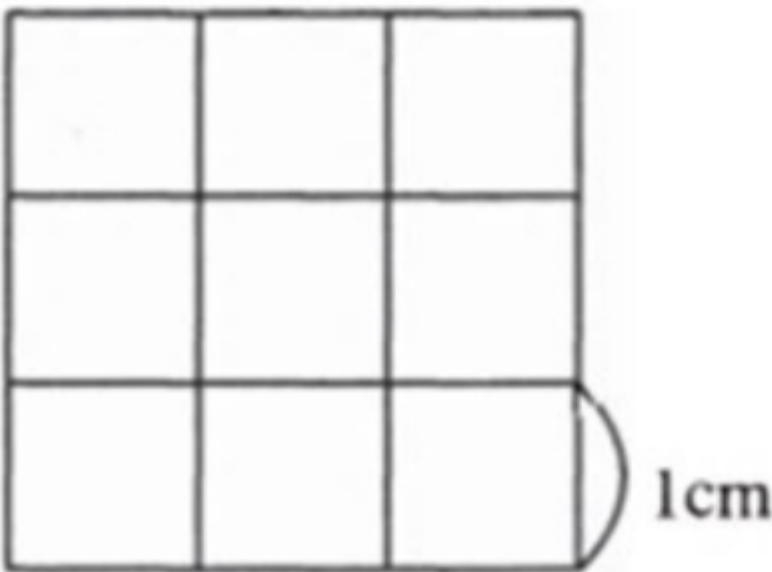
203. Trên mỗi hình sau có bao nhiêu đoạn thẳng ? Ghi tên các đoạn thẳng đó.



204. Trên mỗi hình sau có bao nhiêu hình tam giác ?



205. Trên hình dưới đây có tất cả bao nhiêu hình vuông ? Có mấy loại hình vuông khác nhau về độ dài cạnh ?



206. Trên hình bên có bao nhiêu :

- Đoạn thẳng ?
- Hình chữ nhật ?
- Góc vuông ?

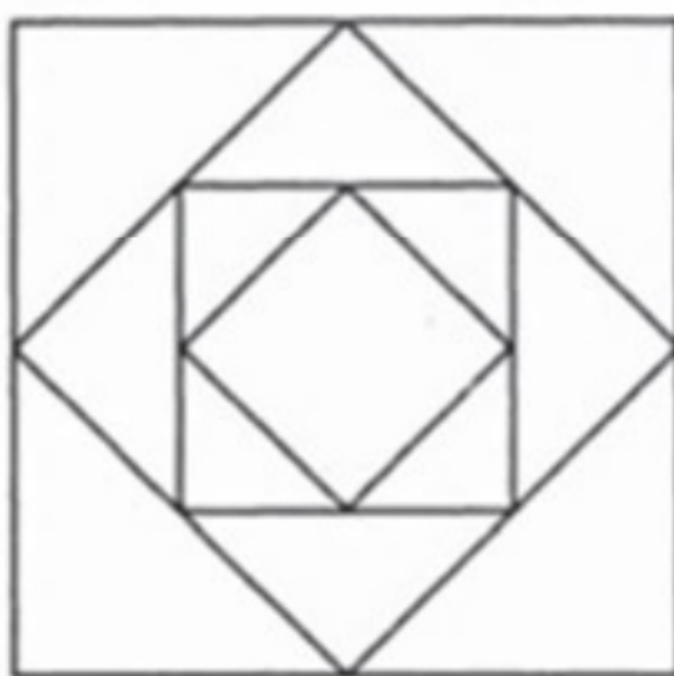


207. Trên hình bên có bao nhiêu :

- Hình tam giác ?
- Hình tứ giác ?



208. Số hình tam giác gấp mấy lần số hình vuông có trong hình bên ?

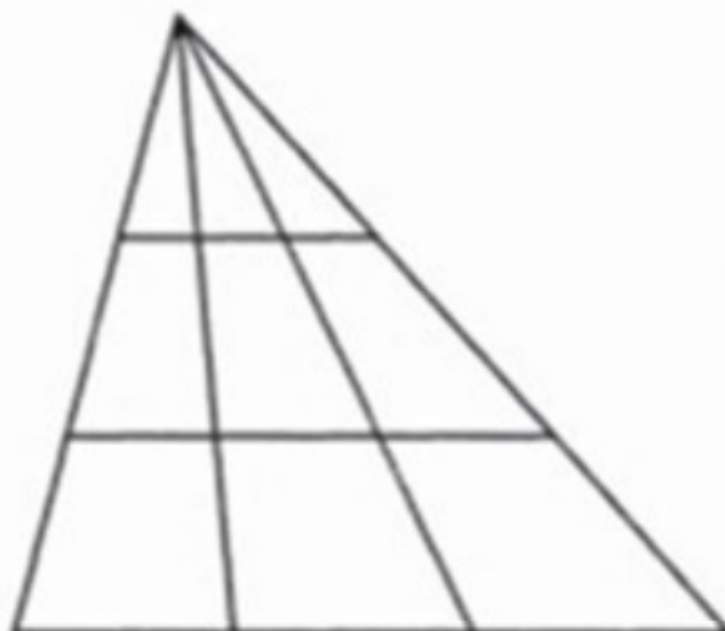


209. Trên hình bên có bao nhiêu :

- Hình tam giác ?
- Hình tứ giác ?

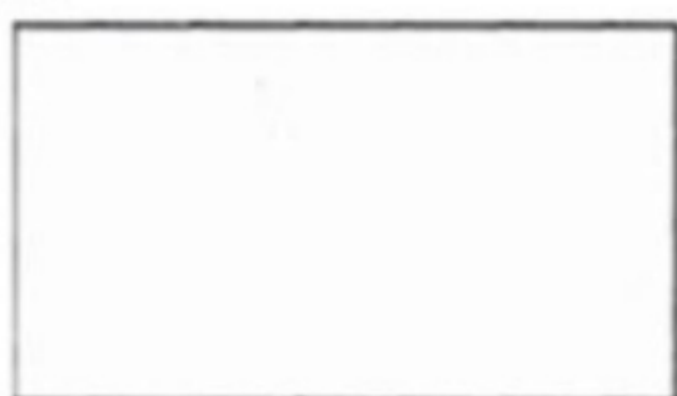


210. Nêu cách đếm số hình tam giác và số hình tứ giác có trên hình bên. Số hình tam giác và số hình tứ giác có bằng nhau không ?

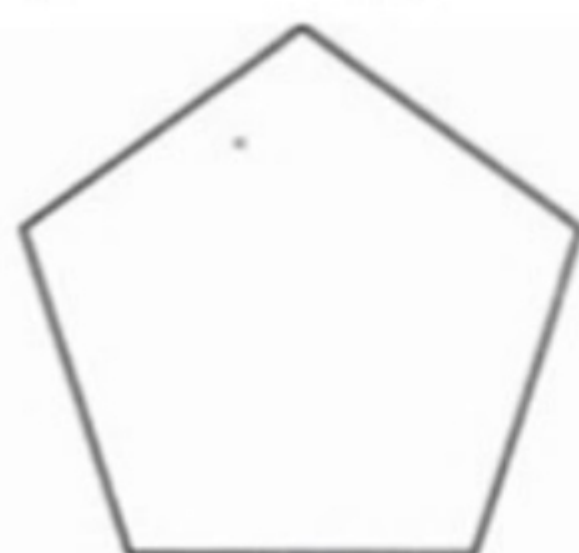


II. CẮT GHÉP HÌNH, VẼ THÊM ĐOẠN THẲNG ĐỂ TẠO HÌNH

211. Kẻ trên mỗi hình một đoạn thẳng để tạo thành một hình vuông trong mỗi hình đó.



212. Cắt mỗi miếng bìa như hình dưới đây (cắt hình theo một đoạn thẳng) để được một hình tứ giác và một hình tam giác.



213. Cắt hình vuông như hình bên thành 4 hình tam giác như nhau rồi ghép lại thành hai hình vuông như nhau.



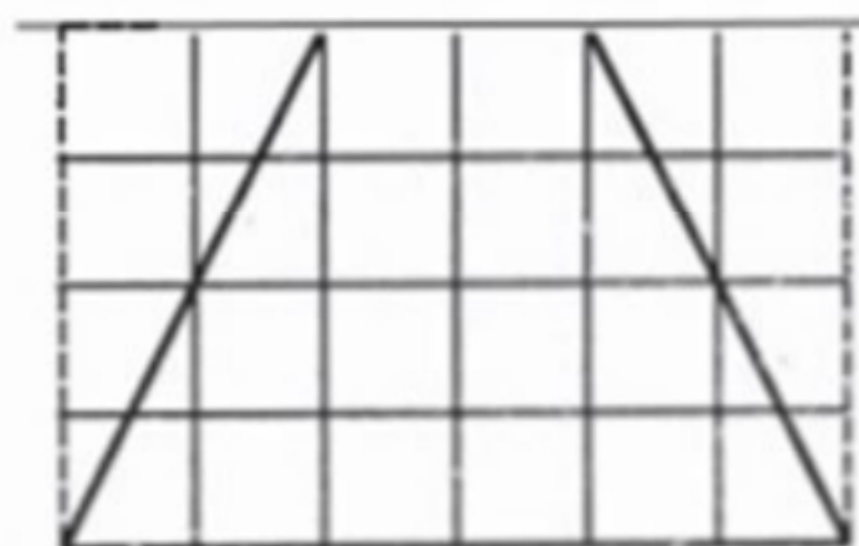
214. Cắt hình tam giác lớn như hình bên thành 4 tam giác nhỏ như nhau rồi ghép lại thành một hình tứ giác.



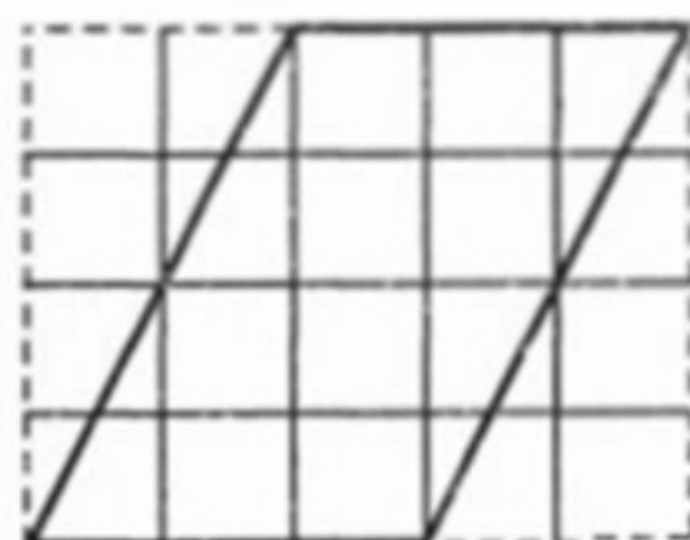
215. Hãy cắt hình chữ nhật như hình bên thành hai mảnh theo một đường gấp khúc rồi ghép thành một hình vuông.

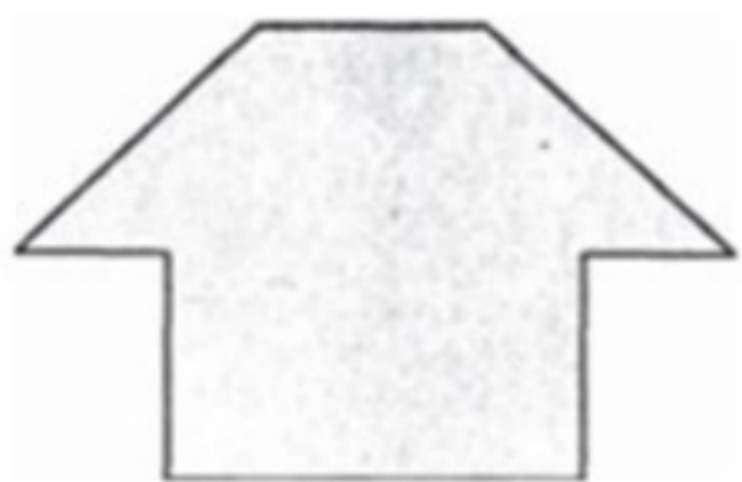


216. Hãy cắt hình bên thành một số mảnh rồi ghép lại thành hình vuông.

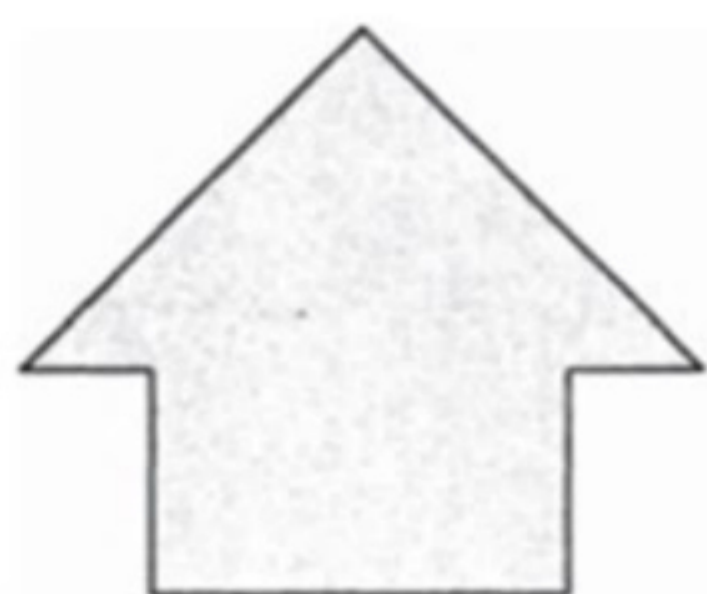


217. Hãy cắt hình bên thành một số mảnh rồi ghép lại thành hình chữ nhật.

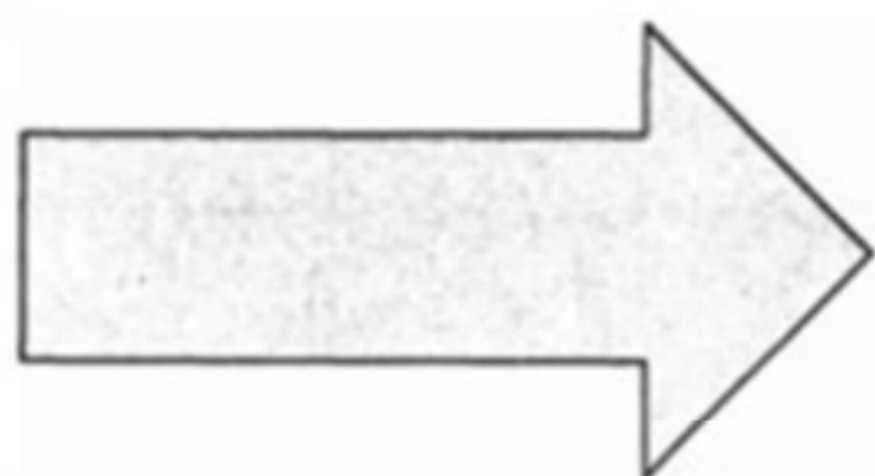




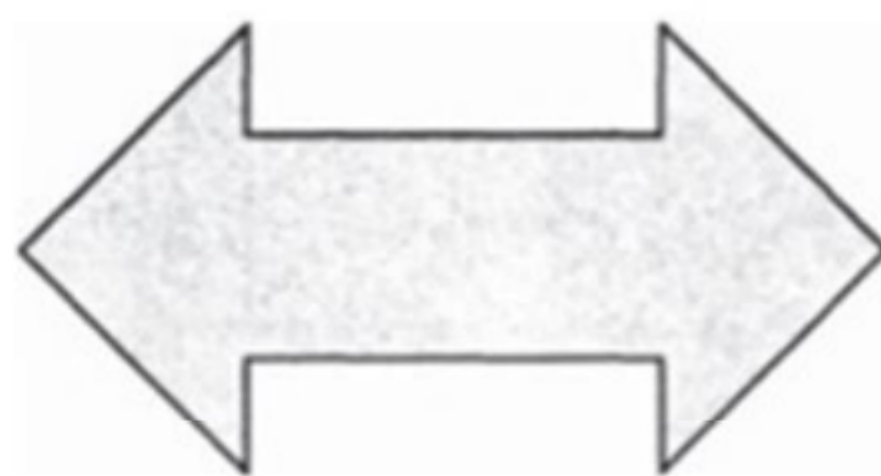
Hình E



Hình G



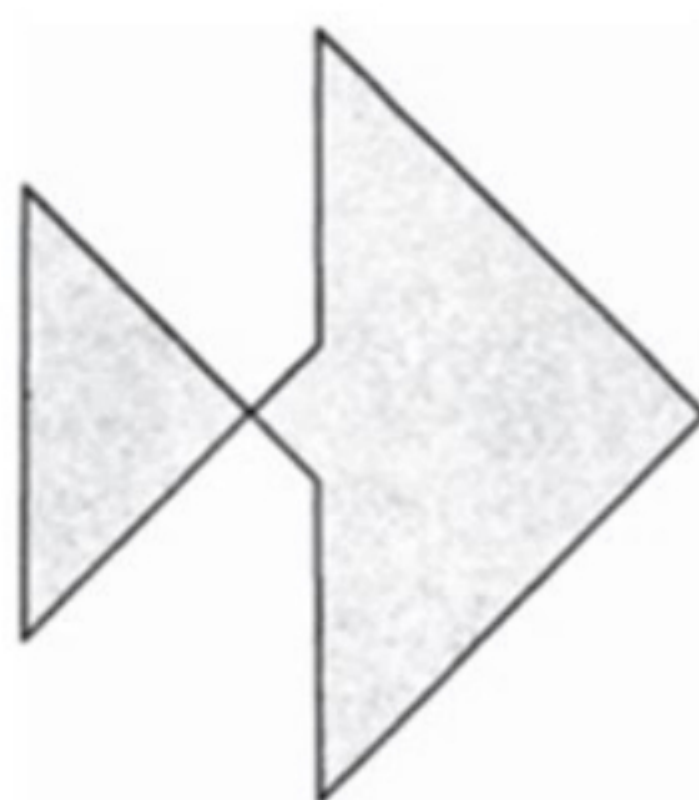
Hình H



Hình K



Hình M



Hình N

III. VẼ HÌNH ĐỐI XỨNG – VẼ TRANG TRÍ HÌNH TRÒN

222. Em hãy vẽ một đường thẳng chia mỗi hình sau thành hai phần như nhau :

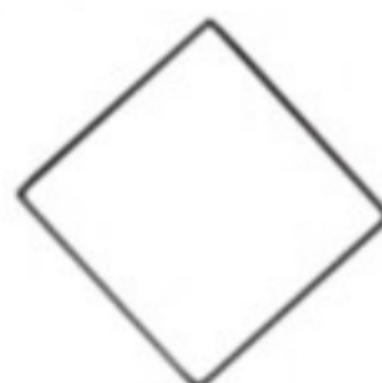
a)



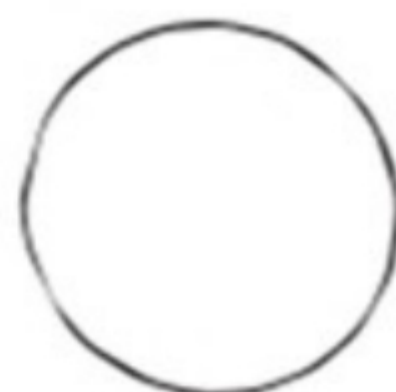
b)

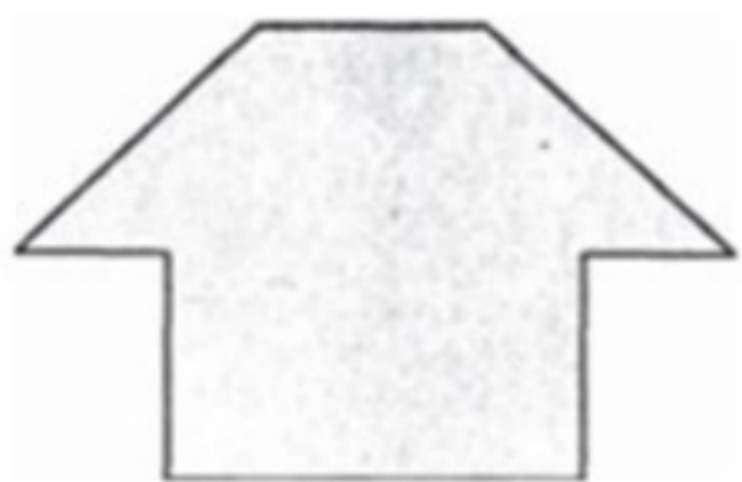


c)

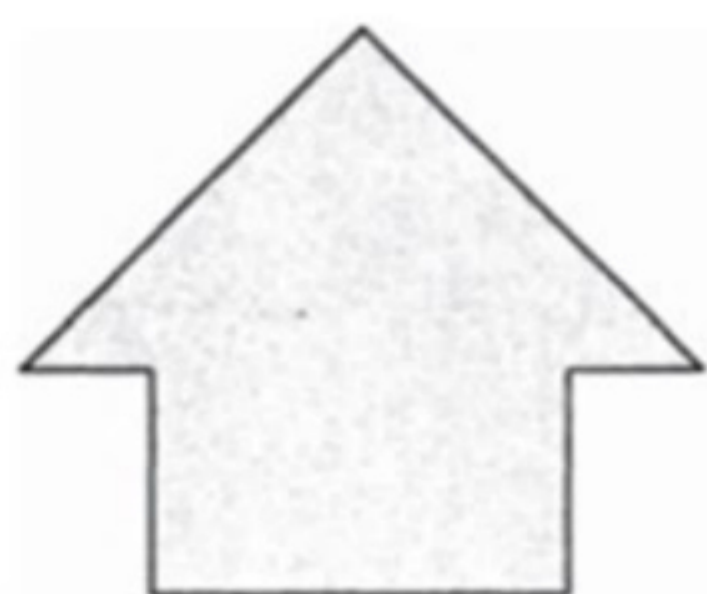


d)

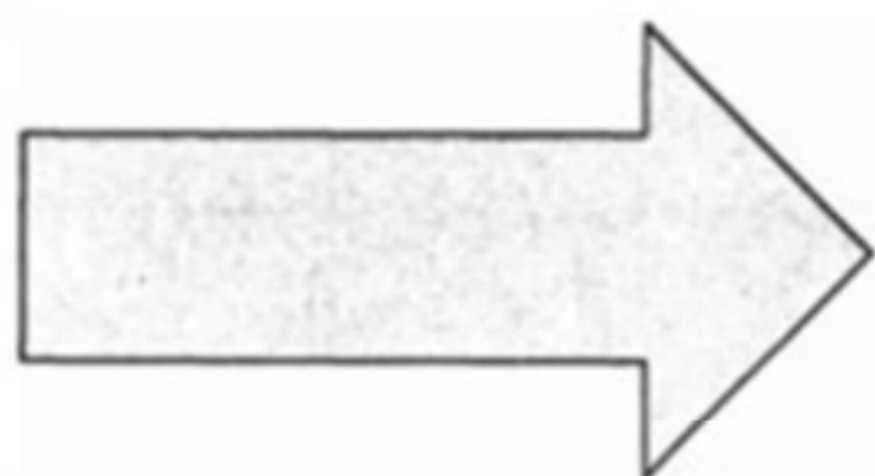




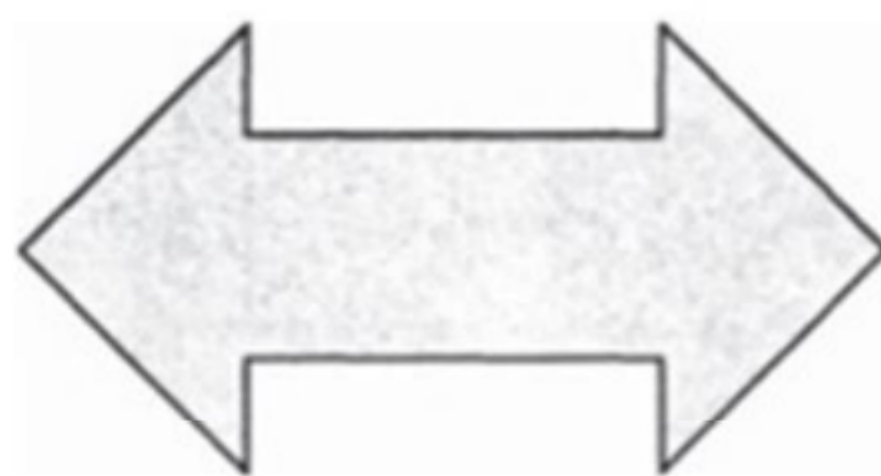
Hình E



Hình G



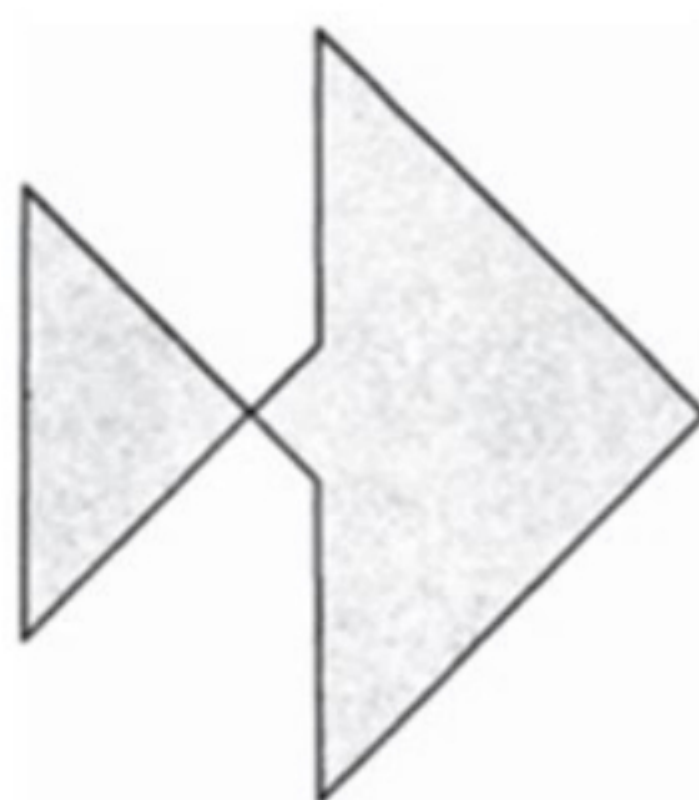
Hình H



Hình K



Hình M



Hình N

III. VẼ HÌNH ĐỐI XỨNG – VẼ TRANG TRÍ HÌNH TRÒN

222. Em hãy vẽ một đường thẳng chia mỗi hình sau thành hai phần như nhau :

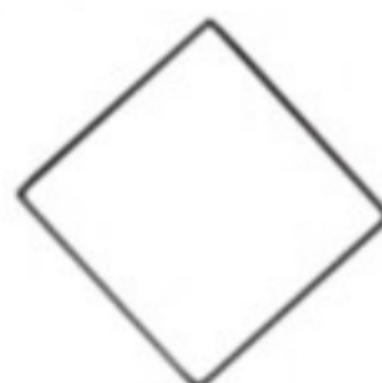
a)



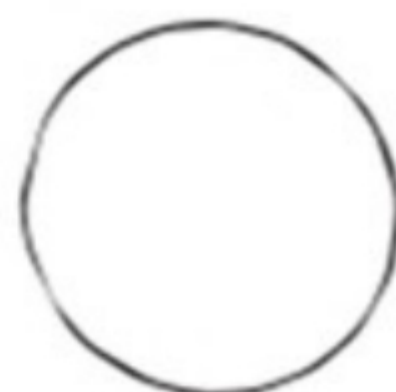
b)



c)

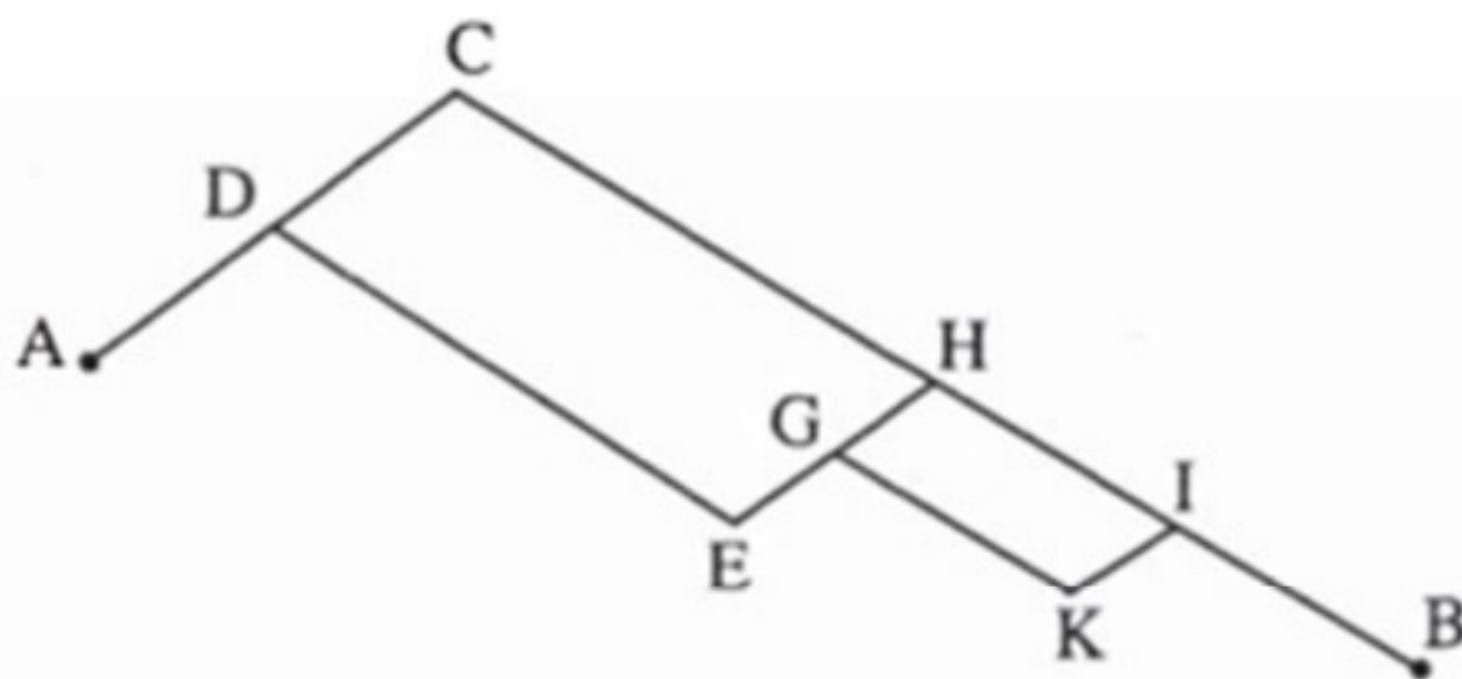


d)

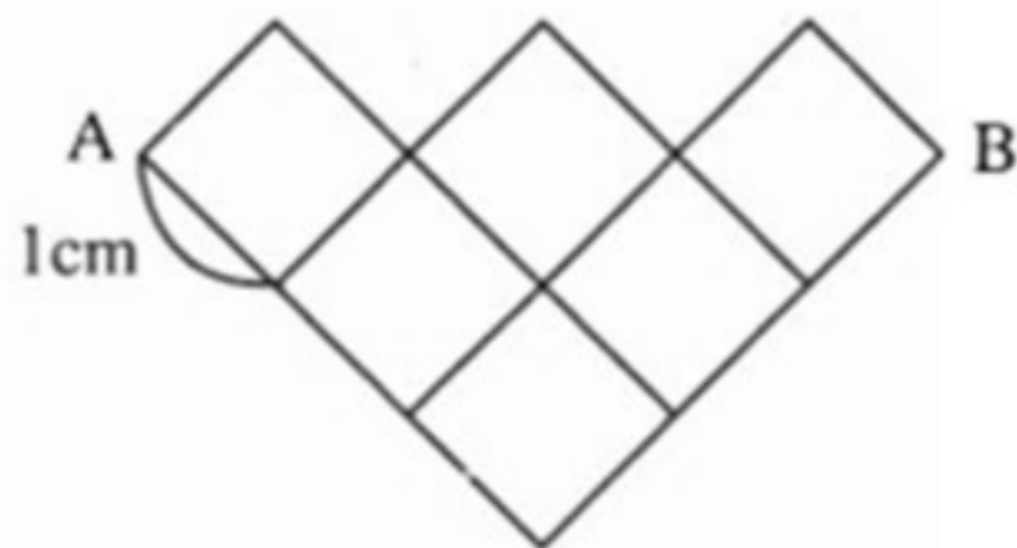


IV. ĐƯỜNG GẤP KHÚC – ĐỘ DÀI ĐƯỜNG GẤP KHÚC. CHU VI HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG

225. Ghi tên các đường gấp khúc có điểm đầu là A, điểm cuối là B có trong hình dưới đây.



226. Có mấy đường gấp khúc đi từ điểm A đến B mà độ dài mỗi đường gấp khúc đó bằng 6cm có trong hình bên ?



227. Đường gấp khúc ABC có độ dài là 36cm gồm hai đoạn AB và BC. Đoạn AB dài gấp đôi đoạn BC. Tính độ dài đoạn AB và đoạn BC.

228. Một đường gấp khúc gồm ba đoạn, tổng độ dài của đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai là 7cm, của đoạn thứ hai và đoạn thứ ba là 9cm, của đoạn thứ ba và đoạn thứ nhất là 8cm. Tính độ dài đường gấp khúc đó.

229. Hình tam giác ABC có cạnh $AB = 24\text{cm}$, cạnh $BC = 18\text{cm}$ và chu vi là 58cm. Tính độ dài cạnh AC.

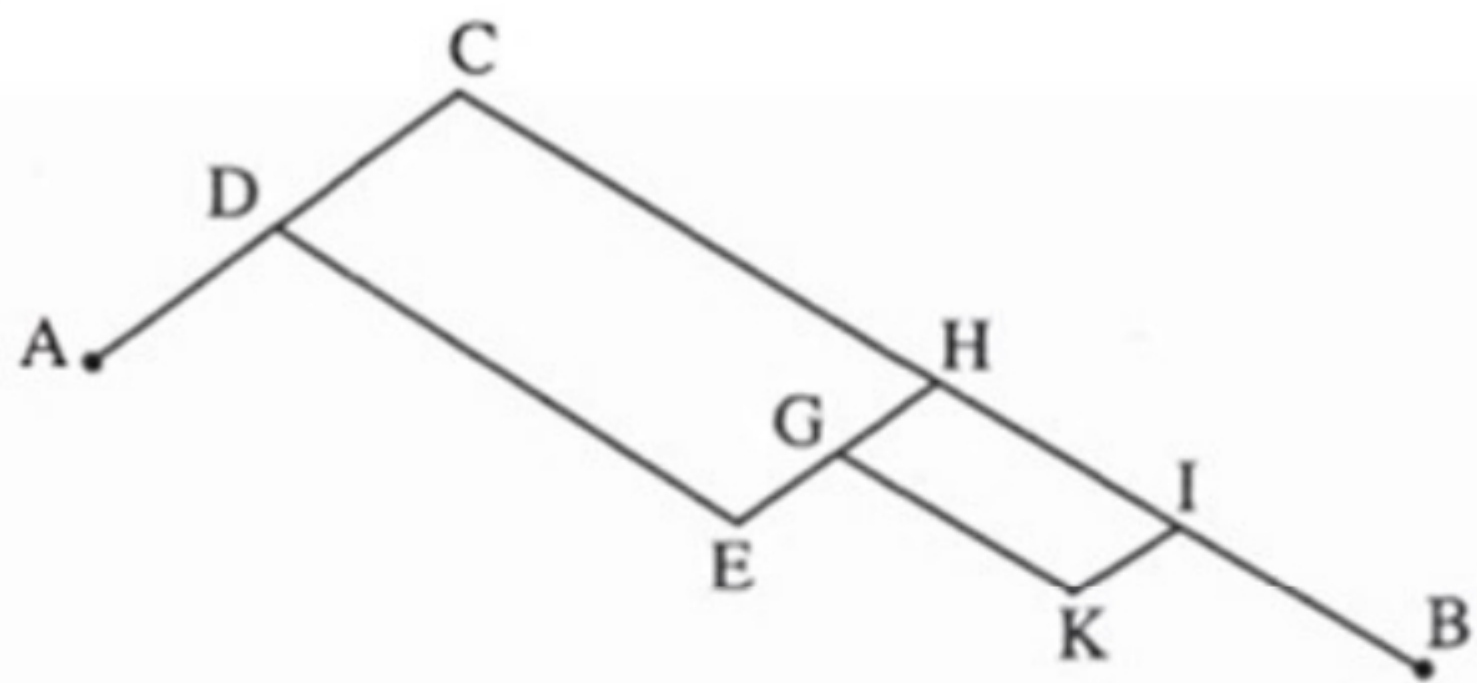
230. Tính chu vi hình tam giác ABC, biết cạnh $AB = 15\text{cm}$, cạnh BC dài hơn cạnh AB là 5cm nhưng lại ngắn hơn cạnh AC là 8cm.

231. Đường gấp khúc ABCDE gồm bốn đoạn, biết đoạn $AB = 7\text{cm}$, $BC = 9\text{cm}$. Tổng độ dài hai đoạn AB và BC bằng tổng độ dài hai đoạn CD và DE, đoạn DE dài hơn đoạn CD là 6cm. Tính độ dài đoạn DE, đoạn CD và độ dài đường gấp khúc ABCDE.

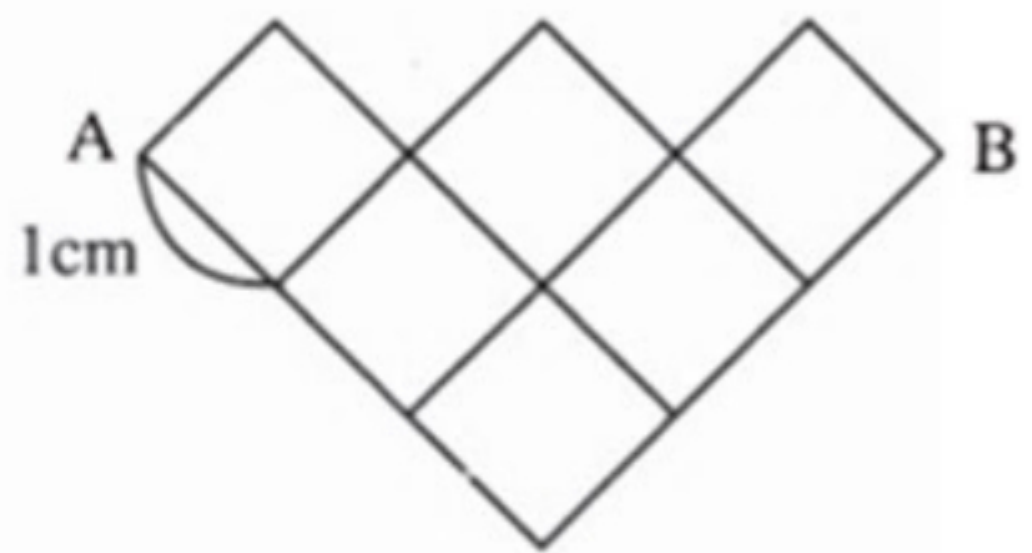
232. Tính chu vi hình tứ giác ABCD, biết cạnh $AB = 16\text{cm}$, $BC = 10\text{cm}$, cạnh CD bằng nửa tổng AB và BC. Cạnh AD gấp đôi hiệu của AB và BC.

IV. ĐƯỜNG GẤP KHÚC – ĐỘ DÀI ĐƯỜNG GẤP KHÚC. CHU VI HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG

225. Ghi tên các đường gấp khúc có điểm đầu là A, điểm cuối là B có trong hình dưới đây.

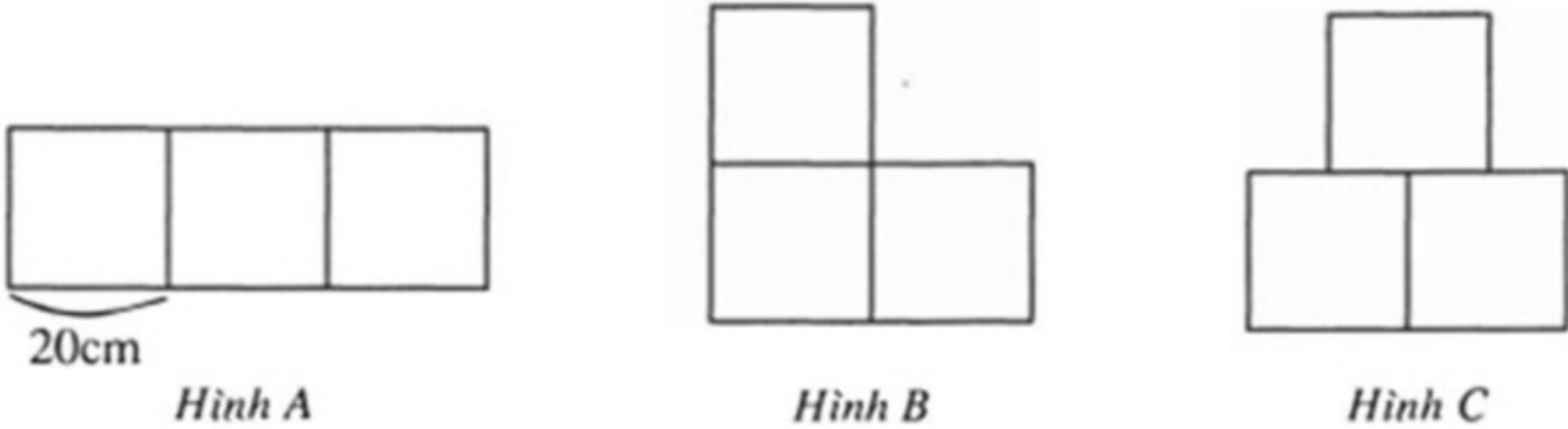


226. Có mấy đường gấp khúc đi từ điểm A đến B mà độ dài mỗi đường gấp khúc đó bằng 6cm có trong hình bên ?

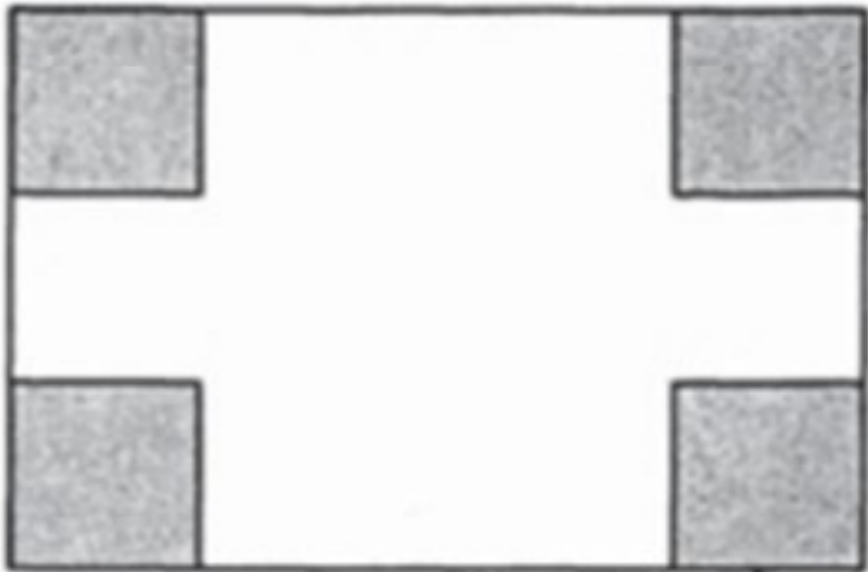


227. Đường gấp khúc ABC có độ dài là 36cm gồm hai đoạn AB và BC. Đoạn AB dài gấp đôi đoạn BC. Tính độ dài đoạn AB và đoạn BC.
228. Một đường gấp khúc gồm ba đoạn, tổng độ dài của đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai là 7cm, của đoạn thứ hai và đoạn thứ ba là 9cm, của đoạn thứ ba và đoạn thứ nhất là 8cm. Tính độ dài đường gấp khúc đó.
229. Hình tam giác ABC có cạnh $AB = 24\text{cm}$, cạnh $BC = 18\text{cm}$ và chu vi là 58cm. Tính độ dài cạnh AC.
230. Tính chu vi hình tam giác ABC, biết cạnh $AB = 15\text{cm}$, cạnh BC dài hơn cạnh AB là 5cm nhưng lại ngắn hơn cạnh AC là 8cm.
231. Đường gấp khúc ABCDE gồm bốn đoạn, biết đoạn $AB = 7\text{cm}$, $BC = 9\text{cm}$. Tổng độ dài hai đoạn AB và BC bằng tổng độ dài hai đoạn CD và DE, đoạn DE dài hơn đoạn CD là 6cm. Tính độ dài đoạn DE, đoạn CD và độ dài đường gấp khúc ABCDE.
232. Tính chu vi hình tứ giác ABCD, biết cạnh $AB = 16\text{cm}$, $BC = 10\text{cm}$, cạnh CD bằng nửa tổng AB và BC. Cạnh AD gấp đôi hiệu của AB và BC.

242. Người ta ghép 3 viên gạch men hình vuông cạnh 20cm thành các hình A, hình B, hình C (xem hình vẽ). Tính chu vi của mỗi hình đó.



243. Có một miếng bìa hình chữ nhật có chiều rộng 10cm, chiều dài 15cm. Bạn Bình cắt đi ở mỗi góc hình chữ nhật một hình vuông (như hình vẽ).



Tính chu vi hình còn lại của miếng bìa.

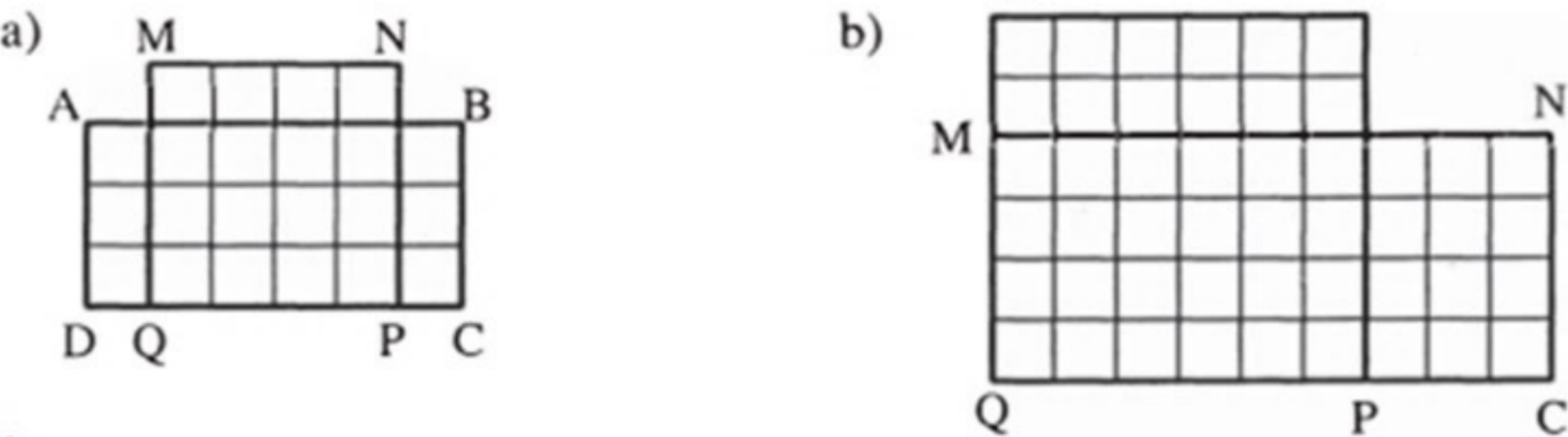
244. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

Một hình chữ nhật có chiều dài 20cm, chiều rộng 1dm. Khi tính chu vi hình chữ nhật đó có thể viết là :

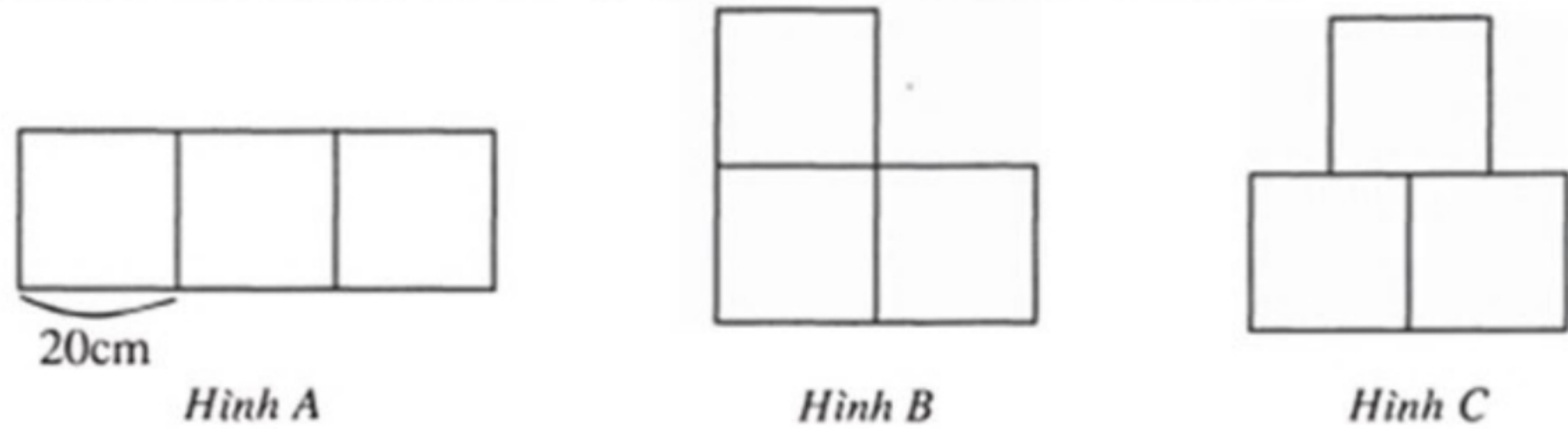
- A. $(20 + 1) \times 2 = 42 \text{ (cm)}$ ☐
- B. $(20 + 10) \times 2 = 60 \text{ (cm)}$ ☐
- C. $(2 + 1) \times 2 = 6 \text{ (dm)}$ ☐

V. DIỆN TÍCH CÁC HÌNH – DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG

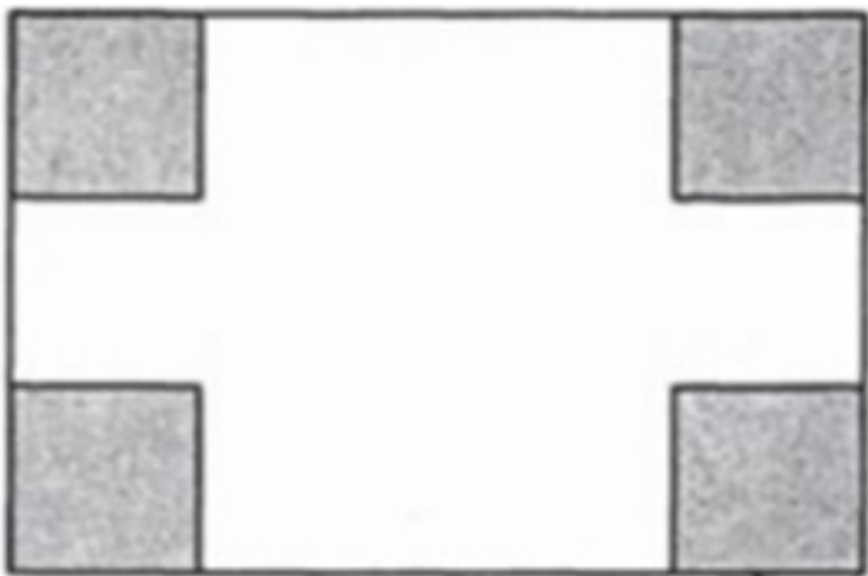
245. So sánh diện tích hình chữ nhật với diện tích hình vuông trong mỗi trường hợp sau :



242. Người ta ghép 3 viên gạch men hình vuông cạnh 20cm thành các hình A, hình B, hình C (xem hình vẽ). Tính chu vi của mỗi hình đó.



243. Có một miếng bìa hình chữ nhật có chiều rộng 10cm, chiều dài 15cm. Bạn Bình cắt đi ở mỗi góc hình chữ nhật một hình vuông (như hình vẽ).



Tính chu vi hình còn lại của miếng bìa.

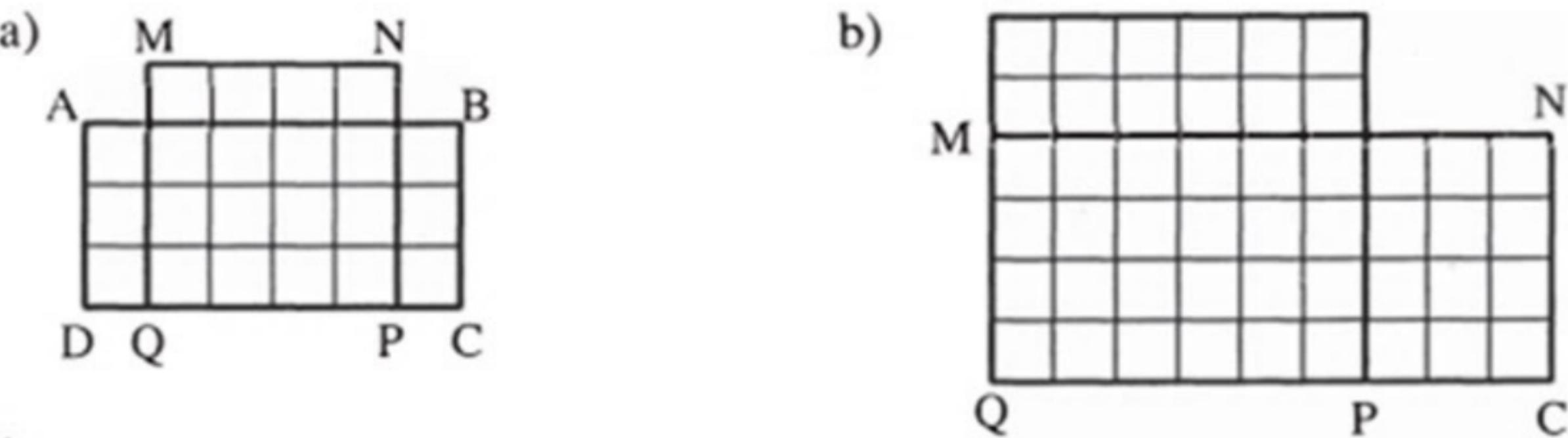
244. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

Một hình chữ nhật có chiều dài 20cm, chiều rộng 1dm. Khi tính chu vi hình chữ nhật đó có thể viết là :

- A. $(20 + 1) \times 2 = 42 \text{ (cm)}$ ☐
- B. $(20 + 10) \times 2 = 60 \text{ (cm)}$ ☐
- C. $(2 + 1) \times 2 = 6 \text{ (dm)}$ ☐

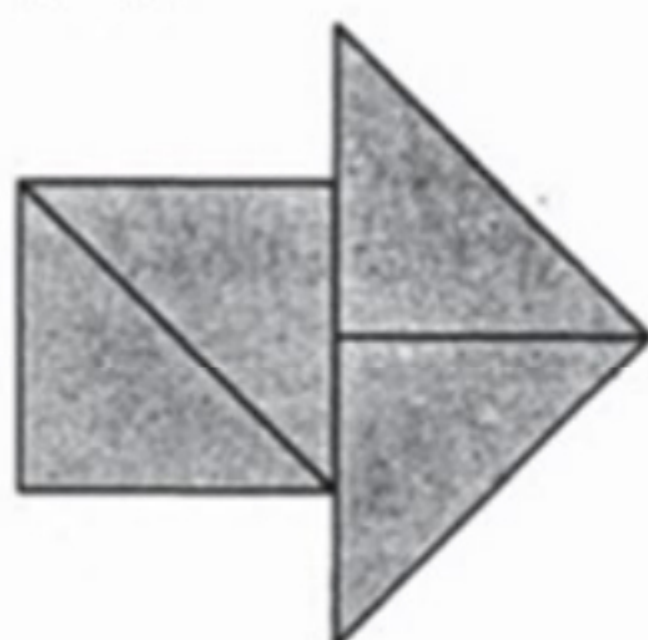
V. DIỆN TÍCH CÁC HÌNH – DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG

245. So sánh diện tích hình chữ nhật với diện tích hình vuông trong mỗi trường hợp sau :

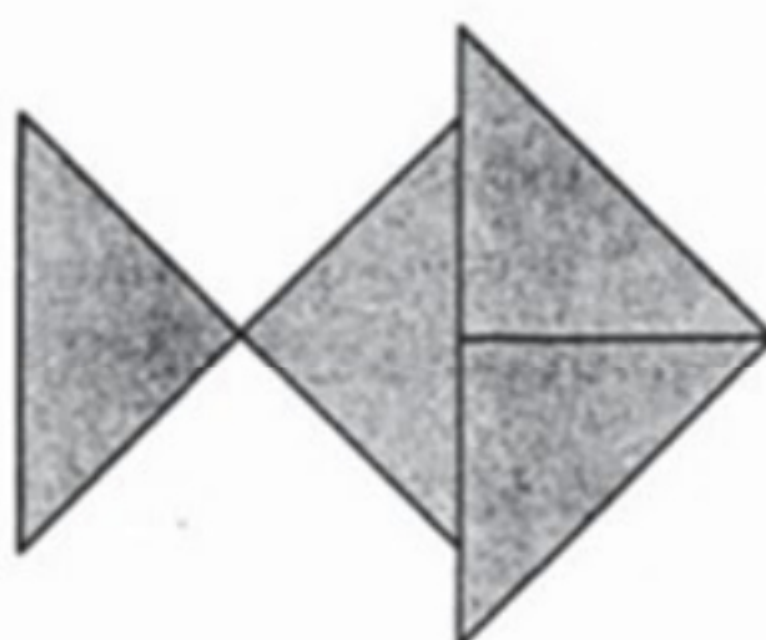




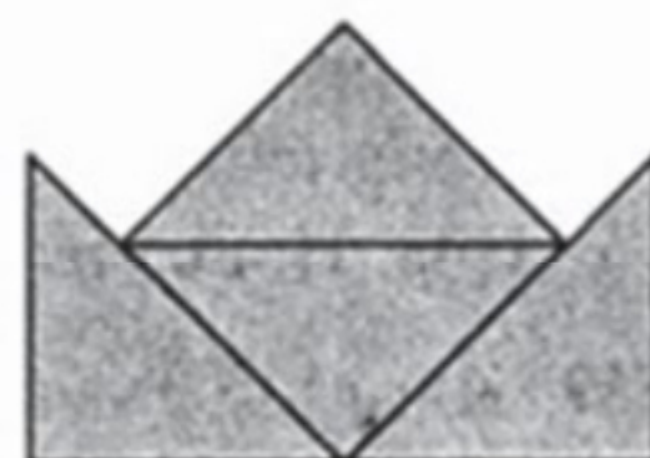
Từ 4 hình tam giác này, người ta ghép thành các hình như : hình "mũi tên", hình "con cá", hình "cái mũ". Em hãy tính diện tích mỗi hình được ghép thành đó.



Hình mũi tên

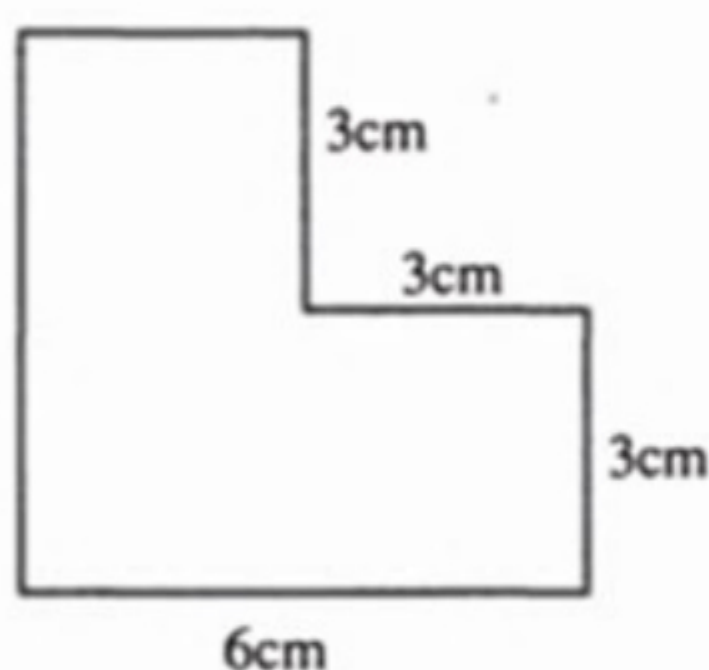


Hình con cá



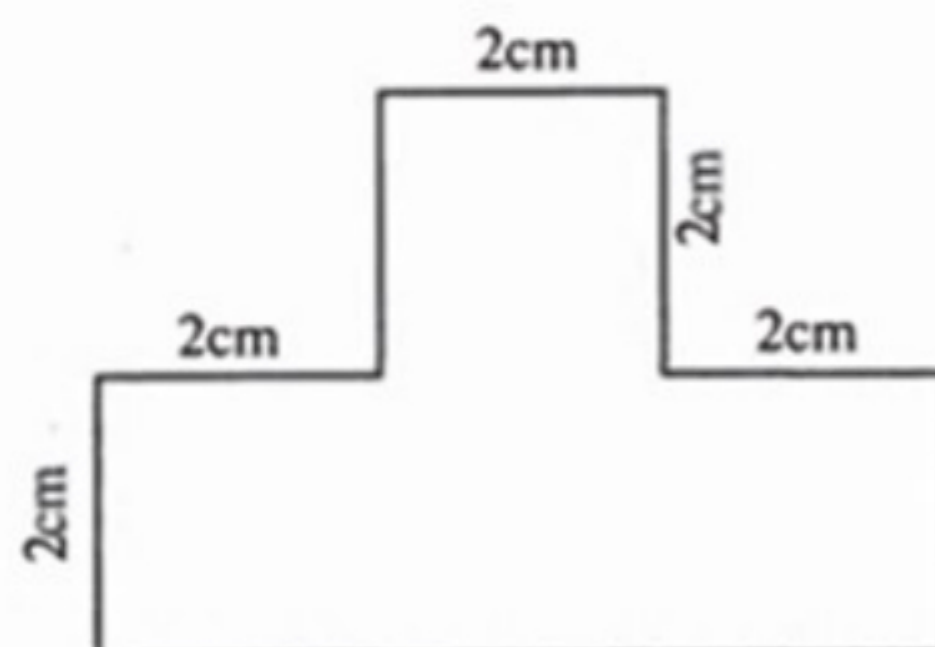
Hình cái mũ

254. Tính diện tích và chu vi hình H theo hình vẽ :



Hình H

255. Tính chu vi và diện tích hình A có kích thước như hình vẽ :



Hình A

256. a) Em hãy tìm cách cắt hình A rồi ghép lại thành hình B (như hình vẽ) :



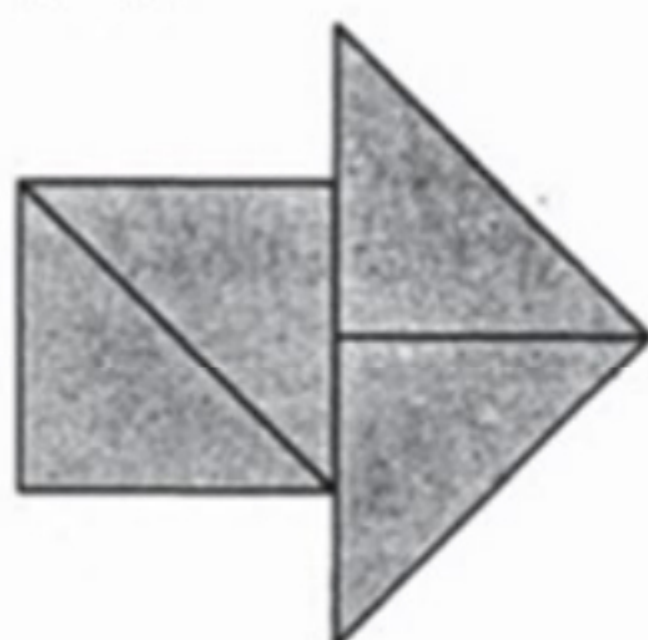
Hình A

Hình B

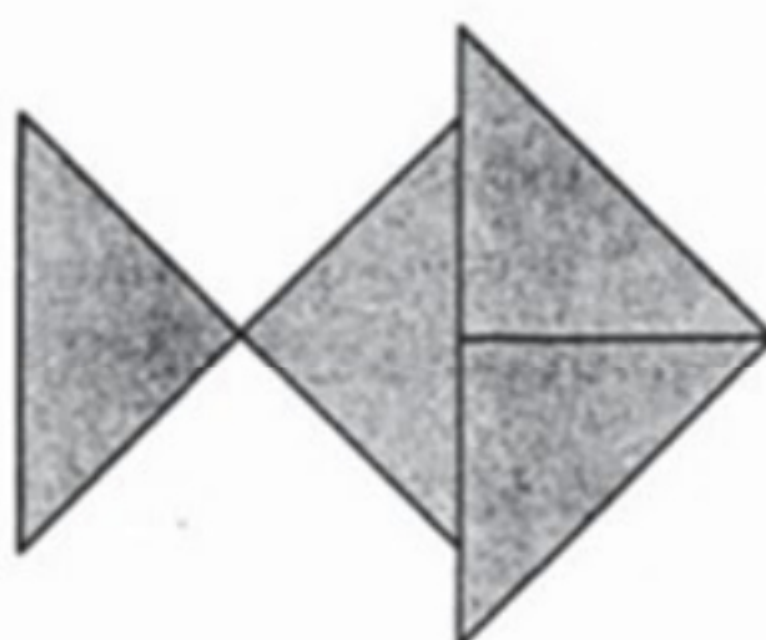
b) Em hãy tính chu vi hình A và diện tích hình B, biết hình A được ghép bởi 3 hình vuông cạnh 2cm.



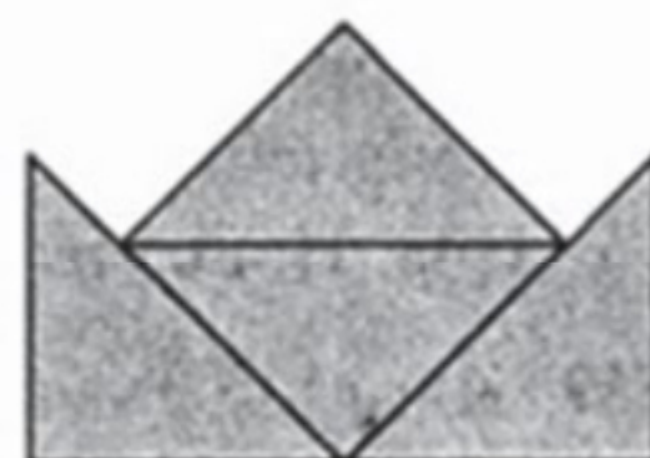
Từ 4 hình tam giác này, người ta ghép thành các hình như : hình "mũi tên", hình "con cá", hình "cái mũ". Em hãy tính diện tích mỗi hình được ghép thành đó.



Hình mũi tên

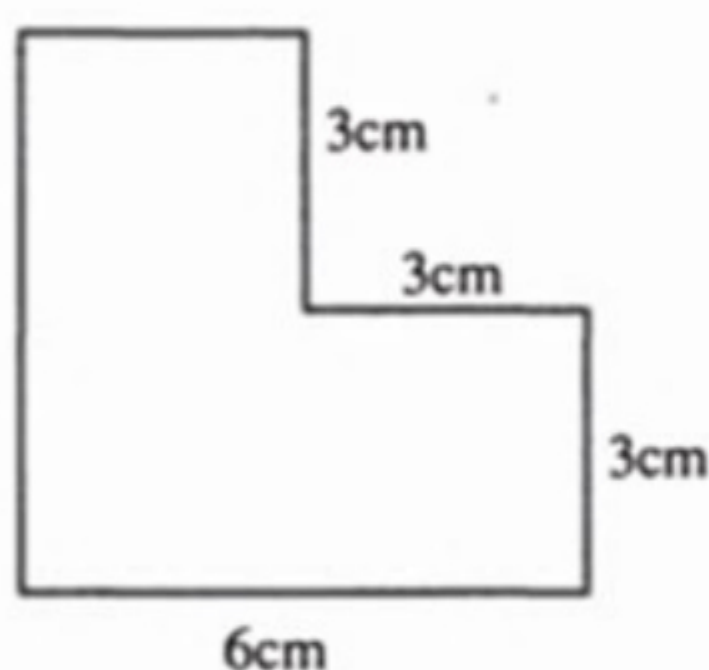


Hình con cá



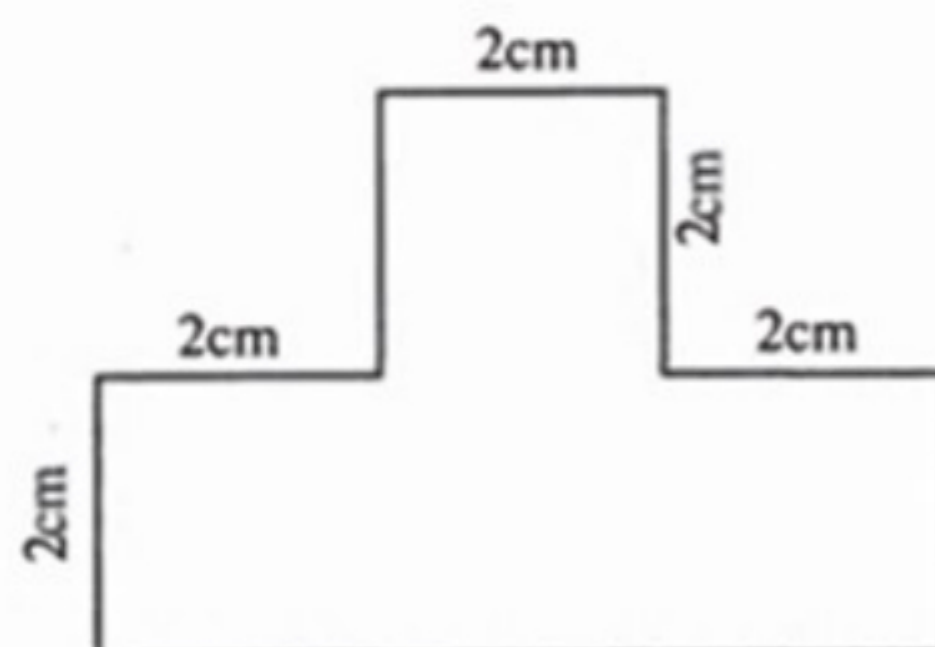
Hình cái mũ

254. Tính diện tích và chu vi hình H theo hình vẽ :



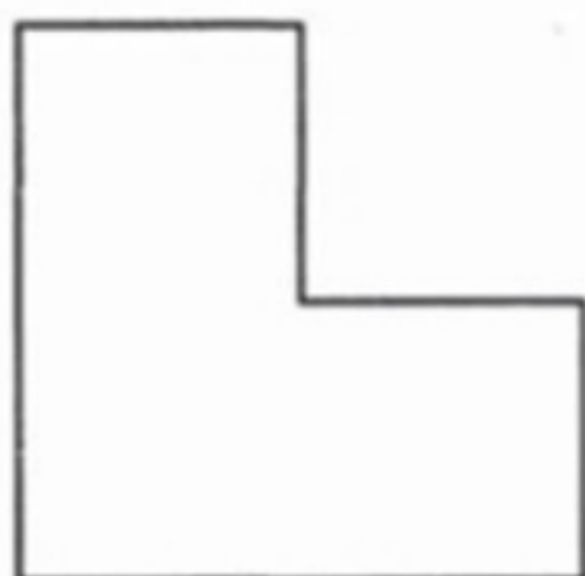
Hình H

255. Tính chu vi và diện tích hình A có kích thước như hình vẽ :

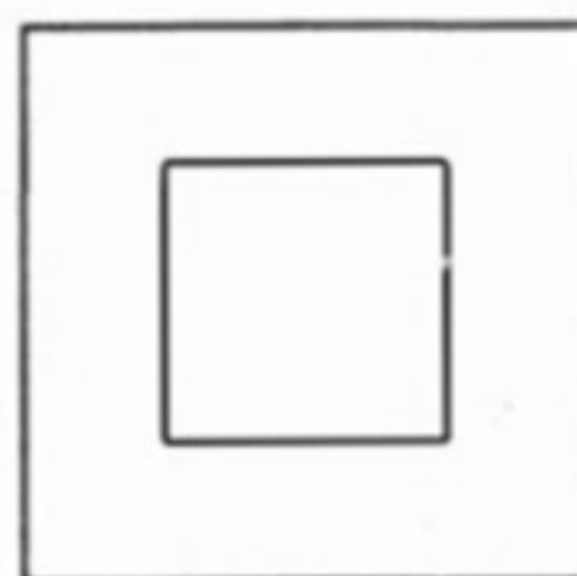


Hình A

256. a) Em hãy tìm cách cắt hình A rồi ghép lại thành hình B (như hình vẽ) :



Hình A



Hình B

b) Em hãy tính chu vi hình A và diện tích hình B, biết hình A được ghép bởi 3 hình vuông cạnh 2cm.

§5. GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN

I. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ QUAN HỆ "NHIỀU HƠN, ÍT HƠN", "GẤP, GIẢM ĐI MỘT SỐ LẦN"

257. Có 300 cuốn sách đựng trong ba ngăn. Bạn Bình lấy 15 cuốn ở ngăn thứ nhất chuyển sang ngăn thứ hai thì số sách ở ba ngăn bằng nhau. Hỏi lúc đầu ở mỗi ngăn có bao nhiêu cuốn sách ?
258. Trong một cuộc thi làm hoa, bạn Hồng làm được 25 bông hoa. Tính ra bạn Hồng làm ít hơn bạn Mai 5 bông và chỉ bằng một nửa số bông hoa của bạn Hòa. Hỏi cả ba bạn đã làm được bao nhiêu bông hoa ?
259. Khối lớp 3 của trường Đoàn Kết gồm ba lớp : 3A, 3B, 3C. Số học sinh của cả khối nhiều hơn số học sinh của lớp 3C là 80 bạn. Lớp 3B có ít hơn lớp 3A là 2 bạn. Hỏi lớp 3B có bao nhiêu học sinh ?
260. Trong túi có ba loại bi : bi đỏ, bi vàng và bi xanh. Biết rằng số bi của cả túi nhiều hơn tổng số bi vàng và bi đỏ là 15 viên, số bi xanh ít hơn số bi vàng là 3 viên và nhiều hơn số bi đỏ là 4 viên. Hỏi trong túi có bao nhiêu viên bi ?
261. Một cửa hàng trong 4 ngày bán được 150m vải. Hỏi mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải ? Biết rằng số vải bán được trong hai ngày đầu bằng nhau, ngày thứ ba bán ít hơn ngày đầu 16m còn ngày thứ tư bán nhiều hơn ngày thứ hai 14m.
262. An, Bình, Hòa được cô giáo cho một số nhãn vở. Nếu An cho Bình 6 nhãn vở, Bình lại cho Hòa 4 nhãn vở thì số nhãn vở của mỗi bạn đều bằng 12 cái. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có mấy nhãn vở ?
263. Có 42 bạn ở lớp 3A xếp thành 3 hàng nhưng không đều nhau. Bạn lớp trưởng chuyển $\frac{1}{3}$ số bạn ở hàng một sang hàng hai, rồi lại chuyển 6 bạn từ hàng hai sang hàng ba, lúc này số bạn ở mỗi hàng đều bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi hàng có bao nhiêu bạn ?
264. Có ba hộp, mỗi hộp đựng một số bút chì. Bạn An lấy 6 bút chì từ hộp thứ nhất chuyển sang hộp thứ hai, rồi lại lấy 4 bút chì ở hộp thứ hai chuyển sang hộp thứ ba, cuối cùng lấy 2 bút chì ở hộp thứ ba chuyển sang hộp thứ nhất. Bây giờ trong mỗi hộp có đúng một tá bút chì. Hỏi lúc đầu mỗi hộp có bao nhiêu bút chì ?

- 265.** a) Một chuồng thỏ có 5 con thỏ. Hỏi số chân thỏ gấp mấy lần số tai thỏ ?
Số đuôi thỏ bằng một phần mấy số tai thỏ ?
b) Trong bóng tối, bạn An đếm được 5 đôi mắt mèo. Hỏi có mấy cái đuôi mèo ? Số chân mèo nhiều hơn số tai mèo là bao nhiêu cái ?
- 266.** Có 12 con chim đậu ở cành trên, số chim đậu ở cành dưới nhiều hơn cành trên là 4 con. Bây giờ 5 con ở cành trên đậu xuống cành dưới, hỏi bây giờ số chim ở cành dưới so với số chim ở cành trên thì gấp mấy lần ?
- 267.** Có 4 đội công nhân. Biết rằng nếu gấp đôi số người ở đội Một thì được số người ở đội Ba, còn nếu giảm số người ở đội Bốn đi 2 lần thì được số người ở đội Hai, tổng số người ở đội Một và đội Hai là 30 người. Hỏi bốn đội công nhân có tất cả bao nhiêu người ?
- 268.** Túi thứ nhất đựng 18kg gạo, gấp 3 lần túi thứ hai. Hỏi phải lấy ở túi thứ nhất bao nhiêu ki-lô-gam gạo đổ sang túi thứ hai để số gạo ở hai túi bằng nhau ?
- 269.** Thùng thứ nhất có 6l dầu, thùng thứ hai có 14l dầu. Hỏi phải cùng rót thêm vào mỗi thùng một số lít dầu là bao nhiêu để số dầu của thùng thứ hai gấp đôi số dầu ở thùng thứ nhất ?
- 270.** Biết trong thúng có số quýt nhiều hơn cam là 8 quả. Mẹ đã lấy ra 2 quả quýt và 2 quả cam cho hai anh em. Như vậy còn lại ở trong thúng số quýt gấp đôi số cam. Hỏi lúc đầu trong thúng có bao nhiêu quả cam, bao nhiêu quả quýt ?
- 271.** Tấm vải xanh dài gấp 3 lần tấm vải đỏ. Cửa hàng đã bán được 7m vải đỏ và 37m vải xanh, như vậy số mét vải còn lại ở hai tấm bằng nhau. Hỏi lúc chưa bán, mỗi tấm vải dài bao nhiêu mét ?

II. MỘT SỐ BÀI TOÁN GIẢI BẰNG PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA LIÊN QUAN ĐẾN "RÚT VỀ ĐƠN VỊ"

- 272.** Có 5 cái can đựng đầy 50l dầu hỏa. Hỏi :
a) 7 can như vậy đựng bao nhiêu lít dầu hỏa ?
b) Nếu đổ số lít dầu hỏa đựng trong 7 can ở trên vào các can loại 5l cho đầy thì được bao nhiêu can 5l như vậy ?
- 273.** Người ta xay 100kg thóc thì được 70kg gạo. Hỏi :
a) Xay 200kg thóc thì được bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?
b) Để xay được 7kg gạo thì cần dùng bao nhiêu ki-lô-gam thóc ?

274. Bạn An đếm số bút chì đựng trong hộp. Nếu đếm theo chục thì được 6 chục bút chì. Hỏi đếm theo tá thì được bao nhiêu tá bút chì ?
275. Có hai chuồng nuôi thỏ. Bạn Bình đếm ở chuồng thứ nhất có 24 chân thỏ và chuồng thứ hai có 24 tai thỏ. Hỏi chuồng nào có nhiều thỏ hơn và gấp số thỏ ở chuồng kia mấy lần ?
276. Tí đố Ba : "Cả gà và thỏ đếm được 24 cái chân : Biết số đầu gà bằng số đầu thỏ. Đố bạn biết có mấy con gà, mấy con thỏ" ?
Em hãy giúp Ba giải bài toán này.
277. Ba đố Tí : "Cả gà và thỏ đếm được 24 cái chân. Biết số đầu gà gấp đôi số đầu thỏ. Đố bạn biết có mấy con gà, mấy con thỏ" ? Em hãy giúp Tí giải bài toán này.
278. Lan đố các bạn : Cả gà và thỏ đếm được 24 cái chân. Biết số đầu gà ít hơn số đầu thỏ. Đố các bạn biết có mấy con gà, mấy con thỏ ?
279. Lúc đầu nhà trường thuê 3 xe ô tô để chở vừa đủ 120 học sinh khối lớp 3 đi tham quan. Sau đó có thêm 80 học sinh khối lớp 4 đi cùng. Hỏi phải thuê tất cả bao nhiêu ô tô cùng loại đó để chở học sinh khối lớp 3 và khối lớp 4 đi tham quan.
280. Đầu năm nhà trường tuyển vào lớp học phổ cập được 40 học sinh và đóng đủ 10 bộ bàn ghế để các em học. Sau đó lại vận động thêm được một số em vào lớp nữa, nên phải đóng tất cả 12 bộ bàn ghế cùng loại đó mới đủ chỗ cho các em học sinh. Hỏi số học sinh vận động thêm vào lớp là bao nhiêu em ?
281. Cứ 24 cái bánh nướng đựng đều trong 6 hộp. Cô giáo mua về cho lớp mẫu giáo 5 hộp bánh như vậy và chia đều cho các cháu, mỗi cháu được nửa cái. Hỏi lớp mẫu giáo đó có bao nhiêu cháu ?
282. Có 6 gói kẹo. Bạn Mai lấy ra ở mỗi gói 10 cái kẹo thì thấy số kẹo còn lại ở 6 gói bằng đúng số kẹo ở 4 gói nguyên. Hỏi mỗi gói kẹo có bao nhiêu cái ?
283. Để cưa một khúc gỗ thành hai đoạn phải mất 10 phút. Hỏi muốn cưa khúc gỗ đó thành 4 đoạn thì phải mất bao nhiêu phút ?
284. Trong nửa giờ Mai làm được 6 bông hoa, còn Hồng để làm được 10 bông hoa loại đó phải mất 40 phút. Hỏi ai làm hoa nhanh hơn ?
285. Trên đoạn đường 30m người ta trồng được 6 cây cách đều nhau và hai đầu đường đều có cây. Hỏi trên đoạn đường 60m, cũng trồng cây như vậy thì trồng được tất cả bao nhiêu cây ?
286. Cứ hai bạn đấu với nhau thì được một ván cờ. Hỏi có bốn bạn đấu với nhau thì được mấy ván cờ (mỗi bạn đều đấu với các bạn khác).

III. MỘT SỐ BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN "TÌM MỘT PHẦN MẤY CỦA MỘT SỐ"

287. Lớp 3A có 45 học sinh được kiểm tra môn Toán, trong đó $\frac{1}{3}$ số học sinh của lớp đạt điểm 10, $\frac{1}{5}$ số học sinh của lớp đạt điểm 9, $\frac{1}{9}$ số học sinh của lớp đạt điểm 8, còn lại đạt điểm 7. Hỏi lớp 3A có mấy em đạt điểm 10, đạt điểm 9, đạt điểm 8, đạt điểm 7 ?
288. Mẹ mang ra chợ bán 25 quả cam và 75 quả quýt. Buổi sáng mẹ đã bán được một số cam và quýt, còn lại $\frac{1}{5}$ số cam và $\frac{1}{5}$ số quýt để đến chiều bán nốt. Hỏi mẹ đã bán được bao nhiêu quả cam, bao nhiêu quả quýt ?
289. Cùng một quãng đường, ô tô thứ nhất chạy hết $\frac{1}{4}$ giờ, ô tô thứ hai chạy hết 16 phút, ô tô thứ ba chạy hết $\frac{1}{5}$ giờ. Hỏi ô tô nào chạy nhanh nhất ?
290. Anh đi từ nhà đến trường hết $\frac{1}{6}$ giờ. Em đi từ nhà đến trường hết $\frac{1}{3}$ giờ. Hỏi ai đi nhanh hơn ? Nếu em đi học mà đi trước anh 5 phút thì anh có đuổi kịp em không ? Nếu có thì đuổi kịp ở chỗ nào trên quãng đường đó ?
291. Biết $\frac{1}{3}$ tấm vải đỏ dài bằng $\frac{1}{4}$ tấm vải xanh, cả hai tấm vải dài 84m. Hỏi mỗi tấm vải dài bao nhiêu mét ?
292. Túi thứ nhất đựng 8kg gạo bằng $\frac{1}{3}$ túi thứ hai. Hỏi túi thứ hai đựng nhiều hơn túi thứ nhất bao nhiêu ki-lô-gam gạo ? Số gạo đựng trong cả hai túi gấp mấy lần số gạo đựng trong túi thứ nhất ?
293. Có hai ngăn sách. Cô thư viện cho lớp 3A mượn $\frac{1}{3}$ số sách ở ngăn thứ nhất, cho lớp 3B mượn $\frac{1}{5}$ số sách ở ngăn thứ hai. Như vậy mỗi lớp đều được mượn 30 cuốn. Hỏi số sách còn lại ở ngăn thứ hai nhiều hơn số sách còn lại ở ngăn thứ nhất là bao nhiêu cuốn ?

294. Trong vườn cây có 35 cây gồm vải, nhãn và hồng xiêm. Số cây hồng xiêm bằng $\frac{1}{7}$ số cây của vườn. Số cây nhãn bằng $\frac{1}{2}$ số cây vải. Hỏi mỗi loại có mấy cây ?
295. Bạn Tâm được $\frac{1}{3}$ gói kẹo nhỏ, bạn Thắng được $\frac{1}{5}$ gói kẹo to, như vậy hai bạn được số kẹo bằng nhau. Biết số kẹo ở gói to nhiều hơn số kẹo ở gói nhỏ là 20 cái. Hỏi mỗi gói kẹo có bao nhiêu cái ?
296. Tổ Một lớp 3A có 12 bạn, trong đó số nam bằng $\frac{1}{2}$ số nữ. Hỏi trong tổ đó số nam ít hơn số nữ mấy người ?
297. Biết gà nhiều hơn thỏ là 15 con và số thỏ bằng $\frac{1}{4}$ số gà. Hỏi cả gà và thỏ có bao nhiêu chân ?
298. Hồng hỏi Cúc : "Bây giờ là mấy giờ chiều ?". Cúc trả lời : "Thời gian từ lúc 12 giờ trưa đến bây giờ bằng $\frac{1}{3}$ thời gian từ bây giờ đến nửa đêm (tức 12 giờ đêm hôm nay)". Em hãy tính xem bây giờ là mấy giờ.

IV. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ TÍNH TUỔI

299. Hiện tại mẹ hơn con 25 tuổi, hỏi 5 năm nữa mẹ hơn con bao nhiêu tuổi ?
300. Hiện tại tuổi mẹ hơn tổng số tuổi hai con là 20 tuổi. Hỏi 5 năm nữa tuổi mẹ hơn tổng số tuổi của hai con là bao nhiêu tuổi ?
301. Năm nay (2004) Lan 10 tuổi và em của Lan 5 tuổi. Hỏi Lan sinh năm nào ? Đến năm 2008 em của Lan mấy tuổi ?
302. Tuổi của bố Mai, mẹ Mai và tuổi của Mai cộng lại là 70 tuổi. Mẹ và Mai có tất cả 35 tuổi. Bố hơn Mai 30 tuổi. Hỏi tuổi của mỗi người ?
303. Hiện nay em 4 tuổi, anh 10 tuổi. Hỏi mấy năm nữa tuổi anh gấp đôi tuổi em ?
304. Hiện nay con 8 tuổi, tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con. Hỏi trước đây mấy năm tuổi con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi mẹ ?

305. Tuổi của Hoa sau đây 3 năm gấp 3 lần tuổi của Hoa trước đây 3 năm. Hỏi hiện nay Hoa mấy tuổi ?

306. Tuổi Tùng bằng $\frac{1}{10}$ tuổi của bố và bằng $\frac{1}{8}$ tuổi của mẹ. Bố hơn mẹ 8 tuổi
Hỏi Tùng bao nhiêu tuổi ?

307. Mẹ sinh con năm mẹ 24 tuổi. Khi tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con thì mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi ?

308. Hiện nay tuổi anh gấp 3 lần tuổi em. Hỏi khi tuổi em tăng gấp đôi thì lúc đó tuổi anh gấp mấy lần tuổi em ?

V. MỘT SỐ BÀI TOÁN KHÁC

309. Lan ra vườn hái 10 bông hoa vừa hồng vừa cúc, hoa hồng nhiều hơn hoa cúc. Lan cắm vào lọ 5 bông. Hỏi có thể nói chắc chắn rằng trong 5 bông hoa đó có ít nhất một bông hoa hồng được không ?

310. Có 4 đôi bút tất khác nhau để trong tủ. Hỏi không nhìn vào tủ, phải lấy ra ít nhất mấy chiếc bút tất để chắc chắn có hai chiếc bút tất thuộc cùng một đôi ?

311. Trong túi có 10 viên bi đỏ, 9 viên bi xanh, 11 viên bi vàng và 4 viên bi trắng. Hỏi không nhìn vào túi, phải lấy ra ít nhất bao nhiêu viên bi để chắc chắn có ít nhất 6 viên bi cùng một màu ?

312. Có 7 con chim phải nhốt vào 3 cái lồng, mỗi lồng không quá 3 con. Bạn Mai nói chắc chắn phải có 2 lồng nhốt cùng một số chim. Điều đó đúng không ? Vì sao ?

313. Có một tuần ở nhà hộ sinh có 8 em bé ra đời ? Có thể nói chắc chắn có ít nhất hai em bé sinh cùng một ngày được không ? Vì sao ?

314. Trong một cuộc thi đấu cờ, ba bạn Trí, Dũng, Minh đạt cả ba giải cao nhất. Trí không đạt giải nhất, Dũng không đạt giải nhì, Minh không đạt giải nhất và không đạt giải ba. Hỏi ai đạt giải nhất, giải nhì, giải ba ?

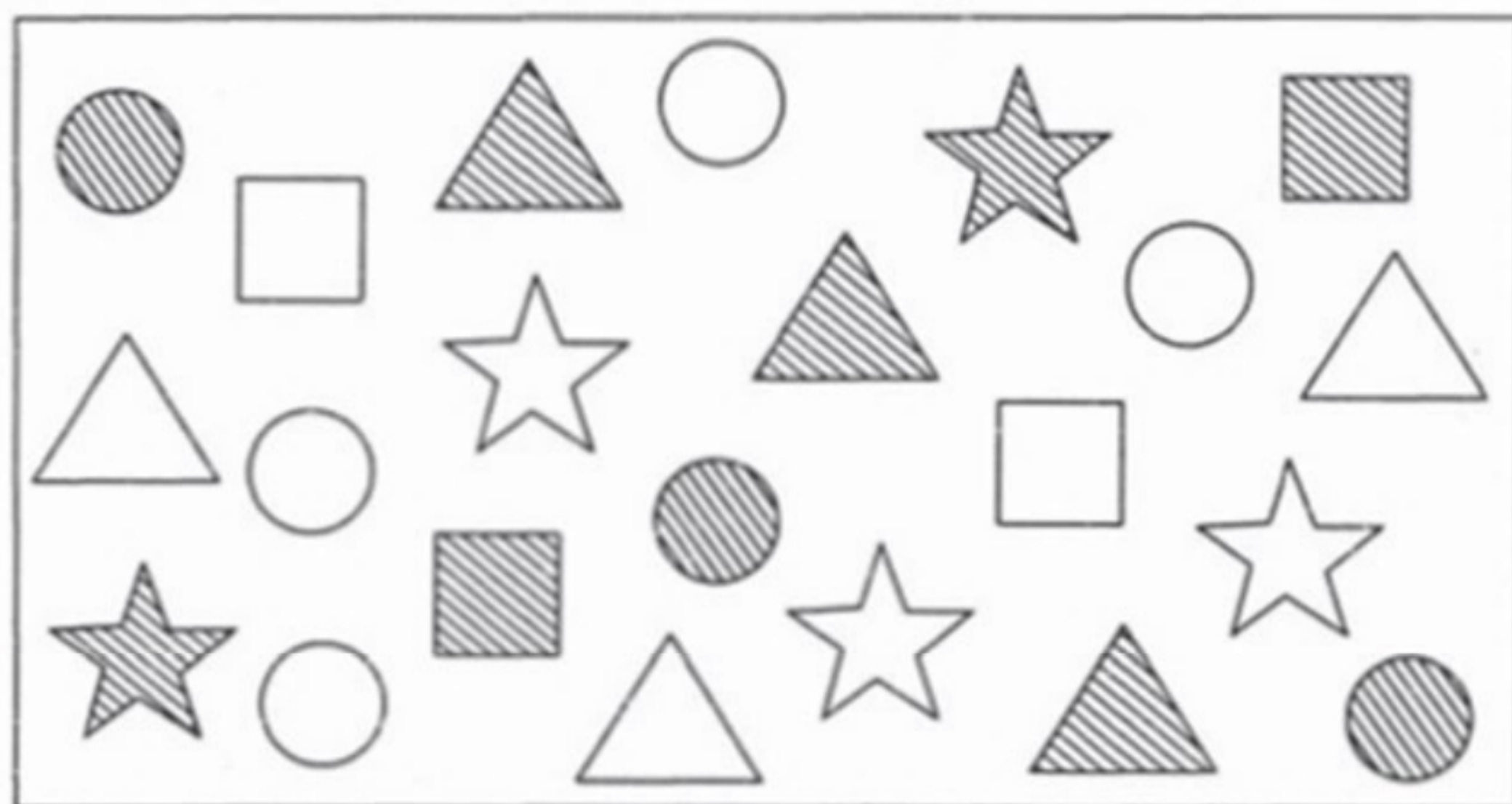
315. Tí nhiều tuổi hơn Sửu, Dần ít tuổi hơn Mão, Sửu nhiều tuổi hơn Mão. Hỏi bạn nào nhiều tuổi nhất, bạn nào ít tuổi nhất ?

316. Có 10 quả bóng gồm bốn loại : xanh, đỏ, tím, vàng. Số bóng vàng gấp 7 lần bóng đỏ. Hỏi mỗi loại có mấy quả bóng ?

317. Con ngỗng và con gà cân nặng bằng con thỏ và con vịt. Vịt nặng hơn gà 2kg. Hỏi ngỗng và thỏ con nào nặng hơn và nặng hơn mấy ki-lô-gam ?
318. Cô giáo hỏi : "Ai được điểm 10 về Toán ?". Có 9 bạn giơ tay. Cô giáo hỏi : "Ai được điểm 10 về Văn ?". Có 8 bạn giơ tay. Nhưng cả hai bài kiểm tra Văn và Toán chỉ có 12 điểm 10. Hỏi có mấy bạn chỉ được điểm 10 Văn ? Có mấy bạn chỉ được điểm 10 Toán ?
Có mấy bạn được điểm 10 cả Văn lẫn Toán ?
319. Bằng một can 5l và một can 3l em làm thế nào để đong được 1l hoặc 4l dầu hỏa từ một thùng dầu hỏa ?
320. Có 9 đồng tiền hình dáng và kích thước giống nhau, trong đó chỉ có 1 đồng tiền nhẹ hơn các đồng tiền khác. Làm thế nào với hai lần cân em có thể tìm ra đồng tiền nhẹ đó.
321. Ở một tháng hai có 5 ngày chủ nhật : Hỏi ngày 14 tháng đó là thứ mấy trong tuần ?

V. MỘT SỐ BÀI TOÁN LÀM QUEN VỚI THỐNG KÊ SỐ LIỆU

322. Quan sát tranh vẽ, rồi viết số liệu thích hợp vào chỗ chấm :



Số hình tròn :			– Số hình có gạch chéo :	
Số hình vuông :			– Số hình tròn không gạch chéo :	
Số hình tam giác :			– Số hình vuông có gạch chéo :	
Số hình ngôi sao :			– Tổng số tất cả các hình :	

323. Dưới đây là dãy số liệu ghi giá tiền của 1 quyển vở, 2 quyển vở, 3 quyển vở.....

1500 đồng ; 3000 đồng ; 4500 đồng ; ... ;...

a) Hãy cho biết ở số thứ 5 trong dãy là bao nhiêu đồng, là giá tiền của mấy quyển vở ?

b) Căn cứ vào giá tiền 1 quyển vở ở trên, em hãy viết dãy số liệu lần lượt ứng với giá tiền của 1 quyển vở, 4 quyển vở, 2 quyển vở, 5 quyển vở, 3 quyển vở vào chỗ chấm sau :

1500 đồng	...	...	...	...
-----------	-----	-----	-----	-----

324. Có các bao gạo :



a) Hãy viết dãy số các ki-lô-gam gạo :

– Theo thứ tự từ bé đến lớn.

– Theo thứ tự từ lớn đến bé.

b) Em hãy nhận xét dãy số liệu trên có "đặc điểm" gì.

c) Từ các bao gạo trên, em có thể lấy ra 105kg gạo từ các bao gạo nguyên nào ? (Nêu càng nhiều cách càng tốt).

325. Trong các cuộc thi chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam. Các bạn khối lớp 3 Trường Thăng Lợi đã đạt được các giải sau :

– Làm báo tường : 1 giải nhất.

– Văn nghệ : 1 giải nhất, 2 giải ba.

– Chúng em vui khỏe : 2 giải nhất, 1 giải nhì, 1 giải ba.

– Viết chữ đẹp : 3 giải nhì, 2 giải ba.

Hãy viết số thích hợp vào bảng thống kê các giải của các bạn khối lớp 3 đã đạt được :

Giải \ Môn	Báo tường	Văn nghệ	Chúng em vui khỏe	Viết chữ đẹp
Nhất				
Nhì				
Ba				

326. a) Ghi số ngày thích hợp trong một tháng vào bảng sau (theo mẫu) :

Tháng	Một	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	Tám	Chín	Mười	Mười một	Mười hai
Số ngày trong 1 tháng	31											

b) Có bao nhiêu tháng mà mỗi tháng có 31 ngày ?

c) Hai tháng nào liền nhau mà có cùng một số ngày ?

d) Biết tháng Hai năm nhuận có 29 ngày, tháng Hai năm thường có 28 ngày. Hỏi năm nhuận có bao nhiêu ngày, năm thường có bao nhiêu ngày ?

327. Thống kê số điểm 10 của bài kiểm tra cuối năm hai môn Toán và Tiếng Việt ở lớp 3A, 3B, 3C như sau :

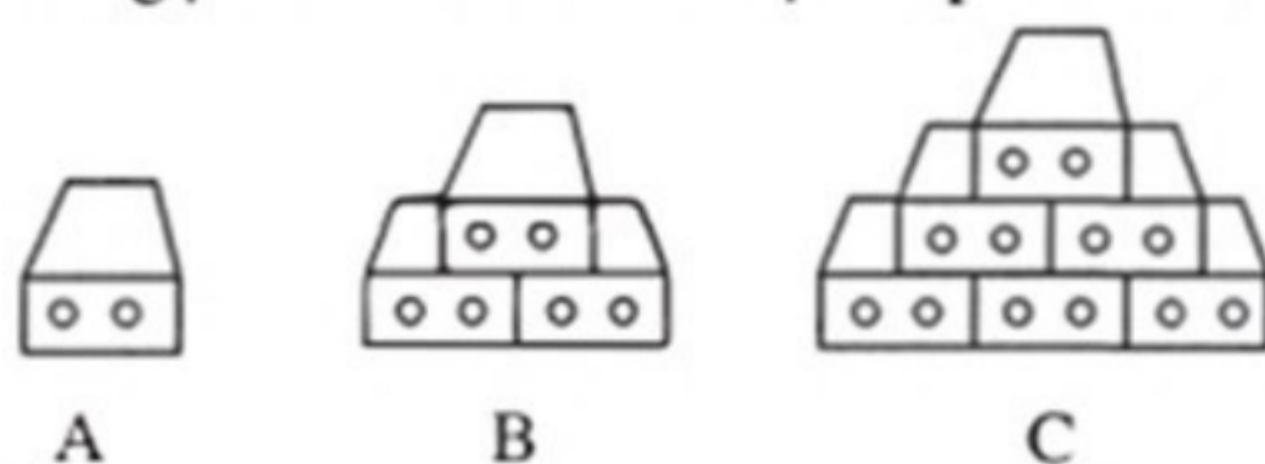
- Lớp 3A có 12 điểm 10 Toán và 8 điểm 10 Tiếng Việt.
- Lớp 3B có 15 điểm 10 Toán và 10 điểm 10 Tiếng Việt.
- Lớp 3C có 8 điểm 10 Toán và 12 điểm 10 Tiếng Việt.

a) Em hãy lập bảng thống kê số liệu các điểm 10 ở trên.

b) Cả ba lớp có bao nhiêu điểm 10 Toán ? Bao nhiêu điểm 10 Tiếng Việt ?

c) Lớp nào có số điểm 10 Toán nhiều nhất ? Lớp nào có số điểm 10 Tiếng Việt ít nhất ?

328. Số viên gạch ở mỗi hình được xếp như sau :



§6. MỘT SỐ ĐỀ TỰ KIỂM TRA

Đề 1

Bài 1. a) Có bao nhiêu số có hai chữ số mà mỗi số bé hơn 25 ? Viết các số đó.

b) Có bao nhiêu số có hai chữ số mà mỗi số lớn hơn 86 ? Viết các số đó.

Bài 2. Điền dấu phép tính (+, -) thích hợp vào ô trống :

a) $17 \square 14 \square 6 > 10$

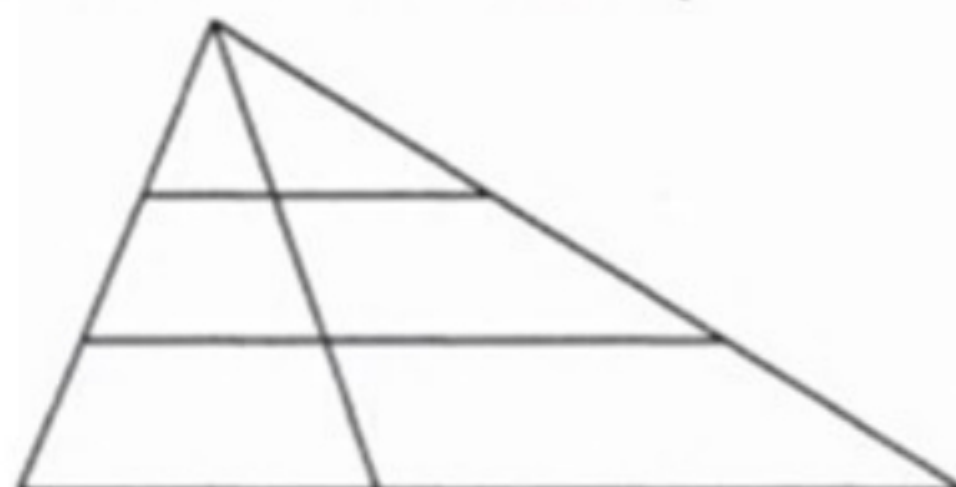
b) $10 < 17 \square 14 \square 6 < 36$

Bài 3. Hoa có một số bút chì vừa loại màu đỏ vừa loại màu xanh : Bút chì đỏ nhiều hơn bút chì xanh là 8 cái, nhưng gộp cả bút chì xanh và bút chì đỏ lại cũng không đủ một tá. Hỏi Hoa có bao nhiêu bút chì mỗi loại ?

Bài 4. Trong hình vẽ bên :

a) Có bao nhiêu hình tứ giác ?

b) Có bao nhiêu hình tam giác ?



Đề 2

Bài 1. Điền số thích hợp vào ô trống trong mỗi trường hợp sau, sao cho hai số liền nhau thì hơn kém nhau 3 đơn vị.

a)

10		10		10
----	--	----	--	----

b)

10		10		10
----	--	----	--	----

c)

10		10		10
----	--	----	--	----

d)

10		10		10
----	--	----	--	----

Bài 2. a) Phải rót từ thùng A sang thùng B bao nhiêu lít dầu để hai thùng có số lít dầu bằng nhau ?

b) Phải rót từ thùng B sang thùng A bao nhiêu lít dầu để hai thùng có số lít dầu gấp 3 lần nhau ?



A



B

§6. MỘT SỐ ĐỀ TỰ KIỂM TRA

Đề 1

Bài 1. a) Có bao nhiêu số có hai chữ số mà mỗi số bé hơn 25 ? Viết các số đó.

b) Có bao nhiêu số có hai chữ số mà mỗi số lớn hơn 86 ? Viết các số đó.

Bài 2. Điền dấu phép tính (+, -) thích hợp vào ô trống :

a) $17 \square 14 \square 6 > 10$

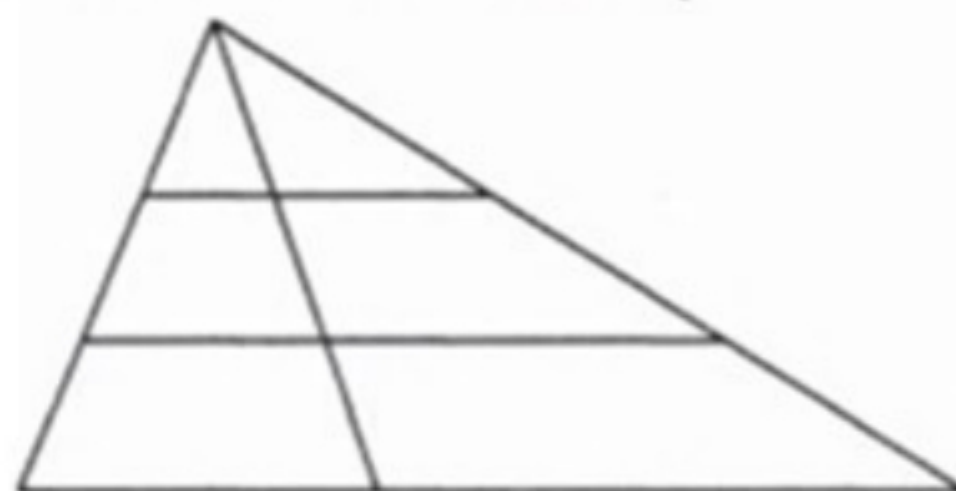
b) $10 < 17 \square 14 \square 6 < 36$

Bài 3. Hoa có một số bút chì vừa loại màu đỏ vừa loại màu xanh : Bút chì đỏ nhiều hơn bút chì xanh là 8 cái, nhưng gộp cả bút chì xanh và bút chì đỏ lại cũng không đủ một tá. Hỏi Hoa có bao nhiêu bút chì mỗi loại ?

Bài 4. Trong hình vẽ bên :

a) Có bao nhiêu hình tứ giác ?

b) Có bao nhiêu hình tam giác ?



Đề 2

Bài 1. Điền số thích hợp vào ô trống trong mỗi trường hợp sau, sao cho hai số liền nhau thì hơn kém nhau 3 đơn vị.

a)

10		10		10
----	--	----	--	----

b)

10		10		10
----	--	----	--	----

c)

10		10		10
----	--	----	--	----

d)

10		10		10
----	--	----	--	----

Bài 2. a) Phải rót từ thùng A sang thùng B bao nhiêu lít dầu để hai thùng có số lít dầu bằng nhau ?

b) Phải rót từ thùng B sang thùng A bao nhiêu lít dầu để hai thùng có số lít dầu gấp 3 lần nhau ?



A



B

Bài 3. Trong một tháng có ba ngày chủ nhật là ngày chẵn. Hỏi ngày 3 tháng đó là ngày thứ mấy trong tuần ?

Bài 4. Phải vẽ qua đỉnh A của hình tam giác ABC mấy đoạn thẳng để đếm trên hình được tất cả 6 hình tam giác ? Ghi tên các hình tam giác đó.



Đề 3

Bài 1. Viết tất cả các số có hai chữ số, biết chữ số hàng chục là chữ số *chẵn*, chữ số hàng đơn vị là chữ số *lẻ*. Có bao nhiêu số như vậy ?

Bài 2. Tìm hiệu, tích và thương của hai số, biết tổng hai số đó là 15 và tổng gấp 3 lần số bé.

Bài 3. Một thùng đựng 30 quả trứng thì nặng 8kg. Cũng cái thùng đó đựng 40 quả trứng thì nặng 10kg. Hỏi riêng cái thùng nặng mấy ki-lô-gam.

Bài 4. Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) $35 \times 6 - 70 \times 3 + 35$

b) $10 + 2 + 6 + 7 + 3 + 1 + 8 + 4 + 9 + 5$

Đề 4

Bài 1. Từ các chữ số 0, 5, 2, 1, 7 em hãy lập số lớn nhất có ba chữ số khác nhau và số bé nhất có ba chữ số khác nhau rồi tính tổng và hiệu hai số đó

Bài 2. Thay mỗi dấu * bằng một chữ số thích hợp :

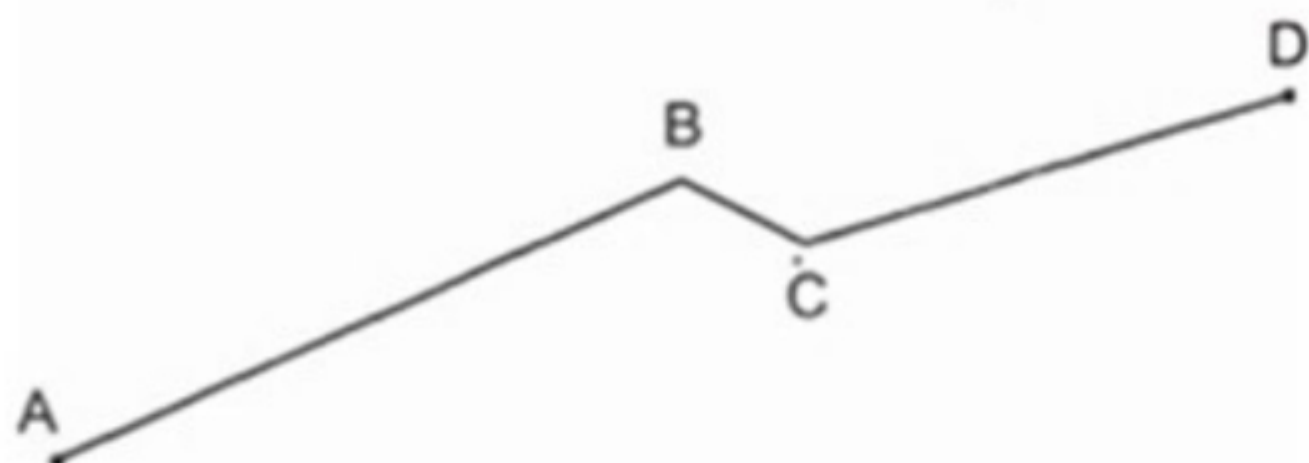
a)
$$\begin{array}{r} 8*1 \\ - *97 \\ \hline 26* \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} *5* \\ + **8 \\ \hline 304 \end{array}$$

Bài 3. Bình đặt 4 quyển Toán và 6 quyển Tiếng Việt lên đĩa cân bên trái, đặt 5 quyển Toán và 5 quyển Tiếng Việt lên đĩa cân bên phải thì thấy kim chỉ lệch sang bên trái. Hỏi quyển sách Toán và Tiếng Việt quyển nào cân nặng hơn ?



Bài 4. Đường gấp khúc ABCD gồm 3 đoạn thẳng dài tất cả 18m. Đoạn thẳng AB dài gấp 5 lần đoạn thẳng BC, còn đoạn thẳng CD ngắn hơn đoạn thẳng AB. Tính độ dài mỗi đoạn thẳng (số đo theo mét là số tự nhiên).



Đề 5

Bài 1. Tìm tất cả các số có ba chữ số mà mỗi số đó có tổng các chữ số bằng 3.

Bài 2. a) Ô tô đi từ A lúc 8 giờ sáng đến B lúc 2 giờ chiều cùng ngày. Hỏi ô tô đi từ A đến B hết mấy giờ ?

b) Bình đi ngủ lúc 10 giờ tối và đến 6 giờ sáng hôm sau thì thức dậy. Hỏi Bình đã ngủ được mấy giờ ?

Bài 3. Lúc đầu số dầu ở trong thùng thứ nhất bằng $\frac{1}{3}$ thùng của nó, số dầu ở

thùng thứ hai bằng $\frac{1}{4}$ thùng của nó. Người ta đổ thêm cho đầy dầu ở mỗi

thùng thì cần phải đổ thêm tất cả 20l.

Hỏi mỗi thùng chứa đầy được bao nhiêu lít dầu ? Biết số dầu lúc đầu ở hai thùng bằng nhau.

Bài 4. Một hình chữ nhật có chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính chu vi hình chữ nhật đó, biết diện tích của nó là 32cm^2 .

HƯỚNG DẪN – ĐÁP SỐ

1. Viết vào chỗ chấm : 3241 và 32415.
2. Viết tiếp, chẳng hạn :
13204 đọc là : Mười ba nghìn hai trăm linh tư.
20305 đọc là : Hai mươi nghìn ba trăm linh năm.
3. Số 20002 đọc đúng là : Hai mươi nghìn không trăm linh hai.
4. Khoanh vào chữ D.
5. a) Chẳng hạn : $35 = 30 + 5 ; \dots$
b) Chẳng hạn : $365 = 300 + 60 + 5 ; \dots$
6. a) $756 = 700 + 50 + 6$
 $= 100 \times 7 + 10 \times 5 + 6$
b) $862 = 100 \times 8 + 10 \times 6 + 2$
c) $\overline{abc} = 100 \times a + 10 \times b + c$
 $= \overline{a00} + \overline{bc}$
7. a) 55, 60, 3003, $\overline{ab}$.
b) 555, 613, 60606, $\overline{abc}$.
8. a) 13, 23, 33, 43, 53, 63, 73, 83, 93.
b) 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79.
9. a) 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99.
b) 111, 222, 333, 444, 555, 666, 777, 888, 999.
c) 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99.
d) 444, 333, 222, 111.
10. • 37, 73, 33, 77.
• 50, 55.

11. • 345, 354, 435, 453, 534, 543 – Có 6 số

• 305, 350, 530, 503 – Có 4 số.

12. • 11, 13, 15, 17, 19, 31, 33, 35, 37, 39, 51, 53, 55, 57, 59

71, 73, 75, 77, 79, 91, 93, 95, 97, 99 – Có 25 số.

• 20, 22, 24, 26, 28, 40, 42, 44, 46, 48,

60, 62, 64, 66, 68, 80, 82, 84, 86, 88 – Có 20 số.

13. Các số đó là : 11100, 11010, 11001, 10110, 10101, 10011.

14. Các số đó là : 44, 41, 45, 11, 14, 15, 55, 51, 54 (có 9 số).

15. Nếu x khác 0 ta có 9 số có hai chữ số là :

$\overline{xx}$, $\overline{x1}$, $\overline{x5}$, 11, $\overline{1x}$, 15, 51, $\overline{5x}$, 55.

Nếu $x = 0$ ta có 6 số có hai chữ số là : 11, $\overline{1x}$, 15, 51, $\overline{5x}$, 55.

Vậy $x = 0$.

16. a) Số đó giảm đi 10 lần.

b) Số đó giảm đi 500 đơn vị.

c) Số đó tăng thêm : $80 - 40 = 40$ (đơn vị).

d) Số đó giảm đi : $40 - 4 = 36$ (đơn vị).

17. a) Số đó gấp lên 10 lần.

b) Số đó tăng thêm 200 đơn vị.

c) Số đó tăng thêm : $405 - 45 = 360$.

18. a) Chữ số a và c giống nhau và khác 0.

b) Giá trị số $\overline{abc}$ không đổi khi ta thay a bởi b , b bởi c , c bởi a nghĩa là có $\overline{abc} = \overline{bca}$ suy ra $a = b = c$ (khác 0).

19. $3957 < \textcircled{x} < 9537$

5397

3795

7539

9573

20. $\textcircled{x} < 3142 < \textcircled{y}$

2413

4123

1432

3412

b) $x > 99$. Giá trị bé nhất của x là : $x = 100$ (x không có giá trị lớn nhất).

c) $35 < x < 505$. Giá trị bé nhất của x là : $x = 36$ (số liền sau 35).

Giá trị lớn nhất của x là : $x = 504$ (số liền trước 505).

28. a) $m = 99$; $n = 100$. Vậy $m < n$.

b) $m = 100 \times 3 + 10 \times 7 + 5 = 375$; $n = 375$. Vậy $m = n$.

c) $m = 100$, $n = 99$. Vậy $m > n$.

29. Số lớn nhất 795.

Số bé nhất 101.

30. $x = 100$, $x = 101$, $x = 102$, $x = 103$, $x = 104$.

31. $y + 1000 < 2004$.

$y < 1004$ (cùng bớt đi 1000).

y là số có bốn chữ số ; vậy $y = 1000$, $y = 1001$, $y = 1002$, $y = 1003$.

32. a) 0, 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18.

b) 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13, 15, 17, 19.

c) 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70.

33. a) Số sau hơn số trước 3 đơn vị : 1, 4, 7, 10, 13, 16, 19.

b) Số sau kém hơn số trước 5 đơn vị : 45, 40, 35, 30, 25, 20, 15.

c) Số sau gấp đôi số trước : 1, 2, 4, 8, 16, 32, 64, 128.

34. a) Số hạng thứ 20 là $2 \times 20 = 40$.

b) Số 93 không ở trong dãy số trên vì mỗi số hạng của dãy số trên là số chẵn mà 93 là số lẻ.

35. Trong dãy số : 1, 2, 3, 4, ..., 59, 60 có :

a) 30 số chẵn.

b) 30 số lẻ.

c) 6 số có tận cùng 5 (5, 15, 25, 35, 45, 55).

36. a) Có 10 số có một chữ số (0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9).

b) Có 90 số có hai chữ số ($99 - 9 = 90$)

c) Có 900 số có ba chữ số ($999 - 99 = 900$).

b) $x > 99$. Giá trị bé nhất của x là : $x = 100$ (x không có giá trị lớn nhất).

c) $35 < x < 505$. Giá trị bé nhất của x là : $x = 36$ (số liền sau 35).

Giá trị lớn nhất của x là : $x = 504$ (số liền trước 505).

28. a) $m = 99$; $n = 100$. Vậy $m < n$.

b) $m = 100 \times 3 + 10 \times 7 + 5 = 375$; $n = 375$. Vậy $m = n$.

c) $m = 100$, $n = 99$. Vậy $m > n$.

29. Số lớn nhất 795.

Số bé nhất 101.

30. $x = 100$, $x = 101$, $x = 102$, $x = 103$, $x = 104$.

31. $y + 1000 < 2004$.

$y < 1004$ (cùng bớt đi 1000).

y là số có bốn chữ số ; vậy $y = 1000$, $y = 1001$, $y = 1002$, $y = 1003$.

32. a) 0, 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18.

b) 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13, 15, 17, 19.

c) 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70.

33. a) Số sau hơn số trước 3 đơn vị : 1, 4, 7, 10, 13, 16, 19.

b) Số sau kém hơn số trước 5 đơn vị : 45, 40, 35, 30, 25, 20, 15.

c) Số sau gấp đôi số trước : 1, 2, 4, 8, 16, 32, 64, 128.

34. a) Số hạng thứ 20 là $2 \times 20 = 40$.

b) Số 93 không ở trong dãy số trên vì mỗi số hạng của dãy số trên là số chẵn mà 93 là số lẻ.

35. Trong dãy số : 1, 2, 3, 4, ..., 59, 60 có :

a) 30 số chẵn.

b) 30 số lẻ.

c) 6 số có tận cùng 5 (5, 15, 25, 35, 45, 55).

36. a) Có 10 số có một chữ số (0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9).

b) Có 90 số có hai chữ số ($99 - 9 = 90$)

c) Có 900 số có ba chữ số ($999 - 99 = 900$).

37. a) Có 5 số chẵn (5 số lẻ) gồm một chữ số (số 0 được coi là số chẵn).

b) Có 45 số chẵn (45 số lẻ) gồm hai chữ số.

c) Có 450 số chẵn (450 số lẻ) gồm ba chữ số.

38. *Gợi ý :*

a) Có 9 số có hai chữ số và tận cùng là 1 (11, 21, 31, 41, 51, 61, 71, 81, 91).

b) Xét số gồm ba chữ số và tận cùng là 2. Ở hàng trăm có thể là một trong 9 chữ số : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Ở hàng chục có thể là một trong 10 chữ số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Vậy có $9 \times 10 = 90$ số gồm ba chữ số có tận cùng bằng 2.

c) Xét số gồm ba chữ số, trong đó chỉ có một chữ số 5. Nếu chữ số 5 ở hàng trăm thì có $9 \times 9 = 81$ số. Nếu chữ số 5 ở hàng chục hoặc ở hàng đơn vị thì có $8 \times 9 = 72$ số. Vậy có tất cả : $81 + 72 + 72 = 225$ số gồm ba chữ số, trong đó chỉ có một chữ số 5.

39. Xét 1, 0, 0, 1, 0, 0, 1, 0, 0, 1, ...

Gợi ý :

a) Số hạng ở vị trí 1, 4, 7, ... (số chia cho 3 dư 1) là số 1. Vậy số hạng thứ 31 là số 1 (31 chia cho 3 dư 1).

b) Gọi (1, 0, 0) là một "nhóm". Vì 100 chia cho 3 được 33 (dư 1), ($100 = 3 \times 33 + 1$), như vậy khi viết đến số hạng thứ 100 ta viết được 33 "nhóm" và thêm một số 1 tức là có : $2 \times 33 = 66$ (số 0).

Và có : $1 \times 33 + 1 = 34$ (số 1).

40. *Gợi ý :* Từ 1 đến 9 có 9 chữ số. Từ 10 đến 99 có $2 \times 90 = 180$ (chữ số).

Số trang có ba chữ số là :

$$150 - 99 = 51 \text{ (trang).}$$

Từ đó số chữ số của các trang có ba chữ số là :

$$3 \times 51 = 153 \text{ (chữ số).}$$

Vậy để đánh số trang quyển sách dày 150 trang cần dùng số chữ số là :

$$9 + 180 + 153 = 342 \text{ (chữ số).}$$

41. Coi 1km là khoảng cách giữa hai cột mốc liên tiếp thì từ A đến B có 102 "khoảng cách" như vậy, do đó có $102 + 1 = 103$ (cột mốc).

Cột mốc ở chính giữa AB là cột mốc thứ 52 và ghi số 51 (km).

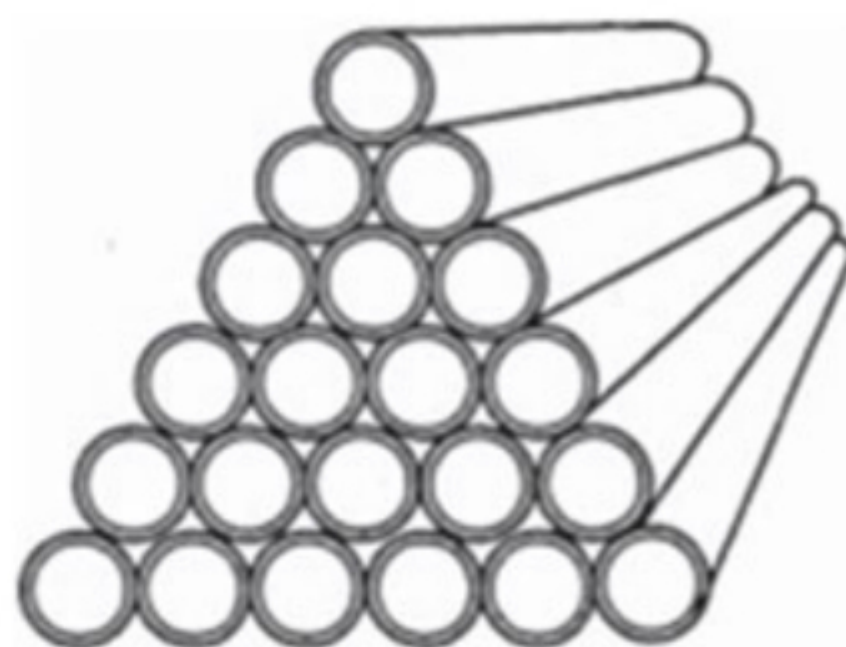
42. Gợi ý : Theo cách sắp xếp đó thì số bạn nam bằng số bạn nữ vì có 20 bạn nam, nên có 20 bạn nữ. Lớp 3A có tất cả

$$20 + 20 = 40 \text{ (bạn).}$$

43. a) Số ống xếp được tất cả là :

$$1 + 2 + 3 + 4 + 5 = 15 \text{ (ống).}$$

- b) Dựa vào phần trên, để có tất cả 21 ống, tức là phải thêm 6 ống vào 15 ống. Như vậy hàng dưới cùng có 6 ống và tất cả xếp được 6 hàng.



44. Ở hình D có :

$$1 + 2 + 3 + 4 = 10 \text{ (hộp nhựa)}$$

- Tổng số hộp nhựa ở cả bốn hình là :

$$1 + 3 + 6 + 10 = 20 \text{ (hộp nhựa)}$$



Hình D

45. Nhận xét : Số chấm tròn ở các ô theo "quy luật" : số chấm sau gấp đôi số chấm đứng liền trước nó. Ta có dãy số chấm tròn là : 1, 2, 4, 8, 16, 32.

Vậy phải vẽ vào ô thứ tư 8 chấm tròn, vẽ vào ô thứ sáu 32 chấm tròn.

46. Gợi ý : Phân tích 14 thành tổng hai chữ số :

$$14 = 9 + 5 = 8 + 6 = 7 + 7$$

Các số có hai chữ số có tổng các chữ số bằng 14 là : 95, 59, 86, 68, 77.

47. Gợi ý : Ta có

$$5 = 9 - 4 = 8 - 3 = 7 - 2 = 6 - 1 = 5 - 0.$$

Các số có hai chữ số có hiệu hai chữ số bằng 5 là :

$$94, 49, 83, 38, 72, 27, 61, 16, 50.$$

48. Gợi ý : Phân tích 12 thành tích hai chữ số :

$$12 = 6 \times 2 = 4 \times 3$$

Các số có hai chữ số có tích các chữ số bằng 12 là : 62, 26, 43, 34.

49. Gợi ý : Ta có : $3 = 9 : 3 = 6 : 2 = 3 : 1$

Các số có hai chữ số có thương các chữ số bằng 3 là :

$$93, 39, 62, 26, 31, 13.$$

50. *Gợi ý* : Phân tích 3 thành tổng ba chữ số :

$$3 = 3 + 0 + 0 = 2 + 1 + 0 = 1 + 1 + 1$$

Các số có ba chữ số mà tổng các chữ số bằng 3 là :

$$300, 210, 201, 102, 120, 111.$$

51. Chữ số hàng trăm gấp đôi chữ số hàng chục, chữ số hàng chục gấp 3 lần chữ số hàng đơn vị, suy ra chữ số hàng trăm gấp 6 lần chữ số hàng đơn vị ($3 \times 2 = 6$).

Chữ số hàng đơn vị phải là 1 (vì nếu là 2 trở lên thì chữ số hàng trăm quá 10).

Từ đó chữ số hàng chục là : $1 \times 3 = 3$, chữ số hàng trăm là $3 \times 2 = 6$. Số đó là : 631.

52. *Gợi ý* : Số đó bé hơn 146 suy ra số chữ số của số đó bằng 2 hoặc bằng 3. Xét các số có tích các chữ số bằng 6.

Số đó có hai chữ số thì số đó là : 16, 61, 23, 32 (vì $6 = 1 \times 6 = 2 \times 3$).

Số đó có ba chữ số thì số đó có thể là : 116, 161, 611, 123, 132, 213, 231, 312, 321 (vì $6 = 1 \times 1 \times 6 = 1 \times 2 \times 3$).

Vì số đó bé hơn 146 nên chỉ có các số : 16, 61, 23, 32, 116, 123, 132 (không xét số có một chữ số).

53. *Gợi ý* : Hai chữ số gấp kém nhau 2 lần là : (8, 4) ; (6, 3) ; (4, 2) ; (2, 1).

Trong đó chỉ có hai chữ số 4 và 2 là hơn kém nhau 2 đơn vị.

Vậy số đó là : 24 hoặc 42.

54. *Gợi ý* : Chữ số hàng chục hơn chữ số hàng trăm là 8 thì chữ số hàng trăm chỉ có thể là 0 hoặc 1. Chữ số hàng trăm khác 0 nên chữ số hàng trăm là 1, chữ số hàng chục là 9, chữ số hàng đơn vị là $1 \times 4 = 4$. Số đó là : 194.

55. *Gợi ý* : Ta có $\overline{ab} = \overline{ba}$ suy ra $a = b$ (khác 0). Số có hai chữ số giống nhau lớn hơn 85 là 88 hoặc 99.

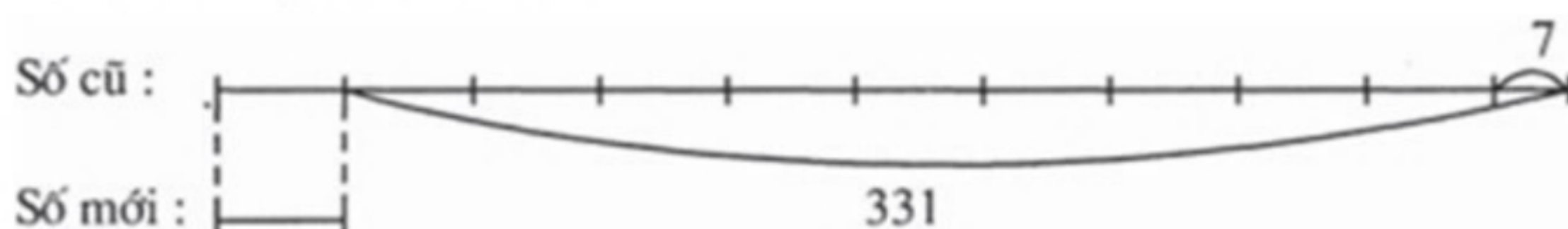
56. *Gợi ý* : Số đó có chữ số hàng trăm và hàng đơn vị giống nhau.

Số đó có dạng : $\overline{a6a}$. Vì $a + a = 6$ nên $a = 6 : 2 = 3$. Số đó là : 363.

57. Viết thêm chữ số 2 vào bên trái một số có hai chữ số tức là đã thêm vào số đó 200 đơn vị. Số mới gấp 9 lần số cũ như vậy đã tăng thêm 8 lần số cũ ($9 - 1 = 8$). Vậy 8 lần số cũ bằng 200. Số cũ là $200 : 8 = 25$. Số có hai chữ số phải tìm là 25.

Thử lại : $225 : 9 = 25$.

58. Xóa chữ số 7 ở hàng đơn vị của một số tức là đã bớt số đó đi 7 đơn vị rồi giảm đi 10 lần, ta có sơ đồ :



Số mới là : $(331 - 7) : (10 - 1) = 36$

Số phải tìm là : 367.

Thử lại : $367 - 36 = 331$.

Hoặc đặt :

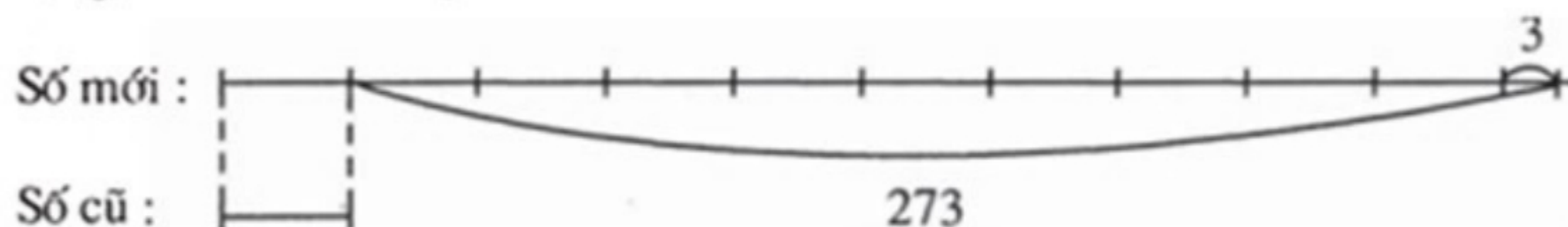
$$\begin{array}{r} ab7 \\ - \quad ab \\ \hline 331 \end{array}$$

* $7 - b = 1$, suy ra $b = 7 - 1 = 6$.

* $6 - a = 3$, suy ra $a = 6 - 3 = 3$.

* Vậy số đó là : 367.

59. Viết thêm chữ số 3 vào bên phải của một số tức là đã gấp số đó lên 10 lần rồi cộng thêm 3 đơn vị. Ta có sơ đồ :



Số phải tìm là : $(273 - 3) : (10 - 1) = 30$

Thử lại : $303 - 30 = 273$.

Hoặc đặt :

$$\begin{array}{r} \dots ab3 \\ - \quad \dots ab \\ \hline 273 \end{array}$$

* $3 - b = 3$, suy ra $b = 3 - 3 = 0$.

* $10 - a = 7$, suy ra $a = 10 - 7 = 3$.

* Vậy số đó là 30.

60. Gợi ý : Hiệu giữa A và B là 750 chứng tỏ $A > 750$. Số A lập từ ba chữ số 2, 3, 8 mà lớn hơn 750 nên số A là 832 hoặc 823.

Từ hai số 2, 8 lập được số có hai chữ số khác nhau là : $B = 28$ hoặc $B = 82$.

Hiệu của A và B tận cùng là 0 nên $A = 832$, $B = 82$.

Thử lại : $832 - 82 = 750$ (đúng).

61. Đổi chữ số hàng trăm và hàng chục cho nhau thì số đó không đổi tức là hai chữ số đó giống nhau. Số đó có dạng $\overline{aab}$, suy ra :

$a + a + b = 25$; $a > 7$ (vì $a = 7$ thì $b = 11$, vô lý)

Ta có : $a = 9$; $b = 7$ để $9 + 9 + 7 = 25$

$a = 8$; $b = 9$ để $8 + 8 + 9 = 25$.

Số đó là : 889 hoặc 997.

62. *Gợi ý* : Chữ số hàng chục gấp 2 lần chữ số hàng trăm, chữ số hàng trăm gấp 2 lần chữ số hàng đơn vị, suy ra chữ số hàng chục gấp 4 lần chữ số hàng đơn vị ($2 \times 2 = 4$). Do đó chữ số hàng đơn vị là 1 hoặc 2 (để chữ số hàng chục không quá 10). Vì số phải tìm là số chẵn nên chữ số hàng đơn vị là 2. Từ đó chữ số hàng chục là 8 ($2 \times 4 = 8$), chữ số hàng trăm là 4 ($2 \times 2 = 4$). Số phải tìm là 482.

63. Đặt số phải tìm là $\overline{abc}$, theo đầu bài có : $c > 6$ và :

$$\begin{array}{r} ab \\ - bc \\ \hline 11 \end{array}$$

Nếu $c = 7$ thì $b = 8$ ($8 - 7 = 1$) và $a = 9$, ($9 - 8 = 1$). Số đó là 987.

Thử lại : $98 - 87 = 11$.

* Nếu $c = 8$ thì $b = 9$; ($9 - 8 = 1$)

Khi đó $a = 9 + 1 = 10$ (không được).

* Nếu $c = 9$ thì $b = 0$; ($10 - 9 = 1$)

Khi đó $a - 1 = 1$; $a = 2$. Số đó là 209.

Thử lại : $20 - 9 = 11$. Vậy số phải tìm là : 987 và 209.

64. *Gợi ý* : Ta phải tìm số $\overline{abc}$ và số $\overline{mn}$ sao cho :

$$\overline{abc} + \overline{mn} = 110$$

Nhận xét : $\overline{abc}$ bé nhất là 100, $\overline{mn}$ bé nhất là 10. Vậy tổng $\overline{abc} + \overline{mn}$ bé nhất là : $100 + 10 = 110$ (đúng đề bài) : Ta có hai số cần tìm là $\overline{abc} = 100$ và $\overline{mn} = 10$.

65. *Gợi ý* : Ta phải tìm số $\overline{abc}$ và số $\overline{mn}$ sao cho :

$$\overline{abc} - \overline{mn} = 989.$$

Nhận xét : $\overline{abc}$ lớn nhất là 999, $\overline{mn}$ bé nhất là 10. Vậy hiệu của $\overline{abc}$ và $\overline{mn}$ lớn nhất là : $999 - 10 = 989$ (đúng đề bài). Ta có hai số cần tìm là :

$$\overline{abc} = 999 \text{ và } \overline{mn} = 10.$$

$$\begin{array}{r} 66. \text{ a) } \quad ?5 \\ + \quad 47 \\ \hline 6? \end{array}$$

* 5 cộng 7 bằng 12, vi-ết 2 nhớ 1.

* $? + 1$ (nhớ) $+ 4 = 6$, suy ra $? = 1$.

Phép tính đúng là.

$$\begin{array}{r} 15 \\ + \quad 47 \\ \hline 62 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b) } \quad ?6 \\ + \quad ?? \\ \hline 31 \end{array}$$

* 6 cộng 5 bằng 11, vi-ết 1 nhớ 1.

* $? + ? + 1$ (nhớ) $= 3$, suy ra $1 + 1 + 1 = 3$.

Phép tính đúng là :

$$\begin{array}{r} 16 \\ + \quad 15 \\ \hline 31 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c) } \quad ?79 \\ + \quad 4?5 \\ \hline 85? \end{array}$$

* 9 cộng 5 bằng 14, vi-ết 4 nhớ 1.

* $7 + 1$ (nhớ) $= 8$, 8 cộng 7 bằng 15, vi-ết 5 nhớ 1.

* $? + 1$ (nhớ) $+ 4 = 8$, suy ra $? = 3$.

Phép tính đúng là :

$$\begin{array}{r} 379 \\ + \quad 475 \\ \hline 854 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d) } \quad 65? \\ + \quad 1?4 \\ \hline ?10 \end{array}$$

* 6 cộng 4 bằng 10, vi-ết 0 nhớ 1.

* $5 + 1$ (nhớ) $= 6$, 6 cộng 5 bằng 11, vi-ết 1 nhớ 1.

* $6 + 1$ (nhớ) $+ 1 = 8$, vi-ết 8.

Phép tính đúng là :

$$\begin{array}{r} 656 \\ + \quad 154 \\ \hline 810 \end{array}$$

67. a) Số lớn nhất có hai chữ số là 99. Số An đã nghĩ là :

$$99 + 65 = 164$$

b) Số lớn nhất có ba chữ số là 999. Số Bình đã nghĩ là :

$$999 + 1 = 1000$$

68. Từ các chữ số 5, 2, 3 lập được các số có hai chữ số khác nhau là :

$$52, 53, 32, 35, 25, 23.$$

$$\text{Tổng } A = 52 + 53 + 32 + 35 + 25 + 23 = 220.$$

Nhận xét : Mỗi chữ số xuất hiện ở hàng chục hai lần, ở hàng đơn vị hai lần nên ta có thể tính nhanh tổng trên như sau :

$$A = (5 + 2 + 3) \times 22 = 10 \times 22 = 220.$$

69. *Gợi ý :* Như bài 68 ta có tổng :

$$A = \overline{ab} + \overline{ac} + \overline{ba} + \overline{bc} + \overline{ca} + \overline{cb}$$

$$A = (a + b + c) \times 22 = 10 \times 22 = 220.$$

70. *Gợi ý :* Tổng $\overline{abc} + \overline{mnp}$ gồm $(a + m)$ trăm, $(b + n)$ chục và $(c + p)$ đơn vị và $(\overline{abc} + \overline{mnp}) = 579$.

Nhận xét :

* Tổng $\overline{anp} + \overline{mbc}$ gồm $(a + m)$ trăm, $(b + n)$ chục và $(c + p)$ đơn vị nên bằng tổng $\overline{abc} + \overline{mnp}$ và bằng 579.

* Cũng như vậy tổng $\overline{mbp} + \overline{anc}$ cũng gồm $(m + a)$ trăm, $(b + n)$ chục và $(c + p)$ đơn vị nên tổng đó cũng bằng 579.

71. *Gợi ý :* Nhận xét mỗi tổng A hoặc B đều gồm : $(1 + 4)$ trăm, $(2 + 5 + 7 + 9)$ chục và $(3 + 6 + 8 + 0)$ đơn vị.

Vậy tổng A và B bằng nhau.

72. a) Nếu mỗi số hạng cùng tăng thêm 35 đơn vị thì tổng sẽ tăng thêm

$$35 + 35 = 70 \text{ (đơn vị)}.$$

b) Nếu số hạng này tăng thêm 30 đơn vị, số hạng kia giảm đi 30 đơn vị thì tổng không thay đổi $(30 - 30 = 0)$.

c) Nếu mỗi số hạng cùng gấp lên (hoặc giảm đi) 2 lần thì tổng sẽ gấp lên (hoặc giảm đi) 2 lần.

Ví dụ : $2 + 6 = 8$.

$$(2 \times 2) + (6 \times 2) = 4 + 12 = 16 = 8 \times 2.$$

Hoặc

$$(2 : 2) + (6 : 2) = 1 + 3 = 4 = 8 : 2.$$

73. a) Nếu một số hạng bằng 0 thì tổng hai số bằng số hạng còn lại của nó.

Ví dụ :

$$7 + 0 = 7 ; \quad 0 + 6 = 6 ; \quad a + 0 = 0 + a = a.$$

b) Số bé nhất khác 0 là 1. Hai số có tổng bằng 1 là 0 và 1.

c) Mỗi số khác 0 đều lớn hơn hoặc bằng 1, tổng hai số khác 0 nhỏ nhất bằng 2, khi đó mỗi số hạng đều bằng 1 ($1 + 1 = 2$).

Vậy hai số khác 0 có tổng bé nhất là 1 và 1.

74. a) Chẳng hạn, chữ số hàng đơn vị của số thứ nhất là a, của số thứ hai là b. Nếu tổng có chữ số hàng đơn vị là 0 và cộng không có nhớ sang hàng chục thì có :

$$a + b = 0, \text{ do đó } a = b = 0.$$

Nếu tổng có chữ số hàng đơn vị là 5 và cộng không có nhớ sang hàng chục thì $a + b = 5$, do đó :

$$(a = 0, b = 5) ; \quad (a = 1, b = 4) ; \quad (a = 2, b = 3)$$

hoặc

$$(a = 5, b = 0) ; \quad (a = 4, b = 1) ; \quad (a = 3, b = 2).$$

b) Nhận xét :

$$0 + 0 = 0$$

$$1 + 1 = 2$$

$$2 + 2 = 4$$

$$3 + 3 = 6$$

$$4 + 4 = 8$$

$$5 + 5 = 10$$

$$6 + 6 = 12$$

$$7 + 7 = 14$$

$$8 + 8 = 16 \quad 9 + 9 = 18$$

Hai số có chữ số hàng đơn vị giống nhau thì tổng hai số đó có chữ số hàng đơn vị là 0, 2, 4, 6, 8.

75. a) $x - 452 = 77 + 48$

b) $x + 58 = 64 + 58$

$$x - 452 = 125$$

$$x + 58 = 122$$

$$x = 125 + 452$$

$$x = 122 - 58$$

$$x = 577$$

$$x = 64$$

Lưu ý câu b) có thể nhận xét : Hai tổng bằng nhau có cùng một số hạng thì số hạng còn lại bằng nhau nên $x = 64$.

c) $x - 1 - 2 - 3 - 4 = 0$

$$x - 10 = 0$$

$$x = 10.$$

76. a) $x = 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10$

$$= (1 + 9) + (2 + 8) + (3 + 7) + (4 + 6) + 5 + 10$$

$$= 10 + 10 + 10 + 10 + 10 + 5 = 55$$

b) $x = 2 + 4 + 6 + 8 + 10 + 12 + 14 + 16 + 18 + 20$

$$= (2 + 18) + (4 + 16) + (6 + 14) + (8 + 12) + 20 + 10$$

$$= 20 + 20 + 20 + 20 + 20 + 10 = 110$$

Hoặc $x = (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10) \times 2$

$$= 55 \times 2 = 110.$$

c) $x = 1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19$

$$= (1 + 19) + (3 + 17) + (5 + 15) + (7 + 13) + (9 + 11)$$

$$= 20 + 20 + 20 + 20 + 20 = 100$$

Hoặc nhận xét : Mỗi số hạng ở tổng câu c) so với mỗi số hạng ở tổng câu b) thì kém 1 đơn vị, do đó tổng ở câu c) kém tổng ở câu b) là 10 đơn vị.

Vậy $1 + 3 + 5 + \dots + 19 = 110 - 10 = 100.$

77. Gợi ý :

a) $y + 17 < 5 + 17$

$$y < 5$$

(Hai tổng có cùng một số hạng, tổng nào bé hơn thì số hạng còn lại bé hơn). Vậy $y = 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4.$

b) $y + 17 < 22$

$$y + 17 < 5 + 17 \text{ (tiếp tục giải như câu a))}.$$

c) $19 < y + 17 < 22$

$$2 + 17 < y + 17 < 5 + 17$$

$$2 < y < 5 \text{ (nhận xét như ở câu a))}$$

$$y = 3 ; 4.$$

Hoặc có thể giải như sau :

* Vì $19 < 20 < 22$ nên $y + 17 = 20$

$$y = 20 - 17$$

$$y = 3.$$

* Vì $19 < 21 < 22$ nên $y + 17 = 21.$

$$y = 21 - 17$$

$$y = 4.$$

$$\begin{array}{r} \text{c) } \quad ?79 \\ - \quad 4?5 \\ \hline 28? \end{array}$$

- * 9 trừ 5 bằng 4, viết 4.
- * 17 trừ 9 bằng 8, viết 8 nhớ 1.
- * 4 thêm 1 là 5, $? - 5 = 2$, suy ra $? = 7$.

Phép tính đúng là :

$$\begin{array}{r} 779 \\ - 495 \\ \hline 284 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d) } \quad 65? \\ - \quad 1?4 \\ \hline ?60 \end{array}$$

- * 4 trừ 4 bằng 0, viết 0 ($? = 4$).
- * $15 - ? = 6$, suy ra $? = 15 - 6 = 9$.
- * 1 thêm 1 là 2 ; $6 - 2 = 4$, viết 4.

Phép tính đúng là :

$$\begin{array}{r} 654 \\ - 194 \\ \hline 460 \end{array}$$

82. a) Số lớn nhất có hai chữ số là 99. Số Bình đã nghĩ là :

$$99 - 65 = 34.$$

b) Số nhỏ nhất có ba chữ số là 100. Số Bình đã nghĩ là :

$$100 - 15 = 85.$$

83. Số lớn nhất có mặt đủ 3 chữ số 5, 2, 3 là 532. Số nhỏ nhất là 235. Hiệu hai số đó là :

$$532 - 235 = 297.$$

84. Cách 1 : $a = b + 3$. Nếu $b = 1$ thì $a = 4$, ta có : $41 - 14 = 27$.

$$b = 2 \text{ thì } a = 5, \text{ ta có : } 52 - 25 = 27.$$

$$b = 3 \text{ thì } a = 6, \text{ ta có : } 63 - 36 = 27.$$

$$b = 4 \text{ thì } a = 7, \text{ ta có : } 74 - 47 = 27.$$

$$b = 5 \text{ thì } a = 8, \text{ ta có : } 85 - 58 = 27.$$

$$b = 6 \text{ thì } a = 9, \text{ ta có : } 96 - 69 = 27.$$

Vậy $\overline{ab} - \overline{ba} = 27$.

Cách khác. Đặt tính dọc :

$$\begin{array}{r} \overline{ab} \\ - \overline{ba} \\ \hline mn \end{array} \text{ (với } a - b = 3, \text{ hay } a = b + 3).$$

$$\begin{array}{r} \text{c) } \quad ?79 \\ - \quad 4?5 \\ \hline 28? \end{array}$$

- * 9 trừ 5 bằng 4, viết 4.
- * 17 trừ 9 bằng 8, viết 8 nhớ 1.
- * 4 thêm 1 là 5, $? - 5 = 2$, suy ra $? = 7$.

Phép tính đúng là :

$$\begin{array}{r} 779 \\ - 495 \\ \hline 284 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d) } \quad 65? \\ - \quad 1?4 \\ \hline ?60 \end{array}$$

- * 4 trừ 4 bằng 0, viết 0 ($? = 4$).
- * $15 - ? = 6$, suy ra $? = 15 - 6 = 9$.
- * 1 thêm 1 là 2 ; $6 - 2 = 4$, viết 4.

Phép tính đúng là :

$$\begin{array}{r} 654 \\ - 194 \\ \hline 460 \end{array}$$

82. a) Số lớn nhất có hai chữ số là 99. Số Bình đã nghĩ là :

$$99 - 65 = 34.$$

b) Số nhỏ nhất có ba chữ số là 100. Số Bình đã nghĩ là :

$$100 - 15 = 85.$$

83. Số lớn nhất có mặt đủ 3 chữ số 5, 2, 3 là 532. Số nhỏ nhất là 235. Hiệu hai số đó là :

$$532 - 235 = 297.$$

84. Cách 1 : $a = b + 3$. Nếu $b = 1$ thì $a = 4$, ta có : $41 - 14 = 27$.

$$b = 2 \text{ thì } a = 5, \text{ ta có : } 52 - 25 = 27.$$

$$b = 3 \text{ thì } a = 6, \text{ ta có : } 63 - 36 = 27.$$

$$b = 4 \text{ thì } a = 7, \text{ ta có : } 74 - 47 = 27.$$

$$b = 5 \text{ thì } a = 8, \text{ ta có : } 85 - 58 = 27.$$

$$b = 6 \text{ thì } a = 9, \text{ ta có : } 96 - 69 = 27.$$

Vậy $\overline{ab} - \overline{ba} = 27$.

Cách khác. Đặt tính dọc :

$$\begin{array}{r} \overline{ab} \\ - \overline{ba} \\ \hline mn \end{array} \quad (\text{với } a - b = 3, \text{ hay } a = b + 3).$$

* Xét hàng đơn vị, vì $b < a$ nên phải mượn 1 chục ở hàng chục ta có :

$$\begin{aligned} 10 + b - a &= 7 + (3 + b) - a \\ &= 7 + a - a = 7 \end{aligned}$$

Chữ số hàng đơn vị của hiệu : $n = 7$.

* a bớt 1 (nhớ) rồi trừ đi b thì được 2 (vì $a - b = 3$).

Chữ số hàng chục của hiệu : $m = 2$.

Vậy $\overline{ab} - \overline{ba} = 27$.

85. a) Nếu số bị trừ và số trừ cùng tăng thêm (hoặc giảm đi) 30 đơn vị thì hiệu không thay đổi.

Ví dụ : $60 - 40 = 20$

$$(60 - 30) - (40 - 30) = 30 - 10 = 20$$

hoặc $(60 + 30) - (40 + 30) = 90 - 70 = 20$

- b) Nếu số bị trừ và số trừ cùng gấp lên 2 lần thì hiệu cũng gấp lên 2 lần.

Ví dụ : $6 - 4 = 2$

$$(6 \times 2) - (4 \times 2) = 12 - 8 = 4 = 2 \times 2.$$

- c) Nếu số bị trừ và số trừ cùng giảm đi 3 lần thì hiệu cũng giảm đi 3 lần.

Ví dụ : $36 - 12 = 24$

$$(36 : 3) - (12 : 3) = 12 - 4 = 8 = 24 : 3$$

- d) Nếu số bị trừ tăng thêm 5 đơn vị và số trừ giảm đi 5 đơn vị thì hiệu tăng thêm $5 + 5 = 10$ (đơn vị).

Ví dụ : $36 - 12 = 24$

$$(36 + 5) - (12 - 5) = 41 - 7 = 34 = 24 + 10$$

86. Biết $\overline{ab} - \overline{cd} = 18$, tính :

a) $\overline{1ab} - \overline{1cd} = (100 + \overline{ab}) - (100 + \overline{cd}) = 18$

Có thể nhận xét : Cùng thêm 100 vào số bị trừ và số trừ thì hiệu không đổi, nên hiệu của $\overline{ab}$ và $\overline{cd}$ là 18.

b) $\overline{ab0} - \overline{cd0} = \overline{ab} \times 10 - \overline{cd} \times 10 = (\overline{ab} - \overline{cd}) \times 10 = 18 \times 10 = 180$

Có thể nhận xét : Số bị trừ và số trừ cùng gấp lên 10 lần thì hiệu gấp lên 10 lần, nên hiệu của $\overline{ab0}$ và $\overline{cd0}$ là $18 \times 10 = 180$.

87. *Gợi ý* : Sau 5 năm, em học lớp 6 ($1 + 5 = 6$) và anh học lớp 11 ($6 + 5 = 11$)
Anh học hơn em :

$$11 - 6 = 5 \text{ (lớp)}$$

Có thể nhận xét : Vì mỗi năm anh và em cùng lên được 1 lớp nên hiệu số lớp của hai anh em vẫn không thay đổi theo thời gian tức là 5 năm sau anh vẫn học hơn em :

$$6 - 1 = 5 \text{ (lớp)}.$$

88. a) Hiệu hai số bằng số bị trừ khi số trừ bằng 0.

Ví dụ : $7 - 0 = 7$; $a - 0 = a$

b) Hiệu hai số bằng số trừ khi số bị trừ gấp đôi số trừ.

Ví dụ : $8 - 4 = 4$; $(a \times 2) - a = a$

c) Hai số gồm ba chữ số có hiệu lớn nhất là :

$$999 - 100 = 899$$

(Số bị trừ là số lớn nhất gồm ba chữ số. Số trừ là số nhỏ nhất gồm ba chữ số).

89. a) Hiệu của hai số là số có tận cùng là 0 khi số bị trừ và số trừ có chữ số hàng đơn vị giống nhau.

Ví dụ : $35 - 25 = 10$; $196 - 26 = 170...$

b) Hiệu hai số là số có tận cùng là 5 (mà phép trừ ở hàng đơn vị không quá 10) thì chữ số ở hàng đơn vị của số bị trừ và số trừ là các cặp số : (9 và 4), (8 và 3), (7 và 2), (6 và 1), (5 và 0)

90. Nếu chữ số hàng đơn vị của số trừ lớn hơn chữ số hàng đơn vị của số bị trừ là 8 thì hiệu có tận cùng là 2.

Ví dụ : $51 - 29 = 22$; $60 - 18 = 42...$

Có thể giải thích : Vì chữ số hàng đơn vị của số trừ lớn hơn chữ số hàng đơn vị của số bị trừ nên phải "mượn" 1 chục ở hàng chục của số bị trừ mới trừ được. Chẳng hạn : Số bị trừ có tận cùng là a, số trừ có tận cùng là b, với $b - a = 8$ hay $b = a + 8$. Ta có thể trừ ở hàng đơn vị :

$$(a + 10) - b = (a + 10) - (a + 8) = 2$$

Vậy hiệu có tận cùng là 2.

91. a) $x + 175 = 1482 - 1225$

$$x + 175 = 257$$

$$x = 257 - 175$$

$$x = 82$$

b) $x - 850 = 1000 - 850$

$$x - 850 = 150$$

$$x = 150 + 850$$

$$x = 1000$$

Hoặc : b) Hai hiệu bằng nhau có cùng số trừ thì hai số bị trừ bằng nhau.
Vậy $x = 1000$.

c) $999 - x = 999 - 921$

$$999 - x = 78$$

$$x = 999 - 78$$

$$x = 921.$$

Hoặc : Hai hiệu bằng nhau có cùng số bị trừ thì hai số trừ bằng nhau.

Vậy $x = 921$.

92. a) $y - 5 < 3$

Các số bé hơn 3 là 0 ; 1 ; 2. Ta có :

Nếu $y - 5 = 0$ thì $y = 5$

Nếu $y - 5 = 1$ thì $y = 1 + 5 = 6$

Nếu $y - 5 = 2$ thì $y = 2 + 5 = 7$. Vậy $y = 5 ; 6 ; 7$.

Có thể nhận xét : Vì y là số bị trừ nên $y > 4$, vì $8 - 5 = 3$ nên $y < 8$ để $y - 5 < 3$. Vậy $y = 5 ; 6 ; 7$

b) $76 - y > 76 - 3$

$$76 - y > 73$$

$y = 0$ vì $76 - 0 = 76 ; 76 > 73$

$y = 1$ vì $76 - 1 = 75 ; 75 > 73$

$y = 2$ vì $76 - 2 = 74 ; 74 > 73$

$y = 3$ thì $76 - 3 = 73 ; 73 = 73$ (không được). Vậy $y = 0 ; 1 ; 2$.

Hoặc : Hai hiệu có cùng số bị trừ, hiệu nào lớn hơn thì có số trừ bé hơn.
Vậy $y < 3$ hay $y = 0 ; 1 ; 2$.

c) $15 - y > 12$

$$15 - y > 15 - 3$$

Làm tương tự như câu b), đáp số $y = 0 ; 1 ; 2$.

Có thể coi hiệu $15 - y$ là A thì $A > 12$ và $A < 16$ (vì hiệu không lớn hơn số bị trừ). Do đó $A = 13 ; 14 ; 15$ hay $15 - y = 13 ; 15 - y = 14 ; 15 - y = 15$.

Từ đó : $y = 2 ; y = 1 ; y = 0$.

93. a) $9 - 8 + 7 - 6 + 5 - 4 + 3 - 2 + 1 - 0$

$$= (9 - 8) + (7 - 6) + (5 - 4) + (3 - 2) + (1 - 0)$$

$$= 1 + 1 + 1 + 1 + 1 = 5$$

Hoặc : $9 - 8 + 7 - 6 + 5 - 4 + 3 - 2 + 1 - 0$

$$= (9 + 1) + (7 + 3) - (8 + 2) - (6 + 4) + 5$$

$$= 10 + 10 - 10 - 10 + 5 = 5.$$

b) $815 - 23 - 77 + 185 = (815 + 185) - (23 + 77)$

$$= 1000 - 100$$

$$= 900$$

94. a) $25 - x > 24 - x$

(Hai hiệu có cùng số trừ, hiệu nào có số bị trừ lớn hơn thì hiệu đó lớn hơn).

b) $x - 1 > x - 16$

(Hai hiệu có cùng số bị trừ, hiệu nào có số trừ bé hơn thì hiệu đó lớn hơn)

c) $x - 0 = x$

95. Trừ đi 52 rồi trừ tiếp 48 tức là trừ đi $(52 + 48) = 100$

Gọi số Mai đã nghĩ là $\overline{abc}$ thì $a + b + c = 19$ và :

$$\begin{array}{r} \overline{abc} \\ - 100 \\ \hline bc \end{array}$$

Suy ra $a = 1$ (vì hiệu là số có hai chữ số)

Ta có : $1 + b + c = 19$

$$b + c = 19 - 1 = 18$$

$$b = c = 9$$

Vậy số Mai đã nghĩ là 199.

96. a) $5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 = 5 \times 9$

b) $13 + 13 + 13 + 13 + 13 + 13 = 13 \times 6$

c) $m + m + \dots + m = m \times 100$

(100 số hạng m)

97. Gợi ý :

$$\begin{array}{r} \text{a)} \quad 35 \\ \times \quad ? \\ \hline \quad ?0 \end{array}$$

Thừa số thứ hai bé hơn 3 để tích là số có hai chữ số, mà tích có tận cùng bằng 0 nên thừa số thứ hai phải là 2 (để $2 \times 5 = 10$). Phép tính đúng :

$$\begin{array}{r} 35 \\ \times \quad 2 \\ \hline 70 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b)} \quad ?6 \\ \times \quad 7 \\ \hline 2?? \end{array}$$

* 7 nhân 6 bằng 42, viết 2 nhớ 4.

* Chữ số hàng chục của thừa số thứ nhất là 3 để

$$7 \times 3 + 4 \text{ (nhớ)} = 25.$$

Nếu chữ số hàng chục là 2 thì $7 \times 2 + 4 = 18$ (không được), nếu chữ số hàng chục là 4 thì

$$7 \times 4 + 4 = 32 \text{ (không được)}$$

Phép tính đúng :

$$\begin{array}{r} 36 \\ \times \quad 7 \\ \hline 252 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c)} \quad 35? \\ \times \quad 2 \\ \hline \quad ?14 \end{array}$$

Ở hàng chục có : $2 \times 5 = 10$, mà chữ số hàng chục của tích là 1. Vậy đây là phép nhân có nhớ.

* 2 nhân 7 bằng 14, viết 4 nhớ 1.

* 2 nhân 5 bằng 10, thêm 1 là 11, viết 1 nhớ 1.

* 2 nhân 3 bằng 6, thêm 1 là 7, viết 7.

Phép tính đúng :

$$\begin{array}{r} 357 \\ \times \quad 2 \\ \hline 714 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d)} \quad 547 \\ \times \quad ? \\ \hline \quad ??? \end{array}$$

Vì tích là số có ba chữ số nên thừa số thứ hai là 1, ta có phép tính đúng :

$$\begin{array}{r} 547 \\ \times \quad 1 \\ \hline 547 \end{array}$$

98. a) Số lớn nhất có hai chữ số là 99, số An đã nghĩ là :

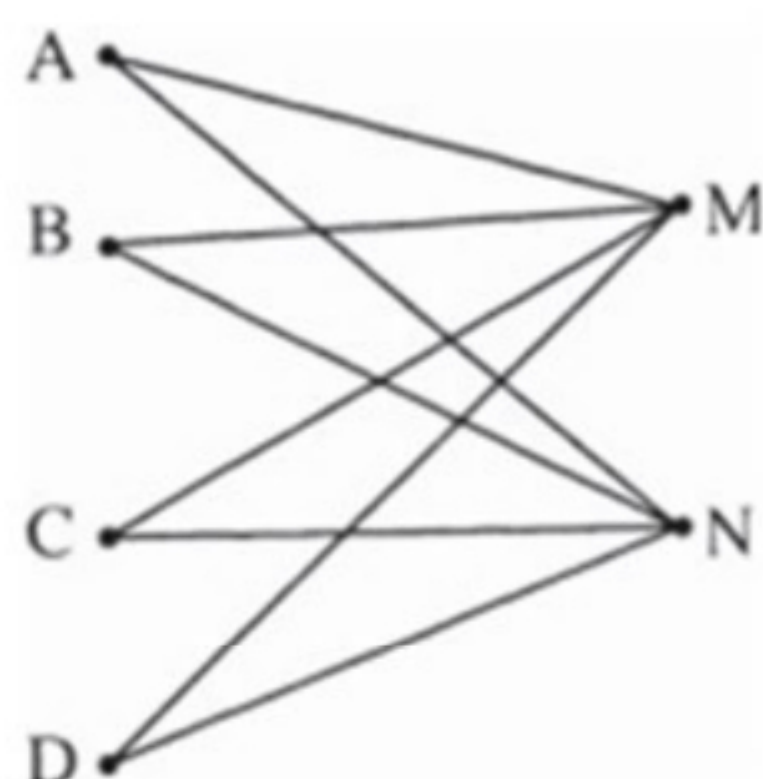
$$99 \times 5 = 495$$

b) Số bé nhất có ba chữ số là 100. Số Bình đã nghĩ là :

$$100 \times 7 = 700$$

99. Số đoạn thẳng có là :

$$4 \times 2 = 8 \text{ (đoạn)}$$



100. *Gợi ý* : Có thể phân ba bạn Mai, Hoa, Hồng vào các lớp 3A, 3B, 3C.

Theo các cách sau :

1) Mai – 3A, Hoa – 3B, Hồng – 3C

2) Mai – 3A, Hồng – 3B, Hoa – 3C

3) Hoa – 3A, Mai – 3B, Hồng – 3C

4) Hoa – 3A, Hồng – 3B, Mai – 3C

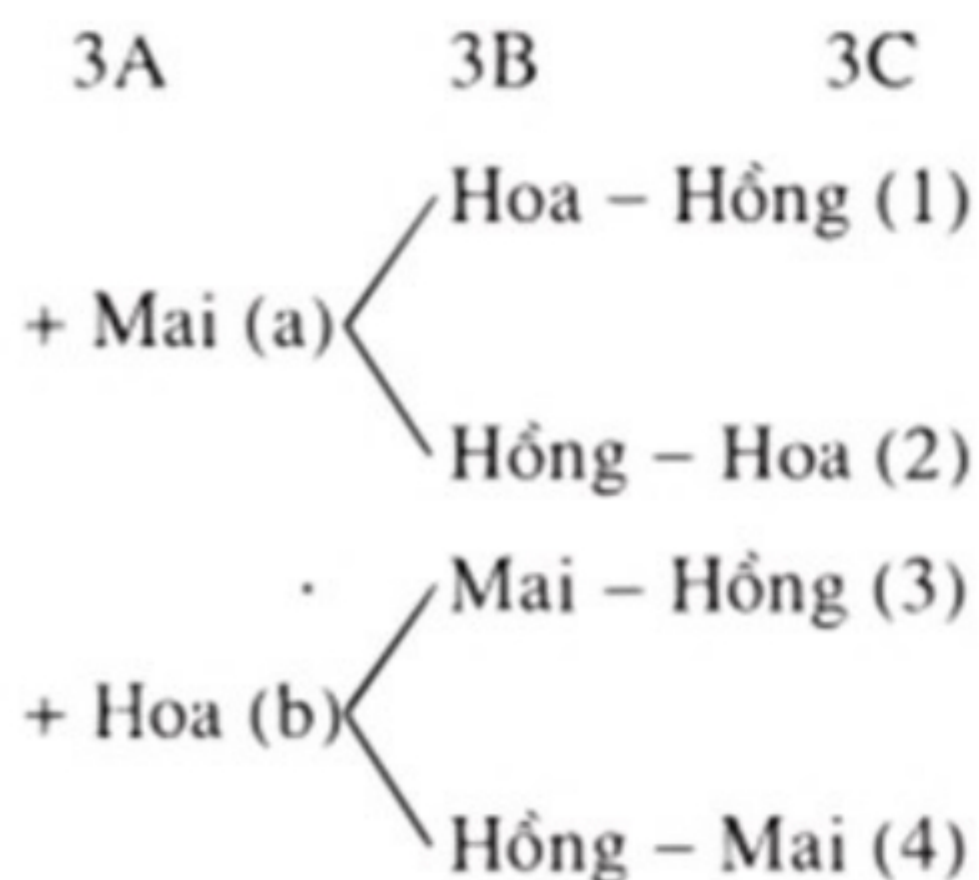
5) Hồng – 3A, Mai – 3B, Hoa – 3C

6) Hồng – 3A, Hoa – 3B, Mai – 3C

Vậy có 6 cách.

Hoặc :

* Có thể lập theo sơ đồ sau :



+ Hồng (c) $\left\{ \begin{array}{l} \text{Mai – Hoa (5)} \\ \text{Hoa – Mai (6)} \end{array} \right.$
 $(2 \times 3 = 6)$

* Có thể lập bảng sau :

	3A	3B	3C
1)	a	b	c
2)	a	c	b
3)	b	a	c
4)	b	c	a
5)	c	a	b
6)	c	b	a

Nhận xét :

Nếu coi 3 lớp 3A, 3B, 3C như 3 hàng : trăm, chục, đơn vị ; 3 bạn Mai, Hoa, Hồng như 3 chữ số : a, b, c thì ta có bài toán tương tự "viết các số có ba chữ số khác nhau từ ba chữ số a, b, c". Và có 6 cách viết như vậy (như bảng trên).

101. Gợi ý : Có thể viết các số có hai chữ số : 54, 56, 24, 26, 14, 16 và đếm được 6 số như vậy.

Hoặc nhận xét : Có ba chữ số ở hàng chục, hai chữ số ở hàng đơn vị nên có tất cả :

$$3 \times 2 = 6 \text{ (số).}$$

Có thể theo sơ đồ

+ 5 $\left\{ \begin{array}{l} 4 \text{ (1)} \\ 6 \text{ (2)} \end{array} \right.$
+ 2 $\left\{ \begin{array}{l} 4 \text{ (3)} \\ 6 \text{ (4)} \end{array} \right.$

$$+ 1 \begin{cases} 4 (5) & (\text{Có 6 số}) \\ 6 (6) \end{cases}$$

Hoặc lập bảng :

Chục	Đơn vị
5	4
5	6
2	4
2	6
1	4
1	6

102. a) Nếu mỗi thừa số cùng gấp lên 2 lần thì tích gấp lên 4 lần.

Ví dụ : $2 \times 4 = 8$

$$(2 \times 2) \times (4 \times 2) = 4 \times 8 = 32 = (8 \times 4)$$

b) Nếu thừa số này gấp lên 3 lần, thừa số kia giảm đi 3 lần thì tích không đổi.,

Ví dụ : $12 \times 6 = 72$

$$(12 \times 3) \times (6 : 3) = 36 \times 2 = 72.$$

c) Nếu giữ nguyên thừa số thứ nhất và thừa số thứ hai tăng thêm 3 đơn vị thì tích tăng thêm 3 lần thừa số thứ nhất.

Ví dụ : $12 \times 5 = 60$

$$12 \times (5 + 3) = 12 \times 5 + 12 \times 3 = 60 + 12 \times 3.$$

103. Viết thêm chữ số 0 vào bên phải thừa số thứ nhất tức là gấp thừa số đó lên 10 lần, do đó tích cũng gấp lên 10 lần.

Vậy tích mới là : $75 \times 10 = 750.$

104. *Gợi ý :* Quên chữ số 1 ở số lăm tức là giảm số đó đi 100 đơn vị nên tích bị giảm đi

$$100 \times 7 = 700 (\text{đơn vị}).$$

Có thể giải thích : Tích cũ :

$$\overline{lab} \times 7 = (100 + \overline{ab}) \times 7 = 700 + \overline{ab} \times 7$$

Tích mới : $\overline{ab} \times 7$

Tích cũ bị giảm đi :

$$(700 + \overline{ab} \times 7) - (\overline{ab} \times 7) = 700 \text{ (đơn vị)}.$$

105. *Gợi ý :* Vì 6 so với 3 thì gấp $6 : 3 = 2$ (lần), nên tích của số đó với 6 là :

$$375 \times 2 = 750.$$

Có thể đặt số đó là x :

$$x \times 6 = (x \times 3) \times 2 = 375 \times 2 = 750$$

Cách khác : Số đó là : $375 : 3 = 125$. Tích mới là : $125 \times 6 = 750$.

106. a) Tích hai số bằng 0 khi ít nhất có một thừa số bằng 0.

Ví dụ : $7 \times 0 = 0$; $0 \times 8 = 0$.

b) Hai số cùng bằng 0 hoặc cùng bằng 1 thì tích hai số đó bằng mỗi thừa số của nó.

Ví dụ : $0 \times 0 = 0$; $1 \times 1 = 1$.

c) Nếu một thừa số bằng 1 thì tích bằng thừa số kia.

Ví dụ : $6 \times 1 = 6$; $1 \times 5 = 5$

$$a \times 1 = a ; \quad 1 \times a = a.$$

107. a) Tích của hai số giống nhau có tận cùng là : 0 ($0 \times 0 = 0$), là 1 ($1 \times 1 = 1$; $9 \times 9 = 81$), là 4 ($2 \times 2 = 4$; $8 \times 8 = 64$), là 5 ($5 \times 5 = 25$), là 6 ($4 \times 4 = 16$; $6 \times 6 = 36$), là 9 ($3 \times 3 = 9$; $7 \times 7 = 49$). *Đáp số :* 0, 1, 4, 5, 6, 9.

b) Tích của một số với 2 có tận cùng là : 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8 (số chẵn).

c) Tích của một số với 5 có tận cùng là : 0 ; 5.

Ví dụ : $17 \times 5 = 85$; $26 \times 5 = 130$.

108. a) $x : 5 = 27 \times 5$

$$x : 5 = 135$$

$$x = 135 \times 5$$

$$x = 675$$

b) $x \times 7 = 36 \times 7$

$$x \times 7 = 252$$

$$x = 252 : 7$$

$$x = 36$$

Có thể nhận xét câu b) : Hai tích bằng nhau có cùng một thừa số thì thừa số còn lại bằng nhau. Vậy $x = 36$.

$$c) x \times 132 = 312 \times (5 - 3 - 2)$$

$$x \times 132 = 312 \times 0$$

$$x \times 132 = 0$$

$$x = 0 : 132$$

$$x = 0$$

$$109. a) x \times 2 < 7$$

$$* x = 0 \text{ vì } 0 \times 2 = 0 ; 0 < 7$$

$$* x = 1 \text{ vì } 1 \times 2 = 2 ; 2 < 7$$

$$* x = 2 \text{ vì } 2 \times 2 = 4 ; 4 < 7$$

$$* x = 3 \text{ vì } 3 \times 2 = 6 ; 6 < 7$$

Nếu $x = 4$ thì $4 \times 2 = 8$ (không được). Vậy $x = 0 ; 1 ; 2 ; 3$.

Có thể nhận xét : $x \times 2$ là số chẵn, số chẵn bé hơn 7 là 0 ; 2 ; 4 ; 6.

Từ đó $x \times 2 = 0$ thì $x = 0$

$$x \times 2 = 2 \text{ thì } x = 1$$

$$x \times 2 = 4 \text{ thì } x = 2$$

$$x \times 2 = 6 \text{ thì } x = 3.$$

$$b) x \times 3 < 7 \times 3$$

$$x < 7$$

Hai tích có cùng một thừa số, tích nào bé hơn thì thừa số còn lại bé hơn.
Vậy $x < 7$.

$$x = 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6.$$

$$c) 4 < x \times 2 < 10$$

$$2 \times 2 < x \times 2 < 2 \times 5$$

$$2 < x < 5 \text{ (nhận xét như câu b)}$$

$$x = 3 ; 4.$$

Hoặc có thể nhận xét $x \times 2$ là số chẵn bé hơn 10 và lớn hơn 4, ta có :

$$* x \times 2 = 6 \text{ suy ra } x = 3$$

$$* x \times 2 = 8 \text{ suy ra } x = 4.$$

$$110. a) 16 \times 5 + 16 \times 3 + 16 \times 2 = 16 \times (5 + 3 + 2)$$

$$= 16 \times 10 = 160$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 16 \times 7 + 14 \times 2 &= 8 \times 14 + 14 \times 2 \\ &= (8 + 2) \times 14 \\ &= 10 \times 14 = 140. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{c) } 8 \times 12 - 4 \times 24 &= 8 \times 12 - 8 \times 12. \\ &= 0 \end{aligned}$$

111. a) $13 \times x > 12 \times x$ (x khác 0)

Hai tích có cùng thừa số x mà $13 > 12$ nên $13 \times x > 12 \times x$.

$$\text{b) } 215 \times 3 < \frac{215 + 215 + 215 + 215}{215 \times 4}$$

$$\text{c) } m \times n > m - n \quad (n \text{ khác } 0)$$

Vì n khác 0 nên $m > m - n$ và m khác 0.

– Nếu $n = 1$ thì $m \times n = m$ và $m - n = m - 1$, vậy $m \times n > m - n$.

– Nếu $n > 1$ thì $m \times n > m$, vậy $m \times n > m - n$.

Do đó luôn có $m \times n > m - n$.

112. a) Số lớn nhất có hai chữ số là 99. Số An đã nghĩ là :

$$99 : 3 = 33$$

b) Số lớn nhất có một chữ số là 9. Số Bình đã nghĩ là :

$$999 : 9 = 111$$

113. Gợi ý :

$$\text{a) } ??? : 5 = 73 \text{ hay } ??? = 73 \times 5 = 365. \text{ Ta có } 365 : 5 = 73.$$

$$\text{b) } 75 : ?? = 3 \text{ hay } ?? = 75 : 3 = 25. \text{ Ta có } 75 : 25 = 3.$$

$$\text{c) } 60? : 4 = 1?1 ; 6 \text{ chia } 4 \text{ được } 1 \text{ còn dư } 2.$$

20 chia cho 4 được 5, viết 5 ở thương, dư 0.

$$? : 4 = 1 \text{ suy ra } ? = 4.$$

Ta có phép tính đúng là : $604 : 4 = 151$.

$$\text{d) } ?19 : 3 = 17? \text{ chuyển thành phép nhân :}$$

$$? \times 3 = 9, \text{ suy ra } ? = 9 : 3 = 3$$

Ta có phép tính đúng :

$$\begin{array}{r} \times 17? \\ 3 \\ \hline ?19 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 173 \\ 3 \\ \hline 519 \end{array}$$

Vậy $519 : 3 = 173$.

Hoặc có thể làm gộp như sau :

Số cháu ở lớp mẫu giáo là :

$$24 \times 5 : 5 = 24 \text{ (cháu)}$$

Đáp số : 24 cháu.

117. a) Số đoạn cắt được là :

$$150 : 10 = 15 \text{ (đoạn)}$$

b) Số nhát cắt có là :

$$15 - 1 = 14 \text{ (nhát cắt)}$$

Đáp số : 15 đoạn, 14 nhát cắt.

118. Gợi ý : Tổng số tiền thu nhập hàng tháng của gia đình Bình là :

$$250 \text{ nghìn} \times 3 = 750 \text{ nghìn (đồng)}$$

Nếu thêm ba người thì bình quân một tháng mỗi người thu nhập là :

$$750 \text{ nghìn} : (3 + 3) = 125 \text{ nghìn (đồng)}$$

Hoặc có thể nhận xét : Tổng thu nhập không đổi (số bị chia không đổi), nếu thêm 3 người nghĩa là tổng số người gấp lên 2 lần (số chia gấp lên 2 lần) thì thu nhập của mỗi người giảm đi 2 lần (thương giảm đi 2 lần), do đó thu nhập bình quân một tháng của mỗi người lúc sau là :

$$250 \text{ nghìn} : 2 = 125 \text{ nghìn (đồng)}.$$

119. *Cách 1* : Số đó là : $12 \times 5 = 60$.

Số đó chia cho 2 được thương là : $60 : 2 = 30$.

Cách 2 : 12 so với 2 giảm đi : $12 : 2 = 6$ (lần). Số bị chia không đổi, do đó thương gấp lên 6 lần, thương mới là : $5 \times 6 = 30$.

120. 6 so với 3 thì gấp : $6 : 3 = 2$ (lần). Do đó số bị của Bình gấp 2 lần số bị của An (hai bạn cùng chia bị cho một số em như nhau).

Hoặc : Hai phép chia có cùng số chia, thương này gấp đôi thương kia thì số bị chia này cũng gấp đôi số bị chia kia.

121. a) Nếu số bị chia bằng 0, số chia khác 0 thì thương của hai số luôn luôn bằng 0.

Ví dụ : $0 : 7 = 0$, $0 : a = 0$ (a khác 0).

b) Nếu số chia bằng 1 thì thương của hai số bằng số bị chia.

Ví dụ : $6 : 1 = 6$, $a : 1 = a$.

Hoặc có thể làm gộp như sau :

Số cháu ở lớp mẫu giáo là :

$$24 \times 5 : 5 = 24 \text{ (cháu)}$$

Đáp số : 24 cháu.

117. a) Số đoạn cắt được là :

$$150 : 10 = 15 \text{ (đoạn)}$$

b) Số nhát cắt có là :

$$15 - 1 = 14 \text{ (nhát cắt)}$$

Đáp số : 15 đoạn, 14 nhát cắt.

118. Gợi ý : Tổng số tiền thu nhập hàng tháng của gia đình Bình là :

$$250 \text{ nghìn} \times 3 = 750 \text{ nghìn (đồng)}$$

Nếu thêm ba người thì bình quân một tháng mỗi người thu nhập là :

$$750 \text{ nghìn} : (3 + 3) = 125 \text{ nghìn (đồng)}$$

Hoặc có thể nhận xét : Tổng thu nhập không đổi (số bị chia không đổi), nếu thêm 3 người nghĩa là tổng số người gấp lên 2 lần (số chia gấp lên 2 lần) thì thu nhập của mỗi người giảm đi 2 lần (thương giảm đi 2 lần), do đó thu nhập bình quân một tháng của mỗi người lúc sau là :

$$250 \text{ nghìn} : 2 = 125 \text{ nghìn (đồng)}.$$

119. *Cách 1* : Số đó là : $12 \times 5 = 60$.

Số đó chia cho 2 được thương là : $60 : 2 = 30$.

Cách 2 : 12 so với 2 giảm đi : $12 : 2 = 6$ (lần). Số bị chia không đổi, do đó thương gấp lên 6 lần, thương mới là : $5 \times 6 = 30$.

120. 6 so với 3 thì gấp : $6 : 3 = 2$ (lần). Do đó số bị của Bình gấp 2 lần số bị của An (hai bạn cùng chia bị cho một số em như nhau).

Hoặc : Hai phép chia có cùng số chia, thương này gấp đôi thương kia thì số bị chia này cũng gấp đôi số bị chia kia.

121. a) Nếu số bị chia bằng 0, số chia khác 0 thì thương của hai số luôn luôn bằng 0.

Ví dụ : $0 : 7 = 0$, $0 : a = 0$ (a khác 0).

b) Nếu số chia bằng 1 thì thương của hai số bằng số bị chia.

Ví dụ : $6 : 1 = 6$, $a : 1 = a$.

c) Hai số khác 0 mà bằng nhau thì thương của chúng luôn luôn bằng 1.

Ví dụ : $7 : 7 = 1$, $a : a = 1$ (a khác 0).

122. a) $16 : x = 4$

$$x = 16 : 4$$

$$x = 4.$$

Do đó :

$$* 64 : x = 64 : 4 = 16$$

$$* 80 : x = 80 : 4 = 20$$

b) $a : 5 = 15$

$$a = 15 \times 5 = 75.$$

$$c : 15 = 5.$$

$$c = 5 \times 15 = 75$$

$$(a + c) : 2 = (75 + 75) : 2$$

$$= 150 : 2 = 75$$

123. Trâu và bò có tất cả là :

$$(16 + 24) : 4 = 10 \text{ (con)}$$

Đáp số : 10 con.

Hoặc : Số trâu có là :

$$16 : 4 = 4 \text{ (con)}$$

Số bò có là :

$$24 : 4 = 6 \text{ (con)}$$

Cả trâu và bò có là :

$$4 + 6 = 10 \text{ (con)}$$

Đáp số : 10 con.

124. a) $x \times 5 = 125 \times 5$

$$x \times 5 = 625$$

$$x = 625 : 5$$

$$x = 125$$

Có thể nhận xét : Cùng giảm mỗi tích ở mỗi bên đi 5 lần ta được $x = 125$.

$$b) x : 7 = 63 : 7$$

$$x : 7 = 9$$

$$x = 9 \times 7$$

$$x = 63$$

Hoặc : Hai thương bằng nhau có cùng số chia thì hai số bị chia bằng nhau.
Vậy $x = 63$.

$$c) 64 : x = 64 : 2.$$

$$x = 2$$

Vì hai thương bằng nhau có cùng số bị chia thì hai số chia bằng nhau.

$$125. a) y : 2 < 3$$

$$\text{Nếu : } * y : 2 = 0 \text{ thì } y = 0 \times 2 = 0 ;$$

$$* y : 2 = 1 \text{ thì } y = 1 \times 2 = 2 ;$$

$$* y : 2 = 2 \text{ thì } y = 2 \times 2 = 4. \text{ Vậy } y = 0 ; 2 ; 4.$$

$$b) 6 : y > 6 : 2$$

$$6 : y > 3$$

$$- \text{ Nếu } y = 1 \text{ thì } 6 : 1 = 6 ; 6 > 3 \text{ (được).}$$

$$- \text{ Nếu } y = 2 \text{ thì } 6 : 2 = 3 ; 3 = 3 \text{ (không được). Vậy } y = 1.$$

Có thể nhận xét : Hai thương có cùng số bị chia (là 6), thương nào lớn hơn thì số chia bé hơn. Vậy $y < 2$, y khác 0 nên $y = 1$.

$$c) y : 7 < 14 : 7$$

$$y : 7 < 2.$$

Giải tương tự như câu a). Ta có $y = 0, y = 7$.

Có thể nhận xét : Hai thương có cùng số chia, thương nào bé hơn thì số bị chia bé hơn. Vậy $y < 14$. Số bé hơn 14 mà chia hết cho 7 là 0 và 7. Ta có $y = 0 ; 7$.

$$126. a) 100 + 100 : 4 - 50 : 2 = 100 + 50 : 2 - 50 : 2$$

$$= 100 + 0$$

$$= 100$$

$$b) (6 \times 8 - 48) : (10 + 11 + 12 + 13 + 14 + 15)$$

$$= 0 : (10 + 11 + 12 + 13 + 14 + 15) = 0$$

c) $5? : ? = ??$ (dư 4).

Nhận xét : Số chia lớn hơn 4 (số chia lớn hơn số dư) và số chia nhỏ hơn 6 để thương có hai chữ số). Vậy số chia là 5.

Ta có : $5? : 5 = ??$ (dư 4).

Nhận xét : Thương là số có hai chữ số bé hơn 12, vậy thương $?? = 10$ hoặc $?? = 11$.

Suy ra $5? = 59$ hoặc $5? = 54$.

Ta có phép tính đúng là : $59 : 5 = 11$ (dư 4), hoặc $54 : 5 = 10$ (dư 4).

133. a) x chia hết cho 2, x có tận cùng là : 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8.

b) x chia hết cho 5, x có tận cùng là : 0 ; 5.

c) x chia cho 2 có dư là 1, x có tận cùng là : 1 ; 3 ; 5 ; 7 ; 9.

134. *Gợi ý :* $169 : 5 = 33$ (dư 4), nếu lớp 3A có ít nhất là 33 bạn thì các lớp 3B, 3C, 3D, 3E mỗi lớp có ít nhất là 34 bạn (để mỗi lớp có nhiều hơn 32 bạn và lớp 3A có ít bạn hơn các lớp còn lại).

Khi đó :

$$33 + 34 + 34 + 34 + 34 = 169 \text{ (bạn)}$$

Vậy lớp 3A có 33 bạn. Các lớp còn lại, mỗi lớp có 34 bạn.

135. *Gợi ý :* Nếu dùng 4 ô tô thì mới chở được $40 \times 4 = 160$ (người). Vậy còn $195 - 160 = 35$ (người) thì cần 1 xe ô tô nữa là chở hết. Số ô tô cần dùng để chở hết 195 người đi dự hội nghị là :

$$4 + 1 = 5 \text{ (ô tô)}$$

Vậy tất cả có 5 ô tô.

136. a) $x : 4 = 22$ (dư 3)

$$x = 22 \times 4 + 3$$

$$x = 88 + 3$$

$$x = 91.$$

b) $64 : x = 9$ (dư 1)

$$64 = 9 \times x + 1$$

$$64 - 1 = 9 \times x$$

$$63 = 9 \times x$$

$$x = 63 : 9$$

$$x = 7.$$

c) $5? : ? = ??$ (dư 4).

Nhận xét : Số chia lớn hơn 4 (số chia lớn hơn số dư) và số chia nhỏ hơn 6 để thương có hai chữ số). Vậy số chia là 5.

Ta có : $5? : 5 = ??$ (dư 4).

Nhận xét : Thương là số có hai chữ số bé hơn 12, vậy thương $?? = 10$ hoặc $?? = 11$.

Suy ra $5? = 59$ hoặc $5? = 54$.

Ta có phép tính đúng là : $59 : 5 = 11$ (dư 4), hoặc $54 : 5 = 10$ (dư 4).

133. a) x chia hết cho 2, x có tận cùng là : 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8.

b) x chia hết cho 5, x có tận cùng là : 0 ; 5.

c) x chia cho 2 có dư là 1, x có tận cùng là : 1 ; 3 ; 5 ; 7 ; 9.

134. *Gợi ý* : $169 : 5 = 33$ (dư 4), nếu lớp 3A có ít nhất là 33 bạn thì các lớp 3B, 3C, 3D, 3E mỗi lớp có ít nhất là 34 bạn (để mỗi lớp có nhiều hơn 32 bạn và lớp 3A có ít bạn hơn các lớp còn lại).

Khi đó :

$$33 + 34 + 34 + 34 + 34 = 169 \text{ (bạn)}$$

Vậy lớp 3A có 33 bạn. Các lớp còn lại, mỗi lớp có 34 bạn.

135. *Gợi ý* : Nếu dùng 4 ô tô thì mới chở được $40 \times 4 = 160$ (người). Vậy còn $195 - 160 = 35$ (người) thì cần 1 xe ô tô nữa là chở hết. Số ô tô cần dùng để chở hết 195 người đi dự hội nghị là :

$$4 + 1 = 5 \text{ (ô tô)}$$

Vậy tất cả có 5 ô tô.

136. a) $x : 4 = 22$ (dư 3)

$$x = 22 \times 4 + 3$$

$$x = 88 + 3$$

$$x = 91.$$

b) $64 : x = 9$ (dư 1)

$$64 = 9 \times x + 1$$

$$64 - 1 = 9 \times x$$

$$63 = 9 \times x$$

$$x = 63 : 9$$

$$x = 7.$$

137. Tổng hai số trừ đi số hạng thứ nhất thì được số hạng thứ hai. Tổng hai số hơn số thứ nhất là 15. Vậy số hạng thứ hai là 15.

138. Tổng của một số với 26 lớn hơn 26 là 45 đơn vị. Suy ra số đó là 45. Hiệu số đó với 26 là $45 - 26 = 19$.

139. Số bị trừ trừ đi hiệu thì được số trừ. Số bị trừ lớn hơn hiệu là 15. Vậy số trừ là 15.

140. Số bị trừ bằng số trừ cộng với hiệu. Tổng của số trừ với hiệu bằng 60. Vậy số bị trừ là 60.

141. Tích bằng thừa số thứ nhất nhân với thừa số thứ hai. Tích gấp 5 lần thừa số thứ nhất nghĩa là tích bằng 5 nhân với thừa số thứ nhất. Vậy thừa số thứ hai là 5.

(Nhận xét : $a \times b = b \times 5$, suy ra $a = 5$)

142. Gợi ý : Như bài 141. Tích gấp 5 lần thừa số thứ hai suy ra thừa số thứ nhất là 5. Tích bằng 75. Nên tích gấp thừa số thứ nhất số lần là :

$$75 : 5 = 15 \text{ (lần)}$$

143. a) Số bị chia bằng tích của thương và số chia. Số bị chia gấp 7 lần số chia, vậy thương là 7.

b) Như câu a) Tích của thương và số chia là 75. Vậy số bị chia là 75.

144. Gợi ý :

a) Gấp đôi nửa của 48 là 48 (một số chia cho 2 rồi nhân với 2 thì không đổi : $48 : 2 \times 2 = 48$).

b) 12 đôi dưa có : $12 \times 2 = 24$ (chiếc dưa)

Một nửa số dưa là : $24 : 2 = 12$ (chiếc dưa)

Nhận xét : Một nửa của 1 đôi dưa là 1 chiếc dưa ($2 : 2 = 1$)

Một nửa của 12 đôi dưa là 12 chiếc dưa ($1 \times 12 = 12$).

(Hoặc cũng có thể hiểu là : 12 nhân 2 rồi chia cho 2 vẫn là 12).

145. Ta có : số bị trừ + số trừ + hiệu = 100

số bị trừ + số bị trừ = 100 (vì số trừ + hiệu = số bị trừ)

Vậy số bị trừ là $100 : 2 = 50$.

146. Ta có : số bị chia = (thương $\times$ số chia) + số dư

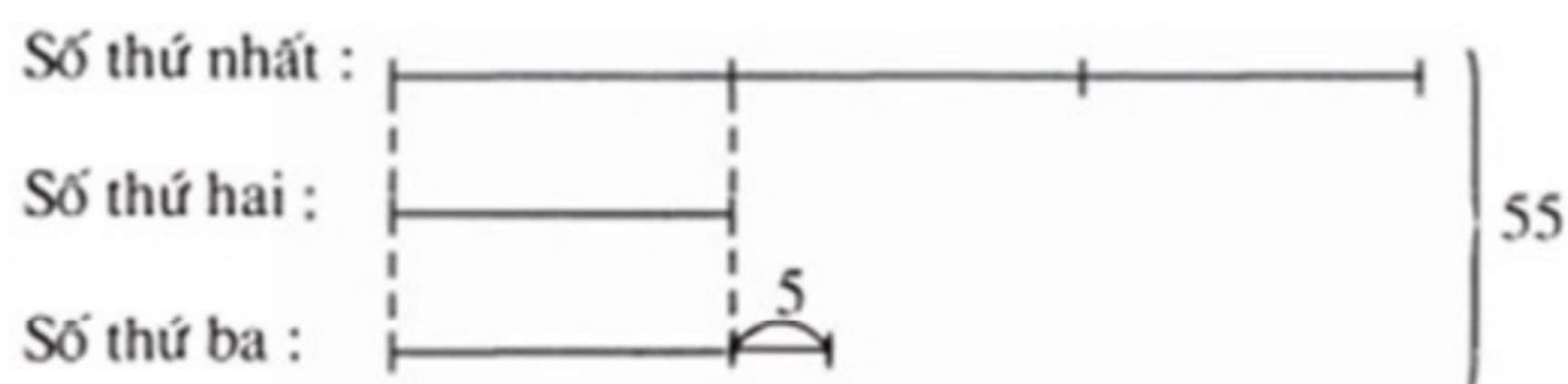
số bị chia - (thương $\times$ số chia) = số dư

Mà số bị chia trừ đi tích của thương và số chia được 5 nên số dư trong phép chia đó là 5.

147. *Gợi ý* : "Số lớn" gấp 2 lần thương, thương gấp 2 lần "số bé" suy ra "số lớn" gấp 4 lần "số bé". Từ đó "số lớn" chia cho "số bé" được thương là 4.

148. *Gợi ý* : Hai số có hiệu bằng 0 thì hai số đó bằng nhau. Do đó thương của hai số đó bằng 1 (hai số khác 0).

149. Biểu thị số thứ hai là một phần ta có sơ đồ :



Số thứ hai là : $(55 - 5) : 5 = 10$

Số thứ nhất là : $10 \times 3 = 30$

Số thứ ba là : $10 + 5 = 15$.

150. *Gợi ý* : Tổng phải lớn hơn 829 mà tổng là số có ba chữ số giống nhau nên tổng là 888 hoặc 999.

– Tổng là 888 thì số đó là : $888 - 829 = 59$

– Tổng là 999 thì số đó là : $999 - 829 = 170$

Số An đã nghĩ là 59 hoặc 170.

151. Thương của hai số là 4, vậy số lớn gấp 4 lần số nhỏ. Vì số lớn có hai chữ số nên số nhỏ phải bé hơn 25 (nếu là 25 thì $25 \times 4 = 100$, là số có ba chữ số).

– Số bé là số có hai chữ số cộng với 4 là số tròn chục, vậy số bé là 16 ($16 + 4 = 20$ và $16 < 25$).

– Số lớn là : $16 \times 4 = 64$.

152. Tích mới hơn tích cũ là :

$$860 - 645 = 215.$$

Thêm 5 đơn vị vào thừa số thứ hai tức là đã tăng tích cũ thêm 5 lần thừa số thứ nhất. Do đó 5 lần thừa số thứ nhất bằng 215. Thừa số thứ nhất là :

$$215 : 5 = 43.$$

155. *Gợi ý* : Biểu thị số bé là 1 phần, ta có sơ đồ :

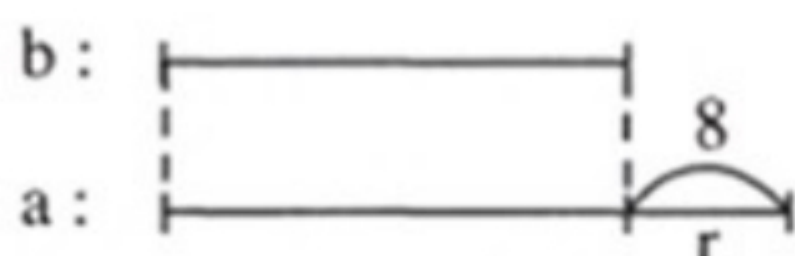


$$\text{Số bé là : } (64 - 4) : (1 + 5) = 10$$

$$\text{Số lớn là : } 64 - 10 = 54$$

$$\text{Hiệu hai số là : } 54 - 10 = 44.$$

156. *Gợi ý* : Gọi số lớn là a , số bé là b , ta có :

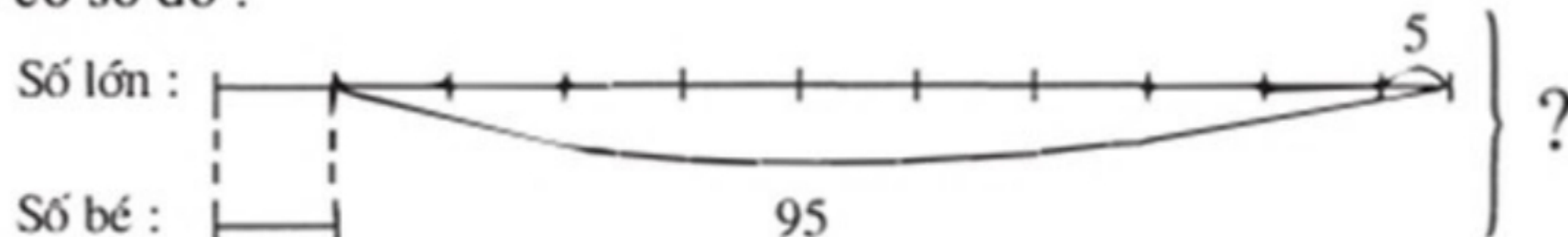


$$a = b \times 1 + r \text{ (số dư } r < b)$$

Suy ra $a - b = r$. Vậy $r = 8$ (vì hiệu của hai số là 8).

157. Xóa bỏ chữ số 5 tận cùng của số lớn ta được số bé có nghĩa là 10 lần số bé cộng với 5 sẽ được số lớn.

Ta có sơ đồ :



$$\text{Số bé là : } (95 - 5) : 9 = 10$$

$$\text{Số lớn là : } 10 + 95 = 105.$$

$$\text{Tổng hai số là : } 10 + 105 = 115$$

Có thể tính tổng hai số là :

$$(95 - 5) : 9 \times 11 + 5 = 115.$$

158. Tổng hai số (khác 0) lớn hơn mỗi số hạng của nó, tổng hai số là 92 nên số thứ nhất là số có hai chữ số $\overline{ab}$ và số thứ hai là b (do số thứ nhất đã xóa bỏ chữ số a).

$$\text{Ta có : } \overline{ab} + b = 92$$

$$\text{Suy ra } b = 6 \text{ (để } 6 + 6 = 12)$$

$$\text{hoặc } b = 1 \text{ (để } 1 + 1 = 2)$$

$$\text{– Nếu } b = 1 \text{ thì } \overline{ab} = 92 - 1 = 91$$

$$\text{Hiệu hai số là } 91 - 1 = 90.$$

155. *Gợi ý* : Biểu thị số bé là 1 phần, ta có sơ đồ :

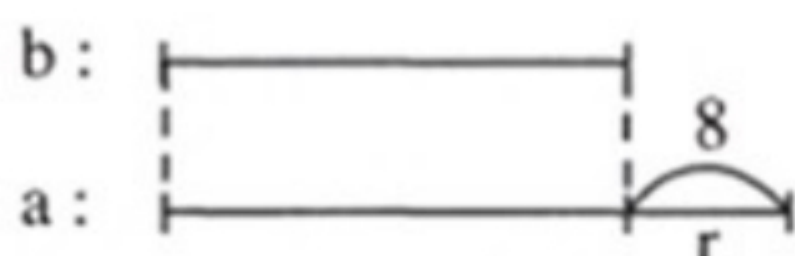


$$\text{Số bé là : } (64 - 4) : (1 + 5) = 10$$

$$\text{Số lớn là : } 64 - 10 = 54$$

$$\text{Hiệu hai số là : } 54 - 10 = 44.$$

156. *Gợi ý* : Gọi số lớn là a , số bé là b , ta có :

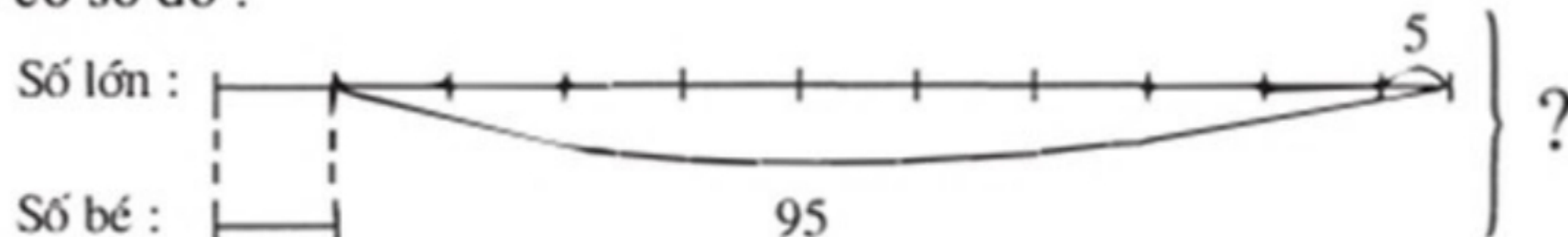


$$a = b \times 1 + r \text{ (số dư } r < b)$$

Suy ra $a - b = r$. Vậy $r = 8$ (vì hiệu của hai số là 8).

157. Xóa bỏ chữ số 5 tận cùng của số lớn ta được số bé có nghĩa là 10 lần số bé cộng với 5 sẽ được số lớn.

Ta có sơ đồ :



$$\text{Số bé là : } (95 - 5) : 9 = 10$$

$$\text{Số lớn là : } 10 + 95 = 105.$$

$$\text{Tổng hai số là : } 10 + 105 = 115$$

Có thể tính tổng hai số là :

$$(95 - 5) : 9 \times 11 + 5 = 115.$$

158. Tổng hai số (khác 0) lớn hơn mỗi số hạng của nó, tổng hai số là 92 nên số thứ nhất là số có hai chữ số $\overline{ab}$ và số thứ hai là b (do số thứ nhất đã xóa bỏ chữ số a).

$$\text{Ta có : } \overline{ab} + b = 92$$

$$\text{Suy ra } b = 6 \text{ (để } 6 + 6 = 12)$$

$$\text{hoặc } b = 1 \text{ (để } 1 + 1 = 2)$$

$$\text{– Nếu } b = 1 \text{ thì } \overline{ab} = 92 - 1 = 91$$

$$\text{Hiệu hai số là } 91 - 1 = 90.$$

– Nếu $b = 6$ thì $\overline{ab} = 92 - 6 = 86$

Hiệu hai số là : $86 - 6 = 80$.

159. Gợi ý :

$$\begin{aligned} + \text{Số bị chia} &= \text{số thương} \times \text{số chia} + \text{số dư} \\ &= \text{số thương} \times 5 + \text{số thương} \times 3 \\ &= \text{số thương} \times (5 + 3) \\ &= \text{số thương} \times 8 \end{aligned}$$

+ Vì số dư nhỏ hơn số chia nên : $\text{số thương} \times 3 < 5$. Suy ra số thương bằng 1 (số thương khác 0 để số bị chia lớn hơn 0 theo đề bài).

Vậy số bị chia $= 1 \times 8 = 8$.

Thử lại : $8 : 5 = 1$ (dư 3)

$3 : 1 = 3$ (lần) (số dư gấp 3 lần số thương).

160. a) Nếu một trong hai số bằng 0 thì tổng hai số đó bằng hiệu hai số đó.

Ví dụ : $8 + 0 = 8 - 0 (= 8)$

$$a + 0 = a - 0 (= a)$$

b) Một số bằng 0, một số bằng 15 thì tích của hai số đó bằng 0

($0 \times 15 = 0$) và tổng (hoặc hiệu) của hai số đó bằng 15 ($15 + 0 = 15$, hoặc $15 - 0 = 15$).

c) Một số bằng 0 và một số khác 0 thì tích của hai số đó bằng 0 và thương của hai số đó bằng 0.

Ví dụ : $0 \times 7 = 0 ; 0 \times a = 0$

$$0 : 7 = 0 ; 0 : a = 0 \text{ (a khác 0)}.$$

161. Gợi ý : Ba lần số đó là :

$$90 - 15 = 75$$

Số đó là :

$$75 : 3 = 25$$

Số An nghĩ là 25

Thử lại : $25 \times 3 + 15 = 90$

Có thể gọi số đó là x , ta có : $x \times 3 + 15 = 90$

$$x \times 3 = 90 - 15 = 75$$

$$x = 75 : 3 = 25$$

162. *Gợi ý* : Trước khi chia cho 5 thì số đó là : $6 \times 5 = 30$.

Trước khi trừ đi 12 thì số đó là : $30 + 12 = 42$.

Số Bình đã nghĩ là 42.

Có thể gọi số đó là x

Ta có : $(x - 12) : 5 = 6$

$$x - 12 = 6 \times 5 = 30$$

$$x = 30 + 12 = 42$$

163. a) $25 + 75 : 5 = 25 + 15$

$$= 40$$

b) $60 - 40 : 4 = 60 - 10$

$$= 50$$

c) $5 + 15 \times 2 : 2 = 5 + 30 : 2$

$$= 5 + 15$$

$$= 20$$

164. a) $37 \times 18 - 9 \times 74 + 100 = 74 \times 9 - 9 \times 74 + 100 = 0 + 100 = 100$

b) $15 \times 2 + 15 \times 3 - 15 \times 5 = 15 \times 5 - 15 \times 5$ (vì 2 lần 15 cộng với 3 lần 15 là 5 lần 15 hay :

$$15 \times 2 + 15 \times 3 = 15 \times 5)$$

$$= 0$$

c) $52 + 37 + 48 + 63 = 52 + 48 + 37 + 63 = 100 + 100 = 200$

165. *Gợi ý* : $(3 + 8) \times (4 - 2) = 11 \times 2 = 22$.

166. *Gợi ý* :

a) $2 \times 3 \times 4 \times 5$ có số tận cùng là 0 vì trong tích này có $2 \times 5 = 10$, 10 nhân với số nào cũng có kết quả tận cùng là 0.

b) 5×6 hoặc 9×10 có tận cùng là 0.

Suy ra tổng có tận cùng là 0.

c) $9 \times 9 + 7 \times 7$

Vì 9×9 có tận cùng là 1 ; 7×7 có tận cùng là 9. Suy ra tổng $(9 \times 9 + 7 \times 7)$ có tận cùng là 0.

Vậy kết quả dãy tính trên có tận cùng là 0.

167. *Gợi ý :*

a) Cả A và B đều gồm $(3 + a)$ trăm, $(b + m + 5)$ chục và $(c + n + 2)$ đơn vị, vậy $A = B$.

$$b) A = a \times (b + 1) = a \times b + a.$$

$$B = b \times (a + 1) = b \times a + b$$

Vì $a > b$ mà A và B cùng có $(a \times b)$ nên $A > B$.

$$c) A = 28 \times 5 \times 30$$

$$B = 29 \times 5 \times 29$$

Vì A và B cùng có thừa số 5 nên chỉ cần so sánh (28×30) với (29×29) .
Ta có :

$$C = 28 \times 30 = 28 \times (29 + 1) = (28 \times 29) + 28$$

$$D = 29 \times 29 = 29 \times (28 + 1) = (29 \times 28) + 29$$

Vì $29 > 28$ nên $C < D$. Vậy $A < B$.

168. *Gợi ý :*

a) Đặt thành tính dọc :

$$\begin{array}{r} \text{bbb} \\ + \\ \text{c} \\ \hline \text{caaa} \end{array}$$

$b > 8$ vì nếu $b = 8$ thì $(888 + c)$ không là số có bốn chữ số.

Vậy $b = 9$. Mặt khác xét ở tổng thì $c = 1$ vì tổng của số có ba chữ số với số có một chữ số bé hơn 2000.

Ta có $999 + 1 = 1000$, suy ra : $a = 0$; $b = 9$, $c = 1$.

$$b) \overline{cba} \times 5 = \overline{dcd}$$

* $c = 1$ để tích $\overline{cba} \times 5$ là số có ba chữ số.

* Tích một số với 5 có tận cùng là 0 hoặc 5, mà d khác 0 nên $d = 5$.

Ta có $515 : 5 = 103$. Vậy $a = 3$, $b = 0$, $c = 1$, $d = 5$.

$$c) \overline{8a} : 8 = \overline{ba}$$

8 chia cho 8 được 1, suy ra $b = 1$

a chia hết cho 8 nên $a = 0$ hoặc $a = 8$.

+ Nếu $a = 0$ thì có $80 : 8 = 10$.

+ Nếu $a = 8$ thì có $88 : 8 = 11$ (không được vì a vừa bằng 8 vừa bằng 1).

Vậy $a = 0, b = 1$.

Hoặc chuyển thành phép nhân : $\overline{ba} \times 8 = \overline{8a}$, từ đó nhận xét : $b = 1$ để tích là số có hai chữ số : Mặt khác $a \times 8 = a$, suy ra $a = 0$. Vậy có $10 \times 8 = 80$ hay $80 : 8 = 10$.

169. *Gợi ý* : Tổng các số của cả hình vuông là :

$$(3 + 2 + 4) \times 3 = 27$$

Tổng các số trên mỗi hàng là :

$$27 : 3 = 9$$

Nếu xét tổng các số trên 4 dãy (trên hình EMNG, BCPQ, trên đường chéo AO, DH) ta có : $9 \times 4 = 36$. Nhưng như vậy ta được tổng các số ở 9 ô và thêm 3 lần số ở ô vuông chính giữa. Vậy số ở ô chính giữa là : $(36 - 27) : 3 = 3$. Từ đó có thể viết các số còn lại vào ô vuông sao cho tổng các số trên mỗi hàng ngang, hàng dọc hay hàng chéo đều bằng 9. Chẳng hạn như hình bên.

	A	B	C	D
E	2	4	3	M
G	4	3	2	N
H	3	2	4	O

170. *Gợi ý* : Gọi các số liên nhau là : $a, b, c, d, \dots$: Ta thấy :

$$a + b + c = b + c + d.$$

Từ đó $a = d$.

Vậy hai số cách nhau 2 ô thì bằng nhau.

Ta có bảng sau (hình dưới đây) :

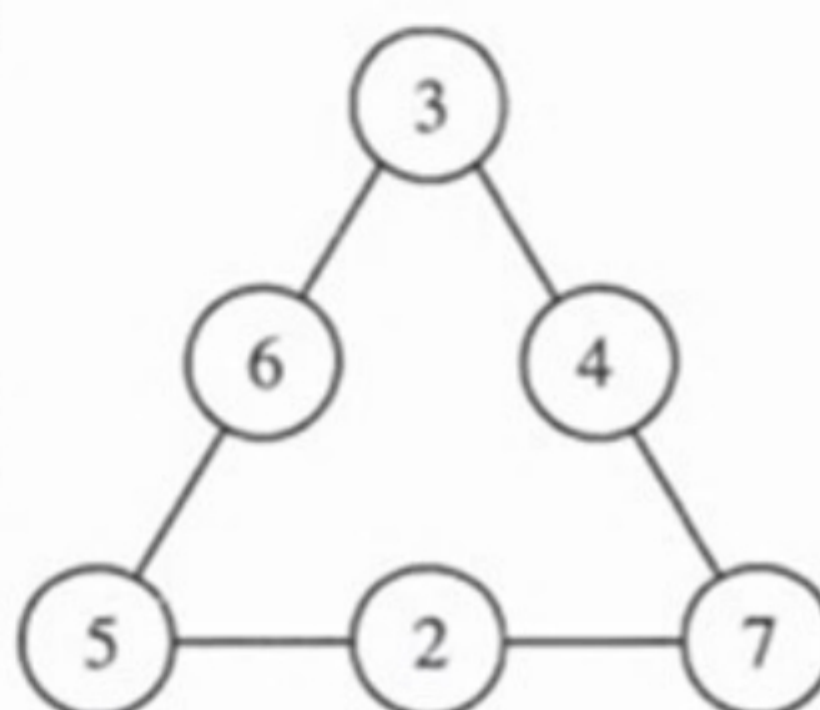
7					
5					
3					
7					
5					
3	5	7	3	5	7

171. *Gợi ý* : Phân tích 14 thành tổng 3 số mà mỗi số lấy trong dãy số (2, 3, 4, 5, 6, 7) :

$$14 = 2 + 5 + 7 = 3 + 4 + 7 = 3 + 5 + 6.$$

Số 5, số 3, số 7 xuất hiện 2 lần trong các tổng đó, vậy nó ở đỉnh hình tam giác, từ đó viết được các số còn lại.

Ta có bảng trên (hình bên)



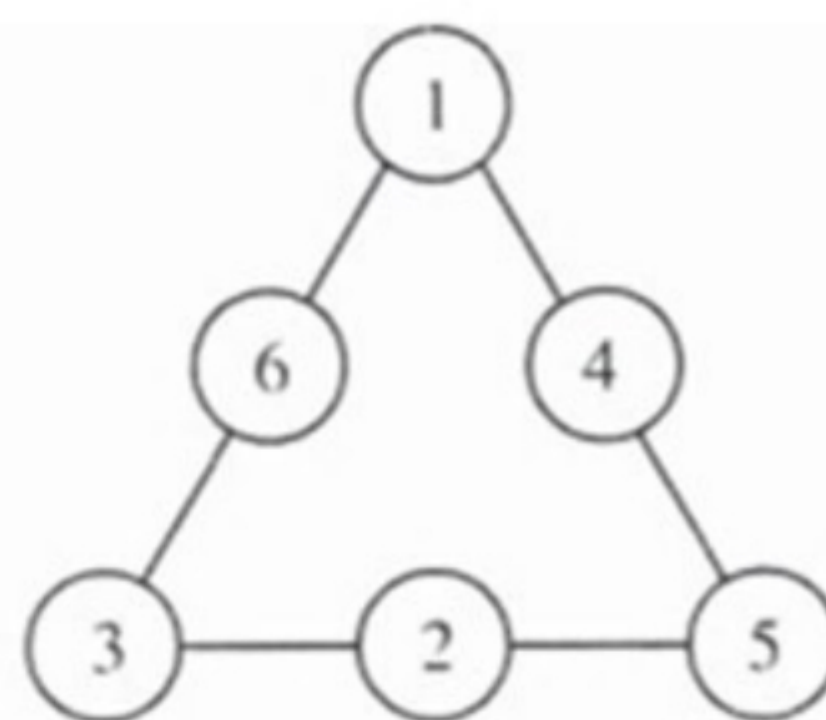
172. *Gợi ý* : Ta có (tương tự bài 171) :

$$10 = 1 + 3 + 6.$$

$$= 2 + 3 + 5$$

$$= 1 + 4 + 5$$

Số 1, 3, 5 xuất hiện 2 lần trong các tổng trên, vậy 3 số này ở 3 đỉnh hình tam giác, từ đó viết được các số còn lại như hình bên.



173.



174. a) $1\text{m} = 10\text{dm}$

$$1\text{m} = 100\text{cm}$$

$$1\text{m} = 1000\text{mm}$$

b) $4\text{dam} = 40\text{ m}$

$$2\text{hm} = 200\text{ m}$$

$$2\text{m} = 2000\text{mm}$$

$$1\text{km} = 1000\text{m}$$

$$1\text{km} = 10\text{hm}$$

$$1\text{hm} = 10\text{dam}$$

$$3\text{km} = 3000\text{m}$$

$$5\text{m} = 500\text{cm}$$

$$4\text{dm} = 40\text{cm}$$

$$1\text{dm} = 10\text{cm}$$

$$1\text{dam} = 10\text{m}$$

$$1\text{hm} = 100\text{m}$$

$$6\text{hm} = 60\text{dam}$$

$$2\text{km} = 20\text{hm}$$

$$5\text{m} = 50\text{dm}$$

175. $2\text{m } 5\text{dm} = 25\text{dm}$

$$2\text{m } 5\text{cm} = 205\text{cm}$$

$$2\text{m } 5\text{mm} = 2005\text{mm}$$

$$2\text{km } 500\text{m} = 2500\text{m}$$

$$2\text{km } 50\text{m} = 2050\text{m}$$

$$2\text{km } 5\text{m} = 2005\text{m}$$

176. $10\text{m } 3\text{cm} > 10\text{ m}$

$$10\text{m } 3\text{cm} < 103\text{dm}$$

$$10\text{m}3\text{cm} = 1003\text{cm}$$

$$(10\text{m } 3\text{cm} = 10\text{m} + 3\text{cm} > 10\text{m})$$

$$(10\text{m } 3\text{cm} = 100\text{dm} + 3\text{cm} < 103\text{dm})$$

177. a) $17\text{km} + 23\text{km} = 40\text{km}$

$$1300\text{m} - 150\text{m} = 1150\text{ m}$$

$$2\text{m } 3\text{dm} + 4\text{m } 2\text{dm} = 6\text{m } 5\text{dm}$$

b) $12\text{km} \times 3 = 36\text{km}$

$$600\text{mm} : 4 = 150\text{mm}$$

$$30\text{km} + 20\text{km} - 10\text{km} = 40\text{km}$$

178. *Gợi ý* : $4\text{m } 5\text{cm} = 400\text{cm} + 5\text{cm} = 405\text{cm}$. Vậy khoanh vào chữ C.

179. *Gợi ý* : Có 4 chỗ bị ghép nối ở hai đoạn ống liền nhau, như vậy khi ghép xong 5 đoạn ống nhựa thì cả ống nhựa dài đã bị "hụt" mất :

$$10 \times 4 = 40 \text{ (cm)}$$

Vậy tổng chiều dài thực của 5 đoạn ống nhựa là : 5m và 40cm, hay bằng 540cm. Do đó, chiều dài mỗi đoạn ống nhựa là :

$$540 : 5 = 108 \text{ (cm)}$$

180. (Xem hình vẽ ở đề bài).

$$1\text{kg} = 100\text{g} + 100\text{g} + 100\text{g} + 100\text{g} + 100\text{g} + 100\text{g} + 100\text{g} + 100\text{g} + 100\text{g} + 100\text{g} = 100\text{g} \times 10$$

Phải đặt lên đĩa cân 10 quả cân 100g thì cân thăng bằng.

181. *Gợi ý* : $1\text{kg } 52\text{g} = 1052\text{g}$

Khoanh vào chữ C.

182. *Gợi ý* :

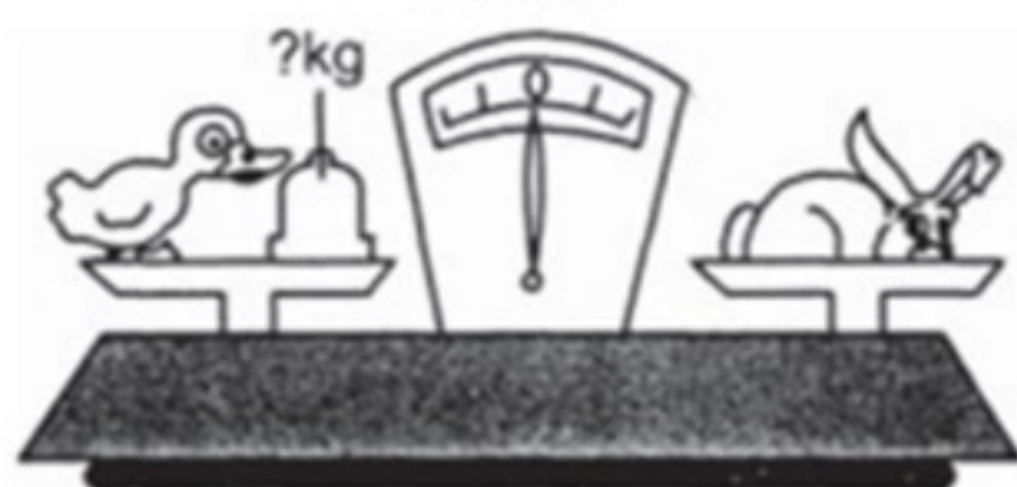
Quan sát cách cân ở các hình, từ hình B, em có thể thay "quả dưa" ở hình A nặng bằng "quả cam và 1kg" ($500\text{g} + 500\text{g} = 1000\text{g} = 1\text{kg}$).



Hình A



Hình B



Hình C



Hình D

– Quan sát hình D ta có "con thỏ" nặng bằng "con vịt và 1kg". Như vậy ở hình C phải đặt thêm quả cân 1kg để được cân thăng bằng.

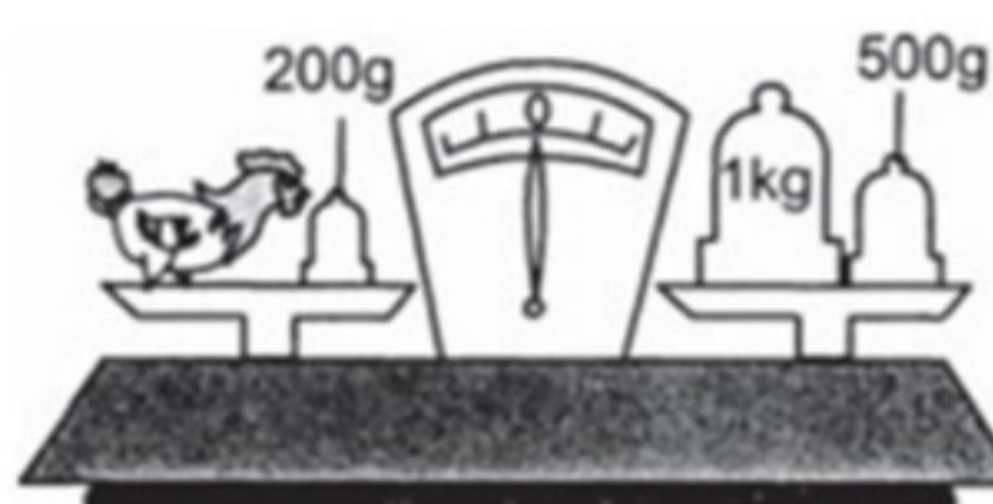
183. *Gợi ý* : Ta có :

$$\text{"gà"} + 200\text{g} = 1\text{kg} + 500\text{g}$$

$$\text{"gà"} + 200\text{g} = 1500\text{g}$$

$$\text{"gà"} = 1300\text{g}$$

Khoanh vào chữ C.



184. (Xem cân) cái hộp nặng là :

$$10 + 20 + 50 = 80 \text{ (g)}$$

185. (Xem cân) quả dưa nặng là :

$$1000 - 10 = 990 \text{ (g)}$$

186. *Gợi ý* : Phân tích 40g thành tổng hoặc hiệu các số mà mỗi số lấy trong các số đã cho (10g, 15g, 25g, 50g), chẳng hạn :

$$40\text{g} = 15\text{g} + 25\text{g} \quad (1)$$

$$= 50\text{g} - 10\text{g} \quad (2)$$

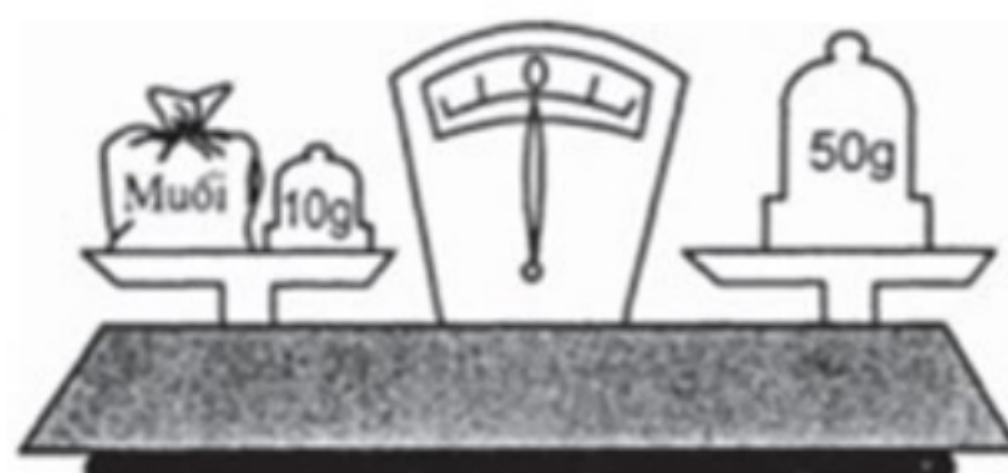
$$= (15\text{g} + 50\text{g}) - 25\text{g} \quad (3)$$

Từ đó có các cách cân :

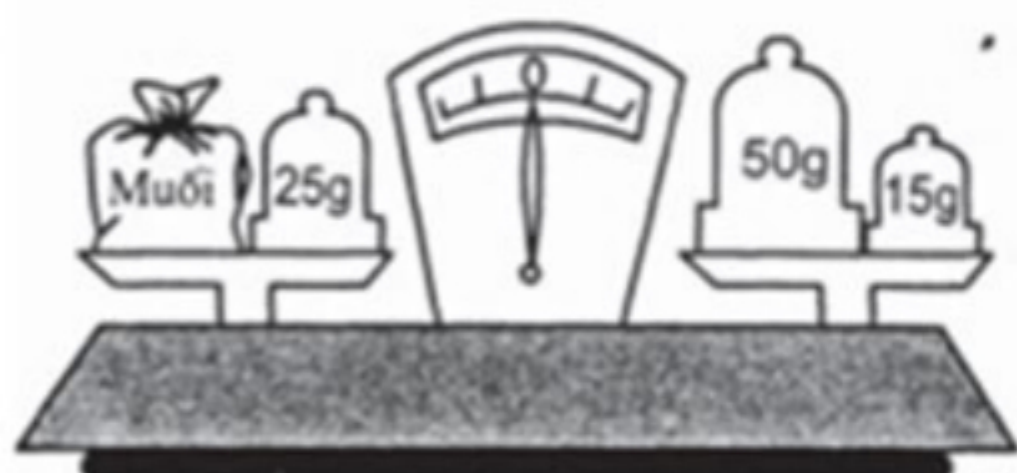
1)



2)



3)



187. *Gợi ý* :

Từ hình A, ta có : quả dưa = bắp cải + 200g

$$2 \text{ quả dưa} = 2 \text{ bắp cải} + 400\text{g} \quad (1)$$

Từ (1) và hình C :

$$2 \text{ bắp cải} + 400\text{g} = 3 \text{ quả bưởi} \quad (2)$$

– Từ hình B, ta có : bắp cải = quả bưởi + 200g

$$2 \text{ bắp cải} = 2 \text{ quả bưởi} + 400\text{g}$$

$$2 \text{ bắp cải} + 400\text{g} = 2 \text{ quả bưởi} + 800\text{g} \quad (3)$$

Kết hợp (2) với (3) : 3 quả bưởi = 2 quả bưởi + 800g.

• Từ đó : 1 quả bưởi cân nặng 800g

Thay quả bưởi vào hình B : 1 bắp cải cân nặng 1000g (800g + 200g).

Thay bắp cải vào hình A : 1 quả dưa cân nặng 1200g (1000g + 200g).

188. A. 4 giờ 6 phút ; B. 4 giờ 10 phút ; C. 4 giờ 25 phút
 D. 6 giờ 15 phút ; E. 7 giờ 30 phút ; G. 12 giờ 35 phút
189. A. 5 giờ 20 phút ; B. 9 giờ 15 phút ; C. 12 giờ 35 phút
 D. 14 giờ 5 phút ; E. 17 giờ 30 phút ; G. 21 giờ 55 phút.
190. A. 2 giờ 10 phút ; B. 5 giờ 16 phút ; C. 11 giờ 21 phút
 D. 9 giờ 34 phút ; E. 10 giờ 38 phút ; G. 4 giờ kém 3 phút.

191. – Nối 3 giờ 27 phút với đồng hồ B.

- Nối 8 giờ kém 5 phút và 7 giờ 55 phút với đồng hồ A.
- Nối 12 giờ rưỡi với đồng hồ G.
- Nối 1 giờ kém 16 phút với đồng hồ C.
- Nối 9 giờ kém 10 phút và 8 giờ 50 phút với đồng hồ H.
- Nối 10 giờ 9 phút với đồng hồ I.
- Nối 9 giờ 19 phút với đồng hồ D.
- Nối 5 giờ kém 23 phút với đồng hồ E.

192. – Nối 3 giờ 45 phút với 4 giờ kém 15 phút.

- Nối 9 giờ kém 5 phút với 8 giờ 55 phút.
- Nối 7 giờ kém 7 phút với 6 giờ 53 phút.
- Nối 8 giờ 48 phút với 9 giờ kém 12 phút.
- Nối 2 giờ 30 phút chiều với 14 giờ 30 phút.
- Nối 20 giờ với 8 giờ tối.

193. *Gợi ý :* Từ 7 giờ đến 7 giờ 20 phút có 20 phút. Em đi từ nhà đến trường hết 20 phút (có thể minh hoạ cho kim phút "chạy" từ số 12 đến số 4 trên mặt đồng hồ để tính số phút : $5 \text{ phút} \times 4 = 20 \text{ phút}$).

194. *Gợi ý :* Hiểu 9 giờ kém 20 phút là 8 giờ 40 phút, rồi làm tương tự như bài 193 (thời gian tiết học đó là 40 phút).

195. a) Ghi Đ vào B. 20 phút, ghi S vào A. 10 phút.

b) Ghi S vào A. 15 phút, ghi Đ vào B. 30 phút.

Gợi ý : Dùng mô hình đồng hồ để minh hoạ số phút có được khi cho kim phút chạy, chẳng hạn từ 8 giờ kém 10 phút đến 8 giờ 10 phút hoặc từ 8 giờ 15 phút đến 9 giờ kém 15 phút.

196. Vào buổi chiều, hai đồng hồ chỉ cùng thời gian là đồng hồ A và đồng hồ E, đồng hồ B và đồng hồ D, đồng hồ C và đồng hồ G.

197. – Nối đồng hồ A với đồng hồ 2. Nối đồng hồ B với đồng hồ 5.

– Nối đồng hồ C với đồng hồ 4. Nối đồng hồ D với đồng hồ 1.

– Nối đồng hồ E với đồng hồ 3. Nối đồng hồ G với đồng hồ 6.

198. – Nối tháng 1, 3, 5, 7, 8, 10, 12 với "31 ngày".

– Nối tháng 4, 6, 9, 11 với "30 ngày".

– Nối tháng 2 với "28 hoặc 29 ngày".

199. Gợi ý : Tháng 3 có 31 ngày, ta có thể ghi :

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
Tuần này				25/3	26	27	28
Tuần sau	29	30	31	1/4			

Thứ năm tuần sau là ngày 1 tháng 4.

200. Tương tự bài 199 :

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
Tuần này					27/3	28	29
Tuần sau	30	31/3	1	2	3/4		

Thứ sáu tuần này là ngày 27 tháng 3.

201. Năm ngày chủ nhật của tháng Hai năm đó là :

1 tháng 2, 8 tháng 2, 15 tháng 2, 22 tháng 2 và 29 tháng 2.

(Tháng 2 năm nhuận có 29 ngày).

202. Gợi ý :

Tháng 7 có 31 ngày

Chủ nhật	Hai	Ba	Tư	Năm
30/7	31/7	1/8	2/8	3/8

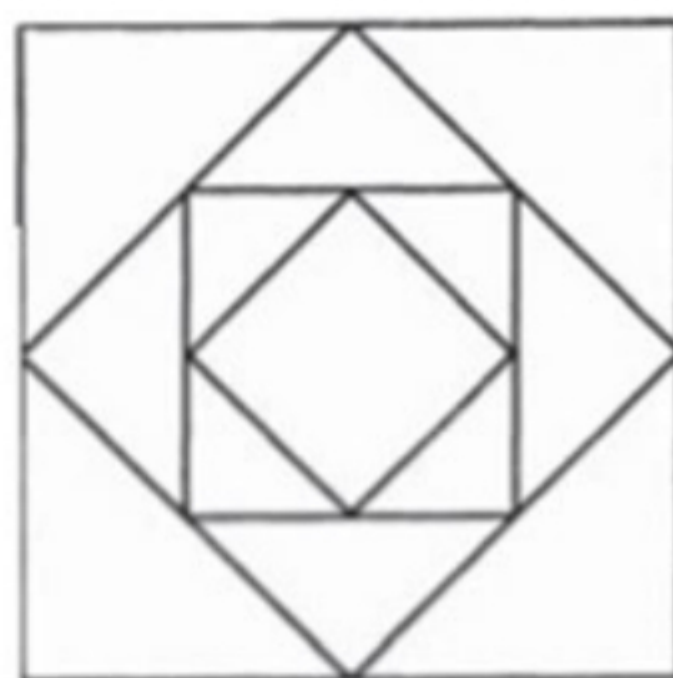
Khoanh vào chữ C.

208. – Có 4 hình vuông.

– Có 12 hình tam giác.

– Số hình tam giác so với số hình vuông thì gấp :

$$12 : 4 = 3 \text{ (lần).}$$



209. Trên hình bên có :

– 9 hình tam giác.

– 12 hình tứ giác.



210. *Gợi ý :* Xét các hình tam giác chung đỉnh A : ứng với đáy BC có 6 hình tam giác (bài 204). Vậy ứng với 3 cạnh đáy BC, DE, GH có tất cả :

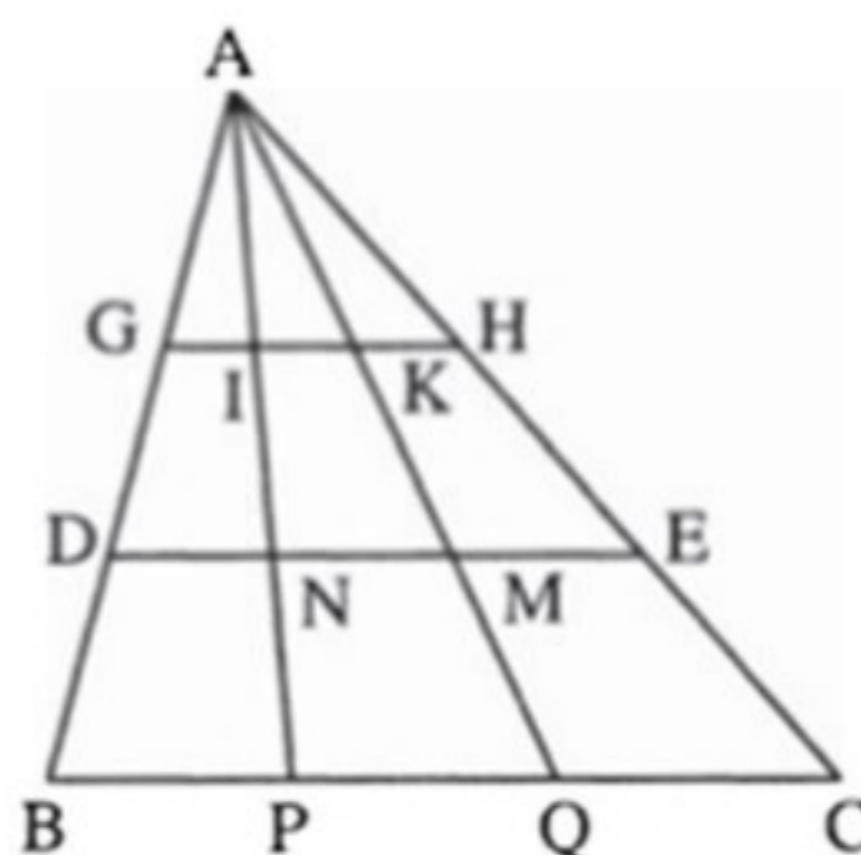
$$6 \times 3 = 18 \text{ (tam giác)}$$

+ Trong hình tam giác đỉnh A, đáy BP có 3 tứ giác.

Vậy trong 6 hình tam giác đỉnh A đáy lần lượt BP, PQ, QC, BQ, PC, BC có :

$$3 \times 6 = 18 \text{ (tứ giác).}$$

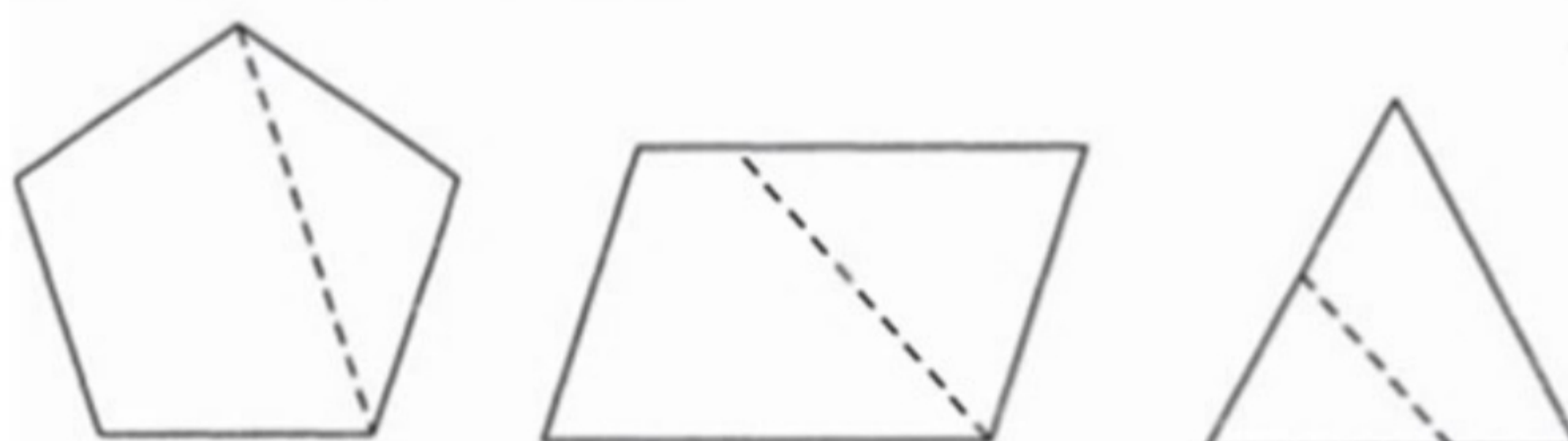
+ Số hình tam giác bằng số hình tứ giác.



211. Kẻ thêm một đoạn thẳng như hình sau để được 1 hình vuông :



212. Cắt hình theo đường chấm chấm :

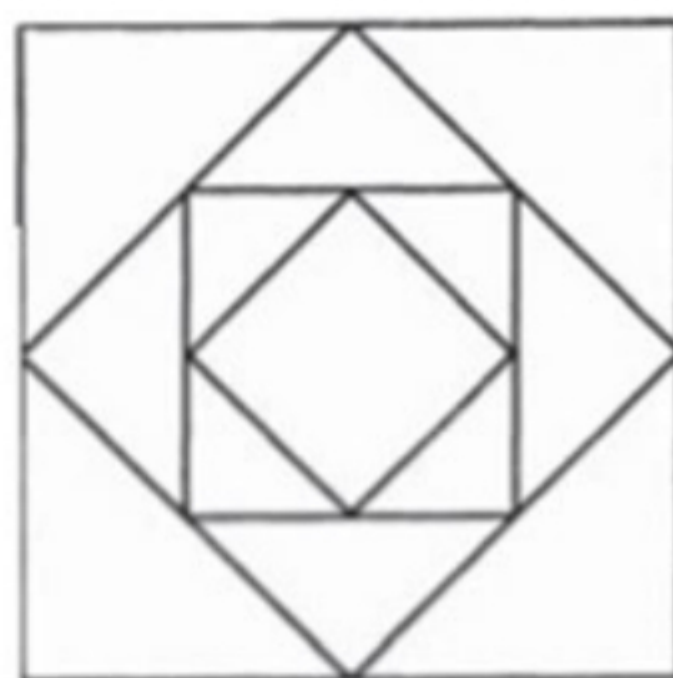


208. – Có 4 hình vuông.

– Có 12 hình tam giác.

– Số hình tam giác so với số hình vuông thì gấp :

$$12 : 4 = 3 \text{ (lần).}$$



209. Trên hình bên có :

– 9 hình tam giác.

– 12 hình tứ giác.



210. *Gợi ý :* Xét các hình tam giác chung đỉnh A : ứng với đáy BC có 6 hình tam giác (bài 204). Vậy ứng với 3 cạnh đáy BC, DE, GH có tất cả :

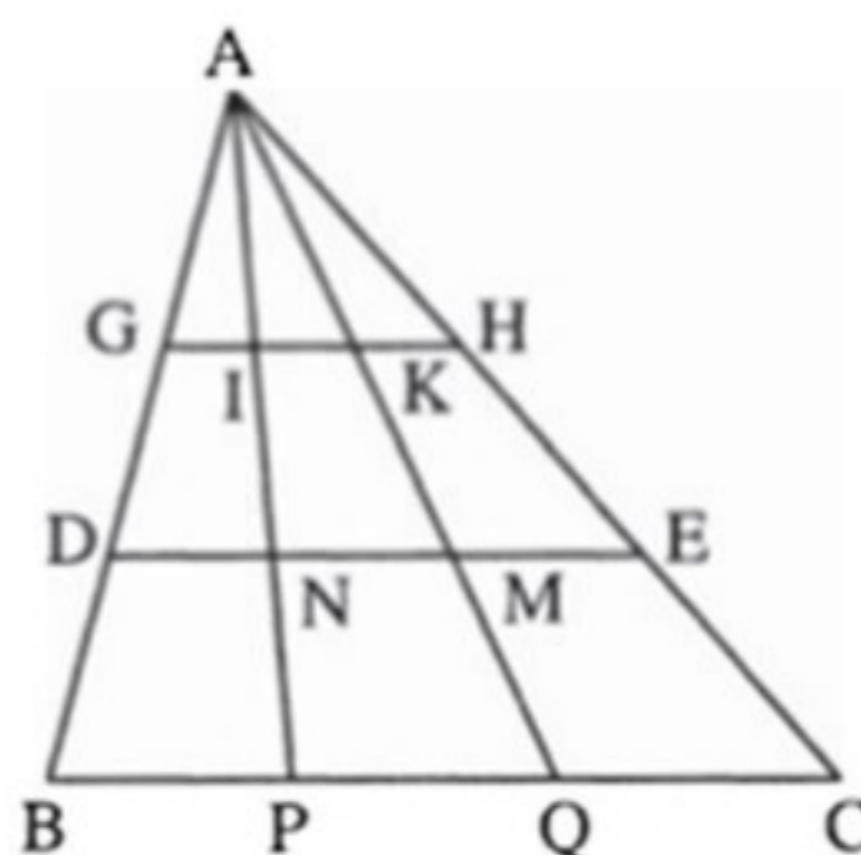
$$6 \times 3 = 18 \text{ (tam giác)}$$

+ Trong hình tam giác đỉnh A, đáy BP có 3 tứ giác.

Vậy trong 6 hình tam giác đỉnh A đáy lần lượt BP, PQ, QC, BQ, PC, BC có :

$$3 \times 6 = 18 \text{ (tứ giác).}$$

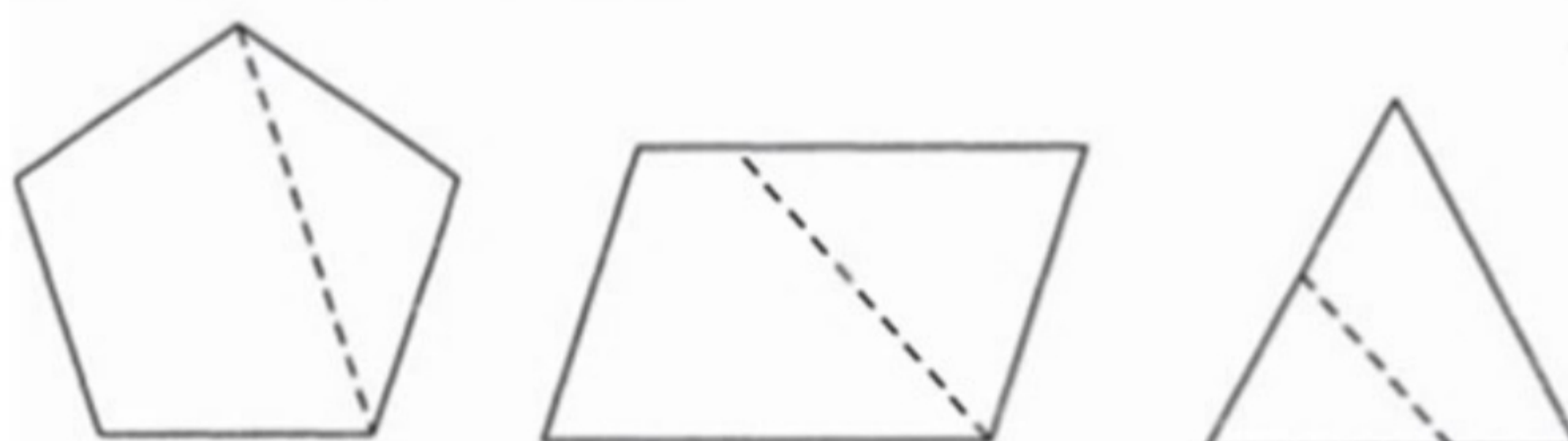
+ Số hình tam giác bằng số hình tứ giác.



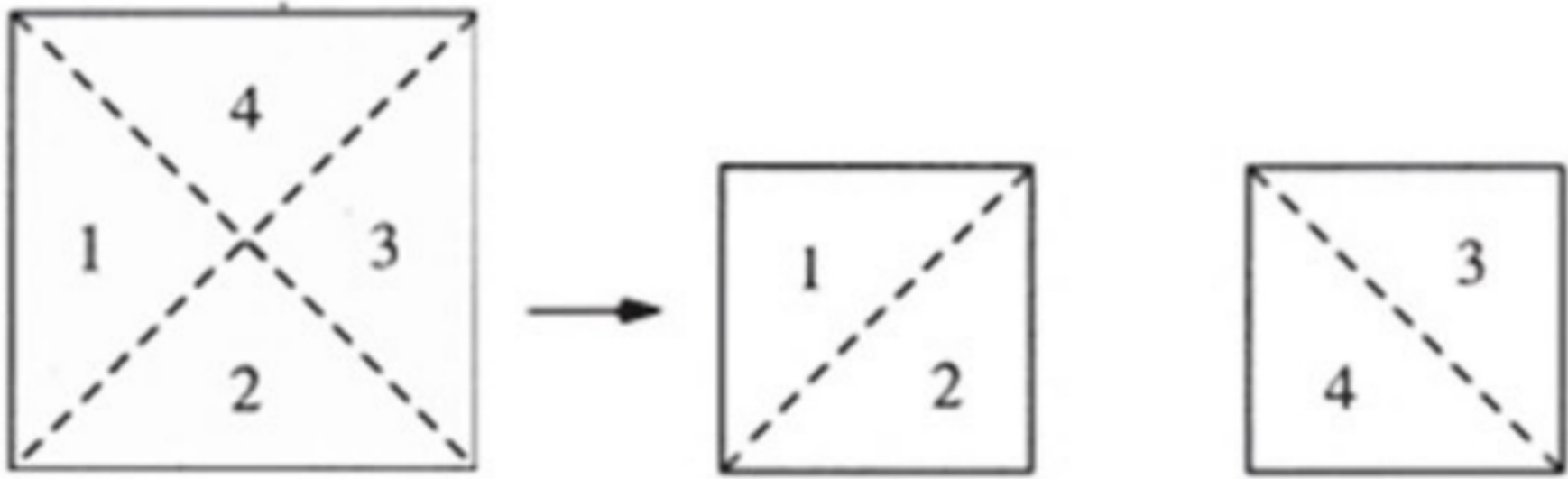
211. Kẻ thêm một đoạn thẳng như hình sau để được 1 hình vuông :



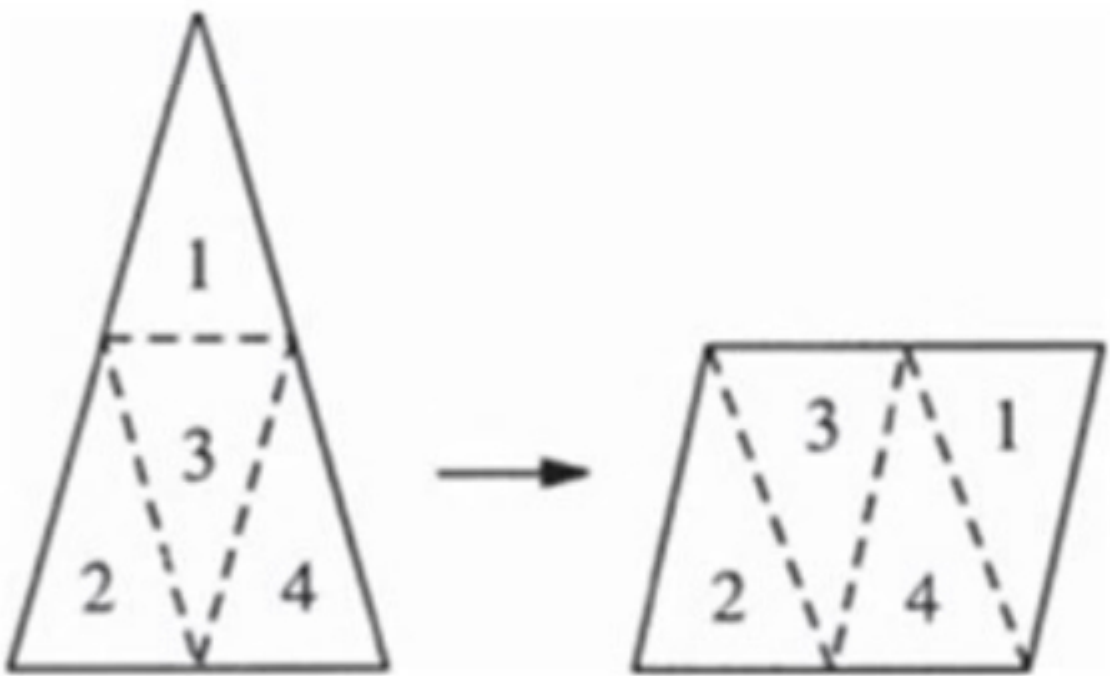
212. Cắt hình theo đường chấm chấm :



213. Cắt hình vuông lớn theo đường chấm chấm thành 4 tam giác rồi ghép lại thành hai hình vuông nhỏ.



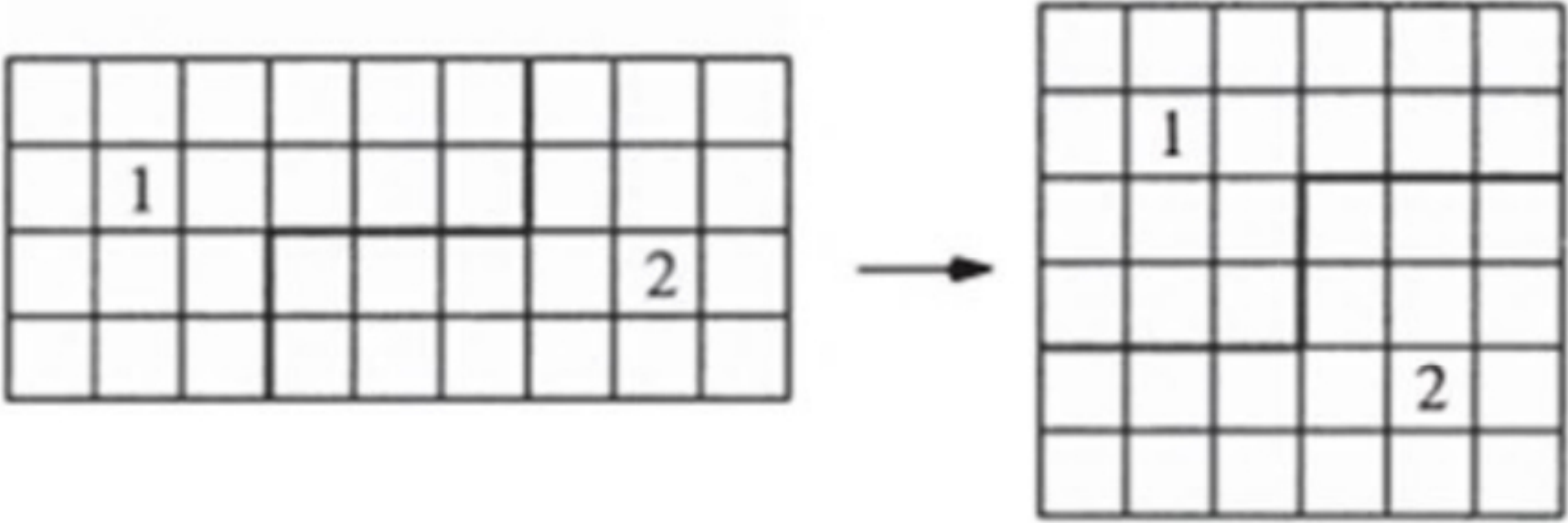
214. Cắt hình tam giác lớn theo đường chấm chấm thành 4 hình tam giác nhỏ rồi ghép lại thành 1 hình tứ giác.



215. *Gợi ý :* Hình chữ nhật có 1 cạnh gồm 9 ô, 1 cạnh gồm 4 ô, cả hình chữ nhật gồm :

$$9 \times 4 = 36 \text{ (ô)}$$

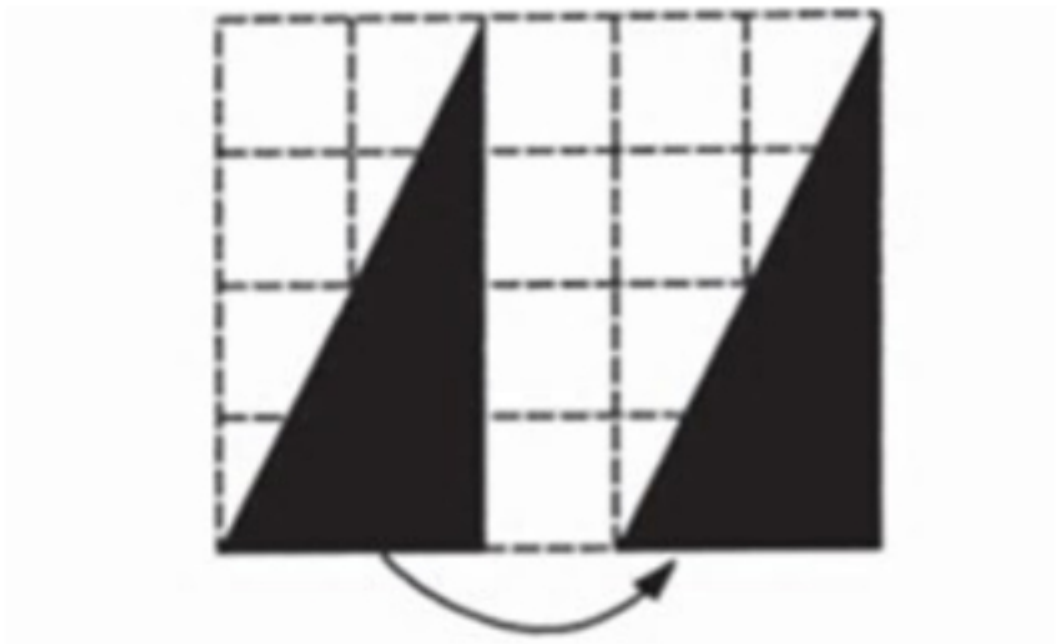
Ta tìm cách ghép thành hình vuông có cạnh gồm 6 ô ($6 \times 6 = 36$). (như hình dưới)



216. Cắt ghép như hình sau :



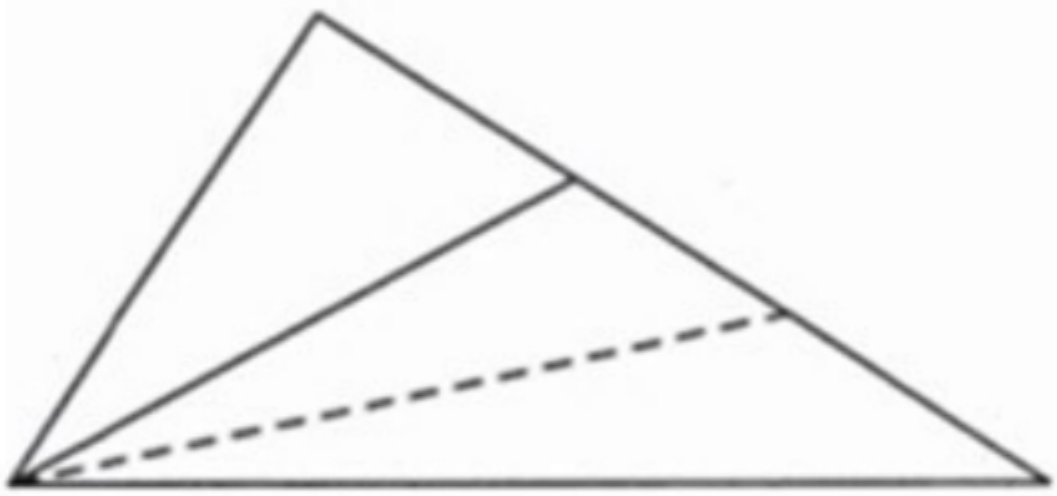
217. Cắt ghép như hình bên :



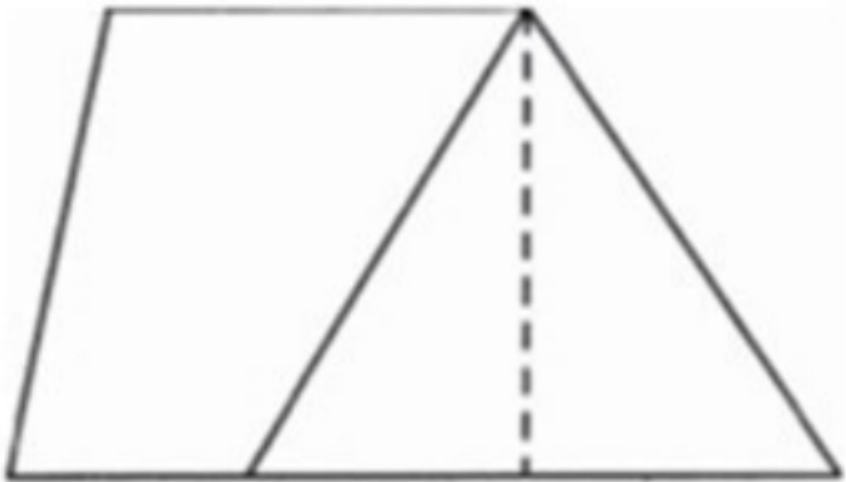
218. Cắt ghép như hình bên :



219. Vẽ thêm đoạn thẳng chấm chấm để đếm được 6 hình tam giác có như hình bên.



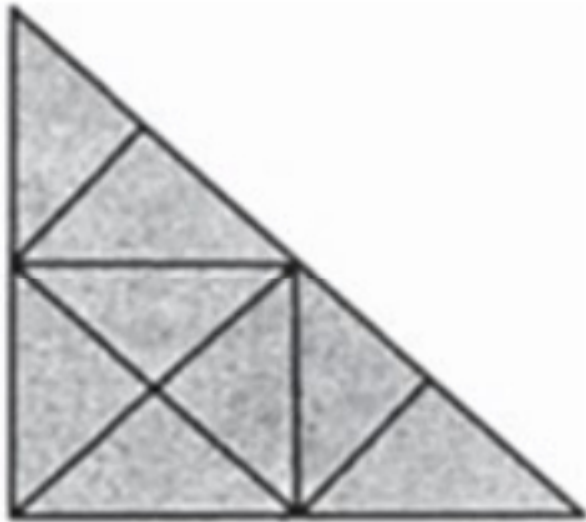
220. Vẽ thêm đoạn nét đứt để đếm trên hình bên được 3 hình tam giác và 3 hình tứ giác.



221.



Hình A



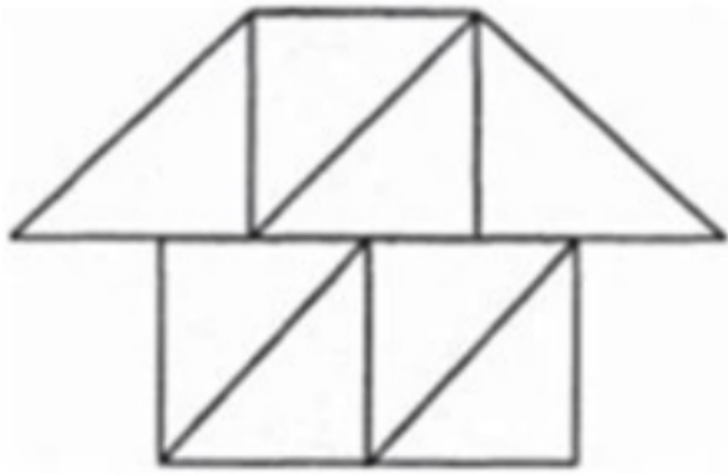
Hình B



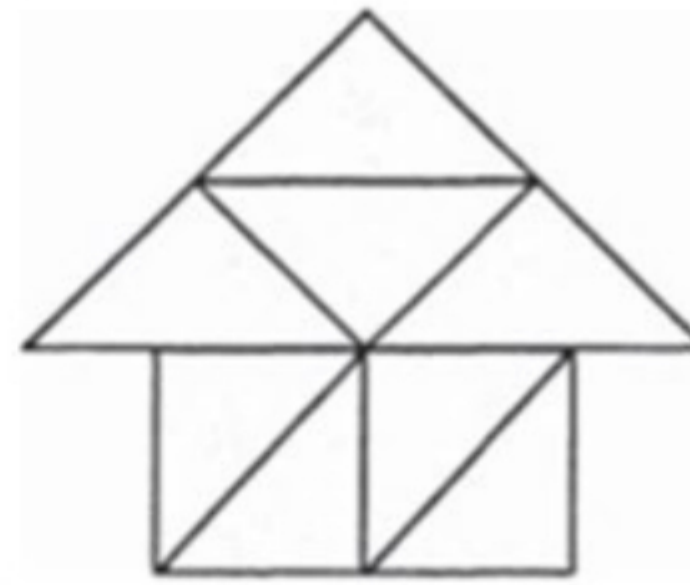
Hình C



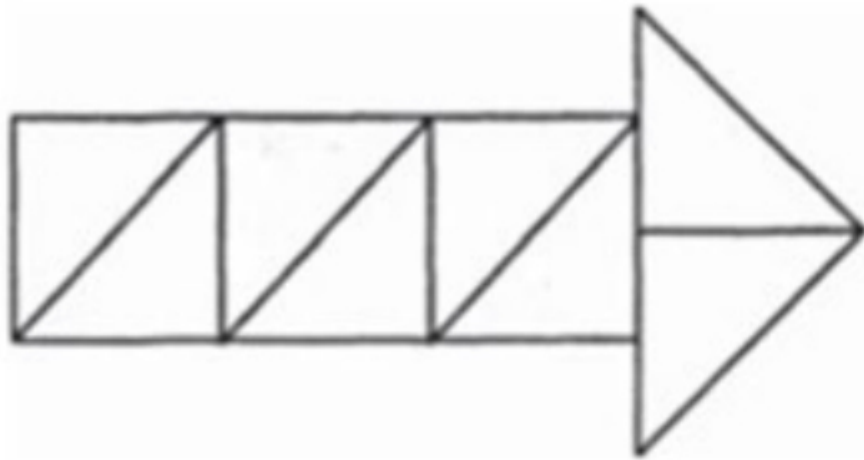
Hình D



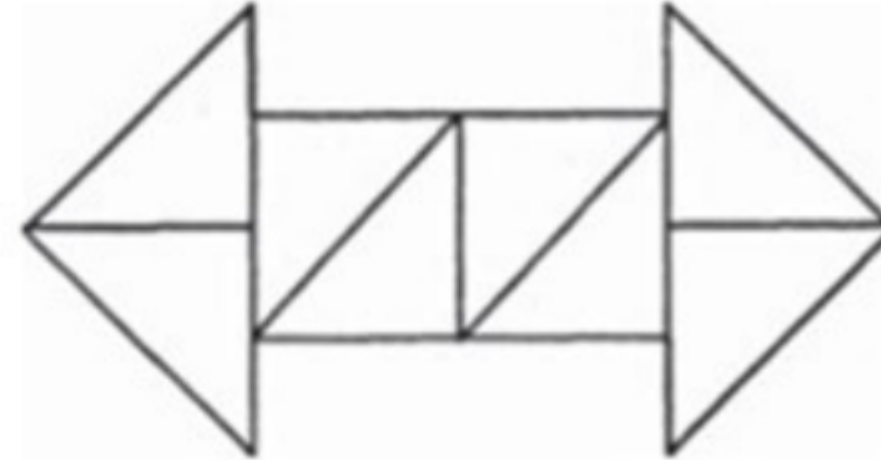
Hình E



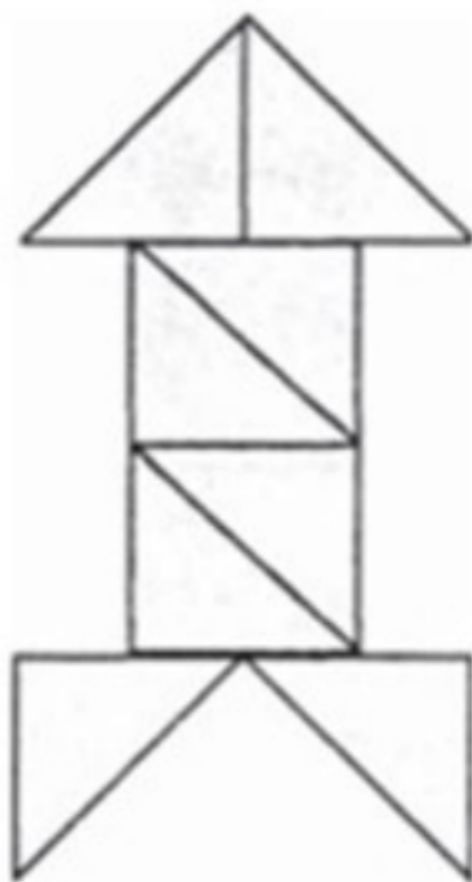
Hình G



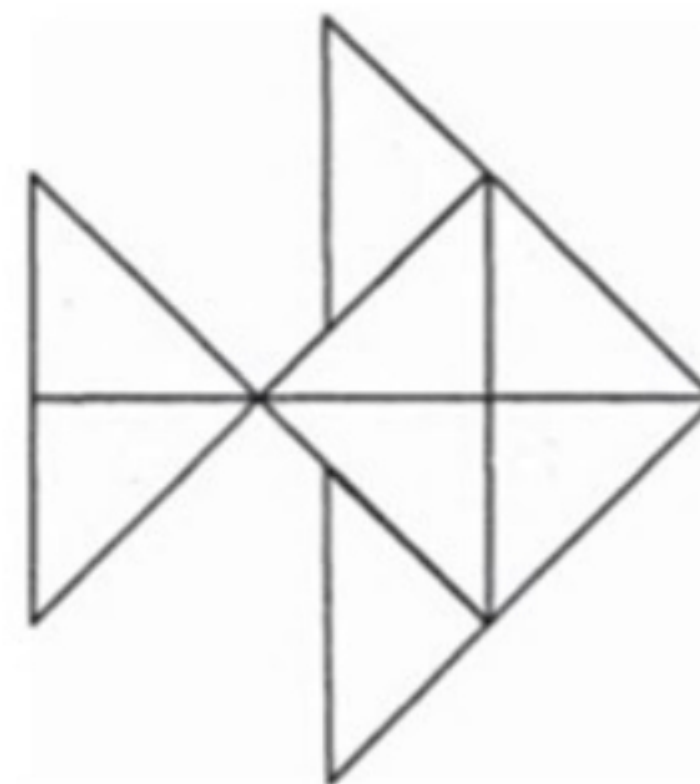
Hình H



Hình K

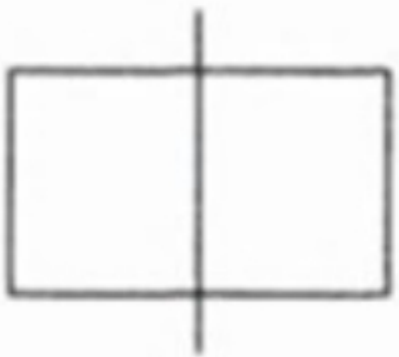


Hình M



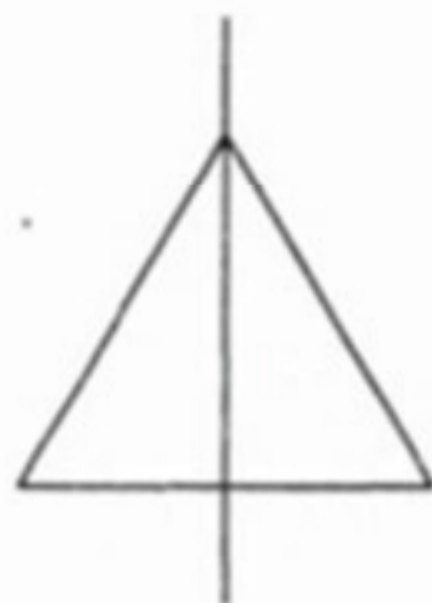
Hình N

222.



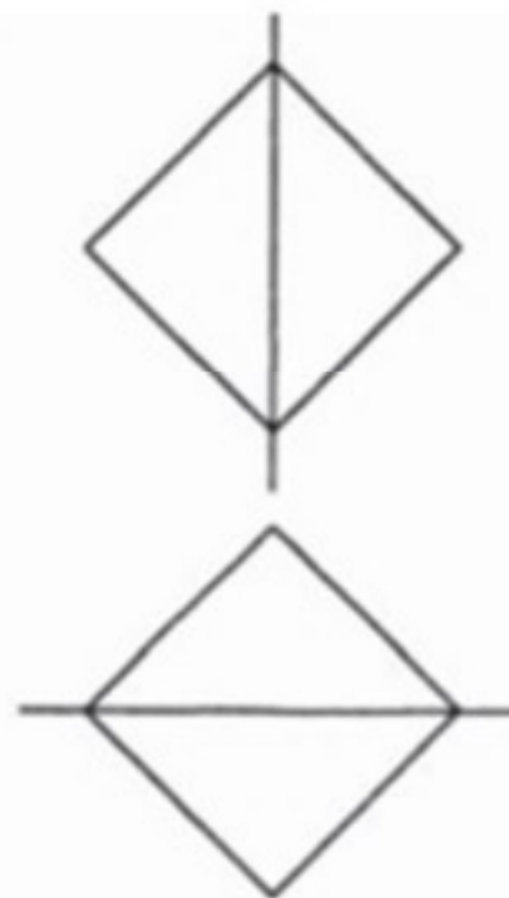
Đường thẳng qua
trung điểm
hai cạnh đối diện

a)



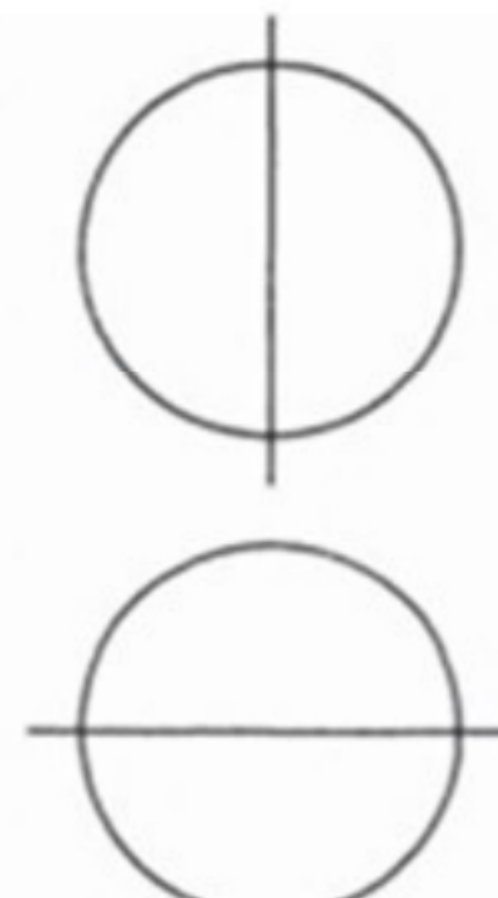
Đường thẳng qua
đỉnh và trung điểm
của cạnh đáy

b)



Đường thẳng
qua hai đỉnh
đối diện

c)



Đường thẳng
qua tâm
hình tròn

d)

Có thể nhận xét : Từ A đến "điểm D" có 2 đường, từ "điểm D" đến B có 2 đường.

Từ A đến "điểm H" có 3 đường, từ "điểm H" đến B có 3 đường.

Từ A đến "điểm O" có 1 đường, từ "điểm O" đến B có 1 đường.

Vậy từ A đến B có :

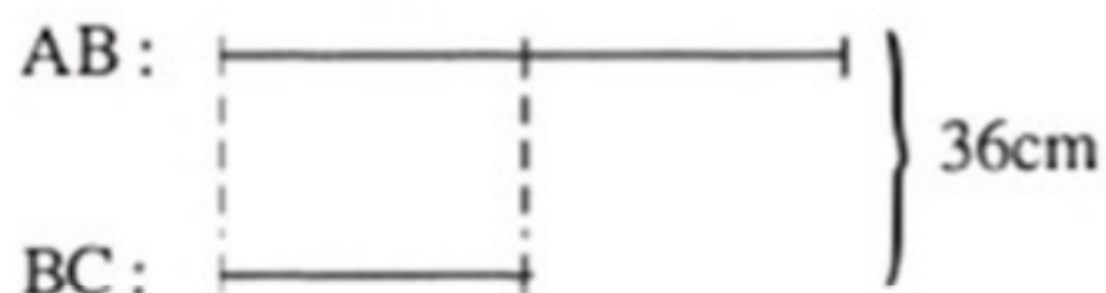
$$2 \times 2 + 3 \times 3 + 1 \times 1 = 14 \text{ (đường)}$$

227. *Gợi ý* : Đoạn BC dài là :

$$36 : (2 + 1) = 12 \text{ (cm)}$$

Đoạn AB dài là :

$$12 \times 2 = 24 \text{ (cm)}$$



228. *Gợi ý* : 2 lần tổng độ dài ba đoạn là :

$$7 + 9 + 8 = 24 \text{ (cm)}$$

Độ dài đường gấp khúc là :

$$24 : 2 = 12 \text{ (cm)}$$

229. Độ dài cạnh AC là :

$$58 - 24 - 18 = 16 \text{ (cm)}$$

230. Độ dài BC là : $15 + 5 = 20 \text{ (cm)}$

Độ dài AC là : $20 + 8 = 28 \text{ (cm)}$

Chu vi hình tam giác ABC là :

$$15 + 20 + 28 = 63 \text{ (cm)}$$

231. Tổng độ dài hai đoạn CD và DE là :

$$7 + 9 = 16 \text{ (cm)}$$

Độ dài đoạn CD là :

$$(16 - 6) : 2 = 5 \text{ (cm)}$$

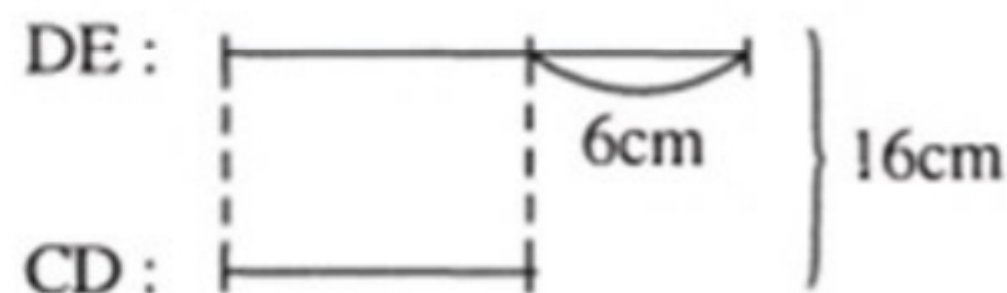
Độ dài đoạn DE là :

$$5 + 6 = 11 \text{ (cm)}$$

Độ dài đường gấp khúc ABCDE là :

$$16 \times 2 = 32 \text{ (cm)}.$$

(Hoặc bằng $7 + 9 + 5 + 11 = 32 \text{ (cm)}$).



Có thể nhận xét : Từ A đến "điểm D" có 2 đường, từ "điểm D" đến B có 2 đường.

Từ A đến "điểm H" có 3 đường, từ "điểm H" đến B có 3 đường.

Từ A đến "điểm O" có 1 đường, từ "điểm O" đến B có 1 đường.

Vậy từ A đến B có :

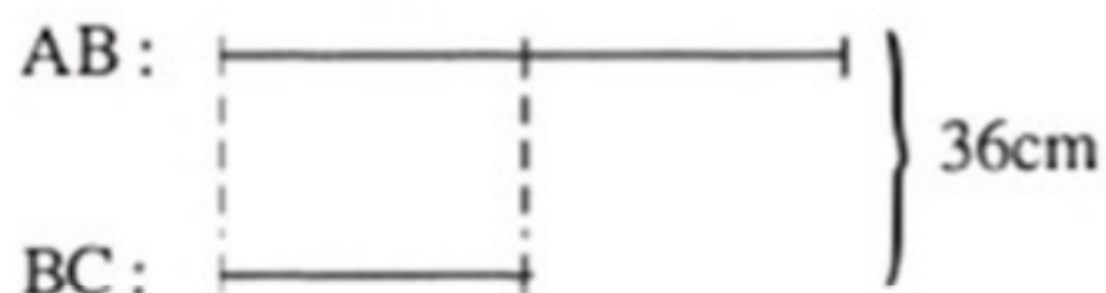
$$2 \times 2 + 3 \times 3 + 1 \times 1 = 14 \text{ (đường)}$$

227. *Gợi ý* : Đoạn BC dài là :

$$36 : (2 + 1) = 12 \text{ (cm)}$$

Đoạn AB dài là :

$$12 \times 2 = 24 \text{ (cm)}$$



228. *Gợi ý* : 2 lần tổng độ dài ba đoạn là :

$$7 + 9 + 8 = 24 \text{ (cm)}$$

Độ dài đường gấp khúc là :

$$24 : 2 = 12 \text{ (cm)}$$

229. Độ dài cạnh AC là :

$$58 - 24 - 18 = 16 \text{ (cm)}$$

230. Độ dài BC là : $15 + 5 = 20 \text{ (cm)}$

Độ dài AC là : $20 + 8 = 28 \text{ (cm)}$

Chu vi hình tam giác ABC là :

$$15 + 20 + 28 = 63 \text{ (cm)}$$

231. Tổng độ dài hai đoạn CD và DE là :

$$7 + 9 = 16 \text{ (cm)}$$

Độ dài đoạn CD là :

$$(16 - 6) : 2 = 5 \text{ (cm)}$$

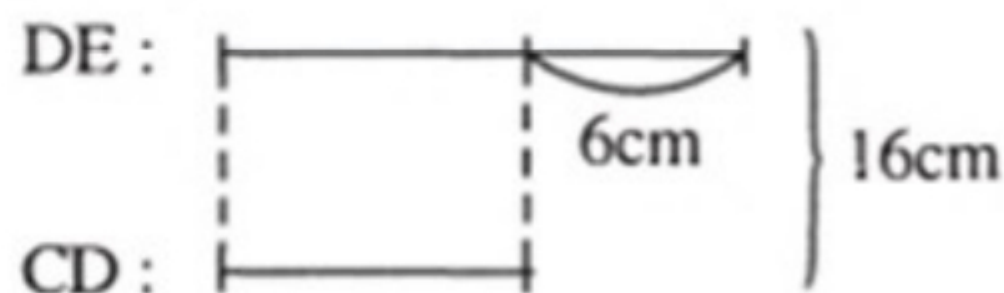
Độ dài đoạn DE là :

$$5 + 6 = 11 \text{ (cm)}$$

Độ dài đường gấp khúc ABCDE là :

$$16 \times 2 = 32 \text{ (cm)}.$$

(Hoặc bằng $7 + 9 + 5 + 11 = 32 \text{ (cm)}$).



232. Độ dài cạnh CD là :

$$(16 + 10) : 2 = 13 \text{ (cm)}$$

Độ dài cạnh AD là :

$$(16 - 10) \times 2 = 12 \text{ (cm)}$$

Chu vi hình tứ giác ABCD là :

$$16 + 10 + 13 + 12 = 51 \text{ (cm)}$$

233. Có 4 hình tam giác và hai hình tứ giác. Tổng chu vi bốn hình tam giác là :

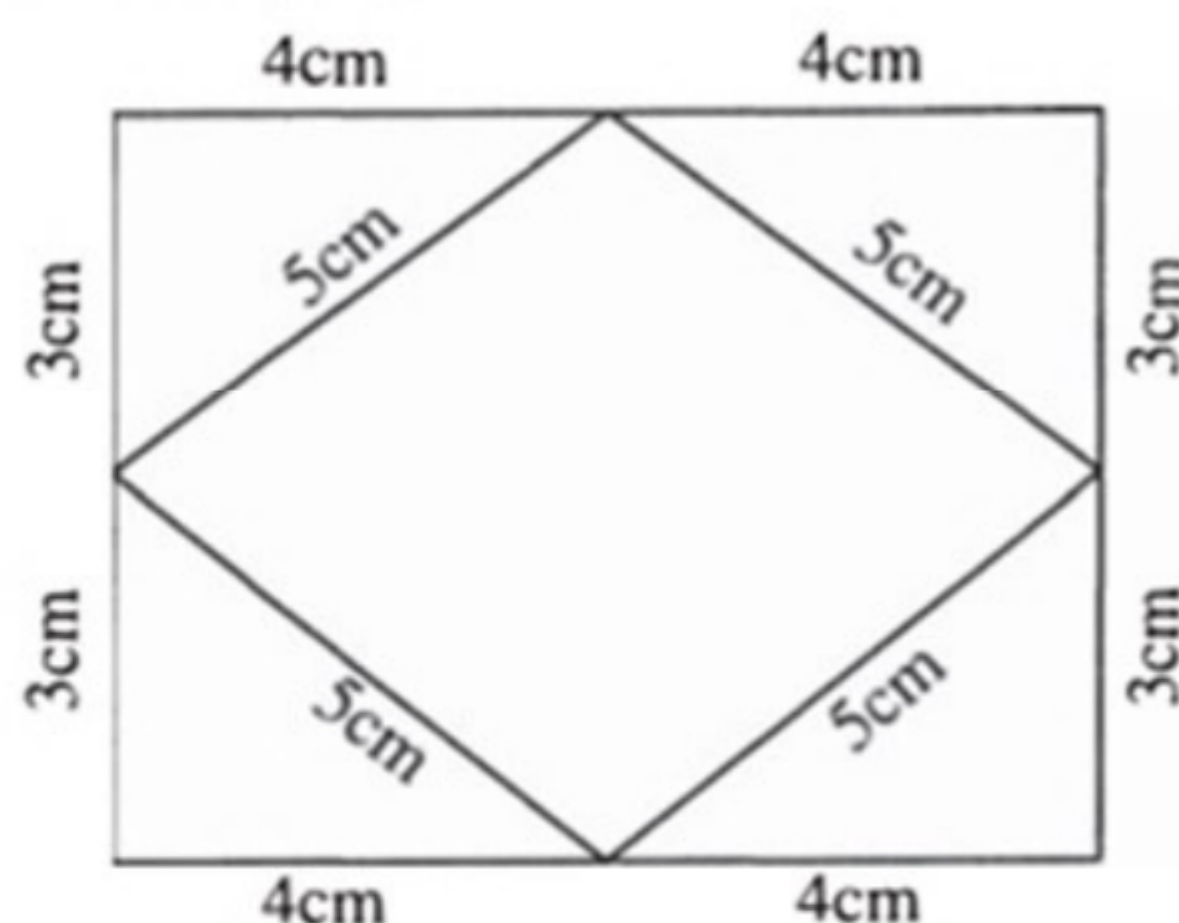
$$(3 + 4 + 5) \times 4 = 48 \text{ (cm)}$$

Tổng chu vi hai hình tứ giác là :

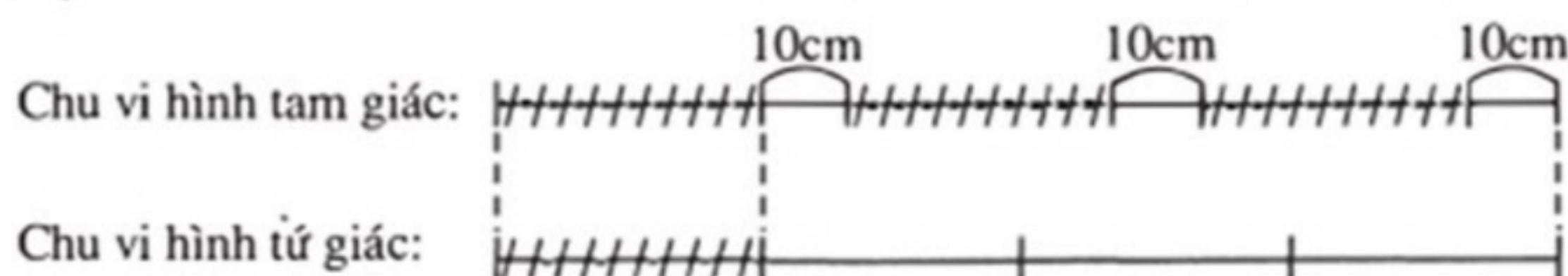
$$(6 + 8) \times 2 + 5 \times 4 = 48 \text{ (cm)}$$

Tổng chu vi bốn hình tam giác bằng tổng chu vi hai hình tứ giác.

Có thể nhận xét : Các cạnh của bốn hình tam giác trùng với các cạnh của hai hình tứ giác nên tổng chu vi của bốn hình tam giác bằng tổng chu vi hai hình tứ giác.



234. Gợi ý :



Từ sơ đồ trên, ta có : Độ dài cạnh hình tứ giác là :

$$10 + 10 + 10 = 30 \text{ (cm)}$$

Độ dài cạnh hình tam giác là :

$$30 + 10 = 40 \text{ (cm)}.$$

235. Chiều dài hình chữ nhật là :

$$15 + 15 = 30 \text{ (m)}$$

Chu vi hình chữ nhật là :

$$(30 + 15) \times 2 = 90 \text{ (m)}$$

236. a) Chiều rộng hình chữ nhật là :

$$60 : 3 = 20 \text{ (cm)}$$

Chu vi hình chữ nhật là :

$$(60 + 20) \times 2 = 160 \text{ (cm)}$$

b) *Gợi ý* : Vẽ hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng (chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài).



Nhận xét : Chiều dài bằng 3 chiều rộng.

Nửa chu vi bằng 4 chiều rộng, suy ra chu vi bằng 8 chiều rộng.

237. Chiều dài thửa vườn hình chữ nhật là :

$$30 \times 3 = 90 \text{ (m)}$$

Chu vi thửa vườn hình chữ nhật là :

$$(90 + 30) \times 2 = 240 \text{ (m)}$$

Chiều dài hàng rào là :

$$240 - 3 \times 2 = 234 \text{ (m)}$$

238. Chu vi hình chữ nhật là :

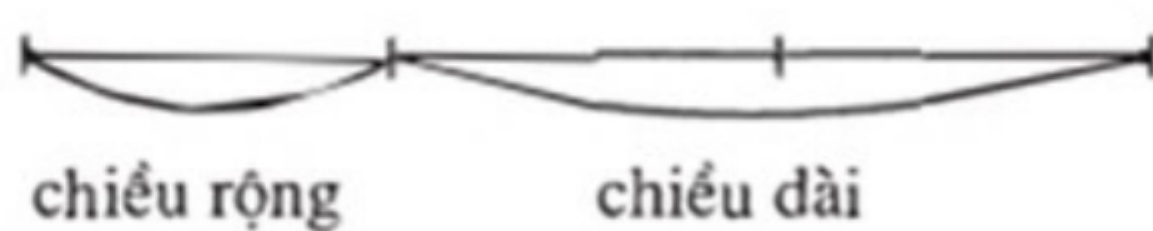
$$12 \times 6 = 72 \text{ (cm)}$$

Chiều dài hình chữ nhật là :

$$(72 : 2) - 12 = 24 \text{ (cm)}.$$

Gợi ý cách khác : Nhận xét như ở bài 236, chu vi bằng 6 chiều rộng, nửa chu vi

Nửa chu vi :



bằng 3 chiều rộng, suy ra chiều dài bằng 2 chiều rộng, chiều dài là :

$$12 \times 2 = 24 \text{ (cm)}.$$

239. Theo gợi ý của bài 238, chu vi gấp 6 lần chiều rộng, nửa chu vi gấp 3 lần chiều rộng, suy ra chiều dài gấp 2 lần chiều rộng.

240. a) Chu vi hình vuông là :

$$423 \times 4 = 1692 \text{ (cm)}$$

b) Chu vi hình vuông là :

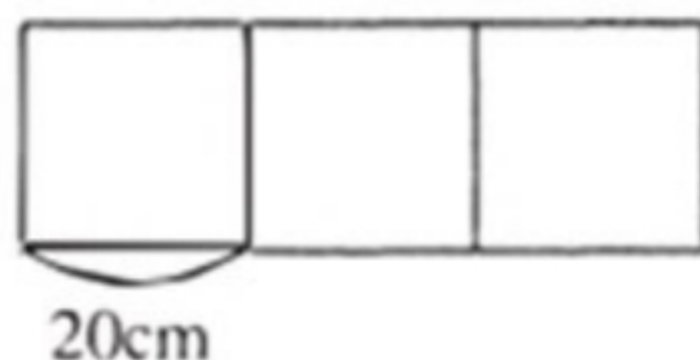
$$205 \times 4 = 820 \text{ (cm)}$$

(Đổi 2m 5cm = 205cm).

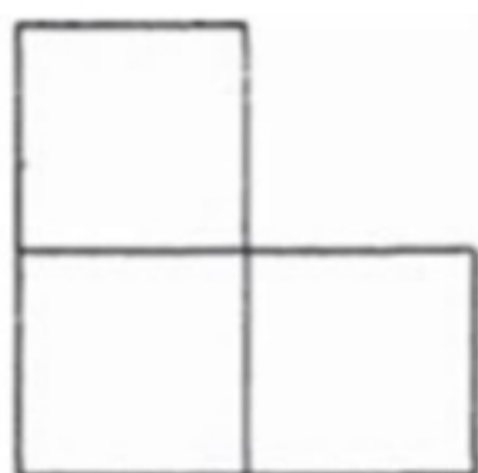
241. Đổi $2\text{m} = 200\text{cm}$. Cạnh hình vuông là :

$$200 : 4 = 50 \text{ (cm)}$$

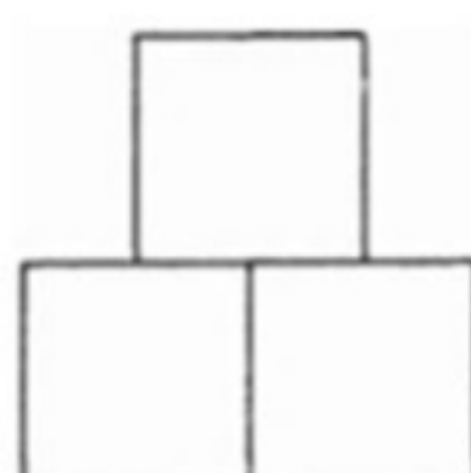
242. Gợi ý :



Hình A



Hình B



Hình C

a) Chu vi hình A gồm 8 "cạnh" viên gạch, chu vi hình A là :

$$20 \times 8 = 160 \text{ (cm)}$$

b) Tương tự chu vi hình A, chu vi hình B là :

$$20 \times 8 = 160 \text{ (cm)}$$

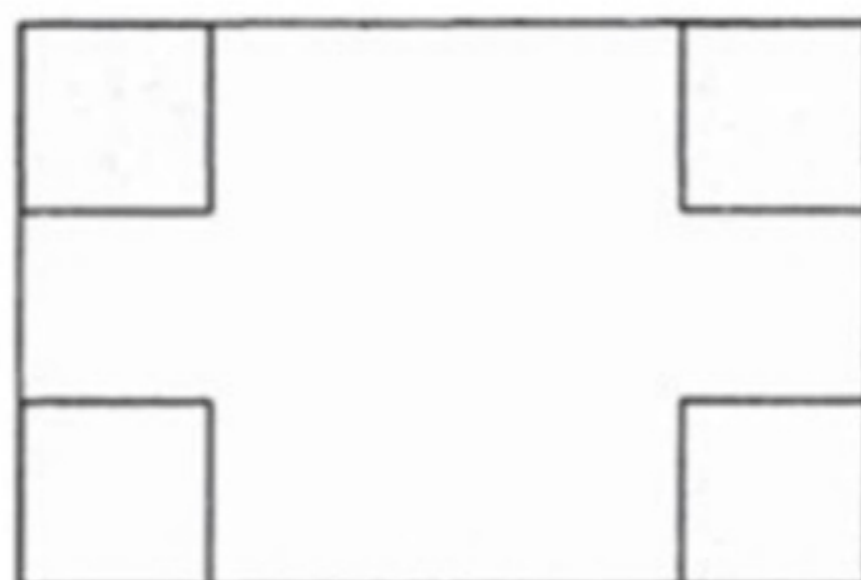
c) Nhận xét : "Chuyển" viên gạch ở trên sang vị trí như ở hình B thì chu vi hình C không đổi và bằng chu vi hình B, chu vi hình C là :

$$20 \times 8 = 160 \text{ (cm)}.$$

243. Nhận xét :

Bốn góc là bốn hình vuông có các cạnh bằng nhau nên chu vi hình chữ nhật bằng chu vi hình "phần còn lại" của miếng bìa. Chu vi hình "phần còn lại" của miếng bìa là :

$$(10 + 15) \times 2 = 50 \text{ (cm)}$$



244. Ghi sai (S) vào cách viết A (không được cộng chiều dài với chiều rộng khác đơn vị đo).

Ghi đúng (Đ) vào cách viết B và C (đã đổi đơn vị sao cho chiều dài và chiều rộng cùng đơn vị đo, $1\text{dm} = 10\text{cm}$ hoặc $20\text{cm} = 2\text{dm}$).

245. Gợi ý : Mỗi ô vuông nhỏ là như nhau :

a) Hình chữ nhật ABCD gồm 18 ô vuông ($3 \times 6 = 18$).

Hình vuông MNPQ gồm 16 ô vuông ($4 \times 4 = 16$).

Vậy diện tích hình chữ nhật ABCD lớn hơn diện tích hình vuông MNPQ.

b) Hình chữ nhật MNCQ gồm 36 ô vuông ($4 \times 9 = 36$).

Hình vuông ABPQ gồm 36 ô vuông ($6 \times 6 = 36$).

Vậy hai hình có diện tích bằng nhau.

246. *Gợi ý :* Quan sát hình rồi nhận xét :

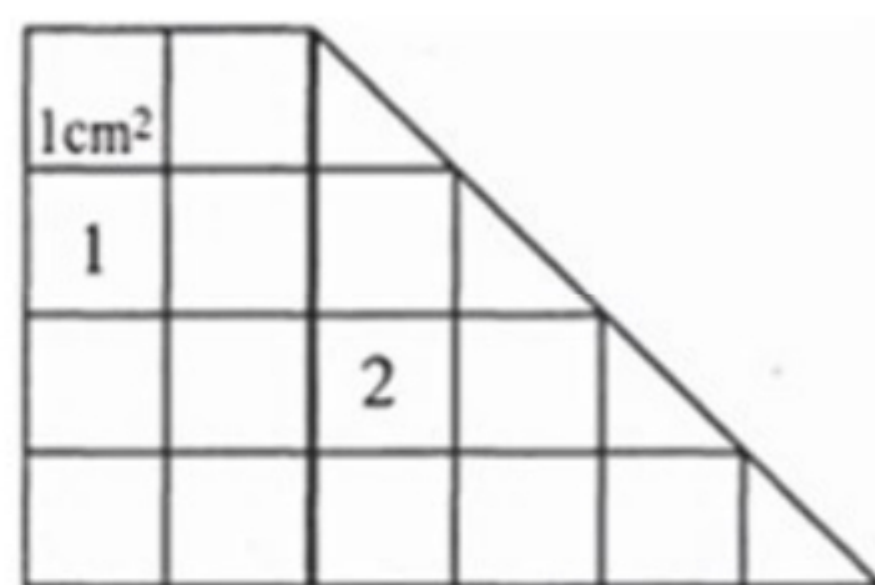
a) Hình A gồm 8 ô vuông (trong đó có 6 ô nguyên, 4 nửa ô vuông). Diện tích hình A là 8cm^2 .

b) Hình B gồm 16 ô vuông (có tổng của 8 ô trong hình chữ nhật và 8 ô trong hình tam giác). Diện tích hình B là 16cm^2 .

c) Hình C gồm 16 ô vuông (trong đó có 14 ô nguyên và 4 nửa ô vuông).
Diện tích hình C là 16cm^2 .

Có thể thấy thêm :

+ Chia hình B thành hình 1 và hình 2 (hình bên), ta được mỗi hình đều có diện tích là 8cm^2 . Ta có thể nói "đã chia hình B thành hai phần có diện tích bằng nhau". (*Lưu ý :* Hai hình này không bằng nhau, chúng hoàn toàn khác nhau, một là hình chữ nhật, một là hình tam giác, nhưng diện tích của chúng lại bằng nhau).



Hình B

+ Cũng nhận xét tương tự : Hình B và hình C là hai hình hoàn toàn "khác nhau" nhưng chúng có diện tích bằng nhau (đều bằng 16cm^2).

247. Chiều dài hình chữ nhật là :

$$6 + 2 = 8 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật là :

$$8 \times 6 = 48 \text{ (cm}^2\text{)}$$

248. Chiều rộng hình chữ nhật là :

$$15 : 3 = 5 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật là :

$$15 \times 5 = 75 \text{ (cm}^2\text{)}$$

249. Đổi $1\text{dm} = 10\text{cm}$.

Chiều rộng hình chữ nhật là :

$$10 - 3 = 7 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật là :

$$10 \times 7 = 70 \text{ (cm}^2\text{)}$$

250. Cạnh hình vuông là :

$$24 : 4 = 6 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình vuông là :

$$6 \times 6 = 36 \text{ (cm}^2\text{)}$$

251. Độ dài cạnh MB là :

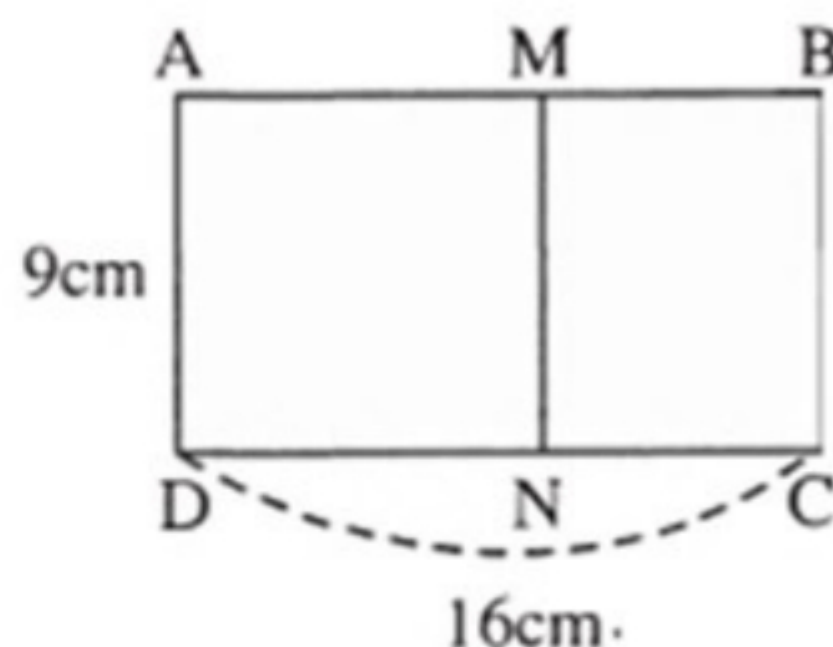
$$16 - 9 = 7 \text{ (cm)}$$

Chu vi hình chữ nhật MBCN là :

$$(9 + 7) \times 2 = 32 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật MBCN là :

$$9 \times 7 = 63 \text{ (cm}^2\text{)}$$



Gợi ý : Có thể lấy diện tích hình chữ nhật ABCD trừ đi diện tích hình vuông AMND ta được diện tích hình chữ nhật MBCN :

$$16 \times 9 - 9 \times 9 = 63 \text{ (cm}^2\text{)}.$$

252. Gợi ý : Tính diện tích và chu vi của hình rồi so sánh.

Hoặc : "nhẩm, ước lượng" để so sánh tích 4×4 với 3×5 và so sánh tổng $4 + 4$ với $3 + 5$.

– Ghi Đúng (Đ) vào câu a) và câu d).

– Ghi Sai (S) vào câu b) và câu c).

253. Nhận xét : Khi cắt hình vuông thành 4 hình tam giác rồi ghép lại thành một hình A nào đó, thì diện tích của hình A vẫn bằng diện tích hình vuông ban đầu.

Mà diện tích hình vuông là :

$$6 \times 6 = 36 \text{ (cm}^2\text{)}.$$

Vậy diện tích hình "mũi tên", hoặc hình "con cá", hoặc hình "cái mũ" đều bằng 36cm^2 .

254. Gợi ý : Nhận xét :

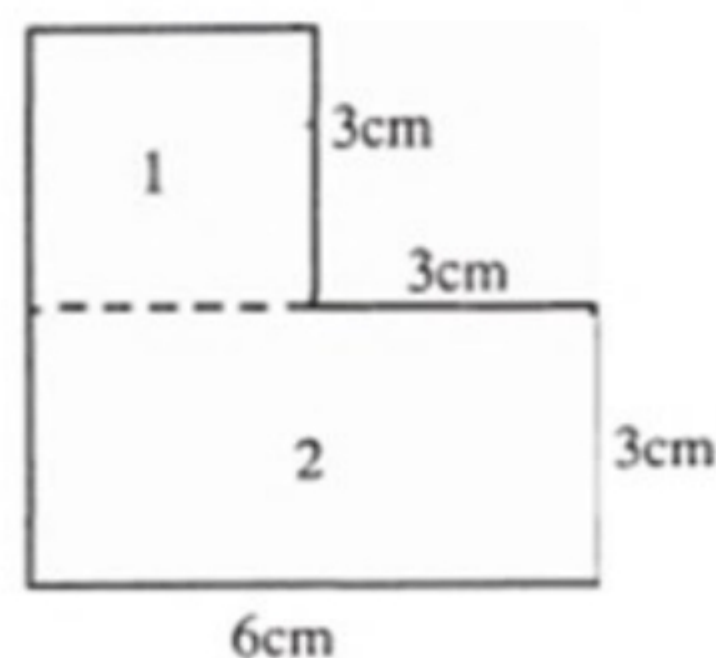
– Diện tích hình H bằng tổng diện tích hình 1 và hình 2 :

$$S = S_1 + S_2 = 3 \times 3 + 3 \times 6 = 27 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Hoặc : $S = S_1 \times 3 = (3 \times 3) \times 3 = 27 \text{ (cm}^2\text{)}$

– Chu vi hình H bằng tổng các cạnh, chu vi đó là :

$$3 + 3 + 3 + 3 + 6 + 6 = 24 \text{ (cm)}$$



Hình H

Hoặc bằng chu vi hình vuông cạnh 6 cm :

$$6 \times 4 = 24 \text{ (cm)}$$

255. *Gợi ý* : Tương tự bài 254.

– Chu vi hình A bằng chu vi hình chữ nhật có chiều dài 6cm ($2 + 2 + 2 = 6$) và chiều rộng 4cm ($2 + 2 = 4$). Chu vi hình A là :

$$(6 + 4) \times 2 = 20 \text{ (cm)}.$$

Hoặc : Chu vi hình A là tổng độ dài các cạnh :

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 6 + 2 = 20 \text{ (cm)}$$

– Diện tích hình A là :

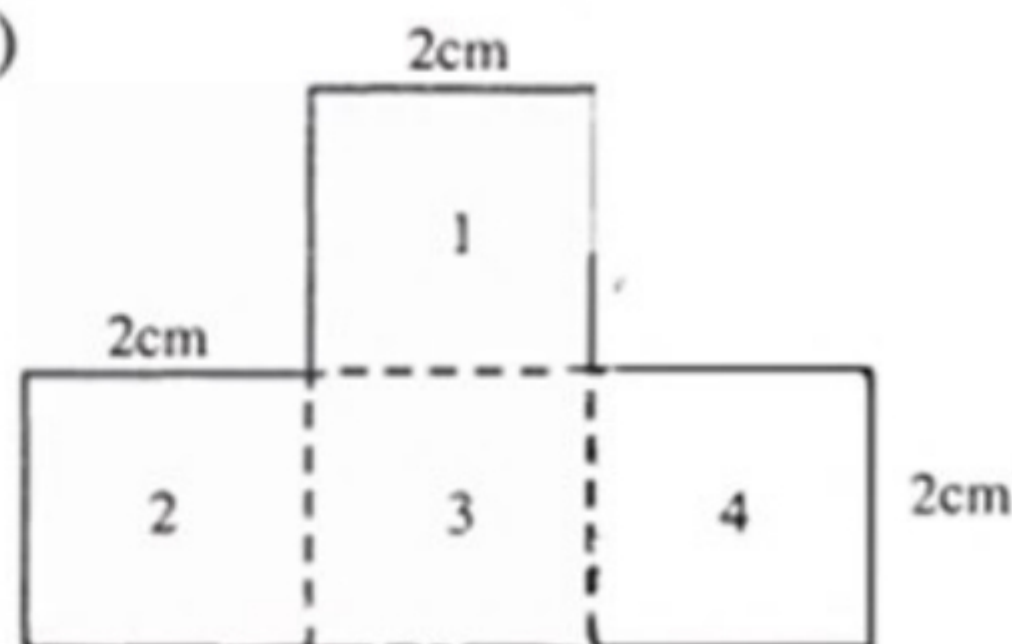
$$S_1 \times 4 = (2 \times 2) \times 4 = 16 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Hoặc bằng diện tích hình vuông có cạnh 4cm :

$$S = 4 \times 4 = 16 \text{ (cm}^2\text{)}.$$

Hoặc bằng tổng diện tích hình vuông và diện tích hình chữ nhật :

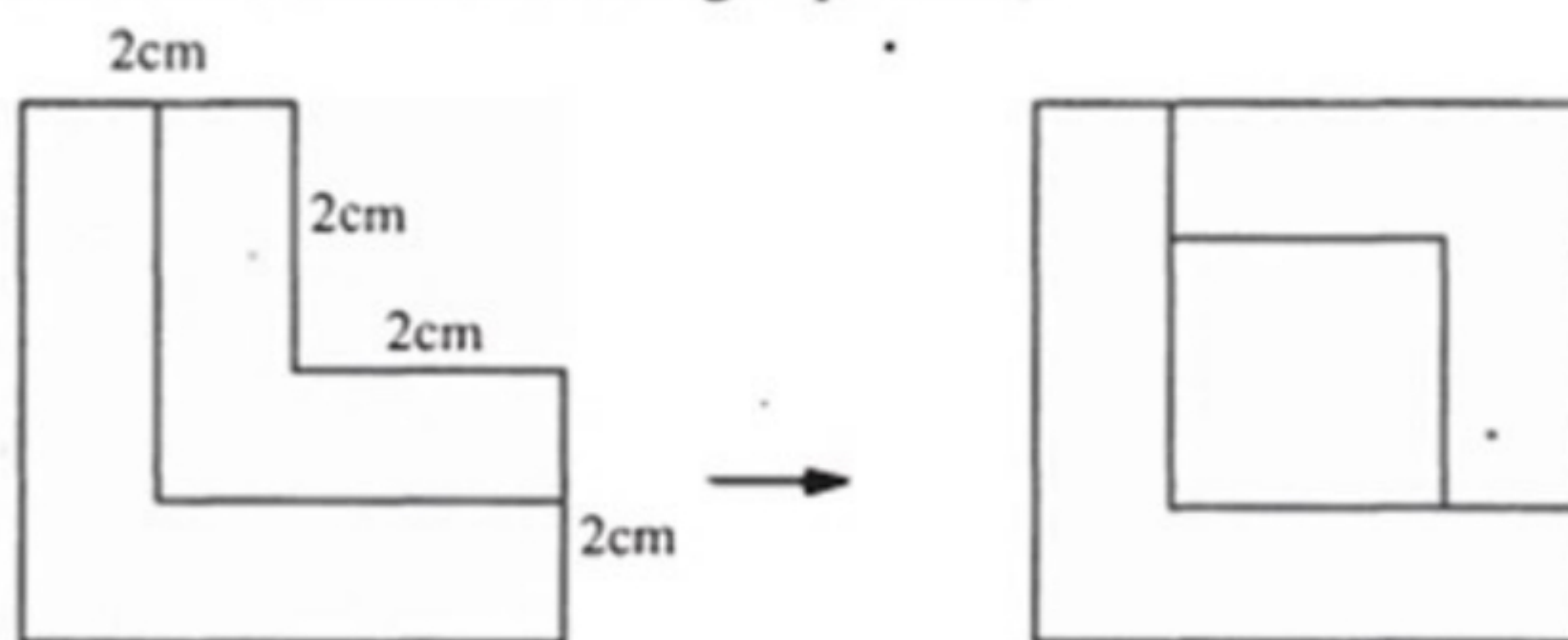
$$S = 2 \times 2 + 2 \times 6 = 16 \text{ (cm}^2\text{)}$$



Hình A

256. a) Cắt hình A rồi ghép thành hình B như hình vẽ sau :

(Bạn đọc có thể tìm thêm cách cắt ghép khác)



Hình A

Hình B

b) *Gợi ý* : Tính chu vi hình A bằng tổng độ dài các cạnh :

$$2 + 2 + 2 + 2 + 4 + 4 = 16 \text{ (cm)}$$

Hoặc chu vi hình A bằng chu vi hình vuông cạnh 4cm :

$$4 \times 4 = 16 \text{ (cm)}.$$

* Diện tích hình B cũng là diện tích hình A bằng tổng diện tích hình vuông cạnh 2cm và diện tích hình chữ nhật cạnh 2cm, 4cm :

$$S = 2 \times 2 + 2 \times 4 = 12 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Hoặc : Diện tích hình B cũng là diện tích hình A và bằng 3 lần diện tích hình vuông cạnh 2cm :

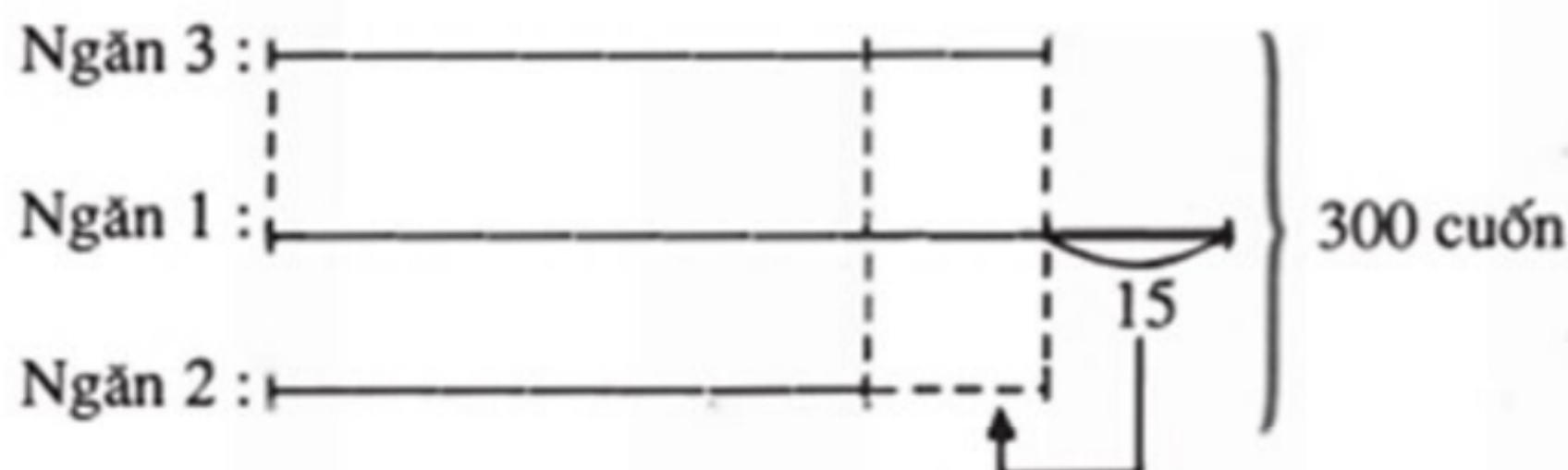
$$S = (2 \times 2) \times 3 = 12 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Hoặc : Diện tích hình B bằng diện tích hình vuông lớn cạnh 4cm trừ đi diện tích hình vuông bé cạnh 2cm :

$$S = 4 \times 4 - 2 \times 2 = 12 \text{ (cm}^2\text{)}$$

257. Số sách ở mỗi ngăn lúc sau (cũng là số sách ở ngăn thứ ba lúc đầu) là :

$$300 : 3 = 100 \text{ (cuốn)}$$



Lúc đầu số sách ở ngăn thứ nhất là :

$$100 + 15 = 115 \text{ (cuốn)}$$

Lúc đầu số sách ở ngăn thứ hai là :

$$100 - 15 = 85 \text{ (cuốn)}$$

Đáp số : 115 cuốn, 100 cuốn, 85 cuốn.

258. Số bông hoa bạn Mai làm là :

$$25 + 5 = 30 \text{ (bông)}$$

Số bông hoa bạn Hoà làm là :

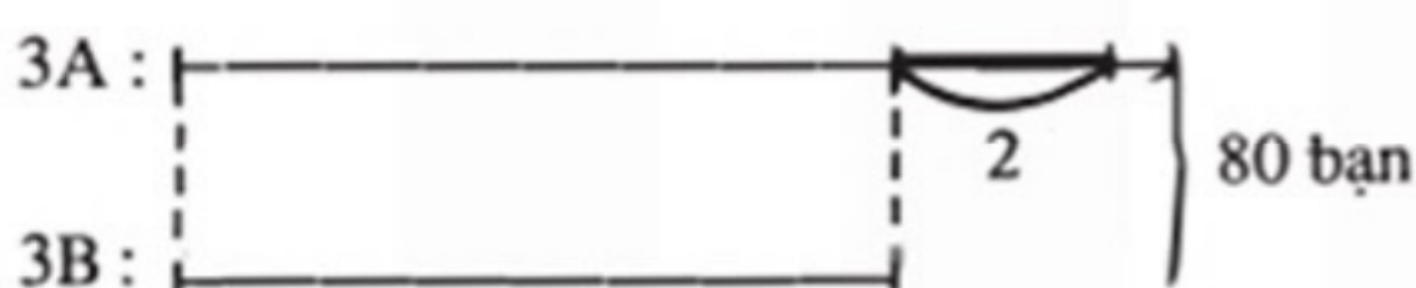
$$25 \times 2 = 50 \text{ (bông)}$$

Số bông hoa cả ba bạn làm là :

$$25 + 30 + 50 = 105 \text{ (bông)}$$

Đáp số : 105 bông hoa.

259. Số học sinh của hai lớp 3A và 3B bằng số học sinh cả khối trừ đi số học sinh lớp 3C. Vậy số học sinh lớp 3A và 3B là 80 bạn. Ta có :



2 lần số học sinh lớp 3B là :

$$80 - 2 = 78 \text{ (bạn)}$$

Số học sinh lớp 3B là :

$$78 : 2 = 39 \text{ (bạn)}$$

Đáp số : 39 bạn.

260. Tổng số bi đem trừ đi số bi đỏ và bi vàng ta được số bi xanh. Vậy số bi xanh là 15 viên. Số bi vàng là :

$$15 + 3 = 18 \text{ (viên)}$$

Số bi đỏ là :

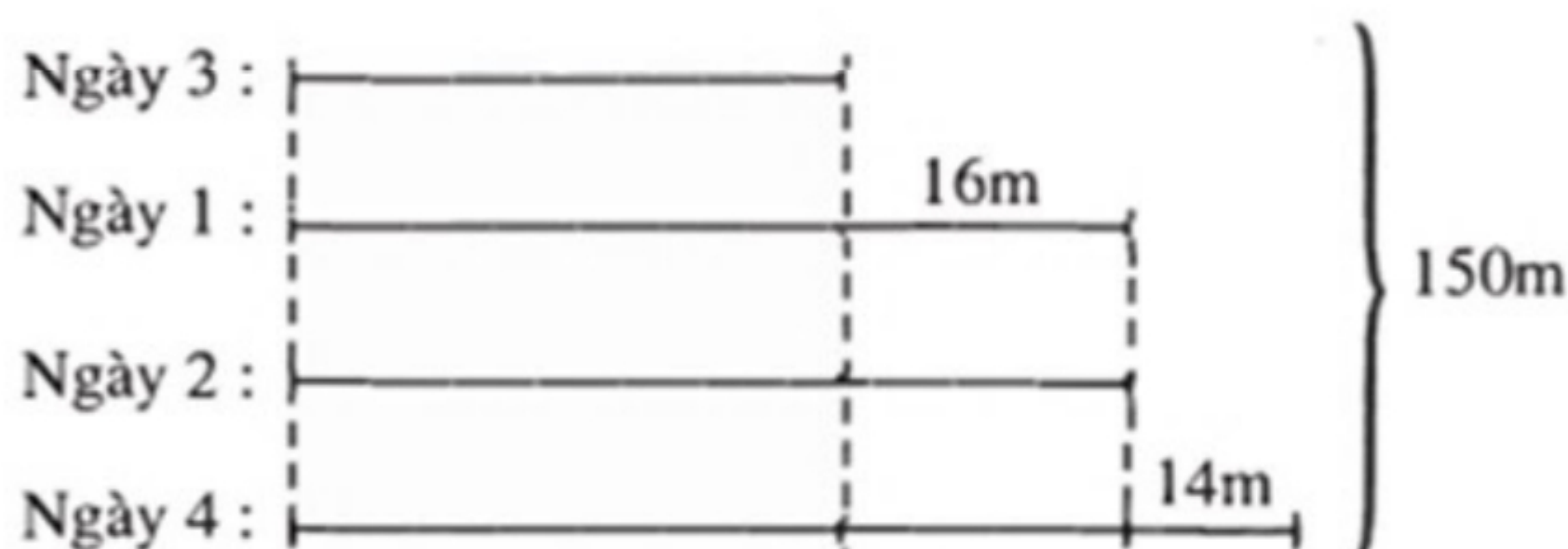
$$15 - 4 = 11 \text{ (viên)}$$

Số bi trong túi có tất cả là :

$$15 + 18 + 11 = 44 \text{ (viên)}$$

Đáp số : 44 viên bi.

261. *Gợi ý :* Vẽ sơ đồ :



Vì $16 - 14 = 2$ nên nếu thêm 2m vào ngày 4 thì được 4 lần số vải bán trong ngày 1 (hoặc ngày 2) là :

$$150 + 2 = 152 \text{ (m)}$$

Số vải bán trong ngày 1 (hoặc ngày 2) là :

$$152 : 4 = 38 \text{ (m)}$$

Số vải bán trong ngày 3 là :

$$38 - 16 = 22 \text{ (m)}$$

Số vải bán trong ngày 4 là.

$$38 + 14 = 52 \text{ (m)}$$

Đáp số : 38m, 38m, 22m và 52m.

Cách khác : Nhìn vào sơ đồ ta thấy 4 lần số vải bán trong ngày thứ ba là :

$$150 - (16 \times 3 + 14) = 88 \text{ (m)}$$

Số vải bán trong ngày thứ ba là :

$$88 : 4 = 22 \text{ (m)}$$

Số vải bán trong ngày thứ nhất hoặc thứ hai là :

$$22 + 16 = 38 \text{ (m)}$$

Số vải bán trong ngày thứ tư là :

$$38 + 14 = 52 \text{ (m)}$$

Đáp số : 38m, 38m, 22m và 52m.

Có thể nhận xét :

Giả sử ngày thứ tư bán nhiều hơn ngày thứ hai 16m (tức là bán thêm $16 - 14 = 2$ (m) thì số vải bán trong hai ngày cuối bằng số vải bán trong hai ngày đầu và bằng :

$$(150 + 2) : 2 = 76 \text{ (m)}$$

Lúc đó ngày thứ tư bán nhiều hơn ngày thứ ba là :

$$16 + 16 = 32 \text{ (m)}$$

Số vải bán trong ngày thứ ba là :

$$(76 - 32) : 2 = 22 \text{ (m)}$$

Số vải bán trong ngày thứ tư là :

$$76 - 22 - 2 = 52 \text{ (m)}$$

Số vải bán trong ngày thứ nhất (hoặc ngày thứ hai) là :

$$76 : 2 = 38 \text{ (m)}$$

262. Số nhãn vở lúc đầu của Hoà là :

$$12 - 4 = 8 \text{ (nhãn vở)}$$

Bình cho 4 nhãn vở lại được thêm 6 nhãn vở, như vậy Bình được thêm so với lúc đầu là :

$$6 - 4 = 2 \text{ (nhãn vở)}$$

Số nhãn vở lúc đầu của Bình là :

$$12 - 2 = 10 \text{ (nhãn vở)}$$

Số nhãn vở lúc đầu của An là :

$$12 + 6 = 18 \text{ (nhãn vở)}$$

Đáp số : An : 18 nhãn vở.

Bình : 10 nhãn vở.

Hoà : 8 nhãn vở.

263. Số người ở mỗi hàng sau khi chuyển là :

$$42 : 3 = 14 \text{ (bạn)}$$

Số bạn lúc đầu ở hàng thứ ba là :

$$14 - 6 = 8 \text{ (bạn)}$$

Nếu số bạn ở hàng 1 gồm 3 phần thì sau khi chuyển $\frac{1}{3}$ số bạn ở hàng 1 sang hàng 2 thì ở hàng 1 còn 2 phần, như vậy 2 phần là 14 bạn. Số bạn lúc đầu ở hàng 1 là :

$$14 : 2 \times 3 = 21 \text{ (bạn)}$$

Chuyển $\frac{1}{3}$ số bạn ở hàng 1 sang hàng 2 rồi chuyển 6 bạn ở hàng 2 sang hàng 3, như vậy so với lúc đầu, số bạn ở hàng 2 được thêm :

$$(21 : 3) - 6 = 1 \text{ (bạn)}$$

Số bạn lúc đầu ở hàng 2 là :

$$14 - 1 = 13 \text{ (bạn)}$$

Đáp số : Hàng 1 : 21 bạn.
Hàng 2 : 13 bạn.
Hàng 3 : 8 bạn.

264. 1 tá bút chì = 12 bút chì.

– Thêm 6 bút chì rồi lại bớt đi 4 bút chì, như vậy so với lúc đầu hộp thứ hai được thêm

$$6 - 4 = 2 \text{ (bút chì)}$$

Lúc đầu số bút chì trong hộp thứ hai là :

$$12 - 2 = 10 \text{ (bút chì)}$$

– Thêm 4 bút chì rồi lại bớt đi 2 bút chì, như vậy so với lúc đầu hộp thứ ba được thêm

$$4 - 2 = 2 \text{ (bút chì)}$$

Lúc đầu số bút chì trong hộp thứ ba là :

$$12 - 2 = 10 \text{ (bút chì)}$$

– Bớt 6 bút chì rồi lại được thêm 2 bút chì, như vậy so với lúc đầu, hộp thứ nhất bị bớt đi.

$$6 - 2 = 4 \text{ (bút chì)}$$

Lúc đầu số bút chì trong hộp thứ nhất là :

$$12 + 4 = 16 \text{ (bút chì)}$$

Đáp số : Hộp thứ nhất : 16 bút chì.
Hộp thứ hai : 10 bút chì.
Hộp thứ ba : 10 bút chì.

265. *Gợi ý :*

a) Ở một con thỏ, số chân thỏ gấp 2 lần số tai thỏ ($4 : 2 = 2$ (lần)) và số đuôi thỏ kém số tai thỏ 2 lần ($2 : 1 = 2$ (lần)). Với 5 con thỏ thì số lần gấp kém ở trên không thay đổi.

b) Có 5 đôi mắt mèo là có 5 con mèo, tức là có 5 đuôi mèo.

Số chân mèo là :

$$4 \times 5 = 20 \text{ (cái)}$$

Số tai mèo là :

$$2 \times 5 = 10 \text{ (cái)}$$

Vậy số chân mèo nhiều hơn số tai mèo là :

$$20 - 10 = 10 \text{ (cái)}$$

Cách khác : 1 con mèo có số chân hơn số tai là :

$$4 - 2 = 2 \text{ (cái)}$$

Vậy 5 con mèo có số chân hơn số tai là :

$$2 \times 5 = 10 \text{ (cái)}$$

266. Lúc đầu số chim đậu ở cành dưới là :

$$12 + 4 = 16 \text{ (con)}$$

Bây giờ số chim đậu cành trên là :

$$12 - 5 = 7 \text{ (con)}$$

Bây giờ số chim đậu ở cành dưới là :

$$16 + 5 = 21 \text{ (con)}$$

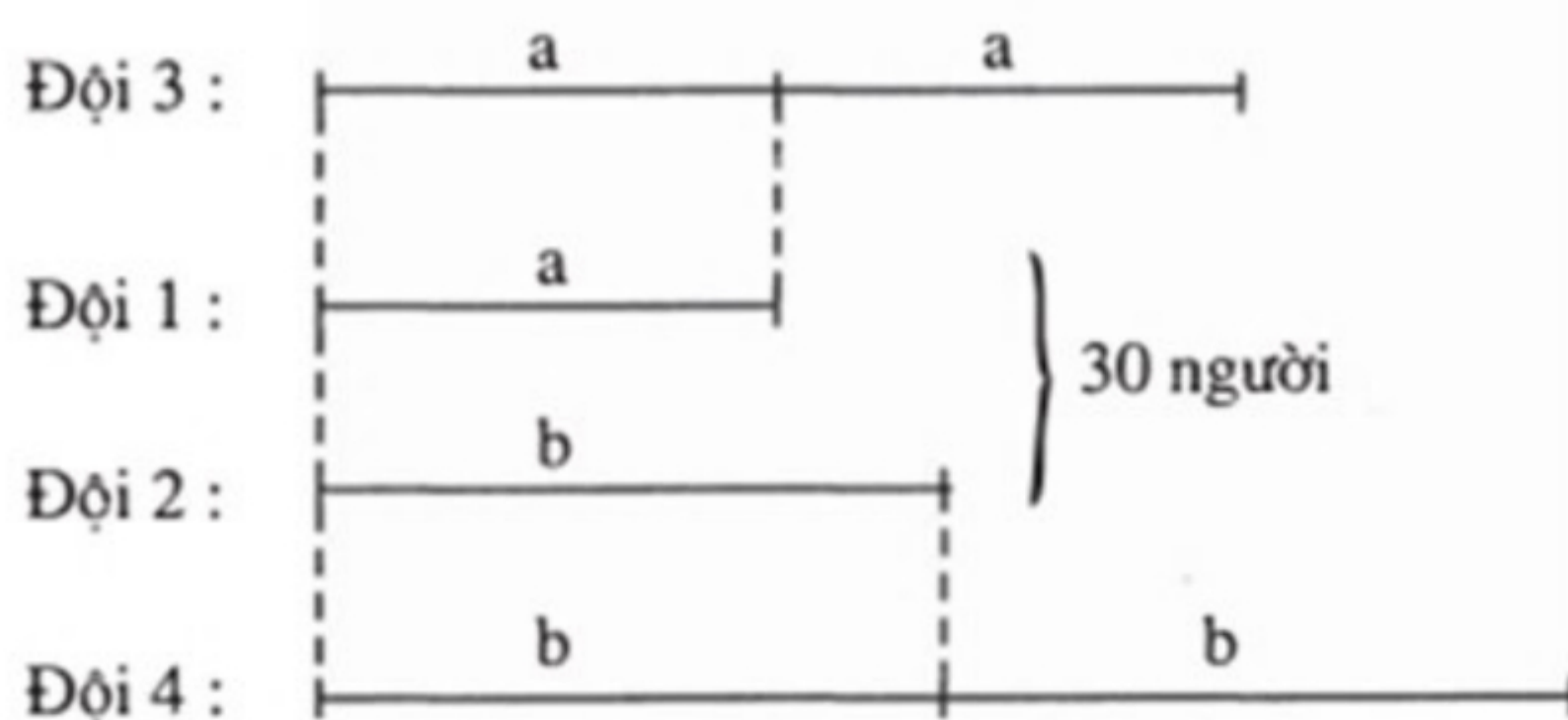
Vậy bây giờ số chim đậu cành dưới gấp số chim đậu ở cành trên một số lần là :

$$21 : 7 = 3 \text{ (lần)}$$

267. *Gợi ý :* Tổng số người ở đội 3 và đội 4 gấp 2 lần tổng số người ở đội 1 và đội 2. Như vậy tổng số người ở cả 4 đội gấp 3 lần tổng số người ở đội 1 và đội 2 và bằng :

$$30 \times (2 + 1) = 90 \text{ (người)}$$

Có thể hiểu : Đội 1 có a người, đội 2 có b người, thì đội 3 có $(a \times 2)$ người, đội 4 có $(b \times 2)$ người.



Tổng số người 4 đội là :

$$a + b + (a \times 2) + (b \times 2) = (a + b) \times 3$$

$$= 30 \times 3 = 90 \text{ (người)}$$

268. Số gạo ở túi thứ hai là :

$$18 : 3 = 6 \text{ (kg)}$$

Tổng số gạo ở hai túi là :

$$18 + 6 = 24 \text{ (kg)}$$

Số gạo ở mỗi túi khi hai túi bằng nhau là :

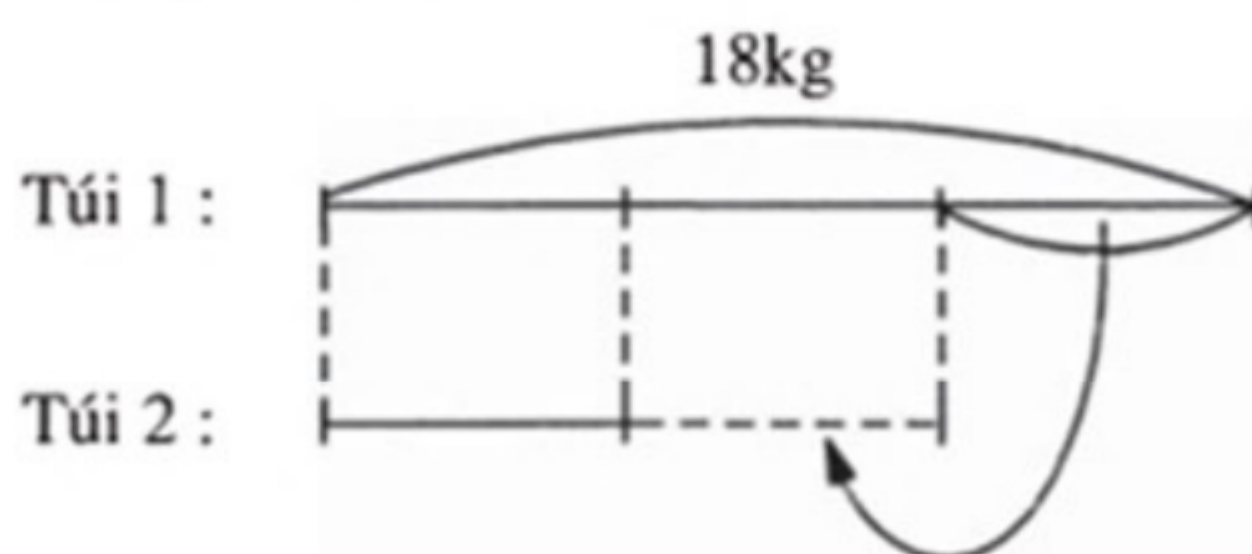
$$24 : 2 = 12 \text{ (kg)}$$

Số gạo lấy ở túi thứ nhất chuyển sang túi thứ hai là :

$$18 - 12 = 6 \text{ (kg)}$$

Đáp số : 6kg gạo.

Có thể nhận xét : (theo sơ đồ)



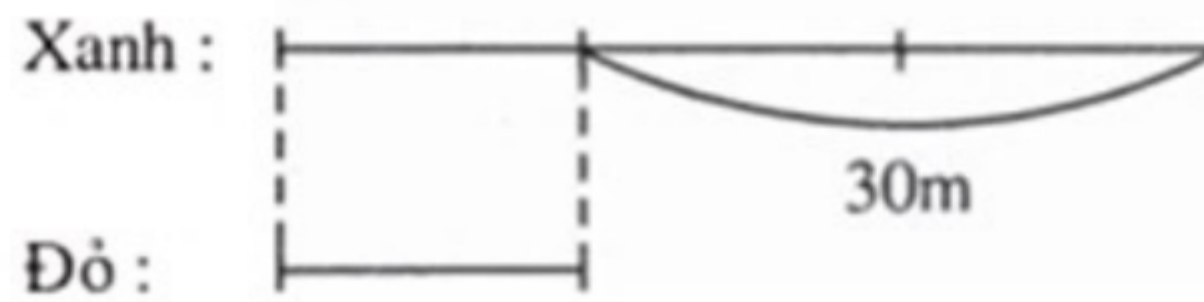
Nếu số gạo ở túi 1 là 3 phần thì số gạo ở túi 2 là 1 phần, vậy phải chuyển 1 phần gạo ở túi 1 sang túi 2 thì số gạo ở hai túi bằng nhau.

Số gạo của 1 phần là : $18 : 3 = 6 \text{ (kg)}$. Đó là số gạo cần tìm.

269. Nếu cùng rót thêm một số dầu vào hai thùng thì hiệu số dầu của hai thùng không đổi và bằng :

$$14 - 6 = 8 \text{ (l)}$$

Biểu thị số vải đỏ lúc đầu là 1 phần, ta có sơ đồ :



Lúc đầu số mét vải đỏ là :

$$30 : (3 - 1) = 15 \text{ (m)}$$

Lúc đầu số mét vải xanh là :

$$15 \times 3 = 45 \text{ (m)}$$

272. a) Số lít dầu đựng trong 7 can là :

$$50 : 5 \times 7 = 70 \text{ (l)}$$

b) Số can loại 5l để đựng hết 70 l dầu là :

$$70 : 5 = 14 \text{ (can)}$$

273. a) 200 so với 100 thì gấp 2 lần ($100 \times 2 = 200$)

Vậy xay 200kg thóc được số gạo là :

$$70 \times 2 = 140 \text{ (kg)}$$

b) 70 so với 7 thì gấp

$$70 : 7 = 10 \text{ (lần)}$$

Số thóc dùng để xay được 7kg gạo là :

$$100 : 10 = 10 \text{ (kg)}$$

274. *Gợi ý :* 1 tá bút chì = 12 bút chì, 6 chục bút chì = 60 bút chì. Nếu đếm theo "tá", thì được : 5 tá.

275. Số thỏ ở chuồng thứ nhất là :

$$24 : 4 = 6 \text{ (con)}$$

Số thỏ ở chuồng thứ hai là :

$$24 : 2 = 12 \text{ (con)}$$

Số thỏ ở chuồng thứ hai so với thỏ ở chuồng thứ nhất thì gấp :

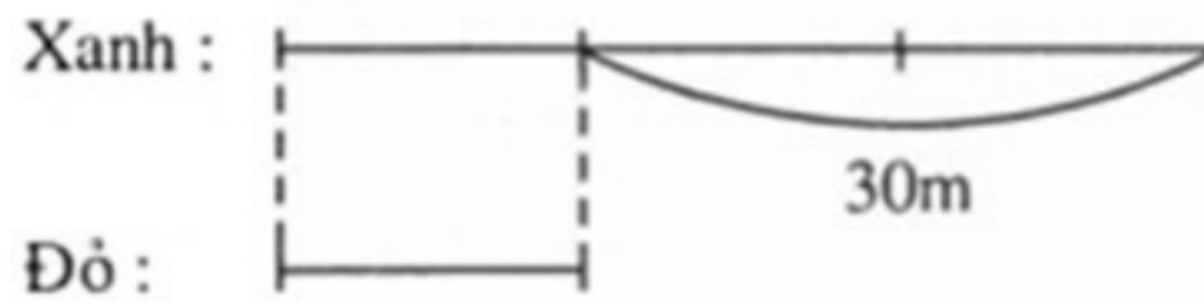
$$12 : 6 = 2 \text{ (lần)}$$

276. *Gợi ý :* Số đầu gà bằng số đầu thỏ tức là số gà bằng số thỏ.

Cứ một "cặp" gà và thỏ thì có 6 chân ($2 + 4 = 6$). Vậy số gà (hoặc số thỏ) là :

$$24 : 6 = 4 \text{ (con)}$$

Biểu thị số vải đỏ lúc đầu là 1 phần, ta có sơ đồ :



Lúc đầu số mét vải đỏ là :

$$30 : (3 - 1) = 15 \text{ (m)}$$

Lúc đầu số mét vải xanh là :

$$15 \times 3 = 45 \text{ (m)}$$

272. a) Số lít dầu đựng trong 7 can là :

$$50 : 5 \times 7 = 70 \text{ (l)}$$

b) Số can loại 5l để đựng hết 70 l dầu là :

$$70 : 5 = 14 \text{ (can)}$$

273. a) 200 so với 100 thì gấp 2 lần ($100 \times 2 = 200$)

Vậy xay 200kg thóc được số gạo là :

$$70 \times 2 = 140 \text{ (kg)}$$

b) 70 so với 7 thì gấp

$$70 : 7 = 10 \text{ (lần)}$$

Số thóc dùng để xay được 7kg gạo là :

$$100 : 10 = 10 \text{ (kg)}$$

274. *Gợi ý :* 1 tá bút chì = 12 bút chì, 6 chục bút chì = 60 bút chì. Nếu đếm theo "tá", thì được : 5 tá.

275. Số thỏ ở chuồng thứ nhất là :

$$24 : 4 = 6 \text{ (con)}$$

Số thỏ ở chuồng thứ hai là :

$$24 : 2 = 12 \text{ (con)}$$

Số thỏ ở chuồng thứ hai so với thỏ ở chuồng thứ nhất thì gấp :

$$12 : 6 = 2 \text{ (lần)}$$

276. *Gợi ý :* Số đầu gà bằng số đầu thỏ tức là số gà bằng số thỏ.

Cứ một "cặp" gà và thỏ thì có 6 chân ($2 + 4 = 6$). Vậy số gà (hoặc số thỏ) là :

$$24 : 6 = 4 \text{ (con)}$$

– Nếu số thỏ là 4 con thì số chân gà là

$$24 - 4 \times 4 = 8 \text{ (chân)}$$

và số gà là :

$$8 : 2 = 4 \text{ (con)}$$

Số thỏ bằng số gà ($4 = 4$). Không được.

– Nếu số thỏ ít hơn 4 con thì số gà nhiều hơn 4 con. Không được.

Vậy số thỏ là 5 con, số gà là 2 con.

279. Tổng số học sinh khối ba và khối bốn :

$$120 + 80 = 200 \text{ (học sinh)}$$

Một ô tô chở được :

$$120 : 3 = 40 \text{ (học sinh)}$$

Số ô tô cần thuê có tất cả là :

$$200 : 40 = 5 \text{ (ô tô) (vì } 40 \times 5 = 200)$$

Đáp số : 5 ô tô.

280. Số học sinh ngồi một bàn là :

$$40 : 10 = 4 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh ngồi 12 bàn là :

$$4 \times 12 = 48 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh vận động thêm được là :

$$48 - 40 = 8 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số : 8 học sinh.

281. Số bánh trong 5 hộp là :

$$24 : 6 \times 5 = 20 \text{ (cái)}$$

Cứ 2 học sinh được 1 cái bánh. Vậy số học sinh của lớp mẫu giáo là :

$$2 \times 20 = 40 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số : 40 học sinh.

282. Số kẹo đã lấy ra là :

$$10 \times 6 = 60 \text{ (cái)}$$

Vì số kẹo còn lại bằng 4 gói nguyên nên số kẹo đã lấy ra bằng 2 gói nguyên ($6 - 4 = 2$).

– Nếu số thỏ là 4 con thì số chân gà là

$$24 - 4 \times 4 = 8 \text{ (chân)}$$

và số gà là :

$$8 : 2 = 4 \text{ (con)}$$

Số thỏ bằng số gà ($4 = 4$). Không được.

– Nếu số thỏ ít hơn 4 con thì số gà nhiều hơn 4 con. Không được.

Vậy số thỏ là 5 con, số gà là 2 con.

279. Tổng số học sinh khối ba và khối bốn :

$$120 + 80 = 200 \text{ (học sinh)}$$

Một ô tô chở được :

$$120 : 3 = 40 \text{ (học sinh)}$$

Số ô tô cần thuê có tất cả là :

$$200 : 40 = 5 \text{ (ô tô) (vì } 40 \times 5 = 200)$$

Đáp số : 5 ô tô.

280. Số học sinh ngồi một bàn là :

$$40 : 10 = 4 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh ngồi 12 bàn là :

$$4 \times 12 = 48 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh vận động thêm được là :

$$48 - 40 = 8 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số : 8 học sinh.

281. Số bánh trong 5 hộp là :

$$24 : 6 \times 5 = 20 \text{ (cái)}$$

Cứ 2 học sinh được 1 cái bánh. Vậy số học sinh của lớp mẫu giáo là :

$$2 \times 20 = 40 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số : 40 học sinh.

282. Số kẹo đã lấy ra là :

$$10 \times 6 = 60 \text{ (cái)}$$

Vì số kẹo còn lại bằng 4 gói nguyên nên số kẹo đã lấy ra bằng 2 gói nguyên ($6 - 4 = 2$).

(Mỗi bạn đấu với 3 bạn còn lại thì được 3 ván. Bốn bạn đấu như vậy thì được $3 \times 4 = 12$ (ván), nhưng mỗi ván được tính 2 lần nên số ván thực đấu là :

$$3 \times 4 : 2 = 6 \text{ (ván)}$$

Lưu ý : Bài toán này về "hình thức" có thể nhầm sang toán "rút về đơn vị".
Vậy khi giải cần phân tích đề bài thật kĩ để có cách giải thích hợp và sáng tạo.

287. Số học sinh đạt điểm 10 là :

$$45 : 3 = 15 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh đạt điểm 9 là :

$$45 : 5 = 9 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh đạt điểm 8 là :

$$45 : 9 = 5 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh đạt điểm 7 là :

$$45 - 15 - 9 - 5 = 16 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số : 15 học sinh, 9 học sinh, 5 học sinh, 16 học sinh.

288. Số cam còn lại là :

$$25 : 5 = 5 \text{ (quả)}$$

Số cam đã bán là :

$$25 - 5 = 20 \text{ (quả)}$$

Số quýt còn lại là :

$$75 : 5 = 15 \text{ (quả)}$$

Số quýt đã bán là :

$$75 - 15 = 60 \text{ (quả)}$$

Đáp số : 20 quả, 60 quả.

289. $\frac{1}{4}$ giờ = 15 phút ($60 : 4 = 15$)

$$\frac{1}{5} \text{ giờ} = 12 \text{ phút } (60 : 5 = 12)$$

Cùng chạy một quãng đường mà ô tô thứ ba chạy mất ít thời gian hơn hai ô tô kia.

Vậy ô tô thứ ba chạy nhanh nhất ($12 < 15 < 16$).

(Mỗi bạn đấu với 3 bạn còn lại thì được 3 ván. Bốn bạn đấu như vậy thì được $3 \times 4 = 12$ (ván), nhưng mỗi ván được tính 2 lần nên số ván thực đấu là :

$$3 \times 4 : 2 = 6 \text{ (ván)}$$

Lưu ý : Bài toán này về "hình thức" có thể nhầm sang toán "rút về đơn vị".
Vậy khi giải cần phân tích đề bài thật kĩ để có cách giải thích hợp và sáng tạo.

287. Số học sinh đạt điểm 10 là :

$$45 : 3 = 15 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh đạt điểm 9 là :

$$45 : 5 = 9 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh đạt điểm 8 là :

$$45 : 9 = 5 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh đạt điểm 7 là :

$$45 - 15 - 9 - 5 = 16 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số : 15 học sinh, 9 học sinh, 5 học sinh, 16 học sinh.

288. Số cam còn lại là :

$$25 : 5 = 5 \text{ (quả)}$$

Số cam đã bán là :

$$25 - 5 = 20 \text{ (quả)}$$

Số quýt còn lại là :

$$75 : 5 = 15 \text{ (quả)}$$

Số quýt đã bán là :

$$75 - 15 = 60 \text{ (quả)}$$

Đáp số : 20 quả, 60 quả.

289. $\frac{1}{4}$ giờ = 15 phút ($60 : 4 = 15$)

$$\frac{1}{5} \text{ giờ} = 12 \text{ phút } (60 : 5 = 12)$$

Cùng chạy một quãng đường mà ô tô thứ ba chạy mất ít thời gian hơn hai ô tô kia.

Vậy ô tô thứ ba chạy nhanh nhất ($12 < 15 < 16$).

Túi 2 nhiều hơn túi 1 là :

$$8 \times 2 = 16 \text{ (kg)}$$

Số gạo ở hai túi so với túi 1 thì gấp :

$$1 + 3 = 4 \text{ (lần)}$$

293. Số sách ở ngăn thứ nhất là :

$$30 \times 3 = 90 \text{ (cuốn)}$$

Số sách còn lại ở ngăn thứ nhất là :

$$90 - 30 = 60 \text{ (cuốn)}$$

Số sách ở ngăn thứ hai là :

$$30 \times 5 = 150 \text{ (cuốn)}$$

Số sách còn lại ở ngăn thứ hai là :

$$150 - 30 = 120 \text{ (cuốn)}$$

Số sách còn lại ở ngăn thứ hai so với số sách còn lại ở ngăn thứ nhất thì nhiều hơn là :

$$120 - 60 = 60 \text{ (cuốn)}$$

294. Số cây hồng xiêm là :

$$35 : 7 = 5 \text{ (cây)}$$

Số cây nhãn và vải là :

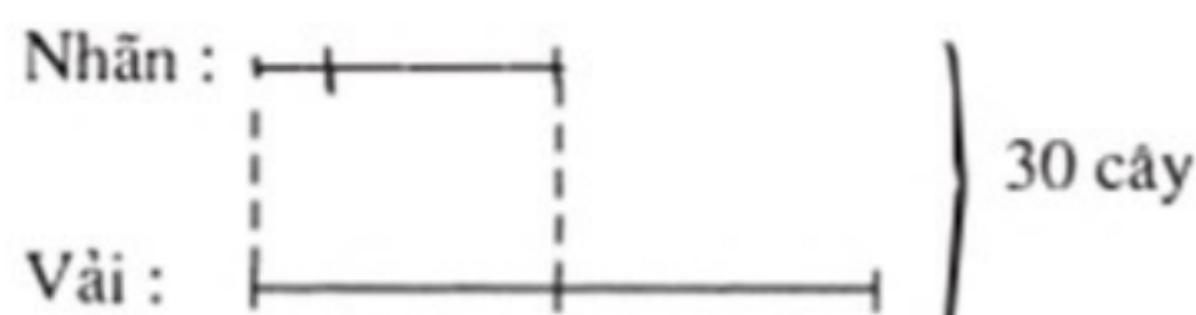
$$35 - 5 = 30 \text{ (cây)}$$

Số cây nhãn là :

$$30 : (2 + 1) = 10 \text{ (cây)}$$

Số cây vải là :

$$30 - 10 = 20 \text{ (cây)}$$



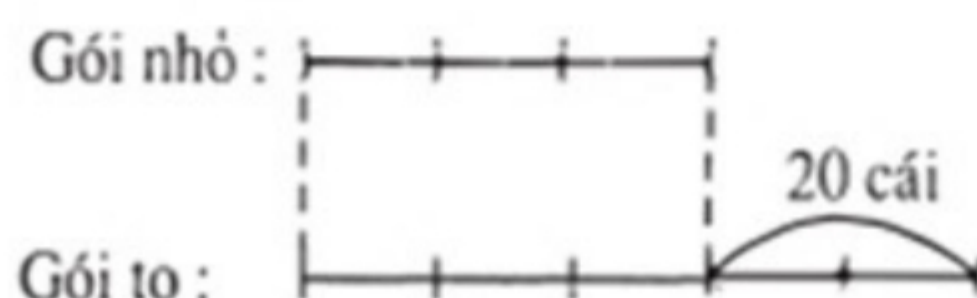
Đáp số : Hồng xiêm : 5 cây.

Nhãn : 10 cây.

Vải : 20 cây.

295. *Gợi ý :* $\frac{1}{3}$ gói nhỏ bằng $\frac{1}{5}$ gói to.

Ta có sơ đồ :



Túi 2 nhiều hơn túi 1 là :

$$8 \times 2 = 16 \text{ (kg)}$$

Số gạo ở hai túi so với túi 1 thì gấp :

$$1 + 3 = 4 \text{ (lần)}$$

293. Số sách ở ngăn thứ nhất là :

$$30 \times 3 = 90 \text{ (cuốn)}$$

Số sách còn lại ở ngăn thứ nhất là :

$$90 - 30 = 60 \text{ (cuốn)}$$

Số sách ở ngăn thứ hai là :

$$30 \times 5 = 150 \text{ (cuốn)}$$

Số sách còn lại ở ngăn thứ hai là :

$$150 - 30 = 120 \text{ (cuốn)}$$

Số sách còn lại ở ngăn thứ hai so với số sách còn lại ở ngăn thứ nhất thì nhiều hơn là :

$$120 - 60 = 60 \text{ (cuốn)}$$

294. Số cây hồng xiêm là :

$$35 : 7 = 5 \text{ (cây)}$$

Số cây nhãn và vải là :

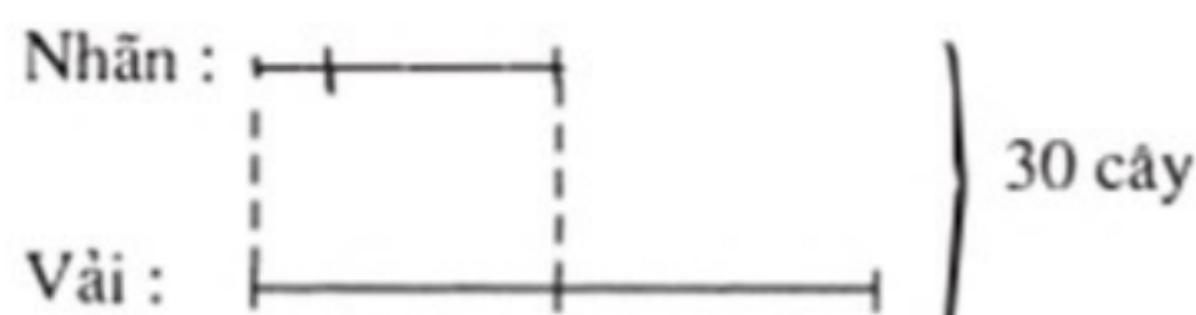
$$35 - 5 = 30 \text{ (cây)}$$

Số cây nhãn là :

$$30 : (2 + 1) = 10 \text{ (cây)}$$

Số cây vải là :

$$30 - 10 = 20 \text{ (cây)}$$



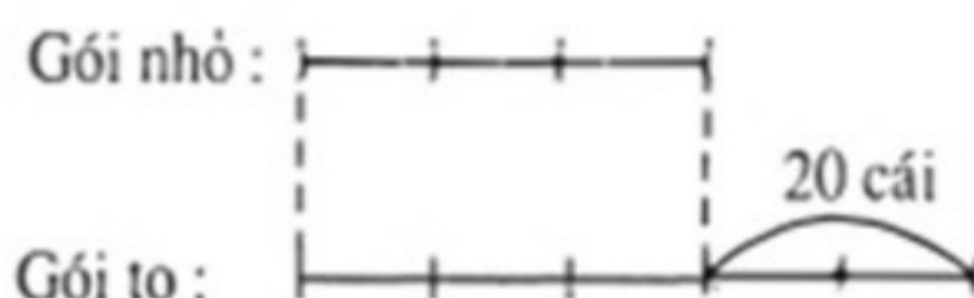
Đáp số : Hồng xiêm : 5 cây.

Nhãn : 10 cây.

Vải : 20 cây.

295. *Gợi ý :* $\frac{1}{3}$ gói nhỏ bằng $\frac{1}{5}$ gói to.

Ta có sơ đồ :



Số kẹo ở gói nhỏ là :

$$20 : (5 - 3) \times 3 = 30 \text{ (cái)}$$

Số kẹo ở gói to là :

$$30 + 20 = 50 \text{ (cái)}$$

Đáp số : 30 cái kẹo ; 50 cái kẹo.

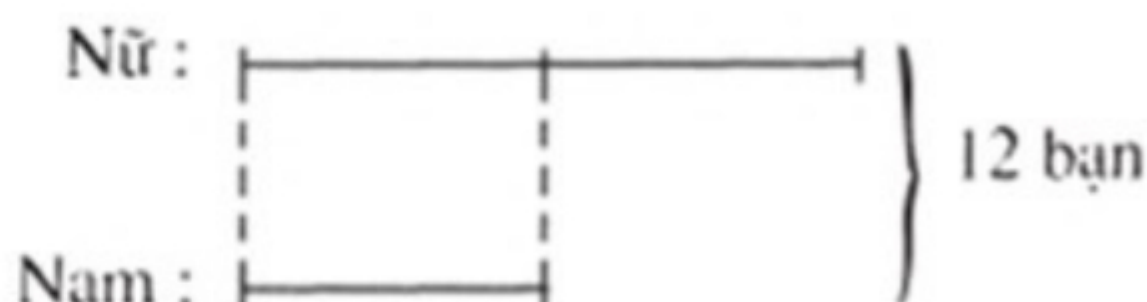
296. *Gợi ý :* Biểu thị số nam là 1 phần thì số nữ là 2 phần.

Cả tổ 1 có 3 phần ($1 + 2 = 3$) và số nữ hơn số nam là 1 phần ($2 - 1 = 1$).

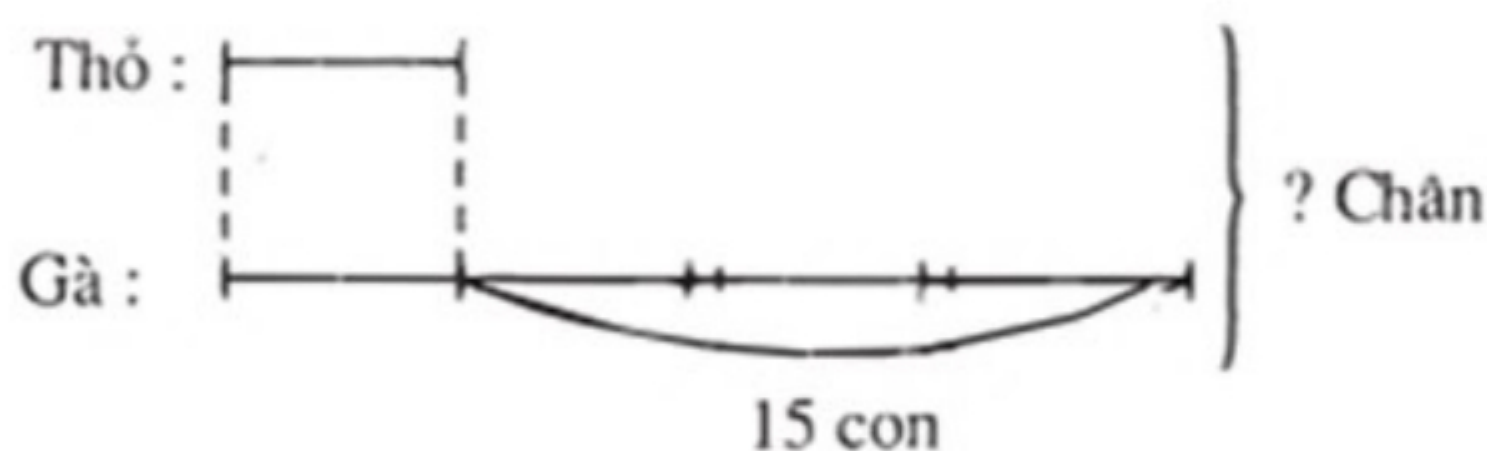
Vậy số nam ít hơn số nữ là :

$$12 : 3 = 4 \text{ (bạn)}$$

Đáp số : 4 bạn.



297. *Gợi ý :* Biểu thị số thỏ là 1 phần, ta có sơ đồ :



Số thỏ có là :

$$15 : (4 - 1) = 5 \text{ (con)}$$

Số gà có là :

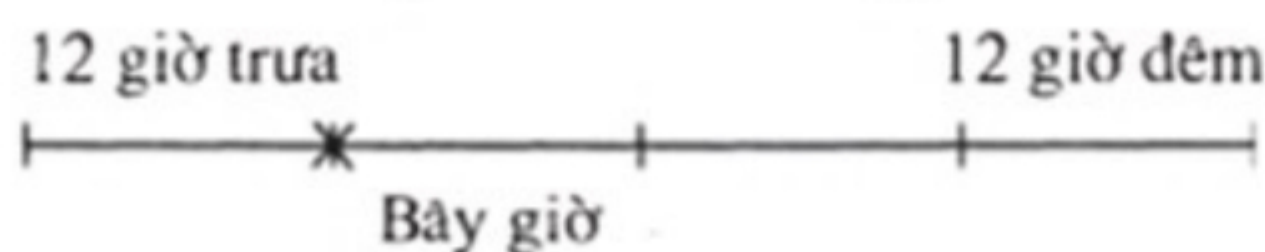
$$5 + 15 = 20 \text{ (con)}$$

Cả gà và thỏ có số chân là :

$$4 \times 5 + 2 \times 20 = 60 \text{ (chân)}$$

Đáp số : 60 chân.

298. *Gợi ý :* Từ 12 giờ trưa đến 12 giờ đêm có 12 giờ.



Từ 12 giờ trưa đến bây giờ đã qua số thời gian là :

$$12 : (1 + 3) = 3 \text{ (giờ)}$$

Vậy bây giờ là 15 giờ ($12 + 3 = 15$) hay 3 giờ chiều.

299. Hiệu số tuổi của hai mẹ con không thay đổi theo thời gian (mẹ thêm 1 tuổi thì con cũng thêm 1 tuổi). Vậy sau 5 năm nữa mẹ vẫn hơn con 25 tuổi.

300. *Gợi ý* : Sau 5 năm nữa mẹ thêm 5 tuổi nhưng tổng số tuổi của hai con thêm là :

$$5 + 5 = 10 \text{ (tuổi)}$$

Do đó sau 5 năm nữa mẹ hơn tổng số tuổi của 2 con là :

$$20 - (10 - 5) = 15 \text{ (tuổi)}$$

301. *Gợi ý* : Lan sinh năm 1994 ($2004 - 10 = 1994$), em của Lan sinh năm 1999 ($2004 - 5 = 1999$).

Đến năm 2008 tuổi em của Lan là :

$$2008 - 1999 = 9 \text{ (tuổi)}.$$

Hoặc : Lúc đó Lan vẫn hơn em :

$$10 - 5 = 5 \text{ (tuổi)}$$

Đến năm 2008 tuổi em của Lan là :

$$5 + (2008 - 2004) = 9 \text{ (tuổi)}$$

302. Tuổi của bố là :

$$70 - 35 = 35 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của Mai là :

$$35 - 30 = 5 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của mẹ là :

$$35 - 5 = 30 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số : 35 tuổi, 30 tuổi, 5 tuổi.

303. *Gợi ý* : Anh hơn em :

$$10 - 4 = 6 \text{ (tuổi)}$$

Đến khi tuổi anh gấp đôi tuổi em thì anh vẫn hơn em 6 tuổi, ta có sơ đồ (biểu thị tuổi em là 1 phần) :



Tuổi anh lúc sau là :

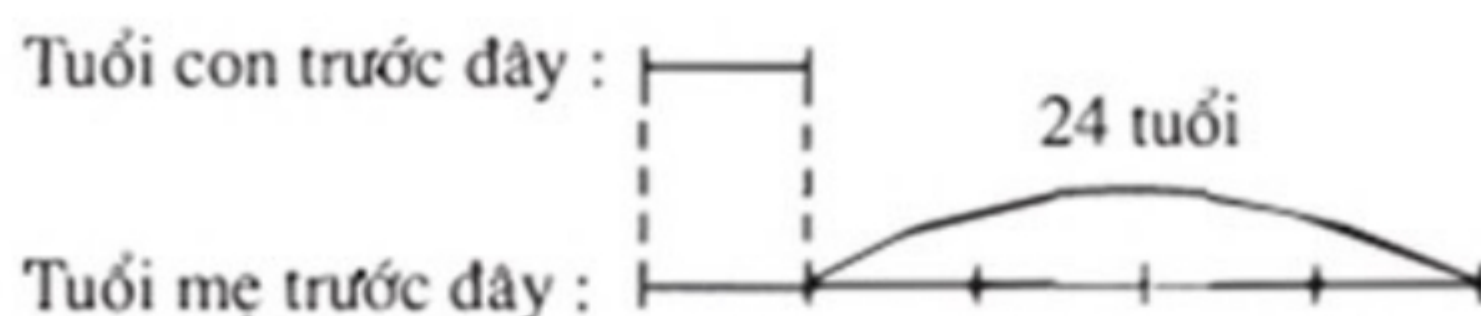
$$6 \times 2 = 12 \text{ (tuổi)}$$

Vậy : Sau 2 năm nữa ($12 - 10 = 2$), tuổi anh gấp đôi tuổi em.

304. *Gợi ý :* Như bài trên, tuổi mẹ hơn tuổi con là :

$$8 \times 4 - 8 = 24 \text{ (tuổi)}$$

Biểu thị tuổi con trước đây là 1 phần, ta có sơ đồ :



Tuổi con trước đây là :

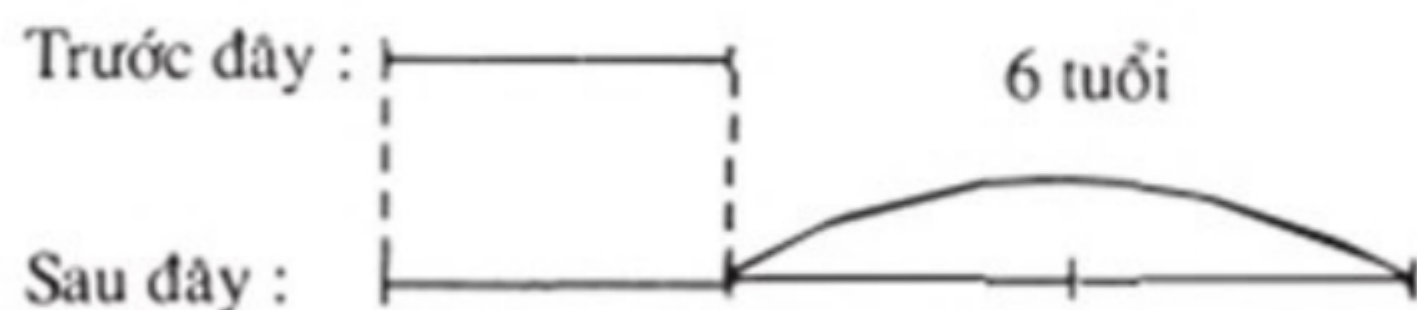
$$24 : (5 - 1) = 6 \text{ (tuổi)}$$

Vậy : Cách đây 2 năm ($8 - 6 = 2$), tuổi con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi mẹ.

305. *Gợi ý :* Tuổi Hoa sau đây 3 năm nhiều hơn tuổi Hoa trước đây 3 năm là :

$$3 + 3 = 6 \text{ (tuổi)}$$

Biểu thị tuổi Hoa cách đây 3 năm là 1 phần, ta có sơ đồ :



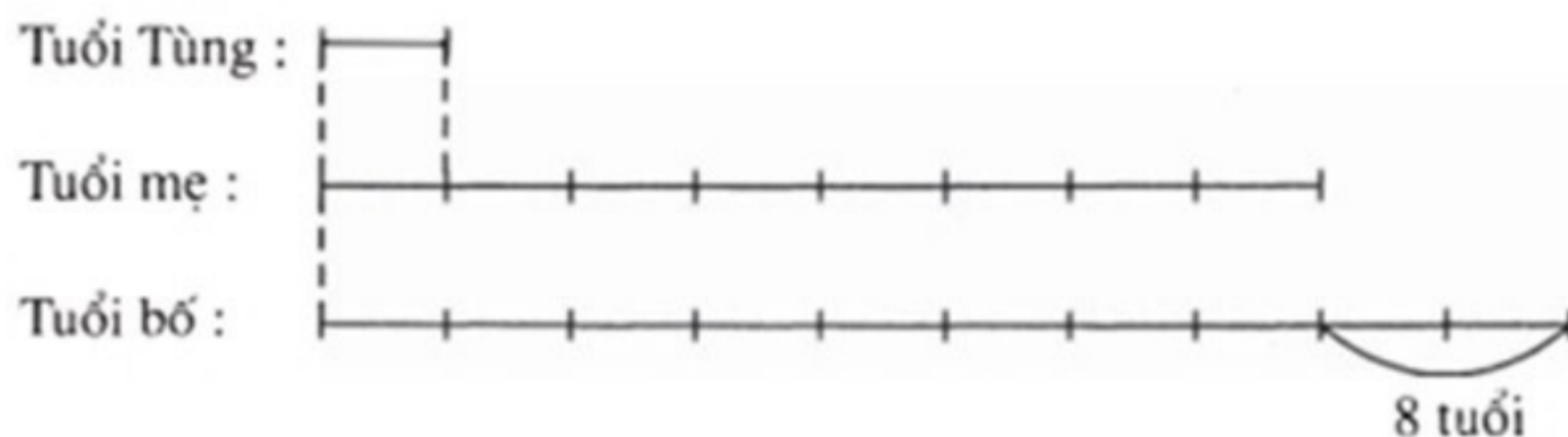
Tuổi Hoa cách đây 3 năm là :

$$6 : (3 - 1) = 3 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi Hoa hiện nay là :

$$3 + 3 = 6 \text{ (tuổi)}$$

306. *Gợi ý :* Biểu thị tuổi của Tùng là 1 phần, ta có sơ đồ :



Tuổi của Tùng là :

$$8 : (10 - 8) = 4 \text{ (tuổi)}$$

309. *Gợi ý :* Hoa hồng và hoa cúc có tất cả 10 bông mà hoa hồng nhiều hơn hoa cúc, suy ra hoa cúc có nhiều nhất là 4 bông. Vậy khi cắm 5 bông hoa, cho dù có cắm tất cả hoa cúc thì cũng cắm nhiều nhất là 4 bông, do đó chắc chắn có ít nhất 1 bông hồng được cắm vào lọ.

310. *Gợi ý :* Có 4 đôi bút tất khác nhau thì có nhiều nhất 4 chiếc bút tất khác nhau (không có 2 chiếc nào ở cùng 1 đôi). Như vậy nếu lấy ra ít nhất 5 chiếc bút tất cho dù trong đó có đến 4 chiếc khác nhau thì chiếc thứ 5 phải thuộc một đôi với một trong 4 chiếc bút tất khác nhau đó.

311. *Gợi ý :* Trường hợp "xấu nhất" là trong số viên bi lấy ra có 5 viên bi đỏ, 5 viên bi xanh, 5 viên bi vàng và 4 viên bi trắng, tức là có tất cả :

$$5 \times 3 + 4 = 19 \text{ (viên)}. \text{ (Trong đó chưa có 6 viên bi cùng màu).}$$

Vậy phải lấy ra ít nhất 20 viên bi thì chắc chắn có ít nhất 6 viên bi cùng màu.

312. Nếu số chim trong mỗi lồng khác nhau thì nhiều lắm chỉ nhất được :

$$1 + 2 + 3 = 6 \text{ (con)}$$

Như vậy còn 1 con nữa ($7 - 6 = 1$), và khi nhốt con chim đó vào bất cứ lồng nào thì cũng có hai lồng có cùng một số chim (không nhốt thêm vào lồng đã có 3 con).

313. *Gợi ý :* Một tuần có 7 ngày mà có 8 em bé sinh trong tuần đó, như vậy cho dù có 7 em sinh vào 7 ngày khác nhau thì còn 1 em nữa phải sinh vào một trong các ngày trong tuần, tức là có thể nói chắc chắn ít nhất có 2 em bé sinh vào cùng 1 ngày.

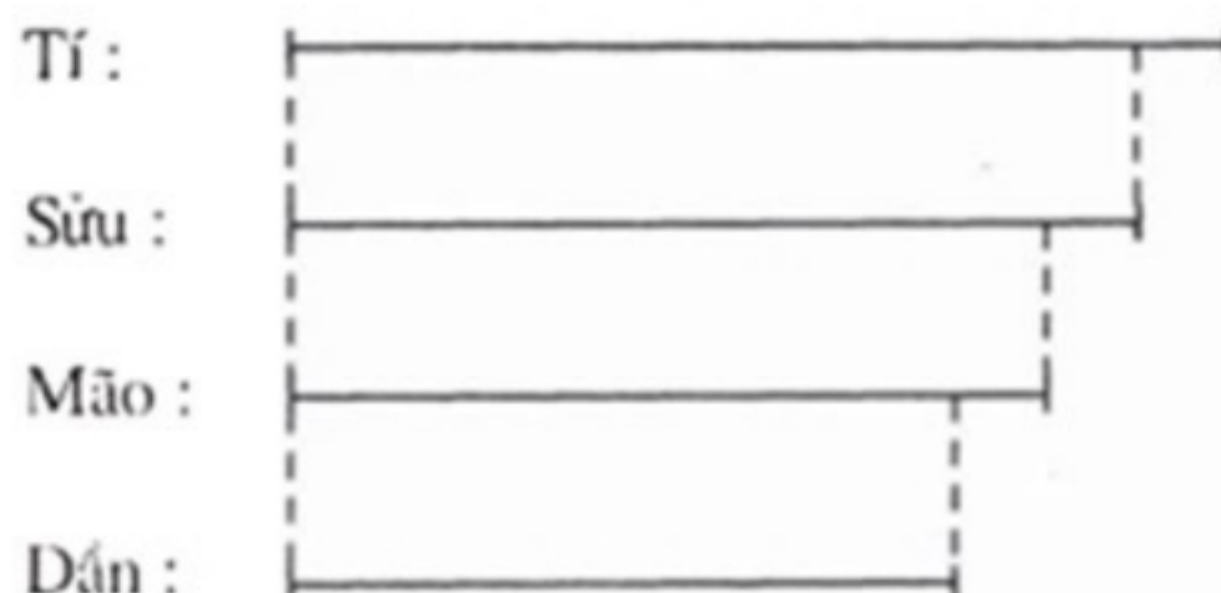
314. *Gợi ý :* Có thể lập bảng sau để ghi lại "bài toán cho gì". Từ đó thấy ngay Dũng đạt giải nhất, Minh đạt giải nhì và còn lại Trí đạt giải ba.

	Trí	Dũng	Minh
Nhất	0	đạt	0
Nhì		0	đạt
Ba	đạt		0

315. *Gợi ý :* Biểu thị tuổi các bạn theo "đoạn thẳng" để so sánh :

Ta thấy :

- Tí nhiều tuổi nhất.
- Dân ít tuổi nhất.



309. *Gợi ý :* Hoa hồng và hoa cúc có tất cả 10 bông mà hoa hồng nhiều hơn hoa cúc, suy ra hoa cúc có nhiều nhất là 4 bông. Vậy khi cắm 5 bông hoa, cho dù có cắm tất cả hoa cúc thì cũng cắm nhiều nhất là 4 bông, do đó chắc chắn có ít nhất 1 bông hồng được cắm vào lọ.

310. *Gợi ý :* Có 4 đôi bút tất khác nhau thì có nhiều nhất 4 chiếc bút tất khác nhau (không có 2 chiếc nào ở cùng 1 đôi). Như vậy nếu lấy ra ít nhất 5 chiếc bút tất cho dù trong đó có đến 4 chiếc khác nhau thì chiếc thứ 5 phải thuộc một đôi với một trong 4 chiếc bút tất khác nhau đó.

311. *Gợi ý :* Trường hợp "xấu nhất" là trong số viên bi lấy ra có 5 viên bi đỏ, 5 viên bi xanh, 5 viên bi vàng và 4 viên bi trắng, tức là có tất cả :

$$5 \times 3 + 4 = 19 \text{ (viên)}. \text{ (Trong đó chưa có 6 viên bi cùng màu).}$$

Vậy phải lấy ra ít nhất 20 viên bi thì chắc chắn có ít nhất 6 viên bi cùng màu.

312. Nếu số chim trong mỗi lồng khác nhau thì nhiều lắm chỉ nhất được :

$$1 + 2 + 3 = 6 \text{ (con)}$$

Như vậy còn 1 con nữa ($7 - 6 = 1$), và khi nhốt con chim đó vào bất cứ lồng nào thì cũng có hai lồng có cùng một số chim (không nhốt thêm vào lồng đã có 3 con).

313. *Gợi ý :* Một tuần có 7 ngày mà có 8 em bé sinh trong tuần đó, như vậy cho dù có 7 em sinh vào 7 ngày khác nhau thì còn 1 em nữa phải sinh vào một trong các ngày trong tuần, tức là có thể nói chắc chắn ít nhất có 2 em bé sinh vào cùng 1 ngày.

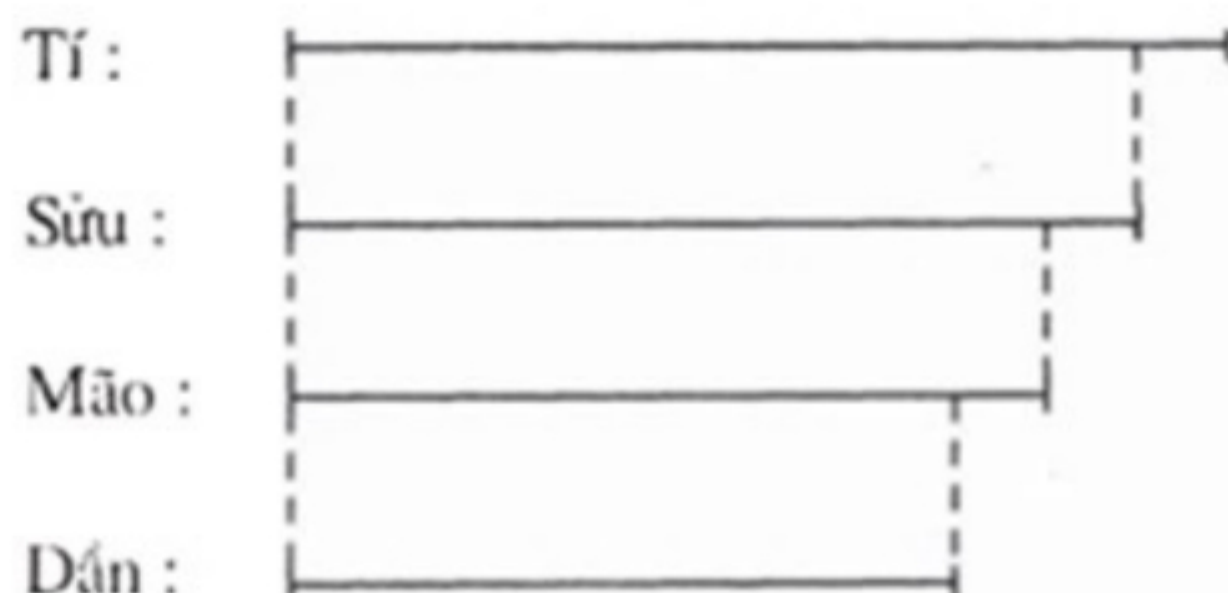
314. *Gợi ý :* Có thể lập bảng sau để ghi lại "bài toán cho gì". Từ đó thấy ngay Dũng đạt giải nhất, Minh đạt giải nhì và còn lại Trí đạt giải ba.

	Trí	Dũng	Minh
Nhất	0	đạt	0
Nhì		0	đạt
Ba	đạt		0

315. *Gợi ý :* Biểu thị tuổi các bạn theo "đoạn thẳng" để so sánh :

Ta thấy :

- Tí nhiều tuổi nhất.
- Dân ít tuổi nhất.



319. Gợi ý :

- a) – Lần thứ nhất : mức đầy dầu vào can 3/ rồi đổ hết dầu từ can 3/ sang can 5/.
- Lần thứ hai : mức đầy dầu vào can 3/ rồi đổ dầu từ can 3/ sang can 5/ cho đầy, như vậy còn lại 1/ dầu ở trong can 3/.

Ta đã đo được 1/ dầu hoả.

- b) – Lần thứ nhất : mức đầy dầu vào can 5/ rồi đổ sang can 3/ cho đầy, trong can 5/ còn 2/ dầu. Đổ hết dầu ở can 3/ vào thùng rồi đổ 2/ còn lại ở can 5/ sang can 3/.

- Lần thứ hai : mức đầy dầu vào can 5/ rồi đổ tiếp 1/ sang can 3/ cho đầy (lúc trước can 3/ đã có 2/ dầu).

Như vậy trong can 5/ còn 4/ dầu. Ta đã đo được 4/ dầu hoả.

Có thể dựa vào câu a) để đo được 4/ dầu bằng cách lấy số dầu ở can 3/ cộng với 1/ đã đo được ở câu a).

320. Gợi ý : – Chia 9 đồng tiền thành 3 phần, mỗi phần 3 đồng tiền. Đặt lên cân đĩa, mỗi đĩa 3 đồng tiền rồi cân (lần 1), ta sẽ phát hiện được đồng tiền nhẹ là 1 trong 3 đồng tiền hoặc ở trên một đĩa cân (nếu cân không thăng bằng) hoặc ở phần còn lại ở ngoài (nếu cân thăng bằng).

- Tiếp tục đặt lên cân đĩa, mỗi đĩa 1 đồng tiền rồi cân (lần 2). Lần này sẽ phát hiện được đồng tiền nhẹ hoặc ở trên đĩa cân (nếu cân không thăng bằng) hoặc ở ngoài cân (nếu cân thăng bằng).

321. Gợi ý : Từ "chủ nhật thứ nhất" đến "chủ nhật thứ năm" cách nhau :

$$7 \times 4 = 28 \text{ (ngày)}$$

- Tháng 2 có 28 ngày hoặc 29 ngày (năm nhuận).
- Tháng 2 có 5 ngày chủ nhật thì chủ nhật thứ nhất phải là ngày mùng 1 để đến "chủ nhật thứ năm" là ngày 29 tháng đó ($1 + 28 = 29$).

(Nếu : chủ nhật thứ nhất "là ngày mùng 2 thì đến chủ nhật thứ năm" là ngày 30, không được vì tháng 2 có không quá 29 ngày). Suy ra :

- "Chủ nhật thứ hai" là ngày 8 tháng 2 ($1 + 7 = 8$).
- "Chủ nhật thứ ba" là ngày 15 tháng 2 ($8 + 7 = 15$).
- Vì vậy ngày 14 tháng 2 là ngày thứ bảy trong tuần (năm nhuận).

322. Xem hình vẽ ở đề bài rồi viết số liệu thích hợp vào chỗ chấm :

- Số hình tròn : 7
- Số hình có gạch chéo : 10

319. Gợi ý :

- a) – Lần thứ nhất : mức đầy dầu vào can 3/ rồi đổ hết dầu từ can 3/ sang can 5/.
- Lần thứ hai : mức đầy dầu vào can 3/ rồi đổ dầu từ can 3/ sang can 5/ cho đầy, như vậy còn lại 1/ dầu ở trong can 3/.

Ta đã đo được 1/ dầu hoả.

- b) – Lần thứ nhất : mức đầy dầu vào can 5/ rồi đổ sang can 3/ cho đầy, trong can 5/ còn 2/ dầu. Đổ hết dầu ở can 3/ vào thùng rồi đổ 2/ còn lại ở can 5/ sang can 3/.

- Lần thứ hai : mức đầy dầu vào can 5/ rồi đổ tiếp 1/ sang can 3/ cho đầy (lúc trước can 3/ đã có 2/ dầu).

Như vậy trong can 5/ còn 4/ dầu. Ta đã đo được 4/ dầu hoả.

Có thể dựa vào câu a) để đo được 4/ dầu bằng cách lấy số dầu ở can 3/ cộng với 1/ đã đo được ở câu a).

320. Gợi ý : – Chia 9 đồng tiền thành 3 phần, mỗi phần 3 đồng tiền. Đặt lên cân đĩa, mỗi đĩa 3 đồng tiền rồi cân (lần 1), ta sẽ phát hiện được đồng tiền nhẹ là 1 trong 3 đồng tiền hoặc ở trên một đĩa cân (nếu cân không thăng bằng) hoặc ở phần còn lại ở ngoài (nếu cân thăng bằng).

- Tiếp tục đặt lên cân đĩa, mỗi đĩa 1 đồng tiền rồi cân (lần 2). Lần này sẽ phát hiện được đồng tiền nhẹ hoặc ở trên đĩa cân (nếu cân không thăng bằng) hoặc ở ngoài cân (nếu cân thăng bằng).

321. Gợi ý : Từ "chủ nhật thứ nhất" đến "chủ nhật thứ năm" cách nhau :

$$7 \times 4 = 28 \text{ (ngày)}$$

- Tháng 2 có 28 ngày hoặc 29 ngày (năm nhuận).
- Tháng 2 có 5 ngày chủ nhật thì chủ nhật thứ nhất phải là ngày mùng 1 để đến "chủ nhật thứ năm" là ngày 29 tháng đó ($1 + 28 = 29$).

(Nếu : chủ nhật thứ nhất "là ngày mùng 2 thì đến chủ nhật thứ năm" là ngày 30, không được vì tháng 2 có không quá 29 ngày). Suy ra :

- "Chủ nhật thứ hai" là ngày 8 tháng 2 ($1 + 7 = 8$).
- "Chủ nhật thứ ba" là ngày 15 tháng 2 ($8 + 7 = 15$).
- Vì vậy ngày 14 tháng 2 là ngày thứ bảy trong tuần (năm nhuận).

322. Xem hình vẽ ở đề bài rồi viết số liệu thích hợp vào chỗ chấm :

- Số hình tròn : 7
- Số hình có gạch chéo : 10

- Số hình vuông : 4
- Số hình tam giác : 6
- Số hình ngôi sao : 5
- Số hình tròn không gạch chéo : 4
- Số hình vuông có gạch chéo : 2
- Tổng số tất cả các hình : 22.

323. a) Số thứ 5 trong dãy là : 7500 đồng, đó là giá tiền của 5 quyển vở.

b) Ta có dãy số liệu :

1500 đồng, 6000 đồng, 3000 đồng, 7500 đồng, 4500 đồng.

324. a) – 15kg, 25kg, 35kg, 45kg, 55kg, 65kg.

– 65kg, 55kg, 45kg, 35kg, 25kg, 15kg.

b) Dãy số liệu trên có đặc điểm là "Hai số liền nhau hơn kém nhau 10kg".

c) Gợi ý : Phân tích 105 thành tổng các số mà mỗi số có thể lấy ra từ trong dãy số : 15, 25, 35, 45, 55, 65. Chẳng hạn :

$$105 = 15 + 25 + 65 \quad (1)$$

$$105 = 15 + 35 + 55 \quad (2)$$

$$105 = 25 + 35 + 45 \quad (3)$$

Cách 1 : Lấy ra các bao : 15kg, 25kg và 65kg để có 105kg gạo

Cách 2 : Lấy ra các bao : 15kg, 35kg và 55kg để có 105kg gạo

Cách 3. Lấy ra các bao : 25kg, 35kg và 45kg để có 105kg gạo.

325.

Môn thi Giải	Báo tường	Văn nghệ	Chúng em vui khỏe	Viết chữ đẹp
Nhất	1	1	2	0
Nhì	0	0	1	3
Ba	0	2	1	2

326. a)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số ngày trong tháng	31	28 hoặc 29	31	30	31	30	31	31	30	31	30	31

b) Có 7 tháng mà mỗi tháng có 31 ngày.

c) Tháng 7 và tháng 8 có cùng số ngày là 31 ngày.

d) Năm nhuận có 366 ngày.

Năm thường có 365 ngày.

(Năm thường gồm 7 tháng "31 ngày", 4 tháng "30 ngày" và tháng 2 có "28 ngày" tính ra có 365 ngày. Năm nhuận hơn năm thường 1 ngày (tháng 2 năm nhuận có 29 ngày) nên năm nhuận có 366 ngày).

327. Bảng thống kê số điểm 10 :

a)

Lớp \ Môn	3A	3B	3C
Toán	12	15	8
Tiếng Việt	8	10	12

b) Tổng số điểm 10 của 3 lớp về môn Toán là :

$$12 + 15 + 8 = 35 \text{ (điểm)}$$

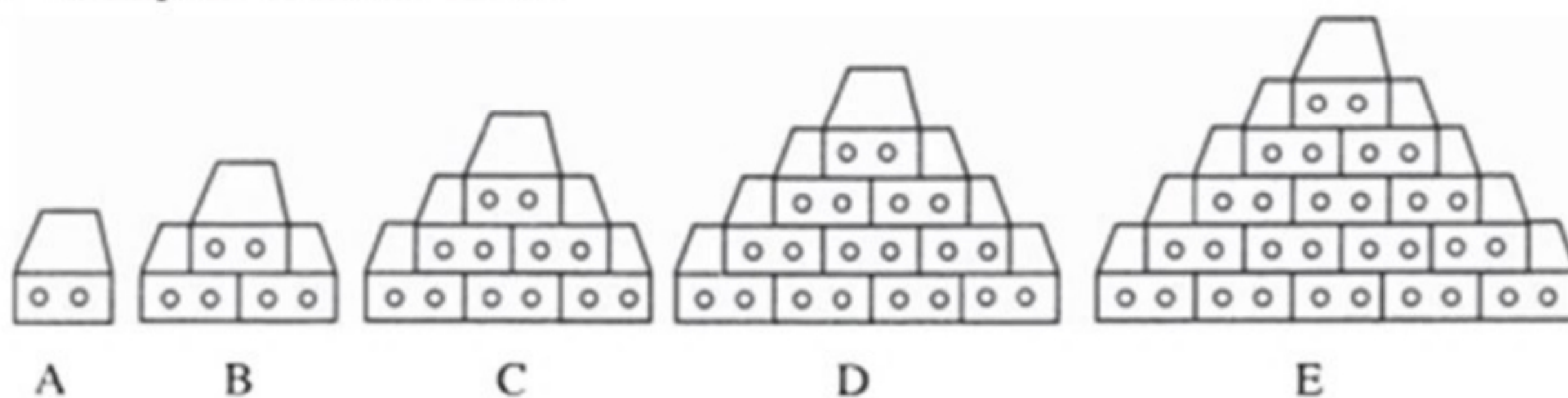
Tổng số điểm 10 của 3 lớp về môn Tiếng Việt là :

$$8 + 10 + 12 = 30 \text{ (điểm)}$$

c) Lớp 3B có số điểm 10 Toán nhiều nhất.

Lớp 3A có số điểm 10 Tiếng Việt ít nhất.

328. Vẽ tiếp các hình D và E :



Lập bảng sau :

Hình	A	B	C	D	E
Số viên gạch ở mỗi hình	1	3	6	10	15

Bài 2. Điền dấu phép tính (+, -) vào ô trống :

a) $17 \boxed{+} 14 \boxed{+} 6 > 10$ hoặc : $17 \boxed{+} 14 \boxed{-} 6 > 10$
 $\underbrace{\hspace{1.5cm}}_{37} \qquad \underbrace{\hspace{1.5cm}}_{25}$

b) $10 < 17 \boxed{+} 14 \boxed{-} 6 < 36$
 $\underbrace{\hspace{1.5cm}}_{25}$

Bài 3. Một tá bút chì = 12 bút chì.

– Nếu bút chì xanh là 1 cái thì bút chì đỏ là 9 cái ($1 + 8 = 9$).

Cả bút chì đỏ và xanh gộp lại có :

$$1 + 9 = 10 \text{ (cái)} ; 10 < 12. \text{ Được.}$$

– Nếu bút chì xanh là 2 cái thì bút chì đỏ là 10 cái ($2 + 8 = 10$). Cả bút chì đỏ và xanh gộp lại có :

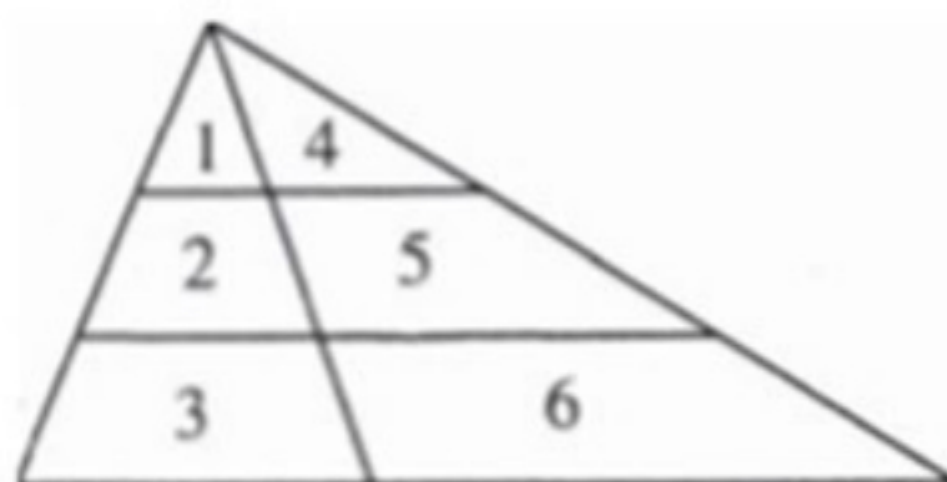
$$2 + 10 = 12 \text{ (cái)} ; 12 = 12. \text{ Không được.}$$

Vậy có : 1 bút chì xanh và 9 bút chì đỏ.

Bài 4. a) Có 9 hình tứ giác là : hình 2, hình 3, hình 5, hình 6, hình (2 + 3), hình (5 + 6), hình (2 + 5), hình (3 + 6), hình (2 + 5 + 3 + 6).

b) Có 9 hình tam giác là hình 1, hình 4, hình (1 + 4), hình (1 + 2), hình (4 + 5), hình

(1 + 2 + 3), hình (4 + 5 + 6), hình (1 + 4 + 2 + 5), hình (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6).



Đề 2

Bài 1. Ta có cách điền số sau :

a)

10	7	10	7	10
----	---	----	---	----

b)

10	13	10	13	10
----	----	----	----	----

c)

10	13	10	7	10
----	----	----	---	----

d)

10	7	10	13	10
----	---	----	----	----

Hai số liền nhau hơn kém nhau 3 đơn vị :

$$13 - 10 = 3 \text{ hoặc } 10 - 7 = 3.$$

Bài 2. a) Tổng số dầu của hai thùng là :

$$36 + 24 = 60 \text{ (l)}$$

Bài 2. Điền dấu phép tính (+, -) vào ô trống :

a) $17 \boxed{+} 14 \boxed{+} 6 > 10$ hoặc : $17 \boxed{+} 14 \boxed{-} 6 > 10$
 $\underbrace{\hspace{1.5cm}}_{37} \qquad \underbrace{\hspace{1.5cm}}_{25}$

b) $10 < 17 \boxed{+} 14 \boxed{-} 6 < 36$
 $\underbrace{\hspace{1.5cm}}_{25}$

Bài 3. Một tá bút chì = 12 bút chì.

– Nếu bút chì xanh là 1 cái thì bút chì đỏ là 9 cái ($1 + 8 = 9$).

Cả bút chì đỏ và xanh gộp lại có :

$$1 + 9 = 10 \text{ (cái)} ; 10 < 12. \text{ Được.}$$

– Nếu bút chì xanh là 2 cái thì bút chì đỏ là 10 cái ($2 + 8 = 10$). Cả bút chì đỏ và xanh gộp lại có :

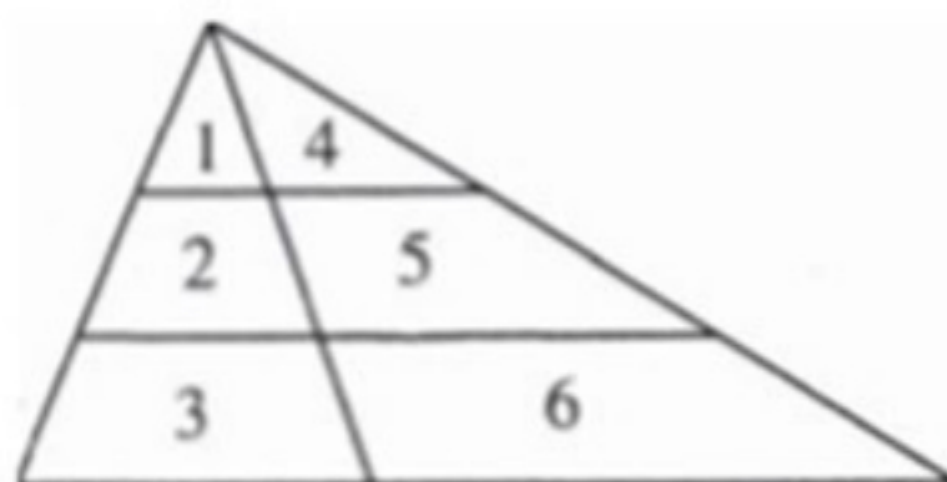
$$2 + 10 = 12 \text{ (cái)} ; 12 = 12. \text{ Không được.}$$

Vậy có : 1 bút chì xanh và 9 bút chì đỏ.

Bài 4. a) Có 9 hình tứ giác là : hình 2, hình 3, hình 5, hình 6, hình (2 + 3), hình (5 + 6), hình (2 + 5), hình (3 + 6), hình (2 + 5 + 3 + 6).

b) Có 9 hình tam giác là hình 1, hình 4, hình (1 + 4), hình (1 + 2), hình (4 + 5), hình

(1 + 2 + 3), hình (4 + 5 + 6), hình (1 + 4 + 2 + 5), hình (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6).



Đề 2

Bài 1. Ta có cách điền số sau :

a)

10	7	10	7	10
----	---	----	---	----

b)

10	13	10	13	10
----	----	----	----	----

c)

10	13	10	7	10
----	----	----	---	----

d)

10	7	10	13	10
----	---	----	----	----

Hai số liền nhau hơn kém nhau 3 đơn vị :

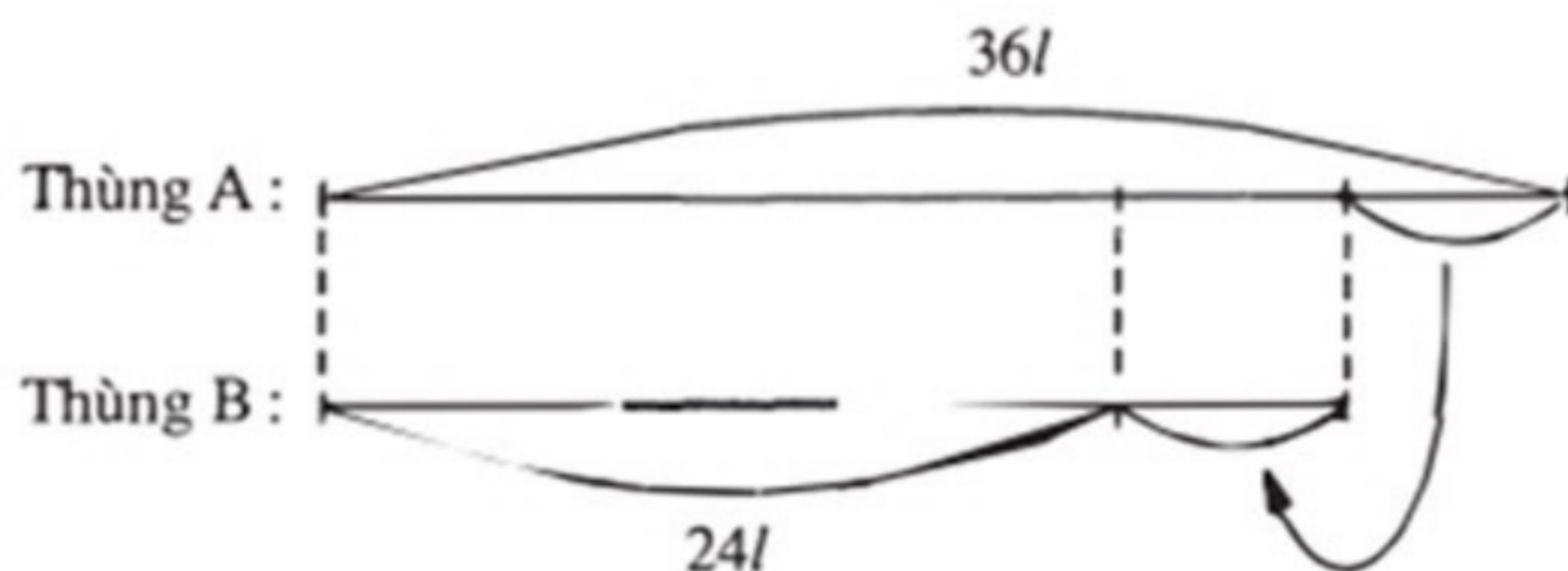
$$13 - 10 = 3 \text{ hoặc } 10 - 7 = 3.$$

Bài 2. a) Tổng số dầu của hai thùng là :

$$36 + 24 = 60 \text{ (l)}$$

Khi bằng nhau mỗi thùng có số dầu là :

$$60 : 2 = 30 (l)$$



Số lít dầu rót từ thùng A sang thùng B là :

$$36 - 30 = 6 (l)$$

Hoặc : Số dầu rót từ thùng A sang thùng B là :

$$(36 - 24) : 2 = 6 (l)$$

b) Sau khi rót dầu từ thùng B sang thùng A sao cho số dầu thùng A gấp 3 lần thùng B, ta có sơ đồ :



Số dầu còn lại ở thùng B là :

$$60 : (1 + 3) = 15 (l)$$

Số dầu rót từ thùng B sang thùng A là.

$$24 - 15 = 9 (l)$$

Đáp số : a) 6l ; b) 9l.

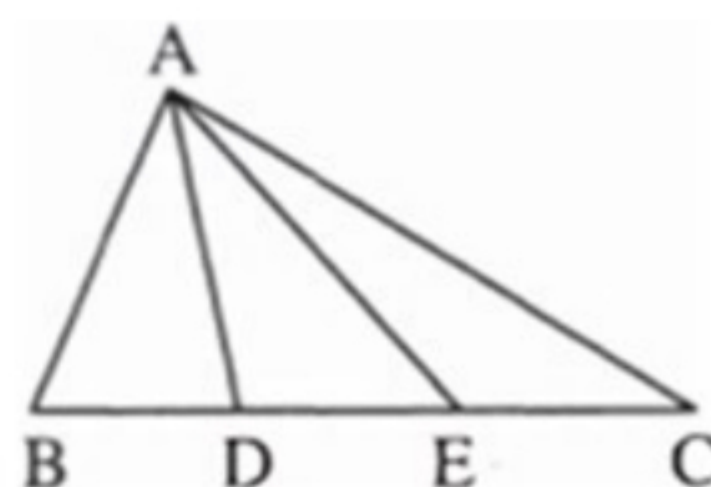
Bài 3. Hai chủ nhật cách nhau 7 ngày. Từ chủ nhật ngày chẵn đến chủ nhật ngày chẵn tiếp theo cách nhau 14 ngày (hai tuần), vì nếu cách nhau 7 ngày thì chủ nhật tiếp theo là ngày lẻ.

Như vậy từ chủ nhật ngày chẵn thứ nhất đến chủ nhật ngày chẵn thứ 3 phải cách nhau 28 ngày (4 tuần). Do đó chủ nhật ngày chẵn thứ nhất phải là ngày 2 để chủ nhật ngày chẵn thứ 3 là ngày 30 (nếu là ngày 4 thì chủ nhật ngày chẵn thứ 3 sẽ sang tháng sau).

Suy ra ngày 3 tháng đó sẽ là ngày thứ hai trong tuần.

Bài 4. Qua đỉnh A vẽ thêm hai đoạn AD và AE, ta có 6 hình tam giác là :

ABD, ADE, AEC, ABE, ADC, ABC.



Đề 3

Bài 1. Các chữ số chẵn là : 0, 2, 4, 6, 8.

Các chữ số lẻ là : 1, 3, 5, 7, 9.

Các số có hai chữ số mà chữ số hàng chục là chữ số chẵn, chữ số hàng đơn vị là chữ số lẻ là :

21, 23, 25, 27, 29, 41, 43, 45, 47, 49, 61, 63, 65, 67, 69, 81, 83, 85, 87, 89.

Đếm được 20 số như vậy (hoặc có thể tính $4 \times 5 = 20$ (số)).

Bài 2. Số bé là : $15 : 3 = 5$

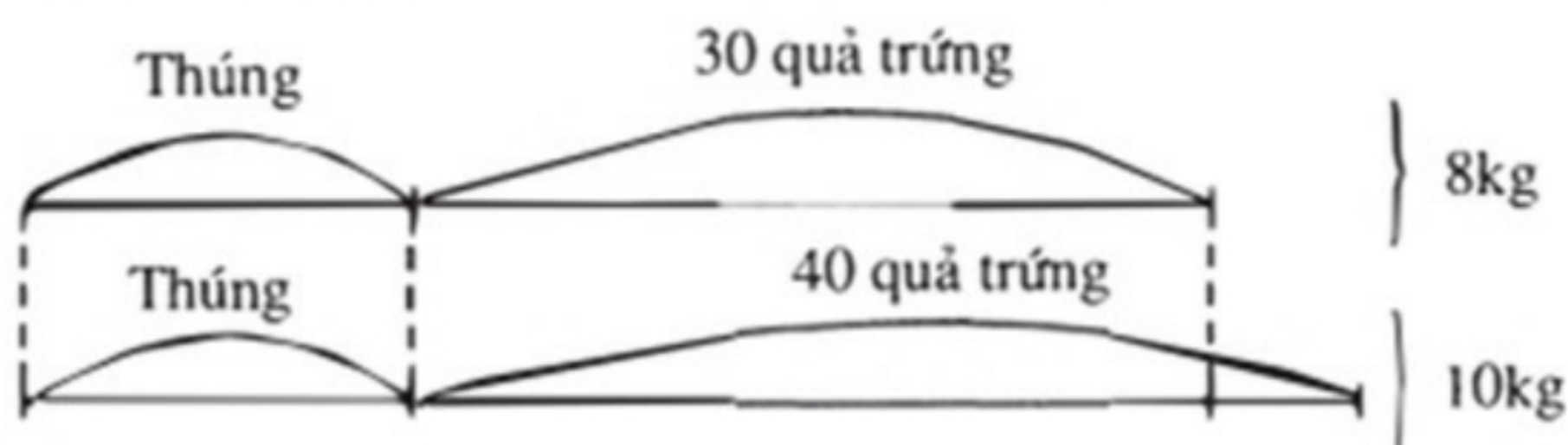
Số lớn là : $15 - 5 = 10$

Hiệu hai số là : $10 - 5 = 5$

Tích hai số là : $5 \times 10 = 50$

Thương hai số là : $10 : 5 = 2$.

Bài 3.



Số trứng lần sau nhiều hơn số trứng lần trước là :

$$40 - 30 = 10 \text{ (quả)}$$

Thúng trứng lần sau nặng hơn thúng trứng lần trước là :

$$10 - 8 = 2 \text{ (kg)}$$

Như vậy 10 quả trứng nặng 2kg. Do đó 30 quả trứng (gấp 3 lần 10) nặng 6kg (gấp 3 lần 2).

Cái thúng không nặng là :

$$8 - 6 = 2 \text{ (kg)}$$

Đáp số : 2kg.

Bài 4. Tính nhanh :

$$\begin{aligned}
 \text{a) } 35 \times 6 - 70 \times 3 + 35 &= 35 \times 2 \times 3 - 70 \times 3 + 35 \\
 &= 70 \times 3 - 70 \times 3 + 35 \\
 &= 0 + 35 = 35
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 \text{b) } 10 + 2 + 6 + 7 + 3 + 1 + 8 + 4 + 9 + 5 \\
 &= 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 \\
 &= (1 + 9) + (2 + 8) + (3 + 7) + (4 + 6) + 10 + 5 \\
 &= 10 + 10 + 10 + 10 + 10 + 5 = 55
 \end{aligned}$$

Hoặc

$$\begin{aligned}
 &= (1 + 10) + (2 + 9) + (3 + 8) + (4 + 7) + (5 + 6) \\
 &= 11 + 11 + 11 + 11 + 11 \\
 &= 11 \times 5 = 55
 \end{aligned}$$

Đề 4

Bài 1. Từ các chữ số : 0, 5, 2, 1, 7 lập được số lớn nhất có ba chữ số là 752 và số bé nhất có ba chữ số là 102.

Tổng hai số đó là : $752 + 102 = 854$

Hiệu hai số đó là : $752 - 102 = 650$

Bài 2.

$$\begin{array}{r}
 861 \\
 - 597 \\
 \hline
 264
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 156 \\
 + 148 \\
 \hline
 304
 \end{array}$$

Bài 3. Cân lệch sang bên trái có nghĩa là :

4 quyển Toán và 6 quyển Tiếng Việt nặng hơn 5 quyển Toán và 5 quyển Tiếng Việt. Ta cùng bớt ở mỗi đĩa cân 4 quyển Toán và 5 quyển Tiếng Việt thì cân vẫn lệch sang bên trái. Đĩa bên trái còn 1 quyển Tiếng Việt, đĩa bên phải còn một quyển Toán. Như vậy quyển Tiếng Việt cân nặng hơn quyển Toán.

Bài 4. Vì đoạn thẳng AB dài gấp 5 lần đoạn thẳng BC nên nếu coi độ dài đoạn thẳng BC là 1 phần thì đoạn thẳng AB gồm 5 phần như thế.

Ta có : $18 : (1 + 5) = 3.$

Như vậy cạnh BC có độ dài bé hơn 3m. Vậy $BC = 1\text{m}$ hoặc $2\text{m}.$

Như vậy 20l gồm 5 phần còn lại ($2 + 3 = 5$), 1 phần có là :

$$20 : 5 = 4 (l)$$

Thùng thứ nhất chứa đầy được :

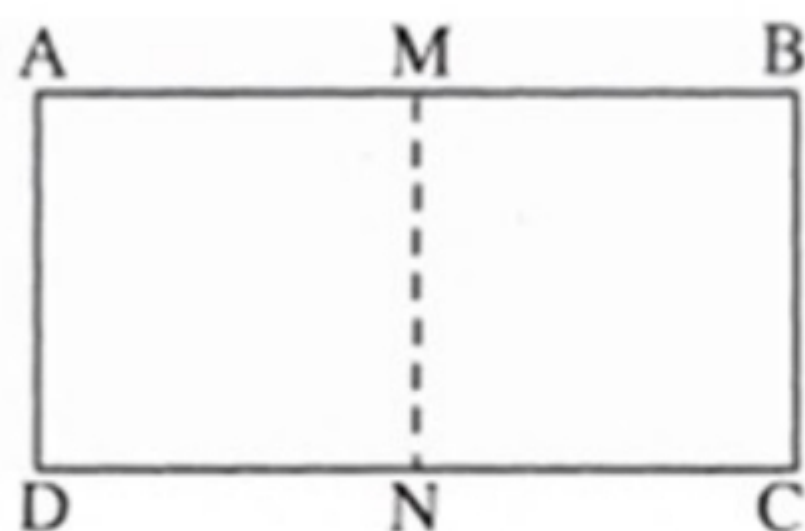
$$4 \times 3 = 12 (l)$$

Thùng thứ hai chứa đầy được

$$4 \times 4 = 16 (l)$$

Đáp số : 12l ; 16l.

Bài 4. Vẽ hình chữ nhật ABCD có chiều dài gấp đôi chiều rộng. Ta thấy diện tích hình chữ nhật bằng 2 lần diện tích hình vuông AMND (với $MA = MB$, $ND = NC$).



Diện tích hình vuông AMND là :

$$32 : 2 = 16 (\text{cm}^2)$$

Vì $4 \times 4 = 16 (\text{cm}^2)$ nên cạnh AD là : 4cm.

Cạnh AB là :

$$4 \times 2 = 8 (\text{cm})$$

Chu vi hình chữ nhật là :

$$(8 + 4) \times 2 = 24 (\text{cm})$$

Hoặc bằng : $4 \times 6 = 24 (\text{cm})$.

Đáp số : 24cm.

Như vậy 20l gồm 5 phần còn lại ($2 + 3 = 5$), 1 phần có là :

$$20 : 5 = 4 (l)$$

Thùng thứ nhất chứa đầy được :

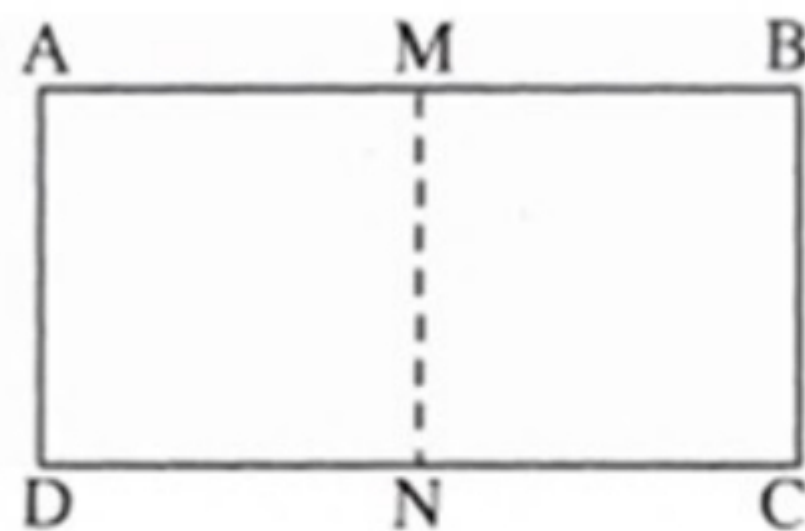
$$4 \times 3 = 12 (l)$$

Thùng thứ hai chứa đầy được

$$4 \times 4 = 16 (l)$$

Đáp số : 12l ; 16l.

Bài 4. Vẽ hình chữ nhật ABCD có chiều dài gấp đôi chiều rộng. Ta thấy diện tích hình chữ nhật bằng 2 lần diện tích hình vuông AMND (với $MA = MB$, $ND = NC$).



Diện tích hình vuông AMND là :

$$32 : 2 = 16 (\text{cm}^2)$$

Vì $4 \times 4 = 16 (\text{cm}^2)$ nên cạnh AD là : 4cm.

Cạnh AB là :

$$4 \times 2 = 8 (\text{cm})$$

Chu vi hình chữ nhật là :

$$(8 + 4) \times 2 = 24 (\text{cm})$$

Hoặc bằng : $4 \times 6 = 24 (\text{cm})$.

Đáp số : 24cm.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nói đầu</i>	3
<i>Phần một :</i> CÁC ĐỀ TOÁN	5
§1. Một số bài toán về số và chữ số	5
§2. Một số bài toán về bốn phép tính	13
§3. Một số bài toán về đại lượng và đo đại lượng	24
§4. Một số bài toán về yếu tố hình học	36
§5. Giải toán có lời văn	42
§6. Một số đề tự kiểm tra	52
<i>Phần hai :</i> HƯỚNG DẪN – ĐÁP SỐ	55

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Tổng biên tập kiêm Phó Tổng Giám đốc NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập PHAN DOãn THOẠI

Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập lần đầu :

VŨ VĂN DƯƠNG

Biên tập tái bản :

NGUYỄN THỊ THANH

Biên tập kĩ thuật :

ĐOÀN VIỆT QUÂN

Trình bày bìa :

BÙI QUANG TUẤN

Sửa bản in :

NGUYỄN THỊ THANH

Chế bản :

ĐOÀN VIỆT QUÂN

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội –

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH LỚP 3

Mã số: T3T19a3-ĐTH

In 10.000 bản (QĐ01TK), khổ 17 x 24cm, tại Công ty TNHH MTV In Quân đội 1.

Số in: 3051. Số đăng kí KHXB: 55-2013/CXB/90-53/GD

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2013.

